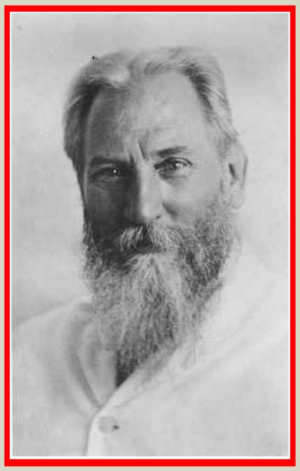
C.W. Leadbeater



CHÂN THẦN

& Các Tiểu Luận
về Tâm thức Cao Siêu

minhtrietmoi.org

The Monad — Chân Thần

And

Other Essays upon the Higher Consciousness

by

C. W. Leadbeater

THEOSOPHICAL PUBLISHING HOUSE

ADYAR, MADRAS, INDIA

LONDON; BENARES; KROTONA, HOLLYWOOD, CAL.

INDIAN BOOK DEPOT, BOMBAY

1929

Và

Các Tiểu Luận Khác về Tâm Thức Cao Siêu

do

C. W. Leadbeater

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG THIÊN HỌC

ADYAR, MADRAS, ẤN ĐỘ

LUÂN ĐÔN; BENARES; KROTONA, HOLLYWOOD, CAL.

KHO SÁCH ẤN ĐỘ, BOMBAY

1929

MỤC LỤC — MỤC LỤC

Chân Thần2

MỤC LỤC3

LỜI MỞ ĐẦU—LỜI MỞ ĐẦU4

CHƯƠNG I5

CHÂN THẦN—CHÂN THẦN5

CHƯƠNG II-CHƯƠNG II27

TÂM THỨC CAO SIÊU—TÂM THỨC CAO SIÊU27

CHƯƠNG III-CHƯƠNG III60

TÂM THỨC BỒ ĐỀ—TÂM THỨC BỒ ĐỀ60

CHƯƠNG IV-CHƯƠNG IV71

MỘT TRƯỜNG HỢP PHÁT TRIỂN THÔNG LINH MỘT TRƯỜNG HỢP PHÁT TRIỂN THÔNG LINH71

CHƯƠNG V-CHƯƠNG V77

THỜI GIAN—THỜI GIAN77

CHƯƠNG VI-CHƯƠNG VI83

CẢM HỨNG—CẢM HỨNG83

CHƯƠNG VII98

ĐẠO VĂN-ĐẠO VĂN98

CHƯƠNG VIII107

PHÓNG ĐẠI-PHÓNG ĐẠI107

CHƯƠNG IX116

THAM THIỀN-THAM THIỀN116

FOREWORD—LỜI MỞ ĐẦU — LỜI MỞ ĐẦU—LỜI MỞ ĐẦU

THE essays included in this book are all upon subjects which it is of the highest importance that our students should try to understand. They have appeared during the last seven years in our various magazines. I have been asked to put them all together in a permanent form convenient for reference. Hence this volume.

Các tiểu luận được đưa vào quyển sách này đều bàn về những đề tài mà các đạo sinh của chúng ta cần cố gắng thấu hiểu, vì chúng có tầm quan trọng cao nhất. Chúng đã xuất hiện trong bảy năm qua trên nhiều tạp chí khác nhau của chúng ta. Tôi được yêu cầu tập hợp tất cả lại trong một hình thức lâu bền, tiện cho việc tham khảo. Vì thế có tập sách này.

C. W. L.

C. W. L.

CHAPTER I — CHƯƠNG I

THE MONAD—CHÂN THẦN

THE information available on the subject of the Monad is necessarily scanty. We are not at present in a position to supplement it to any great extent; but a statement of the case, as far as it is at present comprehended among us, may save students some misapprehensions, such as are often manifested in the questions sent in to us.

Những thông tin hiện có về đề tài Chân thần tất nhiên rất ít ỏi. Hiện nay chúng ta chưa ở vào vị thế có thể bổ sung thêm nhiều cho nó; nhưng một sự trình bày vấn đề, trong phạm vi hiện nay chúng ta thấu hiểu được, có thể giúp các đạo sinh tránh một vài ngộ nhận, như những điều thường biểu lộ trong các câu hỏi gửi đến chúng ta.

That many misconceptions should exist on such a subject is inevitable, because we are trying to understand with the physical brain what can by no possibility be expressed in terms intelligible to that brain. The Monad inhabits the second plane of our set of planes —that which used to be called the paranirvanic or the anupadaka. It is not easy to attach in the mind any definite meaning to the word plane or world at such an altitude as this, because any attempt even to symbolise the relation of planes or worlds to one another

Việc có nhiều quan niệm sai lầm về một đề tài như thế là điều không thể tránh khỏi, vì chúng ta đang cố thấu hiểu bằng bộ não hồng trần điều không thể nào được diễn đạt bằng những thuật ngữ khả tri đối với bộ não ấy. Chân thần cư ngụ trên cõi thứ hai trong bộ các cõi của chúng ta—cõi trước kia từng được gọi là siêu Niết Bàn hay vô phụ mẫu. Không dễ gì gắn trong thể trí một ý nghĩa xác định nào cho từ cõi hay thế giới ở một độ cao như thế, bởi bất cứ nỗ lực nào, dù chỉ nhằm biểu tượng hóa mối quan hệ giữa các cõi hay các thế giới với nhau,

demands a stupendous effort of the imagination in a direction with which we are wholly unfamiliar.

cũng đòi hỏi một cố gắng phi thường của sự tưởng tượng theo một hướng hoàn toàn xa lạ đối với chúng ta.

Let us try to imagine what the consciousness of the Divine must be—the consciousness of the Solar Deity altogether outside any of the worlds or planes or levels which we ever conceived. We can only [1] vaguely think of some sort of transcendent Consciousness for which space no longer exists, to which everything (at least in the Solar System) is simultaneously present, not only in its actual condition, but at every stage of its evolution from beginning to end. We must think of that Divine Consciousness as creating for Its use these worlds of various types of matter, and then voluntarily veiling Itself within that matter, and thereby greatly limiting Itself. By taking upon Itself a garment of the matter of even the highest of these worlds, It has clearly already imposed upon Itself a certain limitation; and, equally clearly, each additional garment assumed, as It involves Itself more and more deeply in matter, must increase the limitation.

Chúng ta hãy thử tưởng tượng tâm thức của Đấng Thiêng Liêng phải là gì—tâm thức của Thượng đế Thái Dương hoàn toàn ở ngoài bất cứ thế giới, cõi hay cấp độ nào mà chúng ta từng quan niệm. Chúng ta chỉ có thể [1] mơ hồ nghĩ đến một loại Tâm thức siêu việt nào đó, đối với nó không gian không còn tồn tại, và trước nó mọi sự—ít nhất trong hệ mặt trời—đều đồng thời hiện diện, không chỉ trong tình trạng hiện hữu của chúng, mà ở mọi giai đoạn tiến hoá của chúng từ khởi đầu đến kết thúc. Chúng ta phải nghĩ về Tâm thức Thiêng liêng ấy như đang tạo ra, để Ngài sử dụng, các thế giới gồm nhiều loại vật chất khác nhau này, rồi tự nguyện che phủ chính Ngài trong vật chất ấy, và do đó tự hạn chế mình rất nhiều. Khi khoác lấy một lớp áo bằng vật chất của ngay cả thế giới cao nhất trong các thế giới này, rõ ràng Ngài đã tự đặt lên mình một giới hạn nào đó; và cũng rõ ràng như vậy, mỗi lớp áo bổ sung được khoác lấy, khi Ngài dấn sâu hơn nữa vào vật chất, tất phải làm tăng thêm sự giới hạn.

One way of attempting to symbolise this is to try to think of it in connection with what we call dimensions of space. If we may suppose an infinite number of these dimensions, it may be suggested that each descent, from a higher level to a lower, removes the consciousness of one of these dimensions until, when we reach the mental plane or world, the power of observing but five of them is all that is left to us. The descent to the astral level takes away one more, and the further descent to the physical leaves us with the three which are familiar to us. In order even to get an idea of what this loss of additional dimensions means, we have to suppose the existence of a creature whose senses are

Một cách để cố gắng biểu tượng hóa điều này là thử nghĩ về nó trong liên hệ với điều chúng ta gọi là các chiều của không gian. Nếu chúng ta có thể giả định một số lượng vô hạn các chiều như thế, thì có thể nêu ra rằng mỗi lần đi xuống, từ một cấp độ cao hơn đến một cấp độ thấp hơn, sẽ lấy đi khỏi tâm thức một trong các chiều ấy, cho đến khi, khi chúng ta đến cõi trí hay thế giới trí tuệ, quyền năng quan sát chỉ năm chiều trong số đó là tất cả những gì còn lại cho chúng ta. Sự đi xuống cấp độ cảm dục lấy đi thêm một chiều nữa, và sự đi xuống xa hơn đến cõi hồng trần để lại cho chúng ta ba chiều quen thuộc. Để có được dù chỉ một ý niệm về sự mất mát những chiều bổ sung này hàm ý gì, chúng ta phải giả định sự tồn tại của

capable of comprehending only two dimensions. Then we must reason in what respect the consciousness of that creature would differ from ours, and thus try to [2] image to ourselves what it would mean to lose a dimension from our consciousness. Such an exercise of the imagination will speedily convince us that the two-dimensional creature could never obtain any adequate conception of our life at all; he could be conscious of it only in sections, and his idea of even those sections must be entirely misleading. This enables us to see how inadequate must be *our* conception even of the plane or world next above us; and we at once perceive the hopelessness of expecting fully to understand the Monad, which is raised by many of these planes or worlds above the point from which we are trying to regard it.

một sinh vật mà các giác quan chỉ có khả năng thấu hiểu hai chiều. Rồi chúng ta phải suy luận xem tâm thức của sinh vật ấy khác với tâm thức của chúng ta ở phương diện nào, và như thế cố [2] hình dung cho chính mình việc mất một chiều khỏi tâm thức của chúng ta sẽ có nghĩa gì. Một bài tập tưởng tượng như thế sẽ nhanh chóng thuyết phục chúng ta rằng sinh vật hai chiều không bao giờ có thể đạt được bất cứ quan niệm đầy đủ nào về đời sống của chúng ta; nó chỉ có thể ý thức về đời sống ấy theo từng mặt cắt, và ngay cả ý niệm của nó về những mặt cắt ấy cũng tất phải hoàn toàn sai lạc. Điều này giúp chúng ta thấy quan niệm của *chúng ta* về ngay cả cõi hay thế giới kế tiếp bên trên chúng ta phải bất toàn đến mức nào; và chúng ta lập tức nhận ra sự vô vọng của việc mong đợi thấu hiểu trọn vẹn Chân thần, vốn được nâng cao hơn nhiều cõi hay thế giới so với điểm mà từ đó chúng ta đang cố nhìn ngắm nó.

It may help us if we recall to our minds the method in which the Deity originally built these planes. We speak with all reverence in regard to His method, realising fully that we can at most comprehend only the minutest fragment of His work, and that even that fragment is seen by us from below, while He looks upon it from above. Yet we are justified in saying that He sends forth from Himself a wave of power, of influence of some sort, which moulds the primeval pre-existent matter into certain forms to which we give the name of atoms.

Sẽ hữu ích cho chúng ta nếu chúng ta nhớ lại trong thể trí phương pháp mà Thượng đế nguyên thuỷ đã dùng để kiến tạo các cõi này. Chúng ta nói về phương pháp của Ngài với tất cả lòng tôn kính, nhận thức đầy đủ rằng nhiều nhất chúng ta chỉ có thể thấu hiểu mảnh nhỏ bé nhất trong công trình của Ngài, và ngay cả mảnh ấy cũng được chúng ta nhìn từ bên dưới, trong khi Ngài nhìn nó từ bên trên. Tuy vậy, chúng ta có lý khi nói rằng Ngài phát ra từ chính Ngài một làn sóng quyền năng, một loại ảnh hưởng nào đó, uốn nắn vật chất nguyên sơ đã hiện hữu từ trước thành những hình tướng nhất định mà chúng ta gọi là các nguyên tử.

Into that world or plane or level, so made, comes a second life-wave of divine energy; to it those atoms already existing are objective, outside of itself, and it builds them into forms which it inhabits. Meantime the first down-flowing wave comes yet again, sweeping through that newly-formed [3] plane or level,

Vào thế giới, cõi hay cấp độ được tạo nên như thế, một làn sóng sinh mệnh thứ hai của năng lượng thiêng liêng đi vào; đối với làn sóng ấy, những nguyên tử đã hiện hữu kia là khách quan, ở bên ngoài chính nó, và nó xây dựng chúng thành những hình tướng mà nó cư ngụ. Trong lúc ấy, làn sóng tuôn xuống thứ nhất lại

and makes yet another, a lower plane, with atoms a little larger and matter therefore a little denser—even though its density may as yet be far rarer than our finest conception of matter. Then into that second world comes the second outflowing, and again in that finds matter which to it is objective, and builds of that its forms. And so this process is repeated and the matter grows denser and denser with each world, until at last we reach this physical level; but it will help us if we bear in mind that at each of these levels the ensouling life of the second outpouring finds matter already vivified by the first outpouring, which it regards as objective, of which it builds the forms which it inhabits.

đến, quét qua cõi hay cấp độ mới được hình thành[3] ấy, và tạo nên thêm một cõi nữa, một cõi thấp hơn, với các nguyên tử lớn hơn đôi chút và do đó vật chất đậm đặc hơn đôi chút—dù mật độ của nó khi ấy có thể vẫn còn hiếm loãng hơn rất nhiều so với quan niệm tinh tế nhất của chúng ta về vật chất. Rồi vào thế giới thứ hai ấy, lần tuôn đổ thứ hai đi vào, và một lần nữa trong đó nó tìm thấy vật chất vốn khách quan đối với nó, và từ vật chất ấy xây dựng nên các hình tướng của nó. Và cứ thế tiến trình này được lặp lại, vật chất trở nên ngày càng đậm đặc hơn với mỗi thế giới, cho đến cuối cùng chúng ta đến cấp độ hồng trần này; nhưng sẽ hữu ích cho chúng ta nếu ghi nhớ rằng ở mỗi cấp độ này, sự sống phú linh của lần tuôn đổ thứ hai tìm thấy vật chất đã được lần tuôn đổ thứ nhất tiếp sinh lực, mà nó xem là khách quan, và từ đó nó xây dựng nên những hình tướng mà nó cư ngụ.

This process of ensouling forms built out of already vivified matter is continued all through the mineral, vegetable and animal kingdoms, but when we come to the moment of individualisation which divides the highest animal manifestation from the lowest human, a curious change takes place; that which has hitherto been the ensouling life becomes itself in turn the ensouled, for it builds itself into a form (symbolised as the cup, the Holy Grail) into which the ego enters, of which he takes possession. He absorbs into himself all the experiences which the matter of his causal body has had, so that nothing whatever is lost, and he carries these on with him through the ages of his existence. He continues the process of forming bodies on lower planes out of material ensouled by the first outpouring from the Third Aspect of the Deity; but he finally [4] reaches a level in evolution in which the causal body is the lowest that he needs, and when this is

Tiến trình phú linh các hình tướng được xây dựng từ vật chất đã được tiếp sinh lực ấy tiếp tục xuyên suốt các giới kim thạch, thực vật và động vật; nhưng khi chúng ta đến khoảnh khắc biệt ngã hóa, vốn phân chia biểu hiện động vật cao nhất với biểu hiện nhân loại thấp nhất, một sự thay đổi kỳ lạ diễn ra; điều cho đến lúc ấy vẫn là sự sống phú linh, đến lượt chính nó trở thành cái được phú linh, vì nó tự xây dựng mình thành một hình tướng—được biểu tượng hóa như chiếc chén, Chén Thánh—mà chân ngã đi vào và chiếm hữu. Y hấp thu vào chính mình mọi kinh nghiệm mà vật chất của thể nguyên nhân của y đã có, đến nỗi không một điều gì bị mất, và y mang những kinh nghiệm này theo mình qua các thời đại của sự tồn tại của y. Y tiếp tục tiến trình tạo lập các thể trên những cõi thấp hơn từ chất liệu đã được lần tuôn đổ thứ nhất từ Phương diện Thứ Ba của Thượng đế phú linh; nhưng cuối cùng y [4] đạt tới một cấp độ trong tiến hoá, nơi thể nguyên nhân là thể thấp nhất mà y cần, và khi

attained we have the spectacle of the ego, which represents the third outpouring from the First Aspect of the Deity, inhabiting a body composed of matter ensouled by the second outpouring.

đạt đến điều này, chúng ta chứng kiến cảnh tượng chân ngã, đại diện cho lần tuôn đổ thứ ba từ Phương diện Thứ Nhất của Thượng đế, cư ngụ trong một thể gồm vật chất được lần tuôn đổ thứ hai phú linh.

At a far later stage the earlier happening repeats itself once more, and the ego, who has ensouled so many forms during the whole of a chain-period, becomes himself the vehicle, and is ensouled in his turn by the now fully active and awakened Monad. Yet here, as before, nothing whatever is lost from the economy of nature. All the manifold experiences of the ego, all the splendid qualities developed in him, all these pass into the Monad himself and find there a vastly fuller realisation than even the ego could have given them.

Ở một giai đoạn muộn hơn rất nhiều, sự kiện trước kia lặp lại một lần nữa, và chân ngã, vốn đã phú linh biết bao hình tướng trong suốt toàn bộ một chu kỳ Dãy, chính y trở thành vận cụ, và đến lượt y được Chân thần nay đã hoàn toàn linh hoạt và thức tỉnh phú linh. Tuy nhiên ở đây, cũng như trước kia, trong cơ chế tiết kiệm của thiên nhiên không có điều gì mất đi. Tất cả những kinh nghiệm đa dạng của chân ngã, tất cả những phẩm tính huy hoàng được phát triển trong y, tất cả những điều này đều đi vào chính Chân thần và tìm thấy nơi đó một sự chứng nghiệm rộng lớn hơn vô cùng so với điều ngay cả chân ngã có thể đem lại cho chúng.

Of the condition of consciousness of the Solar Deity outside the planes of His system, we can, form no true conception. He has been spoken of as the Divine Fire; and if for a moment we adopt that time-honoured symbolism, we may imagine that Sparks from that Fire fall into the matter of our planes—Sparks which are of the essence of that Fire, but are yet in appearance temporarily separated from it. The analogy cannot be pushed too far, because all sparks of which we know anything are thrown out from their parent fire and gradually fade and die; whereas these Sparks develop by slow evolution into Flames, and return to the Parent Fire. This development and this return are apparently the objects for which the Sparks come forth; [5] and the process of the development is that which we are at the present moment concerned to try to understand.

Về trạng thái tâm thức của Thượng đế Thái Dương ở ngoài các cõi thuộc hệ thống của Ngài, chúng ta không thể hình thành quan niệm chân thật nào. Ngài đã được nói đến như Lửa Thiêng; và nếu trong chốc lát chúng ta chấp nhận biểu tượng lâu đời ấy, chúng ta có thể tưởng tượng rằng các Tia Lửa từ Lửa ấy rơi vào vật chất của các cõi chúng ta—những Tia Lửa vốn thuộc tinh tuý của Lửa ấy, nhưng về mặt sắc tướng lại tạm thời bị tách rời khỏi nó. Không thể đẩy phép tương đồng này đi quá xa, bởi mọi tia lửa mà chúng ta biết đều bị bắn ra khỏi ngọn lửa mẹ của chúng rồi dần dần tàn lụi và chết; trong khi những Tia Lửa này phát triển bằng sự tiến hoá chậm rãi thành các Ngọn Lửa, và trở về với Lửa Mẹ. Sự phát triển này và sự trở về này dường như là các mục tiêu vì đó các Tia Lửa xuất lộ; [5] và tiến trình phát triển chính là điều mà hiện giờ chúng ta đang quan tâm cố gắng thấu hiểu.

It seems that the Spark, as such, cannot in its entirety veil itself beyond a certain extent; it cannot descend beyond what we call the second plane, and yet retain its unity. One difficulty with which we are confronted in trying to form any ideas upon this matter is that, as yet, none of us who investigate are able to raise our consciousness to this second plane; in the nomenclature recently adopted we give to it the name of monadic because it is the home of the Monad; but none of us have yet been able to realise that Monad in his own habitation, but only to see him when he has descended one stage to the plane or level or world below his own, in which he shows himself as the triple Spirit, which in our earlier books we call the Atma in man. Even already he is incomprehensible, for he has three aspects which are quite distinct and apparently separate, and yet they are all fundamentally one and the same.

Dường như Tia Lửa, với tư cách là chính nó, không thể trong toàn thể của nó tự che phủ quá một mức độ nhất định; nó không thể đi xuống thấp hơn điều chúng ta gọi là cõi thứ hai mà vẫn giữ được sự hợp nhất của mình. Một khó khăn mà chúng ta gặp phải khi cố hình thành bất cứ ý tưởng nào về vấn đề này là cho đến nay, không ai trong chúng ta, những người khảo sát, có thể nâng tâm thức của mình lên đến cõi thứ hai này; trong thuật ngữ được chấp nhận gần đây, chúng ta gọi nó là cõi chân thần vì đó là nhà của Chân thần; nhưng chưa ai trong chúng ta có thể chứng nghiệm Chân thần ấy trong chính nơi cư ngụ của y, mà chỉ thấy y khi y đã đi xuống một giai đoạn đến cõi, cấp độ hay thế giới bên dưới cõi riêng của y, nơi y tự biểu lộ như Tinh thần tam phân, mà trong các sách trước kia của chúng ta gọi là Atma trong con người. Ngay cả ở đó y đã là điều không thể thấu hiểu, vì y có ba phương diện hoàn toàn phân biệt và dường như tách rời, thế nhưng tất cả về căn bản vẫn là một và cùng một thực tại.

The Monad in his first aspect cannot (or at least does not) descend below that spiritual level; but in his second aspect he does descend into the matter of the next lower world (the intuitional), and when that aspect has drawn round itself the matter of that level we call it divine wisdom in man, or the intuition. Meanwhile, the Monad in his third aspect descends also to that intuitional plane and clothes itself in its matter, and adopts a form to which as yet no name has been attached in our literature. [6] It then moves forward or downward one more stage, and clothes itself in the matter of the higher mental world, and then we call it the intellect in man. When that threefold manifestation on the three levels has thus developed itself, and shows itself as Spirit, intuition and intellect, we give to it the name of the ego, and that ego takes upon

Chân thần trong phương diện thứ nhất của y không thể—hay ít nhất không—đi xuống thấp hơn cấp độ tinh thần ấy; nhưng trong phương diện thứ hai, y đi xuống vào vật chất của thế giới kế tiếp thấp hơn, tức thế giới trực giác, và khi phương diện ấy đã thu hút quanh mình vật chất của cấp độ đó, chúng ta gọi nó là minh triết thiêng liêng trong con người, hay trực giác. Trong khi đó, Chân thần trong phương diện thứ ba của y cũng đi xuống cõi trực giác ấy, khoác lấy vật chất của nó, và nhận một hình tướng mà cho đến nay chưa có tên nào được gắn cho trong văn học của chúng ta. [6] Rồi nó tiến tới hay đi xuống thêm một giai đoạn nữa, khoác lấy vật chất của thế giới thượng trí, và khi ấy chúng ta gọi nó là trí năng trong con người. Khi biểu hiện tam phân ấy trên ba cấp độ đã tự phát triển như vậy, và tự biểu lộ như Tinh thần, trực giác và trí năng,

himself a vehicle built of the matter of the higher mental plane, to which we give the name of the causal body. This ego, so functioning in his causal body, has often been called the higher self, and sometimes also the soul.

chúng ta gọi nó là chân ngã, và chân ngã ấy khoác lấy cho chính mình một vận cụ được xây dựng bằng vật chất của Cõi thượng trí, mà chúng ta gọi là thể nguyên nhân. Chân ngã này, hoạt động như thế trong thể nguyên nhân của y, thường được gọi là chân ngã cao siêu, và đôi khi cũng là linh hồn.

We see the ego then to be a manifestation of the Monad on the higher mental plane; but we must understand that he is infinitely far from being a perfect manifestation. Each descent from plane to plane means much more than a mere veiling of the Spirit; it means also an actual diminution in the amount of Spirit expressed. To use terms denoting quantity in speaking of such matters is entirely incorrect and misleading; yet if an attempt is to be made to express these higher matters in human words at all, these incongruities cannot be wholly avoided; and the nearest that we can come, in the physical brain, to a conception of what happens when the Monad involves himself in matter of the spiritual plane, is to say that only part of him can possibly be shown there, and that even that part must be shown in three separate aspects, instead of in the glorious totality which he really is in his own world. So when the second aspect of the triple Spirit comes down a stage and manifests as [7] intuition, it is not the whole of that aspect which so manifests, but only a fraction of it. So again when the third aspect descends two planes and manifests itself as intellect, it is only a fraction of a fraction of what the intellect-aspect of the Monad really is. Therefore the ego is not a veiled manifestation of the Monad, but a veiled representation of a minute portion of the Monad.

Vậy chúng ta thấy chân ngã là một biểu hiện của Chân thần trên Cõi thượng trí; nhưng chúng ta phải thấu hiểu rằng y còn cách vô hạn với một biểu hiện hoàn hảo. Mỗi lần đi xuống từ cõi này sang cõi khác hàm ý nhiều hơn hẳn một sự che phủ đơn thuần của Tinh thần; nó cũng hàm ý một sự giảm bớt thực sự trong lượng Tinh thần được biểu lộ. Dùng những thuật ngữ chỉ số lượng khi nói về các vấn đề như thế là hoàn toàn không đúng và dễ gây lầm lạc; tuy nhiên, nếu có bất cứ nỗ lực nào nhằm diễn đạt những vấn đề cao siêu này bằng ngôn từ nhân loại, thì không thể hoàn toàn tránh được những điều không tương hợp ấy; và điều gần nhất mà chúng ta, trong bộ não hồng trần, có thể đạt tới đối với một quan niệm về điều xảy ra khi Chân thần dấn mình vào vật chất của cõi tinh thần, là nói rằng chỉ một phần của y có thể được biểu lộ ở đó, và ngay cả phần ấy cũng phải được biểu lộ trong ba phương diện riêng biệt, thay vì trong toàn thể huy hoàng mà y thật sự là trong thế giới riêng của y. Vì thế, khi phương diện thứ hai của Tinh thần tam phân đi xuống một giai đoạn và biểu hiện như [7] trực giác, thì không phải toàn bộ phương diện ấy biểu hiện như vậy, mà chỉ một phần nhỏ của nó. Cũng thế, khi phương diện thứ ba đi xuống hai cõi và tự biểu hiện như trí năng, thì đó chỉ là một phần nhỏ của một phần nhỏ so với điều mà phương diện trí năng của Chân thần thật sự là. Do đó, chân ngã không phải là một biểu hiện được che phủ của Chân thần, mà là một đại diện được che phủ của một phần cực nhỏ của Chân thần.

As above, so below. As the ego is to the Monad, so is the personality to the ego. So that, by the time we have reached the personality with which we have to deal in the physical world, the fractionisation has been carried so far that the part we are able to see bears no appreciable proportion to the reality of which it is nevertheless the only possible representation for us. Yet it is with and from this ridiculously inadequate fragment that we are endeavouring to comprehend the whole! Our difficulty in trying to understand the Monad is the same in kind, but much greater in degree, as that which we find when we try really to grasp the idea of the ego. In the earlier years of the Theosophical Society there were many discussions about the relations of the lower and the higher self. In those days we did not understand the doctrine even as well as we understand it now; we had not the grasp of it which longer study has given us. I am speaking of a group of students in Europe, who had behind them the Christian traditions, and the vague ideas which Christianity attaches to the word "soul".

Trên sao, dưới vậy. Chân ngã đối với Chân thần thế nào, thì phàm ngã đối với chân ngã cũng như thế. Vì vậy, đến khi chúng ta đạt tới phàm ngã mà chúng ta phải xử lý trong thế giới hồng trần, sự phân mảnh đã được đưa đi xa đến mức phần chúng ta có thể thấy không mang một tỉ lệ đáng kể nào so với thực tại mà tuy vậy nó vẫn là đại diện khả hữu duy nhất cho chúng ta. Thế nhưng chính với và từ mảnh vụn bất toàn đến nực cười này mà chúng ta đang nỗ lực thấu hiểu toàn thể! Khó khăn của chúng ta khi cố thấu hiểu Chân thần cùng loại, nhưng lớn hơn nhiều về mức độ, với khó khăn chúng ta gặp khi cố thật sự nắm bắt ý tưởng về chân ngã. Trong những năm đầu của Hội Thông Thiên Học đã có nhiều cuộc thảo luận về các mối quan hệ giữa phàm ngã và Bản Ngã Cao Siêu. Vào những ngày ấy, chúng ta chưa thấu hiểu giáo lý này ngay cả bằng mức chúng ta thấu hiểu nó hiện nay; chúng ta chưa có được sự nắm bắt mà việc học hỏi lâu dài hơn đã đem lại cho chúng ta. Tôi đang nói về một nhóm đạo sinh ở châu Âu, những người có phía sau mình các truyền thống Kitô giáo, và những ý tưởng mơ hồ mà Kitô giáo gắn với từ "linh hồn".

The ordinary Christian by no means identifies himself with his "soul", but regards it as something [8] attached to himself in some indefinite way—something for the saving of which he is responsible. Perhaps no ordinary man among the devotees of that religion attaches any very clear idea to the word, but he would probably describe it as the immortal part of him, though in ordinary language he talks of it as a possession, as something separate from him. In the *Magnificat*, the Blessed Virgin is made to say: "My soul doth magnify the Lord, and my spirit hath rejoiced in God my Saviour". She may here be drawing a distinction between the soul and the spirit, as St. Paul does; but she speaks of them both as

Người Kitô hữu thông thường tuyệt nhiên không đồng hoá mình với "linh hồn" của mình, mà xem nó như một điều gì đó [8] gắn với mình theo một cách không xác định nào đó —một điều mà y có trách nhiệm cứu rỗi. Có lẽ không một người bình thường nào trong số các tín đồ của tôn giáo ấy gắn một ý tưởng thật rõ ràng với từ này, nhưng y có lẽ sẽ mô tả nó là phần bất tử của mình, dù trong ngôn ngữ thông thường y nói về nó như một sở hữu, như điều gì đó tách biệt với y. Trong *Bài Ca Tán Tụng*, Đức Trinh Nữ Diễm Phúc được cho là đã nói: "Linh hồn tôi tán dương Chúa, và tinh thần tôi đã hoan hỉ trong Thượng đế, Đấng Cứu Rỗi của tôi". Ở đây bà có thể đang phân biệt giữa linh hồn và tinh thần, như Thánh

possessions, not as the I. She does not say: "I as a soul magnify; I as a spirit rejoice". This may be merely a question of language; yet surely this loose language expresses an inaccurate and ill-defined idea. That theory was in the air all about us in Europe, and no doubt we were influenced by it, and at first to some extent we substituted the term "higher self" for "soul".

Phao-lô đã làm; nhưng bà nói về cả hai như những sở hữu, chứ không như cái Tôi. Bà không nói: "Tôi, với tư cách một linh hồn, tán dương; tôi, với tư cách một tinh thần, hoan hỉ". Điều này có thể chỉ là vấn đề ngôn ngữ; tuy nhiên chắc chắn ngôn ngữ lỏng lẻo ấy diễn đạt một ý tưởng không chính xác và không được xác định rõ. Lý thuyết ấy lan khắp bầu không khí quanh chúng ta ở châu Âu, và không nghi ngờ gì chúng ta đã chịu ảnh hưởng của nó, và lúc đầu ở một mức độ nào đó chúng ta đã thay thuật ngữ "linh hồn" bằng "Bản Ngã Cao Siêu".

So we used such expressions as "looking up to the higher self", "listening to the promptings of the higher self", and so on. I remember that Mr. Sinnett used sometimes to speak a little disparagingly of the higher self, remarking that it ought to take more interest than it seemed to do in the unfortunate personality struggling on its behalf down here; and he used jokingly to suggest the formation of a society for the education of our higher selves. It was only gradually that we grew into the feeling that the higher self was *the man,* and that what we see down here is only a very small part of him. Only [9] little by little did we learn that there is only one consciousness, and that the lower, though an imperfect representation of the higher, is in no way separate from it. We used to think of raising "ourselves" till we could unite "ourselves " with that glorified higher being, not realising that it was the higher that was the true self, and that to unite the higher to the lower really meant opening out the lower so that the higher might work in it and through it.

Vì thế chúng ta đã dùng những lối diễn đạt như "ngước nhìn lên Bản Ngã Cao Siêu", "lắng nghe những thôi thúc của Bản Ngã Cao Siêu", và vân vân. Tôi nhớ rằng ông Sinnett đôi khi nói hơi chê bai về Bản Ngã Cao Siêu, nhận xét rằng nó đáng lẽ phải quan tâm nhiều hơn mức dường như nó đã làm đối với phàm ngã bất hạnh đang tranh đấu dưới này nhân danh nó; và ông thường đùa cợt đề nghị thành lập một hội để giáo dục các Bản Ngã Cao Siêu của chúng ta. Chỉ dần dần chúng ta mới đi vào cảm nhận rằng Bản Ngã Cao Siêu chính là *con người,* và rằng điều chúng ta thấy dưới này chỉ là một phần rất nhỏ của y. Chỉ [9] từng chút một chúng ta mới học được rằng chỉ có một tâm thức duy nhất, và rằng phàm ngã, dù là một đại diện bất toàn của phần cao siêu, không hề tách biệt khỏi nó. Chúng ta từng nghĩ đến việc nâng "chính mình" lên cho đến khi chúng ta có thể hợp nhất "chính mình" với hữu thể cao siêu được tôn vinh ấy, mà không nhận ra rằng chính phần cao siêu mới là bản ngã thật, và rằng việc hợp nhất phần cao siêu với phần thấp thật ra hàm ý mở rộng phần thấp để phần cao siêu có thể hoạt động trong nó và xuyên qua nó.

It takes time to become thoroughly permeated by Theosophical ideas. It is not merely reading the books, it is not merely hard study even,

Cần có thời gian để được thấm nhuần trọn vẹn các ý tưởng Thông Thiên Học. Không phải chỉ đọc sách, cũng không phải chỉ học hỏi chăm

that makes us real Theosophists; we must allow time for the teaching to become part of ourselves. We may notice this constantly in the case of new members. People join us, people of keen intelligence, people of the deepest devotion, truly anxious to do the best they can for Theosophy, and to assimilate it as rapidly and perfectly as possible; and yet with all that, and with all their eager study of our books, they cannot at once put themselves into the position of the older members; and they will sometimes show that, by making some crude remark which is not at all in harmony with Theosophical teaching. I do not mean to suggest that the *mere* efflux of time will produce these effects, for obviously a man who does not study may remain a member for twenty years and be but little forwarder at the end of that time than he was at the beginning; but one who patiently studies, one who lives much with those who know, enters presently into the spirit of [10] Theosophy—or perhaps it might be better said that the spirit of Theosophy enters into *him.*

chỉ, là điều làm chúng ta thành những nhà Thông Thiên Học thật sự; chúng ta phải dành thời gian để giáo huấn trở thành một phần của chính mình. Chúng ta có thể thường xuyên nhận thấy điều này nơi các hội viên mới. Người ta gia nhập với chúng ta—những người có trí tuệ sắc bén, những người có lòng sùng tín sâu xa nhất, thật sự nóng lòng làm điều tốt nhất họ có thể cho Thông Thiên Học, và đồng hoá nó nhanh chóng cũng như hoàn hảo nhất có thể; tuy nhiên, với tất cả những điều đó, và với toàn bộ sự học hỏi hăng hái của họ đối với sách vở của chúng ta, họ không thể lập tức đặt mình vào vị trí của các hội viên lâu năm hơn; và đôi khi họ sẽ cho thấy điều ấy bằng cách đưa ra một nhận xét còn thô sơ, hoàn toàn không hài hòa với giáo huấn Thông Thiên Học. Tôi không có ý gợi rằng *chỉ* sự trôi qua của thời gian sẽ tạo ra những kết quả này, vì rõ ràng một người không học hỏi có thể vẫn là hội viên trong hai mươi năm và đến cuối thời gian ấy tiến bộ chẳng hơn lúc ban đầu bao nhiêu; nhưng người kiên nhẫn học hỏi, người sống nhiều với những ai hiểu biết, sẽ hiện thời đi vào tinh thần của [10] Thông Thiên Học—hoặc có lẽ nên nói đúng hơn rằng tinh thần của Thông Thiên Học đi vào *y.*

Evidently, therefore, new members should never intermit their studies, but try to understand the doctrines from every point of view. Year by year we are all growing into the attitude of those who are older than ourselves, and it comes chiefly by association and conversation with those older students. The Masters know almost infinitely more than the highest of Their pupils, and so those highest pupils continue to learn from association with Them; we who are lower pupils know much less than those who stand above, and so we in turn learn by association with them; and in the same way those who are not yet even at our level may learn something from similar

Do đó, hiển nhiên các hội viên mới không bao giờ nên gián đoạn việc học hỏi của mình, mà hãy cố thấu hiểu các giáo lý từ mọi quan điểm. Năm này qua năm khác, tất cả chúng ta đang lớn lên vào thái độ của những người lâu năm hơn mình, và điều ấy chủ yếu đến nhờ sự kết giao và trò chuyện với những đạo sinh lâu năm hơn. Các Chân sư biết nhiều hơn gần như vô hạn so với các đệ tử cao nhất của Các Ngài, và vì thế những đệ tử cao nhất ấy tiếp tục học hỏi nhờ sự kết giao với Các Ngài; chúng ta, những đệ tử thấp hơn, biết ít hơn nhiều so với những người đứng trên, và vì thế đến lượt mình chúng ta học hỏi nhờ sự kết giao với họ; và theo cùng cách ấy, những người chưa đạt tới

association with us. So always the older members can help the younger, and the younger have much to learn from those who have trodden the road before them. It was in this gradual way that we came to understand about the higher and the lower self.

cấp độ của chúng ta cũng có thể học được điều gì đó từ sự kết giao tương tự với chúng ta. Như vậy, các hội viên lâu năm luôn có thể giúp những người trẻ hơn, và những người trẻ hơn có nhiều điều để học từ những người đã bước trên đường trước họ. Chính theo cách dần dần ấy mà chúng ta đã đi đến thấu hiểu về Bản Ngã Cao Siêu và phàm ngã.

It is a matter of exceeding difficulty to express the relation of the personality to the ego; as I have said above, I think that on the whole, the best way to put it is to say that the former is a fragment of the latter, a tiny part of him expressing itself under serious difficulties. We meet a person on the physical plane; we speak to him; and we think and say that we know him. It would be a little nearer the truth to say that we know a thousandth part of him. Even when clairvoyance is developed—even when a man opens the sight of his causal [11] body, and looks at the causal body of another man—even then, though he sees a manifestation of the ego on his own plane, he is still far from seeing the real man. I have tried, by means of the illustrations in *Mar, Visible and Invisible*, to give some indication of one side of the aspect of these higher vehicles; but the illustrations are in reality absolutely inadequate; they can give only faint adumbrations of the real thing. When anyone of our readers develops the astral sight, he may reasonably say to us, as the Queen of Sheba said to King Solomon: "The half was not told me". He may say: "Here is all this glory and this beauty, which surrounds me in every direction and seems so entirely natural; it should be easy to give a better description of this". But when, having seen and experienced all this, he returns to his physical body and tries to describe it in physical words, I think he will find much the same difficulties as we have done.

Việc diễn đạt mối quan hệ của phàm ngã với chân ngã là một vấn đề cực kỳ khó khăn; như tôi đã nói ở trên, xét toàn bộ, tôi nghĩ cách tốt nhất để trình bày là nói rằng cái trước là một mảnh của cái sau, một phần rất nhỏ của y đang tự biểu lộ dưới những khó khăn nghiêm trọng. Chúng ta gặp một người trên cõi hồng trần; chúng ta nói chuyện với y; và chúng ta nghĩ cũng như nói rằng chúng ta biết y. Sẽ gần với sự thật hơn một chút nếu nói rằng chúng ta biết một phần nghìn của y. Ngay cả khi thông nhãn đã được phát triển—ngay cả khi một người mở được thị giác của thể nguyên nhân [11] của mình và nhìn vào thể nguyên nhân của một người khác—ngay cả khi ấy, dù y thấy một biểu hiện của chân ngã trên cõi riêng của y, y vẫn còn xa mới thấy được con người thật. Tôi đã cố gắng, bằng các hình minh họa trong *Con Người, Hữu Hình và Vô Hình*, đưa ra một vài chỉ dẫn về một mặt của phương diện các vận cụ cao siêu này; nhưng trong thực tế, các hình minh họa hoàn toàn bất toàn; chúng chỉ có thể đem lại những nét phác mờ nhạt về thực tại. Khi bất cứ độc giả nào của chúng ta phát triển được thị giác cảm dục, y có thể có lý khi nói với chúng ta, như Nữ hoàng Sheba đã nói với Vua Solomon: "Người ta chưa nói với tôi được một nửa". Y có thể nói: "Đây là tất cả vinh quang và vẻ đẹp này, bao quanh tôi theo mọi hướng và dường như hoàn toàn tự nhiên; đáng lẽ phải dễ dàng đưa ra một mô tả tốt hơn về điều này". Nhưng khi, sau khi đã thấy và trải nghiệm tất cả những điều này, y trở về thể xác của mình và cố mô tả nó bằng lời nói hồng

trần, tôi nghĩ y sẽ thấy có nhiều khó khăn giống như chúng ta đã gặp.

For when, using the higher mental sight, a man looks at the causal body of another, it is not actually the ego that he sees, but only matter of the higher mental plane which expresses the qualities of the ego. Those qualities affect the matter, cause it to undulate at different rates, and so produce colours, by examining which the character of the man can be distinguished. This character, at that level, means the good qualities which the man has developed; for no evil can express itself in matter so refined. In observing such a causal body, we know that it has within it in germ all the characteristics [12] of the Deity—all possible good qualities, therefore; but not all of them are unfolded until the man reaches a very high level. When an evil feature shows itself in the personality, it must be taken to indicate that the opposite good quality is as yet undeveloped in the ego; it exists in him, as in every one, but it has not yet been called into activity. So soon as it is called into activity its intense vibrations act upon the lower vehicles, and it is impossible that the opposite evil can ever again find place in them.

Vì khi, sử dụng thị giác thượng trí, một người nhìn vào thể nguyên nhân của người khác, thì điều y thật sự thấy không phải là chân ngã, mà chỉ là vật chất của Cõi thượng trí biểu lộ các phẩm tính của chân ngã. Những phẩm tính ấy tác động lên vật chất, khiến nó gợn sóng ở những tốc độ khác nhau, và nhờ đó tạo ra các màu sắc; bằng cách khảo sát các màu sắc ấy, tính cách của con người có thể được phân biệt. Tính cách này, ở cấp độ ấy, có nghĩa là các phẩm tính tốt đẹp mà con người đã phát triển; vì không điều ác nào có thể tự biểu lộ trong vật chất tinh luyện đến thế. Khi quan sát một thể nguyên nhân như vậy, chúng ta biết rằng nó có bên trong nó, trong trạng thái mầm mống, tất cả các đặc tính [12] của Thượng đế—do đó là tất cả các phẩm tính tốt đẹp có thể có; nhưng không phải tất cả chúng đều được khai mở cho đến khi con người đạt tới một cấp độ rất cao. Khi một nét xấu biểu lộ trong phàm ngã, điều ấy phải được hiểu là chỉ ra rằng phẩm tính tốt đẹp đối lập vẫn chưa phát triển trong chân ngã; nó tồn tại trong y, cũng như trong mọi người, nhưng nó chưa được gọi vào hoạt động. Ngay khi nó được gọi vào hoạt động, các rung động mãnh liệt của nó tác động lên các vận cụ thấp, và điều ác đối lập không thể nào còn tìm được chỗ trong chúng nữa.

Taking the ego for the moment as the real man, and looking at him on his own plane, we see him to be indeed a glorious being; the only way in which down here we can form a conception of what he really is, is to think of him as some splendid angel. But the expression of this beautiful being on the physical plane may fall far short of all this; indeed, it must do so—first, because it is only a tiny fragment; and secondly, because it is so hopelessly cramped by its conditions. Suppose

Nếu tạm thời xem chân ngã là con người thật, và nhìn y trên cõi riêng của y, chúng ta thấy y quả thật là một hữu thể huy hoàng; cách duy nhất mà dưới này chúng ta có thể hình thành một quan niệm về điều y thật sự là, là nghĩ về y như một thiên thần rực rỡ nào đó. Nhưng sự biểu lộ của hữu thể đẹp đẽ này trên cõi hồng trần có thể kém xa tất cả điều ấy; thật vậy, nó tất phải như thế—thứ nhất, vì nó chỉ là một mảnh rất nhỏ; và thứ hai, vì nó bị bó buộc đến tuyệt vọng bởi các điều kiện của nó. Giả sử một

a man put his finger into a hole in the wall, or into a small iron pipe, so that he could not even bend it; how much of himself as a whole could he express through that finger in that condition? Much like this is the fate of that fragment of the ego which is put down into this dense body. It is so small a fragment that it cannot represent the, whole; it is so cramped and shut in that it cannot even express what it is. The image is clumsy, but it may give some sort of idea of the relation of the personality to the ego.

người đưa ngón tay của mình vào một lỗ trên tường, hay vào một ống sắt nhỏ, đến nỗi y thậm chí không thể uốn cong nó; y có thể biểu lộ được bao nhiêu của toàn bộ chính mình qua ngón tay ấy trong tình trạng như vậy? Số phận của mảnh chân ngã được đưa xuống vào thể đậm đặc này cũng rất giống như thế. Nó là một mảnh quá nhỏ nên không thể đại diện cho toàn thể; nó bị bó buộc và nhốt kín đến mức thậm chí không thể biểu lộ điều nó là. Hình ảnh này vụng về, nhưng nó có thể đem lại một ý niệm nào đó về mối quan hệ của phàm ngã với chân ngã.

Let us suppose that the finger has a considerable amount of consciousness of its own, and that, being [13] shut off from the body, it temporarily forgets that it is part of that body; then it forgets also the freedom of the wider life, and tries to adapt itself to its hole, and to gild its sides and make it an enjoyable hole by acquiring money, property, fame and so on—not realising that it only really begins to live when it withdraws itself from the hole altogether, and recognises itself as a part of the body. When we draw ourselves out of this particular hole at night and live in our astral bodies, we are much less limited and much nearer to our true selves, though we still have two veils—our astral and mental bodies—which prevent us from being fully ourselves, and so fully expressing ourselves. Still, under those conditions we are much freer, and it is much easier to comprehend realities; for the physical body is the most clogging and confining of all, and imposes upon us the greatest limitations.

Chúng ta hãy giả định rằng ngón tay có một mức độ tâm thức đáng kể của riêng nó, và rằng, vì bị [13] tách khỏi thân thể, nó tạm thời quên rằng nó là một phần của thân thể ấy; rồi nó cũng quên sự tự do của đời sống rộng lớn hơn, và cố thích nghi với cái lỗ của nó, tô điểm các vách lỗ ấy, và làm cho nó thành một cái lỗ thú vị bằng cách thu đạt tiền bạc, tài sản, danh vọng, vân vân—mà không nhận ra rằng nó chỉ thật sự bắt đầu sống khi rút mình hoàn toàn ra khỏi cái lỗ, và nhận biết mình là một phần của thân thể. Khi ban đêm chúng ta rút mình ra khỏi cái lỗ đặc thù này và sống trong các thể cảm dục của mình, chúng ta ít bị giới hạn hơn nhiều và gần với bản ngã thật của mình hơn nhiều, dù chúng ta vẫn còn hai bức màn—các thể cảm dục và thể trí của chúng ta—ngăn chúng ta hoàn toàn là chính mình, và do đó hoàn toàn biểu lộ chính mình. Tuy vậy, trong những điều kiện ấy chúng ta tự do hơn nhiều, và việc thấu hiểu các thực tại dễ dàng hơn nhiều; vì thể xác là thứ trì kéo và giam hãm nhất trong tất cả, và áp đặt lên chúng ta những giới hạn lớn nhất.

It would help us much if we could suppose away our limitations one by one; but it is riot easy. Realise how in the astral body we can move quickly through space—not

Sẽ giúp chúng ta rất nhiều nếu chúng ta có thể lần lượt giả định các giới hạn của mình biến mất; nhưng điều ấy không dễ. Hãy nhận biết rằng trong thể cảm dục chúng ta có thể di

instantaneously, but still quickly; for in two or three minutes we might move round the world. But even then we cannot get anywhere without passing through the intervening space. We can come into touch at that level with other men in their astral bodies. All their feelings lie open to us, so that they cannot deceive us about them, although they can do so with regard to their thoughts. We see in that world many more of the earth's inhabitants—those whom we call the dead—-the higher nature-spirits, the angels of desire, and [14] many others. The sight of that plane enables us to see the inside of every object, and to look down into the interior of the earth; so that in many ways our consciousness is greatly widened.

chuyển nhanh chóng qua không gian—không phải tức thời, nhưng vẫn nhanh chóng; vì trong hai hay ba phút chúng ta có thể đi quanh thế giới. Nhưng ngay cả khi ấy, chúng ta cũng không thể đến bất cứ nơi nào mà không đi qua khoảng không gian trung gian. Ở cấp độ ấy, chúng ta có thể tiếp xúc với những người khác trong các thể cảm dục của họ. Mọi cảm xúc của họ đều mở ra trước chúng ta, nên họ không thể lừa dối chúng ta về những điều ấy, dù họ có thể làm như vậy đối với các tư tưởng của họ. Trong thế giới ấy, chúng ta thấy nhiều cư dân của Trái Đất hơn—những người mà chúng ta gọi là người chết—các tinh linh tự nhiên cao hơn, các thiên thần của dục vọng, và [14] nhiều hữu thể khác. Thị giác của cõi ấy giúp chúng ta thấy phần bên trong của mọi vật thể, và nhìn xuống vào nội bộ của Trái Đất; vì thế theo nhiều cách, tâm thức của chúng ta được mở rộng rất nhiều.

Let us go a step further. If we learn to use the powers of the mental body, we do not therefore lose those of the lower, for they are included in the higher. We can then pass from place to place with the rapidity of thought; we can then see the thoughts of our fellow men, so that deception is no longer possible; we can see higher orders of the angels, and the vast host of those who, having finished their astral life, are inhabiting the heaven-world. Rising yet another step, and using the senses of the causal body, we find further glories awaiting our examination. If then we look at a fellow man, the body which we see within his ovoid is no longer a likeness of his present or his last physical body, as it is on the astral and mental planes. What we now see is the Augoeides, the glorified man, which is not an image of any one of his past physical vehicles, but contains within itself the essence of all that was best in each of them—a body which indicates more or less perfectly, as through experience it grows,

Chúng ta hãy đi thêm một bước nữa. Nếu chúng ta học cách sử dụng các quyền năng của thể trí, vì thế chúng ta không mất đi các quyền năng của phần thấp hơn, bởi chúng đã được bao gồm trong phần cao hơn. Khi đó, chúng ta có thể đi từ nơi này sang nơi khác với tốc độ của tư tưởng; khi đó, chúng ta có thể thấy tư tưởng của đồng loại mình, đến nỗi sự lừa dối không còn khả dĩ nữa; chúng ta có thể thấy những phẩm trật cao hơn của các thiên thần, và đoàn thể mênh mông của những người, sau khi hoàn tất đời sống cảm dục, đang cư ngụ trong cõi thượng thiên. Vươn lên thêm một bước nữa, và sử dụng các giác quan của thể nguyên nhân, chúng ta thấy những vinh quang xa hơn đang chờ sự khảo sát của mình. Nếu khi ấy chúng ta nhìn vào một người đồng loại, thể mà chúng ta thấy bên trong noãn thể của y không còn là một hình ảnh giống với thể xác hiện tại hay thể xác cuối cùng của y, như trên các cõi cảm dục và cõi trí. Điều chúng ta thấy lúc này là Con Người Quang Huy, con

what the Deity means that man shall be. By watching that vehicle we may see the stage of evolution which the man has reached; we may see what his past history has been, and to a considerable extent we can also observe the future that lies before him.

người đã được vinh quang hóa, vốn không phải là hình ảnh của bất cứ hiện thể hồng trần nào trong quá khứ của y, mà chứa đựng trong chính nó tinh hoa của tất cả những gì tốt đẹp nhất trong mỗi hiện thể ấy—một thể biểu thị ít nhiều hoàn hảo, tùy theo kinh nghiệm mà nó tăng trưởng, điều Thượng đế muốn con người ấy sẽ trở thành. Khi quan sát hiện thể đó, chúng ta có thể thấy giai đoạn tiến hoá mà con người đã đạt tới; chúng ta có thể thấy lịch sử quá khứ của y ra sao, và ở một mức độ đáng kể, chúng ta cũng có thể quan sát tương lai đang mở ra trước y.

Students sometimes wonder why, if this be so, the evil qualities which a man shows in one life [15] should so often persist in later lives. The reason is not only that because the opposing good quality is undeveloped there is an opportunity for evil influences to act upon the man in that particular direction, but also that the man carries with him from life to life the permanent atoms of his lower vehicles, and these tend to reproduce the qualities shown in his previous incarnations. Then, it may be asked: "Why carry over those permanent atoms?" Because it is necessary for evolution; because the developed man must be master of *all* the planes. If it were conceivable that he could develop without those permanent atoms, he might possibly become a glorious archangel upon higher planes, but he would be absolutely useless in these lower worlds, for he would have cut off from himself the power of feeling and of thinking. So that we must not drop the permanent atoms, but purify them.

Các đạo sinh đôi khi thắc mắc vì sao, nếu sự việc là như thế, những phẩm tính xấu mà một người biểu lộ trong một đời [15] lại thường dai dẳng trong các đời sau. Lý do không chỉ là vì phẩm tính thiện đối lập còn chưa phát triển nên có cơ hội cho các ảnh hưởng xấu tác động lên con người theo hướng đặc thù ấy, mà còn vì con người mang theo từ đời này sang đời khác các nguyên tử trường tồn của những hiện thể thấp của mình, và các nguyên tử này có khuynh hướng tái tạo những phẩm tính đã biểu lộ trong các kiếp trước của y. Khi đó, người ta có thể hỏi: "Tại sao lại mang theo các nguyên tử trường tồn ấy?" Bởi vì điều đó cần thiết cho tiến hoá; bởi vì con người đã phát triển phải làm chủ *mọi* cõi. Nếu có thể quan niệm rằng y có thể phát triển mà không có các nguyên tử trường tồn ấy, có lẽ y có thể trở thành một tổng lãnh thiên thần vinh quang trên các cõi cao hơn, nhưng y sẽ hoàn toàn vô dụng trong những cõi thấp này, vì y đã tự cắt đứt khỏi chính mình quyền năng cảm nhận và suy nghĩ. Vì vậy, chúng ta không được bỏ các nguyên tử trường tồn, mà phải thanh luyện chúng.

The task before most of us at present is that of realising the ego as the true man, so that we may let him work, instead of this false

Nhiệm vụ trước mắt đa số chúng ta hiện nay là nhận ra chân ngã như con người chân thật, để chúng ta có thể để cho nó hoạt động, thay vì

personal self with which we are so ready to identify ourselves. It is so easy for us to feel: "I am angry; I am jealous"; when the truth is that that which is pushing us to anger or to jealousy is merely the desire-elemental, which yearns for strong and coarse undulations, which help him on his downward way into grosser matter. We must realise that the true man can never be so foolish as to wish for such vibrations as these—that he can never desire anything but that which will be good for his own evolution, and helpful for [16] that of others. A man says that he feels impelled by passion. Let him wait and think: "Is it really I?" And he will discover that it is not he at all, but something else that is trying to get hold of him and make him feel thus. He has the right and the duty to assert his independence of that thing, and to proclaim himself as a free man, pursuing the road of evolution which God has marked out for him.

cái phàm ngã giả tạm này mà chúng ta quá sẵn sàng đồng hoá với. Thật dễ cho chúng ta cảm thấy: "Tôi đang giận; tôi đang ghen"; trong khi sự thật là cái thúc đẩy chúng ta đến giận dữ hay ghen tuông chỉ là hành khí dục vọng, vốn khao khát những dao động mạnh và thô, giúp nó đi xuống trên con đường của nó vào vật chất thô trược hơn. Chúng ta phải nhận ra rằng con người chân thật không bao giờ có thể ngu dại đến mức mong muốn những rung động như thế—rằng y không bao giờ có thể ham muốn điều gì ngoài điều sẽ tốt cho tiến hoá của chính y, và hữu ích cho [16] tiến hoá của những người khác. Một người nói rằng y cảm thấy bị đam mê thúc đẩy. Hãy để y chờ lại và suy nghĩ: "Đó thật sự là tôi sao?" Và y sẽ khám phá rằng đó hoàn toàn không phải là y, mà là một cái gì khác đang cố nắm lấy y và làm cho y cảm thấy như vậy. Y có quyền và có bổn phận khẳng định sự độc lập của mình đối với điều ấy, và tuyên bố mình là một con người tự do, theo đuổi con đường tiến hoá mà Thượng đế đã vạch ra cho y.

Thus it is at present our business to realise ourselves as the ego; but when that is fully accomplished, when the lower is nothing but a perfect instrument in the hands of the higher, it will become our duty to realise that even the ego is not the true man. For the ego has had a beginning—it came into existence at the moment of individualisation; and whatever has a beginning must have an end. Therefore even the ego, which has lasted since we left the animal kingdom, is also impermanent. Is there then nothing in us that endures, nothing that will have no end? There is the Monad, the Divine Spark, which is verily a fragment of God, an atom of the Deity. Crude and inaccurate expressions, assuredly; yet I know of no other way in which the idea can be conveyed even as well as in words such as these. For each Monad is literally a part of God,

Vì vậy, hiện nay công việc của chúng ta là nhận ra chính mình như chân ngã; nhưng khi điều ấy đã được hoàn tất trọn vẹn, khi cái thấp không là gì ngoài một khí cụ hoàn hảo trong tay cái cao, thì bổn phận của chúng ta sẽ là nhận ra rằng ngay cả chân ngã cũng không phải là con người chân thật. Bởi chân ngã đã có một khởi đầu—nó đi vào hiện hữu vào khoảnh khắc biệt ngã hóa; và bất cứ điều gì có khởi đầu đều phải có kết thúc. Do đó, ngay cả chân ngã, vốn đã tồn tại từ khi chúng ta rời giới động vật, cũng là vô thường. Vậy thì trong chúng ta không có gì trường tồn, không có gì sẽ không có kết thúc sao? Có chân thần, Tia Lửa Thiêng Liêng, thật sự là một mảnh của Thượng đế, một nguyên tử của Thượng đế. Chắc chắn đó là những lối diễn đạt thô sơ và không chính xác; tuy vậy, tôi không biết cách nào khác để truyền đạt ý tưởng này tốt bằng những lời như

apparently temporarily separated from Him, while he is enclosed in the veils of matter, though in truth never for one moment really separated.

thế. Vì mỗi chân thần đúng nghĩa là một phần của Thượng đế, dường như tạm thời tách khỏi Ngài, trong khi y bị bao bọc trong các bức màn vật chất, dù trong sự thật không một khoảnh khắc nào thật sự bị tách rời.

He can never be apart from God, for the very matter in which he veils himself is also a manifestation of the Divine. To us sometimes matter seems evil, because it weighs us down, it clogs our [17] faculties, it seems to hold us back upon our road; yet remember that this is only because as yet we have not learned to control it, because we have not realised that it also is divine in its essence, because there is nothing but God. A Sufi sage once told me that this was his interpretation of the cry which rings out daily in the call of the muezzin from the minaret all over the Muhammadan world: "There is no God but God, and Muhammad is the Prophet of God". He told me that in his opinion the true mystical meaning of the first part of this cry was: "There is nothing but God". And that is eternally true; we know that all comes from Him, and that to Him all will one day return, but we find it hard to realise that all is in Him even now, and that in Him it eternally abides. All is God—even the desire-elemental, and the things which we think of as evil; for many waves of life come forth from Him, and not all of them are moving in the same direction.

Y không bao giờ có thể lìa xa Thượng đế, vì chính vật chất mà trong đó y che phủ mình cũng là một biểu hiện của Thiêng Liêng. Đôi khi đối với chúng ta, vật chất dường như là xấu, vì nó đè nặng chúng ta, làm tắc nghẽn các [17] năng lực của chúng ta, dường như giữ chúng ta lại trên con đường của mình; tuy vậy, hãy nhớ rằng điều này chỉ là vì chúng ta vẫn chưa học cách kiểm soát nó, vì chúng ta chưa nhận ra rằng trong tinh hoa, nó cũng thiêng liêng, bởi không có gì ngoài Thượng đế. Một hiền triết Sufi từng nói với tôi rằng đây là cách ông hiểu tiếng gọi vang lên hằng ngày từ tháp giáo đường trong khắp thế giới Hồi giáo: "Không có Thượng đế nào ngoài Thượng đế, và Muhammad là Nhà Tiên Tri của Thượng đế". Ông nói với tôi rằng theo ý ông, ý nghĩa thần bí chân thật của phần đầu tiếng gọi ấy là: "Không có gì ngoài Thượng đế". Và điều ấy là chân lý vĩnh cửu; chúng ta biết rằng tất cả đều đến từ Ngài, và một ngày kia tất cả sẽ trở về với Ngài, nhưng chúng ta thấy khó nhận ra rằng tất cả đều ở trong Ngài ngay cả bây giờ, và trong Ngài tất cả an trú vĩnh viễn. Tất cả là Thượng đế—ngay cả hành khí dục vọng, và những điều chúng ta nghĩ là xấu; vì nhiều làn sóng sự sống phát xuất từ Ngài, và không phải tất cả đều đang chuyển động theo cùng một hướng.

We, being Monads, belonging to an earlier wave, are somewhat fuller expressions of Him, somewhat nearer to Him in our consciousness than the essence out of which is made the desire-elemental. In the course of our evolution there is always a danger that a man should identify himself with the point at

Chúng ta, vốn là các chân thần thuộc về một làn sóng sớm hơn, là những biểu hiện phần nào đầy đủ hơn của Ngài, phần nào gần Ngài hơn trong tâm thức của chúng ta so với tinh chất mà từ đó hành khí dục vọng được tạo thành. Trong tiến trình tiến hoá của chúng ta, luôn có nguy cơ con người đồng hoá mình với

which he is most fully conscious. Most men at present are more conscious in their feelings and passions than anywhere else, and of this the desire-elemental craftily takes advantage, and endeavours to induce the man to identify himself with those desires and emotions. [18]

điểm mà tại đó y có ý thức đầy đủ nhất. Hiện nay, hầu hết con người có ý thức trong các cảm giác và đam mê của mình nhiều hơn ở bất cứ nơi nào khác, và hành khí dục vọng khôn khéo lợi dụng điều này, rồi cố gắng khiến con người đồng hoá mình với các dục vọng và cảm xúc ấy. [18]

So when the man rises to a somewhat higher level, and his principal activity becomes mental, there is danger lest he should identify himself with the mind, and it is only by realising himself as the ego, and making *that* the strongest point of his consciousness, that he can fully merge the personality in the individuality. When he has done that, he has achieved the goal of his present efforts; but immediately he must begin his work over again at that higher level, and try gradually to realise the truth of the position we laid down at the beginning, that as the personality is to the ego, so is the ego to the Monad. It is useless at our present stage to endeavour to indicate the steps which he will have to take in order to become a perfect expression of the Monad, or the stages of consciousness through which he will pass. Such conceptions as can be formed of them may be arrived at by applying the ancient rule that what is below is but a reflection of that which exists in higher worlds, so that the steps and the stages must to some extent be a repetition upon a higher level of those which have already been experienced in our lower efforts.

Vì vậy, khi con người vươn lên một cấp độ phần nào cao hơn, và hoạt động chính của y trở thành trí tuệ, có nguy cơ y đồng hoá mình với thể trí; và chỉ bằng cách nhận ra mình là chân ngã, và làm cho *điều ấy* trở thành điểm mạnh nhất của tâm thức mình, y mới có thể hoàn toàn hòa nhập phàm ngã vào biệt ngã. Khi y đã làm được điều đó, y đã đạt mục tiêu của các nỗ lực hiện tại; nhưng ngay lập tức y phải bắt đầu lại công việc của mình ở cấp độ cao hơn ấy, và dần dần cố gắng nhận ra chân lý của lập trường mà chúng ta đã nêu lúc đầu: phàm ngã đối với chân ngã thế nào, thì chân ngã đối với chân thần cũng như thế. Ở giai đoạn hiện tại của chúng ta, việc cố gắng chỉ ra các bước mà y sẽ phải đi để trở thành một biểu hiện hoàn hảo của chân thần, hay các giai đoạn tâm thức mà y sẽ đi qua, là vô ích. Những quan niệm nào có thể hình thành về chúng có thể đạt được bằng cách áp dụng quy luật cổ xưa rằng cái ở dưới chỉ là phản ảnh của cái hiện hữu trong các thế giới cao hơn; vì vậy, các bước và các giai đoạn ấy, ở một mức độ nào đó, phải là sự lặp lại trên một cấp độ cao hơn của những gì đã được kinh nghiệm trong các nỗ lực thấp hơn của chúng ta.

We may reverently presume (though here we are going far beyond actual knowledge) that when we have finally and fully realised that the Monad is the true man, we shall find behind that again a yet further and more glorious extension; we shall find that the Spark has never been separated from the Fire, but that as the ego stands behind the

Chúng ta có thể kính cẩn giả định rằng—dù ở đây chúng ta đang đi rất xa khỏi tri thức thực sự—khi cuối cùng chúng ta đã nhận ra trọn vẹn rằng chân thần là con người chân thật, chúng ta sẽ lại tìm thấy đằng sau đó một sự mở rộng còn xa hơn và vinh quang hơn; chúng ta sẽ thấy rằng Tia Lửa chưa bao giờ tách khỏi Lửa, mà cũng như chân ngã đứng sau phàm

personality, as the Monad stands behind the ego, so a Planetary Angel stands behind the Monad, and the [19] Solar Deity Himself stands behind the Planetary Angel. Perhaps, even further still, it may be that in some way infinitely higher, and so at present utterly incomprehensible, a greater Deity stands behind the Solar Deity, and behind even that, through many stages, there must rest the Supreme over all. But here even thought fails us, and silence is the only true reverence.

ngã, như chân thần đứng sau chân ngã, thì một Thiên Thần Hành Tinh đứng sau chân thần, và chính [19] Thái dương Thượng đế đứng sau Thiên Thần Hành Tinh. Có lẽ, còn xa hơn nữa, theo một cách vô cùng cao hơn và vì thế hiện nay hoàn toàn không thể thấu hiểu, một Thượng đế lớn hơn đứng sau Thái dương Thượng đế, và đằng sau cả điều đó, qua nhiều giai đoạn, hẳn phải an trụ Đấng Tối Cao trên tất cả. Nhưng ở đây ngay cả tư tưởng cũng bất lực, và im lặng là sự tôn kính chân thật duy nhất.

For the time, at least, the Monad is our personal God, the God within us, that which produces us down here as a manifestation of him on these all but infinitely lower levels. What his consciousness is on his own plane we cannot pretend to say, nor can we fully understand it even when he has put upon himself the first veil, and become the triple Spirit. The only way to understand such things is to rise to their level, and to become one with them. When we do that we shall comprehend, but even then we shall be utterly unable to explain to anyone else what we know. It is at that stage, the stage of the triple Spirit, that we who investigate can first see the Monad, and he is then a triple light of blinding glory, yet possessing even at that stage certain qualities by which one Monad is somehow distinct from another.

Ít nhất trong hiện tại, chân thần là Thượng đế cá nhân của chúng ta, Thượng đế bên trong chúng ta, cái tạo ra chúng ta dưới này như một biểu hiện của Ngài trên các cấp độ gần như thấp hơn vô hạn này. Tâm thức của Ngài trên cõi riêng của Ngài là gì, chúng ta không thể giả vờ nói được, cũng không thể thấu hiểu đầy đủ ngay cả khi Ngài đã khoác lên mình bức màn đầu tiên, và trở thành Tinh thần tam phân. Cách duy nhất để thấu hiểu những điều như thế là vươn lên cấp độ của chúng, và trở nên hợp nhất với chúng. Khi làm điều đó, chúng ta sẽ lĩnh hội, nhưng ngay cả khi ấy chúng ta cũng hoàn toàn không thể giải thích cho bất cứ ai khác điều mình biết. Chính ở giai đoạn ấy, giai đoạn của Tinh thần tam phân, mà những người khảo sát như chúng ta lần đầu tiên có thể thấy chân thần; và khi ấy Ngài là một ánh sáng tam phân rực rỡ đến chói lòa, song ngay cả ở giai đoạn đó vẫn sở hữu một vài phẩm tính nhờ đó chân thần này bằng cách nào đó khác với chân thần kia.

Often a student asks: “But what have we to do with it while we are down here—this unknown glory so far above us? “It is a natural question, yet in reality it is the reverse of what should be; for the true man is the Monad, and we should rather say: “What can I, the Monad, do with my ego, and through it with my

Một đạo sinh thường hỏi: “Nhưng khi còn ở dưới này, chúng ta có liên hệ gì với điều ấy—vinh quang chưa biết ấy ở quá xa bên trên chúng ta?” Đó là một câu hỏi tự nhiên, nhưng trong thực tế nó là điều ngược lại với điều nên có; vì con người chân thật là chân thần, và đúng hơn chúng ta nên nói: “Tôi, chân thần, có

personality?" This [20] would be the correct attitude, for this would express the actual facts; but we cannot truthfully take it, because we cannot realise this. Yet we can say to ourselves: "I know that I am that Monad, though as yet I cannot express it; I know that I am the ego, a mere fraction of that Monad, but still out of all proportion greater than what I know of myself in the personality down here. More and more I will try to realise myself as that higher and greater being; more and more I will try to make this lower presentation of myself worthy of its true destiny; more and more will I see to it that this lower self is ever ready to catch the slightest hint or whisper from above—to follow the suggestions from the ego which we call intuitions—to distinguish the Voice of the Silence and to obey it".

thể làm gì với chân ngã của mình, và qua chân ngã ấy với phàm ngã của mình?" Đây [20] mới là thái độ đúng đắn, vì nó diễn tả các sự kiện thực sự; nhưng chúng ta không thể chân thật có thái độ ấy, bởi chúng ta chưa thể nhận ra điều này. Tuy vậy, chúng ta có thể tự nói với mình: "Tôi biết rằng tôi là chân thần ấy, dù hiện nay tôi chưa thể biểu lộ điều đó; tôi biết rằng tôi là chân ngã, chỉ là một phần nhỏ của chân thần ấy, nhưng vẫn lớn hơn vô cùng so với điều tôi biết về chính mình trong phàm ngã dưới này. Ngày càng nhiều hơn, tôi sẽ cố gắng nhận ra mình là hữu thể cao hơn và lớn hơn ấy; ngày càng nhiều hơn, tôi sẽ cố gắng làm cho biểu hiện thấp này của chính mình xứng đáng với định mệnh chân thật của nó; ngày càng nhiều hơn, tôi sẽ lo sao cho phàm ngã này luôn sẵn sàng nắm bắt gợi ý hay tiếng thì thầm nhẹ nhất từ trên cao—để theo những khơi gợi từ chân ngã mà chúng ta gọi là trực giác—để phân biệt Tiếng Nói của Im Lặng và tuân theo nó".

For the Voice of the Silence is not one thing always, but changes as we ourselves evolve; or perhaps it would be better to say that it is in truth one thing always, the voice of God, but it comes to us at different levels as we ourselves rise. To us, now it is the voice of the ego, speaking to the personality; presently it will be the voice of the Monad, speaking to the ego; later still the voice of the Deity, speaking to the Monad. Probably, (as we have already suggested,) between these last two stages there may be an intermediate one, in which the voice of one of the seven great Ministers of the Deity may speak to the Monad, and then in turn the Deity Himself may speak to His Minister; but always the Voice of the Silence is essentially divine. [21]

Vì Tiếng Nói của Im Lặng không phải lúc nào cũng là một điều duy nhất, mà thay đổi khi chính chúng ta tiến hoá; hoặc có lẽ tốt hơn nên nói rằng trong sự thật nó luôn là một điều duy nhất, tiếng nói của Thượng đế, nhưng nó đến với chúng ta ở những cấp độ khác nhau khi chính chúng ta vươn lên. Đối với chúng ta hiện nay, đó là tiếng nói của chân ngã, nói với phàm ngã; chẳng bao lâu nữa, đó sẽ là tiếng nói của chân thần, nói với chân ngã; muộn hơn nữa là tiếng nói của Thượng đế, nói với chân thần. Có lẽ, như chúng ta đã gợi ý, giữa hai giai đoạn sau cùng này có thể có một giai đoạn trung gian, trong đó tiếng nói của một trong bảy Đại Thừa Hành của Thượng đế có thể nói với chân thần, rồi đến lượt chính Thượng đế nói với Thừa Hành của Ngài; nhưng Tiếng Nói của Im Lặng luôn luôn, trong bản chất, là thiêng liêng. [21]

It is well that we should learn to distinguish

Thật tốt nếu chúng ta học phân biệt tiếng nói

this voice—this voice which speaks from above and yet from within; for sometimes other voices speak, and their counsel is not always wise. A medium finds this, for if he has not trained himself to distinguish, he often thinks that every voice coming from the astral plane must necessarily be all but divine, and therefore to be followed unquestioningly. Therefore discrimination is necessary, as well as watchfulness and obedience.

này—tiếng nói phát ra từ bên trên mà cũng từ bên trong; vì đôi khi có những tiếng nói khác vang lên, và lời khuyên của chúng không phải lúc nào cũng minh triết. Một đồng tử nhận ra điều này, vì nếu y chưa tự rèn luyện để phân biệt, y thường nghĩ rằng mọi tiếng nói đến từ cõi cảm dục nhất thiết phải gần như thiêng liêng, và do đó phải được tuân theo không chút thắc mắc. Vì vậy, phân biện là cần thiết, cũng như sự canh chừng và vâng phục.

Does the Monad, in the case of the ordinary man, ever do anything which affects or can affect his personality down here? I think we may say that such interference is most unusual. The ego is trying, on behalf of the Monad, to obtain perfect control of the personality and to use it as an instrument; and because that object is not yet fully achieved, the Monad may well feel that the time has not yet come for him to interfere from his own level, and to bring the whole of his force to bear, when that which is already in action is more than strong enough for the required purpose. But when the ego is already beginning to succeed in his effort to manage his lower vehicles, the real man in the background does sometimes intervene.

Trong trường hợp người bình thường, chân thần có bao giờ làm điều gì ảnh hưởng hoặc có thể ảnh hưởng đến phàm ngã của y dưới này không? Tôi nghĩ chúng ta có thể nói rằng sự can thiệp như thế là rất hiếm. Chân ngã đang cố gắng, thay mặt chân thần, đạt được sự kiểm soát hoàn hảo đối với phàm ngã và sử dụng nó như một khí cụ; và vì mục tiêu ấy chưa được hoàn thành trọn vẹn, chân thần rất có thể cảm thấy rằng thời điểm chưa đến để Ngài can thiệp từ cấp độ riêng của Ngài, và đem toàn bộ mãnh lực của Ngài tác động vào, khi điều vốn đã đang hoạt động còn mạnh hơn mức đủ cho mục đích cần thiết. Nhưng khi chân ngã đã bắt đầu thành công trong nỗ lực điều khiển các hiện thể thấp của mình, con người thật ở phía sau đôi khi có can dự.

In the course of various investigations it has come in our way to examine some thousands of human beings; but we found traces of such intervention only in a few. The most prominent instance is that given in the twenty-ninth life of Alcyone, when he pledged himself before the Lord Gautama to devote himself in future lives to the attainment [22] of the Buddhahood in order to help humanity. That seemed to us then a matter of such moment, and also of such interest, that we took some trouble to investigate it. This was a promise for the far-distant future, so that obviously the

Trong quá trình nhiều cuộc khảo sát khác nhau, chúng tôi đã có dịp xem xét vài nghìn con người; nhưng chúng tôi chỉ thấy dấu vết của sự can thiệp như thế nơi một ít người. Trường hợp nổi bật nhất là trường hợp được nêu trong đời thứ hai mươi chín của Alcyone, khi ông tự nguyện trước Đức Gautama rằng trong các đời tương lai sẽ hiến mình cho việc đạt [22] Phật quả nhằm giúp nhân loại. Khi ấy, điều đó đối với chúng tôi dường như là một việc hệ trọng đến thế, và cũng thú vị đến thế, nên chúng tôi đã bỏ công khảo sát nó. Đây là một lời hứa dành cho tương lai rất xa, nên hiển nhiên phàm ngã qua đó lời hứa được đưa ra

personality through which it was given could by no means keep it; and when we rose to examine the part borne in it by the ego, we found that he himself, though full of enthusiasm at the idea, was being impelled to it by a mightier force from within, which he could not have resisted, even had he wished to do so. Following this clue still further, we found that the impelling force came forth unmistakably from the Monad. He had decided, and he registered his decision; his will, working through the ego, will clearly have no difficulty in bringing all future personalities into harmony.

không thể bằng bất cứ cách nào tự mình giữ được lời hứa ấy; và khi chúng tôi vươn lên để xem xét phần mà chân ngã đảm nhận trong đó, chúng tôi thấy rằng chính chân ngã, dù đầy nhiệt thành trước ý tưởng ấy, đang bị thúc đẩy bởi một mãnh lực hùng mạnh hơn từ bên trong, mà y không thể cưỡng lại, dù y có muốn làm như vậy. Lần theo manh mối này xa hơn nữa, chúng tôi thấy rằng mãnh lực thúc đẩy ấy phát ra không thể nhầm lẫn từ chân thần. Ngài đã quyết định, và Ngài ghi nhận quyết định của mình; ý chí của Ngài, hoạt động qua chân ngã, rõ ràng sẽ không gặp khó khăn nào trong việc đưa mọi phàm ngã tương lai vào sự hòa hợp.

We found some other examples of the same phenomenon in the course of the investigations into the beginnings of the Sixth Root Race. Looking forward to the life in that Californian Colony, we recognised instantly certain well-known egos; and then arose the question: “Since men have freewill, is it possible that we can already be absolutely certain that all these people will be there as we foresee? Will none of them fall by the way?” Further examination showed us that the same thing was happening here as with Alcyone. Certain Monads had already responded to the call of the higher Authorities, and had decided that their representative personalities should assist in that glorious work; and because of that, nothing that [23] these personalities might do during the intervening time could possibly interfere with the carrying out of that decision.

Chúng tôi tìm thấy vài ví dụ khác về cùng hiện tượng ấy trong các cuộc khảo sát về khởi đầu của Giống Dân Gốc thứ sáu. Khi nhìn về đời sống trong Thuộc địa California ấy, chúng tôi lập tức nhận ra một số chân ngã quen thuộc; và rồi nảy sinh câu hỏi: “Vì con người có ý chí tự do, liệu có thể nào chúng ta đã tuyệt đối chắc chắn rằng tất cả những người này sẽ có mặt ở đó như chúng ta dự kiến không? Liệu không ai trong họ sẽ rơi rớt dọc đường sao?” Sự khảo sát thêm cho chúng tôi thấy rằng ở đây cũng đang diễn ra cùng một điều như với Alcyone. Một số chân thần đã đáp ứng lời kêu gọi của các Uy Quyền cao hơn, và đã quyết định rằng các phàm ngã đại diện của các Ngài sẽ trợ giúp trong công việc vinh quang ấy; và vì điều đó, không điều gì [23] mà các phàm ngã này có thể làm trong thời gian xen giữa có thể cản trở việc thực hiện quyết định ấy.

Yet let no one think, because this is so, that he is compelled from without to do this or that; the compelling force is the real you; none else than yourself can ever bind you at any stage of your growth. And when the Monad has decided, the thing will be done; it is well for

Tuy vậy, đừng ai nghĩ rằng vì sự việc là như thế, y bị ép buộc từ bên ngoài phải làm điều này hay điều kia; mãnh lực cưỡng thúc ấy chính là bạn thật sự; không ai khác ngoài chính bạn có thể ràng buộc bạn ở bất cứ giai đoạn nào trong sự tăng trưởng của bạn. Và khi

the personality if he yields gracefully and readily, if he recognises the voice from above, and co-operates gladly; for if he does not do this, he will lay up for himself much useless suffering. It is always the man himself who is doing this thing; and he, in the personality, has to realise that the ego is himself, and he has for the moment to take it for granted that the Monad is still more himself—the final and greatest expression of him.

chân thần đã quyết định, điều ấy sẽ được thực hiện; thật tốt cho phàm ngã nếu y nhường thuận một cách duyên dáng và sẵn sàng, nếu y nhận ra tiếng nói từ trên cao, và vui vẻ hợp tác; vì nếu y không làm như thế, y sẽ tự tích chứa cho mình nhiều đau khổ vô ích. Luôn luôn chính con người ấy đang làm điều này; và y, trong phàm ngã, phải nhận ra rằng chân ngã là chính mình, và trong lúc này y phải tạm chấp nhận rằng chân thần còn là chính mình nhiều hơn nữa—biểu hiện cuối cùng và lớn nhất của y.

Surely this view should be the greatest possible encouragement to the man working down here, this knowledge that he is a far grander and more glorious being in reality than he appears to be, and that there is a part of him—enormously the greater part—which has already achieved what he, as a personality, is trying to achieve; and that all that he has to do down here is to try to make himself a perfect channel for this higher and more real self; to do his work and to try to help others in order that he may be a factor, however microscopic, in forwarding the evolution of the world. For him who knows, there is no question of the saving of the soul; the true man behind needs no salvation; [24] he needs only that the lower self should realise him and express him. He is himself already divine; and all that he needs is to be able to realise himself in all the worlds and at all possible levels, so that in them all the Divine Power through him may work equally, and so God shall be all in all. [25]

Chắc chắn quan điểm này phải là sự khích lệ lớn nhất có thể đối với con người đang làm việc dưới này: tri thức rằng trong thực tại y là một hữu thể vĩ đại và vinh quang hơn rất nhiều so với vẻ ngoài của y; rằng có một phần của y—phần lớn hơn vô hạn—đã đạt được điều mà y, với tư cách phàm ngã, đang cố gắng đạt được; và rằng tất cả những gì y phải làm dưới này là cố gắng biến mình thành một kênh dẫn hoàn hảo cho bản ngã cao hơn và chân thật hơn này; làm công việc của mình và cố gắng giúp những người khác để y có thể là một nhân tố, dù nhỏ bé đến mức vi mô, trong việc thúc đẩy tiến hoá của thế giới. Đối với người biết, không có vấn đề cứu rỗi linh hồn; con người chân thật phía sau không cần sự cứu rỗi; [24] y chỉ cần phàm ngã nhận ra và biểu hiện y. Chính y vốn đã thiêng liêng; và tất cả những gì y cần là có thể nhận ra chính mình trong mọi thế giới và ở mọi cấp độ khả hữu, để trong tất cả các thế giới và cấp độ ấy, Quyền Năng Thiêng Liêng qua y có thể hoạt động như nhau, và như thế Thượng đế sẽ là tất cả trong tất cả. [25]

CHAPTER II — CHƯƠNG II

HIGHER CONSCIOUSNESS— TÂM THỨC CAO SIÊU

STUDENTS who have not yet experienced the buddhic consciousness—consciousness in the intuitional world—frequently ask us to describe it. Efforts have been made in this direction, and many references to this consciousness and its characteristics are to be found scattered through our literature; yet the seeker after knowledge finds these unsatisfactory, and we cannot wonder at it.

CÁC đạo sinh chưa từng kinh nghiệm tâm thức Bồ đề—tâm thức trong thế giới trực giác—thường yêu cầu chúng tôi mô tả nó. Đã có những nỗ lực theo hướng này, và nhiều tham chiếu đến tâm thức này cùng các đặc điểm của nó được tìm thấy rải rác trong văn liệu của chúng ta; tuy vậy, người tìm kiếm tri thức thấy những điều ấy không thỏa đáng, và chúng ta không thể ngạc nhiên về điều đó.

The truth is that all description is necessarily and essentially defective; it is impossible in physical words to give more than the merest hint of what this higher consciousness is, for the physical brain is incapable of grasping the reality. Those who have read Mr. Hinton's remarkable books on the fourth dimension will remember how he tries to explain to us our own limitations with regard to higher dimensions, by picturing for us with much careful detail the position of an entity whose senses could work in two dimensions only. He proves that to such a being the simplest actions of our world must be incomprehensible. A creature who has no sense of what we call depth or thickness could never see any terrestrial object as it really is; he could observe only a section of it, and would therefore [26] obtain absolutely wrong impressions about even the commonest objects of everyday life, while our powers of motion and of action would be utterly incomprehensible to him.

Sự thật là mọi mô tả đều tất yếu và tự bản chất là khiếm khuyết; bằng ngôn từ hồng trần, không thể đưa ra gì hơn ngoài một gợi ý rất mơ hồ về tâm thức cao siêu này là gì, vì bộ não hồng trần không có khả năng nắm bắt thực tại. Những ai đã đọc các cuốn sách đáng chú ý của ông Hinton về chiều thứ tư sẽ nhớ cách ông cố gắng giải thích cho chúng ta các giới hạn của chính chúng ta đối với những chiều cao hơn, bằng cách hình dung cho chúng ta, với nhiều chi tiết cẩn trọng, tình trạng của một thực thể mà các giác quan chỉ có thể hoạt động trong hai chiều. Ông chứng minh rằng đối với một hữu thể như thế, những hành động đơn giản nhất của thế giới chúng ta hẳn phải không thể thấu hiểu. Một sinh vật không có cảm giác về điều chúng ta gọi là chiều sâu hay bề dày sẽ không bao giờ có thể thấy bất cứ vật thể địa cầu nào như nó thật sự là; y chỉ có thể quan sát một mặt cắt của nó, và do đó [26] sẽ có những ấn tượng hoàn toàn sai lầm ngay cả về những vật thể thông thường nhất của đời sống hằng ngày, trong khi các năng lực vận động và hành động của chúng ta sẽ hoàn toàn không thể thấu hiểu đối với y.

The difficulties which we encounter in trying

Những khó khăn mà chúng ta gặp phải khi cố

to understand the phenomena even of the astral world are precisely similar to those which Mr. Hinton supposes to be experienced by his two-dimensional entity; but when we try to raise our thoughts to the intuitional world we have to face a state of existence which is lived in no less than six dimensions, if we are to continue at that level to employ the same nomenclature. So I fear we must admit from the outset that any attempt to comprehend this higher consciousness is foredoomed to failure; yet, as is but natural, the desire to try again and again to grasp something of it arises perennially in the mind of the student. I do not venture to think that I can say anything to satisfy this craving; the utmost that one can hope is to suggest a few new considerations, and perhaps to approach the subject from a somewhat different point of view.

gắng thấu hiểu các hiện tượng ngay cả của thế giới cảm dục cũng chính xác tương tự với những khó khăn mà ông Hinton giả định thực thể hai chiều của ông phải kinh nghiệm; nhưng khi chúng ta cố nâng tư tưởng của mình lên thế giới trực giác, chúng ta phải đối diện với một trạng thái hiện hữu được sống trong không dưới sáu chiều, nếu ở cấp độ ấy chúng ta vẫn tiếp tục dùng cùng hệ thuật ngữ. Vì vậy, tôi e rằng ngay từ đầu chúng ta phải thừa nhận rằng mọi nỗ lực lĩnh hội tâm thức cao siêu này đều đã định trước là thất bại; tuy vậy, như điều hoàn toàn tự nhiên, nơi thể trí của đạo sinh, ham muốn thử đi thử lại để nắm bắt một điều gì đó về nó luôn luôn nảy sinh. Tôi không dám nghĩ rằng mình có thể nói điều gì làm thỏa mãn khát vọng này; điều tối đa người ta có thể hy vọng là gợi ra một vài suy xét mới, và có lẽ tiếp cận đề tài từ một quan điểm hơi khác.

The Monad in its own world is practically without limitations, at least as far as our solar system is concerned. But at every stage of its descent into matter it not only veils itself more and more deeply in illusion, but it actually loses its powers. If in the beginning of its evolution it may be supposed to be able to move and to see in an infinite number of these directions in space which we call dimensions, at each downward step it cuts off one of these, until for the consciousness of the physical brain only [27] three of them are left. It will thus be seen that by this involution into matter we are cut off from the knowledge of all but a minute part of the worlds which surround us; and furthermore, even what is left to us is but imperfectly seen. Let us make an effort to realise what the higher consciousness may be by gradually supposing away some of our limitations; and although we are labouring under them even while we are thus supposing, the effort may possibly

Chân thần trong thế giới riêng của nó thực tế là không có giới hạn, ít nhất trong phạm vi hệ mặt trời của chúng ta. Nhưng ở mỗi giai đoạn trong sự giáng xuống vật chất của nó, nó không chỉ che phủ mình ngày càng sâu hơn trong ảo tưởng, mà thật sự còn đánh mất các quyền năng của mình. Nếu vào lúc khởi đầu tiến hoá của nó, có thể giả định rằng nó có khả năng di chuyển và thấy trong một số lượng vô hạn những hướng trong không gian mà chúng ta gọi là các chiều, thì ở mỗi bước đi xuống nó cắt bỏ một trong những hướng này, cho đến khi đối với tâm thức của bộ não hồng trần chỉ [27] còn lại ba. Do đó, có thể thấy rằng bằng sự giáng hạ tiến hoá này vào vật chất, chúng ta bị cắt đứt khỏi tri thức về tất cả, ngoại trừ một phần rất nhỏ của các thế giới bao quanh chúng ta; hơn nữa, ngay cả điều còn lại cho chúng ta cũng chỉ được thấy một cách bất toàn. Chúng ta hãy nỗ lực nhận ra tâm thức cao siêu có thể là gì bằng cách dần dần giả định rằng một số giới hạn của chúng ta được gỡ bỏ; và mặc dù

suggest to us some faint adumbration of the reality.

chúng ta vẫn đang chịu các giới hạn ấy ngay trong khi giả định như thế, nỗ lực này có thể gợi cho chúng ta một bóng dáng rất mờ của thực tại.

Let us begin with the physical world. The first thing that strikes us is that our consciousness, even of that world, is curiously imperfect. The student need feel no surprise at this, for he knows that we are at present only just beyond the middle of the fourth round, and that the perfection of consciousness of any plane will not be attained by normal humanity until the seventh round. The truth is that our whole life is imprisoned within limitations which we do not realise only because we have always endured them, and because the ordinary man has no conception of a condition in which they do not exist. Let us take three examples; let us see how we are limited in our senses, our powers and our intellect respectively.

Chúng ta hãy bắt đầu với thế giới hồng trần. Điều đầu tiên gây ấn tượng cho chúng ta là tâm thức của chúng ta, ngay cả về thế giới ấy, cũng khiếm khuyết một cách lạ lùng. Đạo sinh không cần ngạc nhiên về điều này, vì y biết rằng hiện nay chúng ta chỉ vừa qua khỏi điểm giữa của cuộc tuần hoàn thứ tư, và rằng sự hoàn hảo của tâm thức trên bất cứ cõi nào sẽ không được nhân loại bình thường đạt tới cho đến cuộc tuần hoàn thứ bảy. Sự thật là toàn bộ đời sống chúng ta bị giam giữ trong những giới hạn mà chúng ta không nhận ra chỉ vì chúng ta luôn luôn chịu đựng chúng, và vì người bình thường không có quan niệm nào về một trạng thái trong đó chúng không tồn tại. Chúng ta hãy lấy ba ví dụ; chúng ta hãy xem mình bị giới hạn lần lượt trong các giác quan, các quyền năng và trí năng của mình như thế nào.

First, as to our senses. Let us take the sense of sight for an example, and see how remarkably imperfect it is. Our physical world consists of seven sub-planes or degrees of density of matter, but our sight enables us to perceive only two of these with anything approaching perfection. We can [28] usually see solid matter, if it is not too finely subdivided; we can see a liquid that is not absolutely clear; but we cannot see gaseous matter at all under ordinary conditions, except in the rare instances in which it has an especially brilliant colour (as in the case of chlorine) or when it happens to be dense, to be much compressed, and to be moving in a particular way—as in the case of the air which may sometimes be seen rising from a heated road. Of the four etheric subdivisions of physical matter we remain absolutely unconscious so

Trước hết, về các giác quan của chúng ta. Hãy lấy thị giác làm ví dụ, và xem nó khiếm khuyết đáng kể ra sao. Thế giới hồng trần của chúng ta gồm bảy cõi phụ hay bảy cấp độ mật độ của vật chất, nhưng thị giác của chúng ta chỉ giúp chúng ta nhận biết hai trong số đó với mức độ gần đạt đến hoàn hảo. Chúng ta [28] thường có thể thấy vật chất rắn, nếu nó không bị phân chia quá mịn; chúng ta có thể thấy một chất lỏng không hoàn toàn trong suốt; nhưng trong các điều kiện thông thường, chúng ta hoàn toàn không thể thấy vật chất khí, ngoại trừ trong những trường hợp hiếm hoi khi nó có màu sắc đặc biệt rực rỡ, như trong trường hợp khí chlorine, hoặc khi nó tình cờ đậm đặc, bị nén nhiều, và chuyển động theo một cách đặc biệt—như trong trường hợp luồng không khí đôi khi có thể thấy bốc lên từ một con đường bị nung nóng. Đối với bốn phân khu dĩ thái của

far as sight is concerned, although it is by means of the vibration of some of these ethers that what we call light is conveyed to the eye.

vật chất hồng trần, chúng ta vẫn hoàn toàn vô thức xét về thị giác, mặc dù chính nhờ sự rung động của một số dĩ thái này mà điều chúng ta gọi là ánh sáng được truyền đến mắt.

Let us then commence the imaginary process of removing our limitations by considering what would be the effect if we really possessed fully the sight of the physical world. I am not taking into consideration the possibility of any increase in the *power* of our sight, though no doubt that also will come in due course, so that we shall be able so to alter the focus of the eye as to make it practically a telescope or a microscope at will. I am thinking for the moment only of the additional objects that would come into our view if our sight were perfected.

Vậy chúng ta hãy bắt đầu tiến trình tưởng tượng gỡ bỏ các giới hạn của mình bằng cách xem xét hiệu quả sẽ ra sao nếu chúng ta thật sự sở hữu đầy đủ thị giác của thế giới hồng trần. Tôi không xét đến khả năng có bất cứ sự gia tăng nào trong quyền *năng* của thị giác, dù chắc chắn điều đó cũng sẽ đến đúng thời, đến nỗi chúng ta có thể thay đổi tiêu điểm của mắt để thực tế biến nó thành kính thiên văn hay kính hiển vi tùy ý. Trong lúc này, tôi chỉ nghĩ đến những đối tượng bổ sung sẽ đi vào tầm nhìn của chúng ta nếu thị giác của chúng ta được hoàn thiện.

Nothing would any longer be opaque to us, so that we could see through a wall almost as though it were not there, and could examine the contents of a closed room or of a locked box with the greatest ease. I do not mean that by etheric sight a man could see through a mountain, or look straight [29] through the earth to the other side of it; but he could see a good way into the rock, and he could see down to a considerable depth in the earth, much as we can now see through many feet of water to the bottom of a clear pool.

Không còn điều gì là không trong suốt đối với chúng ta, đến nỗi chúng ta có thể nhìn xuyên qua một bức tường gần như thể nó không có ở đó, và có thể khảo sát nội dung của một căn phòng đóng kín hay một chiếc hộp khóa chặt với sự dễ dàng lớn nhất. Tôi không muốn nói rằng bằng thị giác dĩ thái, một người có thể nhìn xuyên qua một ngọn núi, hay nhìn thẳng [29] xuyên qua Trái Đất đến phía bên kia của nó; nhưng y có thể nhìn vào trong đá một khoảng khá xa, và có thể nhìn xuống một độ sâu đáng kể trong lòng đất, giống như hiện nay chúng ta có thể nhìn xuyên qua nhiều bộ nước đến tận đáy một hồ nước trong.

One can readily see a score of ways in which the possession of such a faculty would be practically valuable, and it would manifestly add to our knowledge in many directions. All surgical work could be performed with an ease and certainty of which at present we have no conception, and there would be fewer cases of inaccurate diagnosis. We could see the etheric bodies of our friends, and so we should

Người ta có thể dễ dàng thấy rất nhiều cách mà việc sở hữu một năng lực như thế sẽ có giá trị thực tiễn, và hiển nhiên nó sẽ thêm vào tri thức của chúng ta theo nhiều hướng. Mọi công việc phẫu thuật có thể được thực hiện với sự dễ dàng và chắc chắn mà hiện nay chúng ta không có quan niệm nào, và sẽ có ít trường hợp chẩn đoán sai hơn. Chúng ta có thể thấy các thể dĩ thái của bạn bè mình, và như vậy chúng

be able to indicate unfailingly the source and cause of any nervous affection. A whole fresh world would come under the observation of the chemist, for he would then be able to deal with ethers as he now deals with gases. Our sight would instantly inform us as to the healthiness or otherwise of our surroundings, just as even now our noses warn us of the presence of certain forms of putrefaction. We could see at once when we were in the presence of undesirable germs or impurities of any kind, and could take our precautions accordingly. We could study the great hosts of the fairies, of the gnomes and the water-spirits, as readily as now we can study natural history or entomology; the world would be far fuller and far more interesting with even this slight augmentation of our sense.

ta sẽ có thể chỉ ra một cách không sai lầm nguồn gốc và nguyên nhân của bất cứ rối loạn thần kinh nào. Cả một thế giới hoàn toàn mới sẽ nằm dưới sự quan sát của nhà hóa học, vì khi ấy ông sẽ có thể xử lý các dĩ thái như hiện nay ông xử lý các chất khí. Thị giác của chúng ta sẽ tức khắc cho chúng ta biết về mức độ lành mạnh hay không lành mạnh của môi trường chung quanh, cũng như ngay hiện nay mũi của chúng ta cảnh báo chúng ta về sự hiện diện của một số dạng thối rữa. Chúng ta có thể thấy ngay khi mình ở trước sự hiện diện của các vi trùng không mong muốn hay các tạp chất thuộc bất cứ loại nào, và có thể áp dụng các biện pháp đề phòng tương ứng. Chúng ta có thể nghiên cứu các đoàn thể lớn của các tiên linh, các thổ linh và các thủy linh, dễ dàng như hiện nay chúng ta nghiên cứu lịch sử tự nhiên hay côn trùng học; thế giới sẽ đầy đủ hơn rất nhiều và thú vị hơn rất nhiều chỉ với sự tăng thêm nhỏ bé này của giác quan chúng ta.

But remember that even this would not take us beyond the physical world; it would simply enable [30] us to see that world more fully. We should still be liable to deception, we should still be capable of error with regard to the thoughts and feelings of others. We should still be blind to all the most beautiful part of the life which surrounds us, even though we should see so much more of it than we do now. But even with the fullest physical sight we could see nothing as it really is, but only, at most, what corresponds to a looking-glass reflection of it. The two-dimensional entity could never see a cube; he would be quite incapable of imagining such a thing as a cube, and the nearest he could come to its comprehension would be to see a section of it as a square. However difficult it may be for us to grasp such an idea, we are at the present moment seeing only a section of everything that surrounds us; and because that is so, we

Nhưng hãy nhớ rằng ngay cả điều này cũng không đưa chúng ta vượt khỏi thế giới hồng trần; nó chỉ đơn giản giúp [30] chúng ta thấy thế giới ấy đầy đủ hơn. Chúng ta vẫn còn có thể bị lừa dối, chúng ta vẫn còn có thể sai lầm về tư tưởng và cảm xúc của người khác. Chúng ta vẫn còn mù đối với toàn bộ phần đẹp đẽ nhất của đời sống bao quanh mình, dù chúng ta sẽ thấy về nó nhiều hơn hiện nay rất nhiều. Nhưng ngay cả với thị giác hồng trần đầy đủ nhất, chúng ta cũng không thể thấy điều gì như nó thật sự là, mà nhiều nhất chỉ thấy điều tương ứng với hình ảnh phản chiếu trong gương của nó. Thực thể hai chiều không bao giờ có thể thấy một khối lập phương; y hoàn toàn không có khả năng tưởng tượng một vật như khối lập phương, và điều gần nhất y có thể đạt tới để lĩnh hội nó là thấy một mặt cắt của nó như một hình vuông. Dù đối với chúng ta khó nắm bắt ý tưởng như thế đến đâu, ngay lúc này chúng ta chỉ đang thấy một mặt cắt

think many things to be alike which are in reality quite different—just as to the two-dimensional creature the thinnest sheet of metal would appear precisely the same as a heavy block of it, the base of which had the same shape and area.

của mọi sự bao quanh mình; và vì điều đó là như thế, chúng ta nghĩ nhiều sự vật giống nhau trong khi trong thực tại chúng hoàn toàn khác nhau—giống như đối với sinh vật hai chiều, tấm kim loại mỏng nhất sẽ hiện ra chính xác giống như một khối kim loại nặng, có đáy cùng hình dạng và diện tích.

Then as to our powers. Here also we are strangely limited. However strong a man may be, however clever he may be at his speciality, whether that speciality be physical or mental, he can never work at it beyond a certain strictly limited extent without beginning to suffer from fatigue. Most people do not realise that this fatigue is always and entirely a physical disability. We speak of the mind as tired; but the mind cannot be tired; it is only the physical brain through which that mind [31] has to express itself that is capable of fatigue. And even when the man is fresh and strong, how great are the difficulties in the way of a full expression of his thought! He has to try to put it into words; but words are feeble things at best, and can never really convey what the man feels or thinks; they are often misinterpreted, and the impression that they give is generally not at all what the speaker or writer originally intended.

Rồi đến các quyền năng của chúng ta. Ở đây cũng vậy, chúng ta bị giới hạn một cách kỳ lạ. Một người dù mạnh đến đâu, dù khéo léo đến đâu trong chuyên môn của mình, cho dù chuyên môn ấy là hồng trần hay trí tuệ, y cũng không bao giờ có thể làm việc với nó vượt quá một phạm vi nghiêm ngặt giới hạn nào đó mà không bắt đầu chịu mệt mỏi. Hầu hết mọi người không nhận ra rằng sự mệt mỏi này luôn luôn và hoàn toàn là một bất năng hồng trần. Chúng ta nói thể trí mệt mỏi; nhưng thể trí không thể mệt mỏi; chỉ bộ não hồng trần mà qua đó thể trí ấy [31] phải biểu hiện mới có khả năng mệt mỏi. Và ngay cả khi con người tươi mới và mạnh mẽ, những khó khăn trên đường biểu hiện đầy đủ tư tưởng của y lớn lao biết bao! Y phải cố gắng đặt nó vào lời nói; nhưng lời nói cùng lắm cũng là những thứ yếu ớt, và không bao giờ thật sự truyền đạt được điều con người cảm thấy hay suy nghĩ; chúng thường bị diễn giải sai, và ấn tượng mà chúng tạo ra nói chung hoàn toàn không phải là điều người nói hay người viết ban đầu dự định.

The physical body is a serious obstacle in the way of rapid locomotion. Wherever we wish to go we have to carry with us this dense vehicle, this heavy lump of clay, that weighs the man down and checks his progress. At great expense and discomfort we must convey it by train or by steamer; and even with all our latest inventions, and with the wonderful progress that has been made with regard to all means of transportation, what a difficulty is this question of physical distance! How it

Thể xác là một chướng ngại nghiêm trọng trên đường di chuyển nhanh chóng. Bất cứ nơi nào chúng ta muốn đi, chúng ta phải mang theo hiện thể đậm đặc này, khối đất nặng nề này, vốn đè nặng con người và kìm hãm bước tiến của y. Với chi phí và sự bất tiện lớn, chúng ta phải chuyên chở nó bằng tàu hỏa hay tàu thủy; và ngay cả với mọi phát minh mới nhất của chúng ta, cùng sự tiến bộ kỳ diệu đã đạt được trong mọi phương tiện vận chuyển, vấn đề khoảng cách hồng trần này vẫn là một khó

stands in the way of the acquisition of knowledge; how it troubles the heart and lacerates the feelings of separated friends! The moment that we are able to raise our consciousness into a higher world all these difficulties are transcended.

khăn biết bao! Nó cản trở việc thu nhận tri thức biết bao; nó làm khổ tâm và xé nát cảm xúc của những người bạn bị chia cách biết bao! Ngay khoảnh khắc chúng ta có thể nâng tâm thức mình vào một thế giới cao hơn, tất cả các khó khăn này đều được vượt qua.

Then as to our intellect. We are in the habit of boasting of it as some great thing. We speak of the march of intellect, of its great development, and generally speaking regard it as something of which we may reasonably be proud. Yet the truth is that it is nothing but a ridiculous fragment of what it presently will be—a fact which is abundantly clear to those of us who have had the privilege of coming [32] into contact with some of the Masters of the Wisdom, and seeing in Them what a fully developed intellect really is. Here again our studies ought to save us from the common error, for we know that it is the fifth round in each chain which is specially devoted to the development of the intellectual faculties; and as we are still in the fourth we naturally cannot expect that they should as yet be at all fully unfolded. In fact, at this stage they would be scarcely unfolded at all, if it were not for the stupendous stimulus that was given to the evolution of humanity by the descent of the Lords of the Flame from Venus in the middle of the Third Root Race.

Rồi đến trí năng của chúng ta. Chúng ta có thói quen khoe khoang về nó như một điều vĩ đại nào đó. Chúng ta nói về bước tiến của trí năng, về sự phát triển lớn lao của nó, và nói chung xem nó như một điều mà chúng ta có thể tự hào một cách hợp lý. Tuy vậy, sự thật là nó không là gì ngoài một mảnh vụn buồn cười của điều nó sẽ sớm trở thành—một sự kiện hết sức rõ ràng đối với những ai trong chúng ta đã có đặc ân tiếp [32] xúc với một số Chân sư Minh Triết, và thấy nơi Các Ngài trí năng phát triển đầy đủ thật sự là gì. Ở đây một lần nữa, các nghiên cứu của chúng ta phải cứu chúng ta khỏi sai lầm thông thường, vì chúng ta biết rằng chính cuộc tuần hoàn thứ năm trong mỗi Dãy được dành riêng cho sự phát triển của các năng lực trí tuệ; và vì chúng ta vẫn còn ở cuộc tuần hoàn thứ tư, tự nhiên chúng ta không thể mong đợi rằng các năng lực ấy đến nay đã được khai mở đầy đủ chút nào. Thật ra, ở giai đoạn này chúng hầu như chưa được khai mở chút nào, nếu không có kích thích phi thường đã được ban cho tiến hoá của nhân loại bởi sự giáng xuống của các Chúa Tể của Lửa từ Sao Kim vào giữa Giống Dân Gốc thứ ba.

All this is true; the physical consciousness is sadly limited; but how are we to transcend it? It might seem that in the ordinary process of evolution we ought to perfect the physical senses before we acquire those of the astral world; but our powers do not unfold themselves exactly in that way. In order that the man shall be able to function in his physical body at all, there must be an uninterrupted connection between the ego

Tất cả điều này đều đúng; tâm thức hồng trần thật đáng buồn là bị giới hạn; nhưng làm sao chúng ta vượt lên trên nó? Có thể dường như trong tiến trình tiến hoá thông thường, chúng ta phải hoàn thiện các giác quan hồng trần trước khi đạt được các giác quan của cõi cảm dục; nhưng các quyền năng của chúng ta không khai mở chính xác theo cách ấy. Để con người có thể vận hành trong thể xác của mình, phải có một mối liên hệ không gián đoạn giữa

and that vehicle; and this involves the existence of the mental and astral bodies. At first they are employed chiefly as bridges across which communication passes; and it is only as our development progresses that they come into use as separate vehicles. But inevitably while the consciousness is sending down messages through them, and receiving in return impressions through them, they become to a certain small extent awakened; so that even in a savage, who cannot be said to have any consciousness worth [33] speaking of outside of the physical vehicle, there is yet a faint dawning of intellect and often a considerable amount of emotion. At the stage where the ordinary man of civilised countries stands at the present moment, his consciousness is on the whole more centred in his astral body than in the physical, even though it is true that the powers of the physical are as yet by no means fully unfolded. Their stage of unfoldment corresponds to the round in which we are now engaged; at this period only a partial development can be expected, but that partial development shows itself to some extent in the mental and astral bodies, as well as in the purely physical.

chân ngã và hiện thể ấy; và điều này bao hàm sự hiện hữu của thể trí và thể cảm dục. Thoạt đầu, chúng được sử dụng chủ yếu như những cây cầu để giao tiếp đi qua; và chỉ khi sự phát triển của chúng ta tiến triển, chúng mới được dùng như những hiện thể riêng biệt. Nhưng tất yếu, khi tâm thức gửi các thông điệp xuống xuyên qua chúng và nhận lại các ấn tượng qua chúng, chúng được đánh thức đến một mức độ nhỏ nào đó; đến nỗi ngay cả nơi một người man dã, người mà không thể nói là có tâm thức đáng [33] kể nào bên ngoài hiện thể hồng trần, vẫn có một tia trí năng le lói và thường có một lượng cảm xúc đáng kể. Ở giai đoạn mà con người bình thường của các quốc gia văn minh hiện nay đang đứng, tâm thức của y nói chung tập trung trong thể cảm dục hơn là trong thể hồng trần, dù đúng là các quyền năng của thể hồng trần vẫn chưa hề được khai mở trọn vẹn. Giai đoạn khai mở của chúng tương ứng với cuộc tuần hoàn mà chúng ta hiện đang tham dự; trong thời kỳ này chỉ có thể mong đợi một sự phát triển từng phần, nhưng sự phát triển từng phần ấy cũng biểu lộ đến một mức nào đó trong thể trí và thể cảm dục, cũng như trong thể thuần hồng trần.

A good deal can be done even with the physical body by careful training, but much more can be done in proportion with the astral and mental bodies, the reason being that they are built of finer matter and so are much more readily amenable to the action of thought. Even the physical body may be greatly affected by that action, as is shown by the remarkable performances of faith-healers and Christian Scientists, and also by the well-authenticated examples of the appearance of the stigmata upon the bodies of some of those who have meditated strongly upon the alleged crucifixion of the Christ. But while only the few by determined exercise of thought-power

Có thể làm được khá nhiều điều ngay cả với thể xác bằng sự rèn luyện cẩn thận, nhưng xét theo tỷ lệ, còn có thể làm nhiều hơn với thể cảm dục và thể trí, lý do là vì chúng được cấu tạo bằng vật chất tinh tế hơn, nên dễ đáp ứng hơn nhiều với tác động của tư tưởng. Ngay cả thể xác cũng có thể chịu ảnh hưởng rất lớn bởi tác động ấy, như được cho thấy qua những thành tựu đáng chú ý của các nhà chữa bệnh bằng đức tin và các nhà Khoa Học Cơ Đốc, cũng như qua những trường hợp được xác chứng rõ ràng về sự xuất hiện của các dấu thánh trên thân thể của một số người đã tham thiền mãnh liệt về cuộc chịu đóng đinh được cho là của Đức Christ. Nhưng trong khi chỉ một số ít

can succeed in thus moulding the physical vehicle; anyone may learn how to control both the astral and the mental bodies by this power.

người, bằng sự vận dụng kiên quyết quyền năng tư tưởng, mới có thể thành công trong việc uốn nắn hiện thể hồng trần như vậy, thì bất cứ ai cũng có thể học cách kiểm soát cả thể cảm dục lẫn thể trí bằng quyền năng này.

This is one of the objects which we seek to gain by the practice of meditation, which is the easiest [34] and safest method of unfolding the higher consciousness. A man works steadily at his meditation year in and year out, and for a long time it seems to him that he is making no headway; yet all the while in his steady upward striving he is wearing the veil between the planes thinner arid thinner, and at last one day there comes the moment when he breaks through and finds himself in another world. So wondrous, so transcendent, is that experience that he exclaims with startled delight:

Đây là một trong những mục tiêu mà chúng ta tìm cách đạt được bằng thực hành tham thiền, vốn là phương pháp dễ dàng [34] và an toàn nhất để khai mở tâm thức cao. Một người kiên trì thực hành tham thiền năm này qua năm khác, và trong một thời gian dài y dường như chẳng tiến bộ gì; thế nhưng suốt thời gian ấy, trong nỗ lực vươn lên đều đặn, y đang làm cho bức màn giữa các cõi ngày càng mỏng đi, cho đến một ngày kia khoảnh khắc đến, y xuyên thủng nó và thấy mình ở trong một thế giới khác. Kinh nghiệm ấy kỳ diệu và siêu việt đến nỗi y thốt lên trong niềm vui sững sờ:

"Now for the first time I really live; now at last I know what life means! I have thought before that life on the physical plane could sometimes be fairly keen and brilliant—yes, even vivid and full of bliss; but now I realise that all that was the merest child's play—that even in my most exalted moments I had no comprehension, no faintest suspicion of the glorious reality."

"Giờ đây, lần đầu tiên tôi thật sự sống; giờ đây, cuối cùng tôi biết đời sống nghĩa là gì! Trước kia tôi từng nghĩ rằng đời sống trên cõi hồng trần đôi khi có thể khá sắc bén và rực rỡ—vâng, thậm chí sinh động và đầy chí phúc; nhưng giờ đây tôi nhận ra rằng tất cả những điều ấy chỉ là trò trẻ con—rằng ngay cả trong những khoảnh khắc cao cả nhất của mình, tôi cũng không hề thấu hiểu, không hề có lấy một thoáng nghi ngờ nào về thực tại huy hoàng ấy."

And yet all this, which the man feels so intensely when for the first time he touches the astral world, will be repeated with still stronger force of contrast when he transcends that world in turn, and opens himself out to the influences of the mental level. Then again he will feel that this is his first glimpse of actuality, and that even the most wonderful incidents of his astral life were to this but "as moonlight unto sunlight and as water unto

Thế nhưng tất cả điều này, mà con người cảm nhận mãnh liệt đến thế khi lần đầu tiên chạm đến cõi cảm dục, sẽ lại được lặp lại với sức tương phản còn mạnh hơn khi đến lượt y vượt lên trên cõi ấy và mở mình ra với các ảnh hưởng của cấp độ trí tuệ. Khi ấy y lại cảm thấy rằng đây là thoáng nhìn đầu tiên của y về thực tại, và rằng ngay cả những biến cố kỳ diệu nhất trong đời sống cảm dục của y so với điều này cũng chỉ "như ánh trăng so với ánh mặt trời,

wine". Again and again this happens to him as he climbs the ladder of evolution and comes nearer and nearer to reality; for verily it is true, as the old books have said, that "Brahman is [35] bliss", and ever as one approaches the realisation of Him that bliss increases.

như nước so với rượu". Điều này xảy đến với y hết lần này đến lần khác khi y leo lên chiếc thang tiến hoá và đến gần thực tại hơn mãi; vì quả thật đúng như các sách xưa đã nói, rằng "Thực Tại Tối Thượng là [35] chí phúc", và khi người ta càng đến gần sự chứng nghiệm về Ngài, chí phúc ấy càng gia tăng.

But the higher the joy the greater the contrast between the inner life and the life of the physical world; so that to return from that to this seems like sinking into a profound abyss of darkness and despair. The contrast is indeed great; so great that one cannot wonder that many of the saints of old, having once tasted this higher bliss, forsook all in order to follow it, and retired to cave or to jungle that there they might devote themselves to this higher life, in comparison with which all else that men hold valuable seems but as dust before the wind. I remember that, in the early days of this Society, we were told in one of the letters which came through Madame Blavatsky that when an adept had spent a long time in the nirvanic consciousness (leaving his body in a trance for weeks together), when he came back again into physical life he found the contrast so severe that he fell into a black depression which lasted for many days. Our terms were used very loosely in those days, and in this case the word adept must have referred to some one in the early stages of occult development—an adept merely in the sense that he was sufficiently accustomed to occult gymnastics to be able to leave his body and reside for a time upon a somewhat higher level—not what we now mean by nirvana, for only a real Adept (in the sense in which we now use the word) could repose long upon the nirvanic level; and He is far too highly evolved and far too unselfish to allow Himself to indulge in [36] depression, however intensely He may feel the change when He returns to

Nhưng niềm hoan hỉ càng cao thì sự tương phản giữa đời sống bên trong và đời sống của thế giới hồng trần càng lớn; đến nỗi trở lại từ cõi kia về cõi này giống như chìm xuống một vực thẳm sâu của bóng tối và tuyệt vọng. Sự tương phản quả thật lớn lao; lớn đến mức không thể ngạc nhiên khi nhiều vị thánh thời xưa, một khi đã nếm trải chí phúc cao siêu ấy, đã từ bỏ tất cả để theo đuổi nó, và lui về hang động hoặc rừng sâu để ở đó hiến mình cho đời sống cao siêu này, so với nó mọi điều khác mà con người cho là quý giá chỉ như bụi trước gió. Tôi nhớ rằng, trong những ngày đầu của Hội này, chúng tôi được cho biết trong một trong những bức thư đến qua Bà Blavatsky rằng khi một chân sư đã trải qua một thời gian dài trong tâm thức Niết Bàn, để thể xác của mình trong trạng thái xuất thần hàng tuần liền, khi trở lại đời sống hồng trần, Ngài thấy sự tương phản quá khắc nghiệt đến nỗi rơi vào một trạng thái u ám sâu đậm kéo dài nhiều ngày. Vào thời ấy, các thuật ngữ của chúng ta được dùng rất lỏng lẻo, và trong trường hợp này từ chân sư hẳn phải chỉ một người ở những giai đoạn đầu của sự phát triển huyền bí—một chân sư chỉ theo nghĩa là y đã đủ quen với các thao luyện huyền bí để có thể rời thể xác và cư trú một thời gian trên một cấp độ phần nào cao hơn—chứ không phải điều hiện nay chúng ta gọi là Niết Bàn, vì chỉ một Chân sư đích thực, theo nghĩa mà hiện nay chúng ta dùng từ ấy, mới có thể an trú lâu trên cấp độ Niết Bàn; và Ngài đã tiến hoá quá cao, quá vô ngã, đến mức không thể cho phép Chính Mình chìm đắm trong [36] u uất, dù Ngài có thể cảm nhận sự

this grey, dull earth from worlds of unimagined splendour. Nevertheless the contrast is severe, and one who has found his true home in those higher worlds cannot but feel something of nostalgia while his duty compels him to dwell at the lower levels of ordinary life.

thay đổi mãnh liệt đến đâu khi trở về trái đất xám xịt, buồn tẻ này từ những thế giới huy hoàng không thể tưởng tượng. Tuy nhiên, sự tương phản vẫn khắc nghiệt, và người đã tìm thấy quê hương đích thực của mình trong những thế giới cao siêu ấy không thể không cảm thấy đôi chút hoài hương khi bổn phận buộc y phải trú ở các cấp độ thấp hơn của đời sống bình thường.

This has been spoken of as the great renunciation, and no doubt it is so; it would indeed be infinitely great if one who has reached that point did not retain the powers of the higher consciousness even while still functioning in the physical body. One who has reached the Asekha stage habitually carries His consciousness on the nirvanic level, even though He still possesses a physical body. I do not mean that He can be fully conscious on both the planes simultaneously. When He is actually writing a letter or conducting a conversation on the physical plane, His consciousness is centred there, just like that of the ordinary man, though the spiritual splendour is still present in the background; but the moment that His physical work is over, the consciousness naturally springs back again to its accustomed condition, and though He still sits in the same physical chair, though He is fully alive and alert to all that is going on around Him, He is in reality living on that higher level, and earthly objects, though still present to Him, are slightly out of focus. This being His condition, the retaining of the physical body is only a modified sacrifice, although it involves a good deal of annoyance in the way of waste of time in eating, dressing, and so on. [37]

Điều này đã được gọi là sự từ bỏ vĩ đại, và chắc chắn đúng là như vậy; quả thật nó sẽ vĩ đại vô hạn nếu người đã đạt đến điểm ấy không giữ lại các quyền năng của tâm thức cao ngay cả khi vẫn vận hành trong thể xác. Người đã đạt đến giai đoạn bậc vô học thường xuyên mang tâm thức của Ngài trên cấp độ Niết Bàn, dù Ngài vẫn còn một thể xác. Tôi không muốn nói rằng Ngài có thể hoàn toàn hữu thức trên cả hai cõi cùng một lúc. Khi Ngài thật sự đang viết một lá thư hay tiến hành một cuộc trò chuyện trên cõi hồng trần, tâm thức của Ngài tập trung ở đó, giống như tâm thức của người bình thường, dù vẻ huy hoàng tinh thần vẫn hiện diện ở hậu cảnh; nhưng ngay khi công việc hồng trần của Ngài kết thúc, tâm thức tự nhiên bật trở lại tình trạng quen thuộc của nó, và dù Ngài vẫn ngồi trên cùng chiếc ghế hồng trần ấy, dù Ngài hoàn toàn sống động và tỉnh táo trước mọi điều đang diễn ra quanh Ngài, thật ra Ngài đang sống trên cấp độ cao hơn ấy, và các đối tượng trần gian, dù vẫn hiện diện đối với Ngài, hơi lệch khỏi tiêu điểm. Vì tình trạng của Ngài là như vậy, việc giữ lại thể xác chỉ là một sự hy sinh đã được biến đổi phần nào, dù nó bao hàm khá nhiều phiền toái dưới dạng lãng phí thời gian vào việc ăn uống, mặc quần áo, v.v. [37]

When a man definitely attains the astral consciousness he finds himself much less hampered along all the three lines which we

Khi một người dứt khoát đạt đến tâm thức cảm dục, y thấy mình ít bị cản trở hơn nhiều theo cả ba hướng mà chúng ta đã nêu. Trong thể

have instanced. In the astral body he has no longer sense-organs, but he does not need them, for what in that world corresponds to our senses works without needing a specialised organ. Strictly speaking, the word sight is hardly applicable to the perception of things in the astral world; but that knowledge of surrounding objects which we gain by seeing them is as readily and much more perfectly acquired in that higher vehicle. Every particle of the astral body is responsive, though only to vibrations of its own sublevel; thus in that higher life we get the effect of seeing all round us simultaneously, instead of only in one direction.

cảm dục, y không còn các cơ quan giác quan nữa, nhưng y không cần đến chúng, vì điều tương ứng với các giác quan của chúng ta trong thế giới ấy hoạt động mà không cần một cơ quan chuyên biệt. Nói nghiêm túc, từ thị giác hầu như không áp dụng được cho sự nhận biết các sự vật trong cõi cảm dục; nhưng tri thức về các đối tượng chung quanh mà chúng ta đạt được bằng cách nhìn thấy chúng thì được thu nhận dễ dàng và hoàn hảo hơn nhiều trong hiện thể cao hơn ấy. Mỗi hạt của thể cảm dục đều đáp ứng, dù chỉ với các rung động thuộc cõi phụ riêng của nó; vì vậy trong đời sống cao hơn ấy, chúng ta có hiệu quả như thể nhìn thấy mọi phía quanh mình cùng một lúc, thay vì chỉ theo một hướng.

Since, as has frequently been explained, all solid physical objects have counterparts of that lowest type of astral matter which corresponds on that plane to a solid, we see practically the same world around us when utilising the astral senses. But it is a far more populous world, for now we are able to see the millions of the sylphs or air-spirits, and also the hosts of the dead who have not yet risen above the astral level. Higher beings also are now within our purview, for we can see that lowest order of the Angel evolution which we have frequently called the desire-angels. All our friends who still have physical bodies remain just as visible to us as before, although we see only their astral vehicles; but now all their emotions and passions lie open before us, and it is no longer possible for the conventionalist [38] to deceive us as to the real state of his feelings on any point. His thoughts, however, are still veiled, except in so far as they affect his feelings, and so show themselves through them.

Vì, như đã thường được giải thích, mọi đối tượng hồng trần rắn đặc đều có các đối phần thuộc loại vật chất cảm dục thấp nhất, tương ứng trên cõi ấy với thể rắn, nên khi sử dụng các giác quan cảm dục, chúng ta thực tế thấy cùng một thế giới quanh mình. Nhưng đó là một thế giới đông đúc hơn nhiều, vì giờ đây chúng ta có thể thấy hàng triệu tinh linh khí, cũng như những đoàn người đã chết nhưng chưa vượt lên trên cấp độ cảm dục. Những hữu thể cao hơn cũng nằm trong tầm quan sát của chúng ta, vì chúng ta có thể thấy cấp bậc thấp nhất của dòng tiến hoá Thiên Thần mà chúng ta thường gọi là các thiên thần dục vọng. Tất cả bạn bè của chúng ta vẫn còn thể xác vẫn hiện ra rõ ràng trước chúng ta như trước kia, dù chúng ta chỉ thấy các hiện thể cảm dục của họ; nhưng giờ đây mọi cảm xúc và dục vọng của họ đều phơi bày trước chúng ta, và người câu nệ quy ước không còn có thể [38] lừa dối chúng ta về tình trạng thật của cảm xúc y đối với bất cứ điểm nào. Tuy nhiên, các tư tưởng của y vẫn còn bị che phủ, ngoại trừ trong chừng mực chúng ảnh hưởng đến cảm xúc của y và do đó tự biểu lộ qua chúng.

The limitation of space has not yet disappeared, but its inconveniences are reduced to a minimum. We no longer need the clumsy methods of transportation with which we are familiar down here; the finer matter of this higher world responds so readily to the action of thought that merely to wish to be at any place is at once to begin to journey towards it. The journey still takes an appreciable time, even though the amount is small and we can reach the other side of the world in a few minutes. But the few minutes are necessary, and we still have the sensation of passing through space, and can check ourselves at any moment of our journey, so as to visit the intermediate countries.

Giới hạn của không gian vẫn chưa biến mất, nhưng những bất tiện của nó đã giảm đến mức tối thiểu. Chúng ta không còn cần các phương tiện vận chuyển cồng kềnh mà chúng ta quen thuộc ở dưới này; vật chất tinh tế hơn của thế giới cao hơn này đáp ứng với tác động của tư tưởng dễ dàng đến nỗi chỉ cần muốn có mặt ở bất cứ nơi nào là lập tức bắt đầu hành trình đến đó. Hành trình vẫn cần một khoảng thời gian có thể nhận biết, dù khoảng ấy nhỏ và chúng ta có thể đến phía bên kia thế giới trong vài phút. Nhưng vài phút ấy vẫn cần thiết, và chúng ta vẫn có cảm giác đi xuyên qua không gian, cũng như có thể tự dừng lại ở bất cứ khoảnh khắc nào trong hành trình để thăm các xứ sở trung gian.

The intellect is far freer here than in the lower world, as it has no longer to exhaust most of its strength in setting in motion the heavy and sluggish particles of the physical brain. We gain greatly also from the fact that fatigue has disappeared, so that we axe able to work steadily and continuously. Another advantage is that we are far less hampered at this level by pain and suffering. I do not mean that there is no suffering in the astral world; on the contrary, it may be in many ways more acute than it can be down here, but on the other hand it can much more readily be controlled. The astral world is the very home of passion and emotion, and therefore those who yield themselves to an emotion can [39] experience it with a vigour and a keenness mercifully unknown on earth. Just as we have said that most of the strength of thought is spent in setting in motion the brain-particles, so most of the efficiency of any emotion is exhausted in transmission to the physical plane, so that all that we ever see down here is the remnant which is left of the real feeling, after all this work has been done by it. The whole of that force is available in its own

Trí năng ở đây tự do hơn nhiều so với trong thế giới thấp, vì nó không còn phải tiêu hao phần lớn sức mạnh để làm chuyển động các hạt nặng nề và trì trệ của bộ não hồng trần. Chúng ta cũng được lợi rất nhiều từ việc sự mệt mỏi đã biến mất, nên có thể làm việc đều đặn và liên tục. Một lợi điểm khác là ở cấp độ này chúng ta ít bị đau đớn và khổ sở cản trở hơn nhiều. Tôi không muốn nói rằng không có đau khổ trong cõi cảm dục; trái lại, theo nhiều cách nó có thể sắc bén hơn ở dưới này, nhưng mặt khác nó có thể được kiểm soát dễ dàng hơn nhiều. Cõi cảm dục chính là quê hương của dục vọng và cảm xúc, và do đó những ai buông mình theo một cảm xúc có thể [39] trải nghiệm nó với một sức mạnh và độ sắc bén mà may thay trên trái đất không ai biết đến. Như chúng ta đã nói rằng phần lớn sức mạnh của tư tưởng được dùng để làm chuyển động các hạt của bộ não, thì phần lớn hiệu lực của bất cứ cảm xúc nào cũng bị tiêu hao trong việc truyền xuống cõi hồng trần, đến nỗi tất cả những gì chúng ta từng thấy ở dưới này chỉ là phần còn lại của cảm xúc thật, sau khi nó đã thực hiện tất cả công việc ấy. Toàn bộ mãnh lực ấy sẵn có trong thế giới riêng của nó, và vì vậy ở đó có

world, and so it is possible there to feel a far more intense affection or devotion than we can ever gain amid the mists of earth. Naturally, the same thing is true with regard to the less pleasant emotions; accessions of hatred and envy, or waves of misery or fear, are a hundred times. more formidable on that plane than on this. So that the man who has no self-control is liable to experience an intensity of suffering which is unimaginable amidst the benignantly-imposed restrictions of common life.

thể cảm nhận một tình thương hay lòng sùng tín mãnh liệt hơn nhiều so với bất cứ điều gì chúng ta có thể đạt được giữa những màn sương của trái đất. Tự nhiên, điều tương tự cũng đúng đối với các cảm xúc kém dễ chịu hơn; những đợt bùng phát của thù hận và ganh tị, hoặc những làn sóng khốn khổ hay sợ hãi, trên cõi ấy đáng sợ hơn gấp trăm lần so với cõi này. Vì vậy, người không có tự chủ dễ trải nghiệm một cường độ đau khổ không thể tưởng tượng giữa những hạn chế nhân từ áp đặt của đời sống thông thường.

The advantage is that, little as most people realise it, in the astral world all pain and suffering is in reality voluntary and absolutely under control, and that is why life at that level is so much easier for the man who understands. No doubt the power of mind over matter is wonderful in all the worlds, and even down here it frequently produces marvellous and unexpected results. But it is exceedingly difficult to control by the mind acute physical pain. I know that it can often be done from outside by mesmerism, or even by determined exertion along the lines of Christian Science, and that it is frequently done in India and elsewhere by yogis who [40] have made a speciality of it; but the power so to control severe pain is not yet in the hands of most people, and even where it is possible, such an effort absorbs so much of the energy of the man as to leave him capable of little else for the time but holding the pain at bay.

Lợi điểm là, dù đa số người ta ít nhận ra, trong cõi cảm dục mọi đau đớn và khổ sở thật ra đều tự nguyện và hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát; đó là lý do đời sống ở cấp độ ấy dễ dàng hơn rất nhiều đối với người thấu hiểu. Chắc chắn quyền năng của thể trí đối với vật chất là kỳ diệu trong mọi thế giới, và ngay cả ở dưới này nó thường tạo ra những kết quả lạ lùng và bất ngờ. Nhưng dùng thể trí để kiểm soát cơn đau hồng trần dữ dội là điều cực kỳ khó. Tôi biết rằng điều ấy thường có thể được thực hiện từ bên ngoài bằng thôi miên, hoặc thậm chí bằng nỗ lực kiên quyết theo đường lối của Khoa Học Cơ Đốc, và điều ấy thường xuyên được thực hiện ở Ấn Độ và những nơi khác bởi các yogi đã [40] chuyên chú vào việc đó; nhưng quyền năng kiểm soát cơn đau dữ dội như vậy vẫn chưa nằm trong tay phần đông người, và ngay cả khi có thể làm được, nỗ lực ấy hấp thụ quá nhiều năng lượng của con người đến nỗi trong lúc ấy y hầu như không còn khả năng làm gì khác ngoài việc giữ cho cơn đau không áp đảo.

The reason of this difficulty lies in the density of the matter; it is so far removed in level from the controlling forces that their hold on it is by no means secure, and great practice is required before definite results can be produced. The far finer astral matter responds

Lý do của khó khăn này nằm ở độ đậm đặc của vật chất; nó cách quá xa về cấp độ so với các mãnh lực kiểm soát, nên sự nắm giữ của chúng đối với nó không hề chắc chắn, và cần thực hành rất nhiều trước khi có thể tạo ra những kết quả rõ rệt. Vật chất cảm dục tinh tế hơn

immediately to an exertion of the will, so that while only the few can perfectly and instantly banish severe physical pain, every one can in a moment drive away the suffering, caused by a strong emotion. The man has only to exert his will, and the passion straightway disappears. This assertion will sound startling to many; but a little thought will show that no man *need* be angry or jealous or envious; no man *need* allow himself to feel depression or fear; all these emotions are invariably the result of ignorance, and any man who chooses to make the effort can forth-with put them to flight.

nhiều đáp ứng tức thì với sự vận dụng ý chí, đến nỗi trong khi chỉ một số ít người có thể xua tan hoàn toàn và tức khắc cơn đau hồng trần dữ dội, thì mọi người đều có thể trong khoảnh khắc xua đi đau khổ do một cảm xúc mạnh gây ra. Con người chỉ cần vận dụng ý chí của mình, và dục vọng lập tức biến mất. Khẳng định này sẽ khiến nhiều người kinh ngạc; nhưng suy nghĩ một chút sẽ cho thấy rằng không người nào *cần* phải giận dữ, ghen tuông hay đố kỵ; không người nào *cần* cho phép mình cảm thấy u uất hay sợ hãi; tất cả những cảm xúc này luôn luôn là kết quả của vô minh, và bất cứ ai chọn nỗ lực đều có thể tức khắc đẩy chúng chạy xa.

In the physical world fear may sometimes have a certain amount of excuse, for it is undoubtedly possible for one who is more powerful than we to injure our physical bodies. But on the astral plane no one can do hurt to another, except indeed by employing methods congruous to the plane, which are always gradual in their operation and easy to be avoided. In this world a sudden blow may [41] actually injure the texture of the physical body; but in the astral world all vehicles are fluidic, and a blow, a cut, or a perforation can produce no effect whatever, since the vehicle would close up again immediately, precisely as does water when a sword has passed through it.

Trong thế giới hồng trần, đôi khi nỗi sợ có thể có một mức độ biện minh nào đó, vì chắc chắn người mạnh hơn chúng ta có thể gây tổn thương cho thể xác của chúng ta. Nhưng trên cõi cảm dục, không ai có thể làm hại người khác, trừ phi dùng những phương pháp phù hợp với cõi ấy, mà tác động của chúng luôn luôn từ từ và dễ tránh. Trong thế giới này, một cú đánh bất ngờ có thể [41] thật sự làm tổn thương cấu trúc của thể xác; nhưng trong cõi cảm dục, mọi hiện thể đều linh động, và một cú đánh, một vết cắt hay một lỗ xuyên thủng đều không thể tạo ra bất cứ ảnh hưởng nào, vì hiện thể sẽ khép lại ngay tức khắc, đúng như nước khép lại khi một thanh kiếm đi xuyên qua nó.

It is the world of passions and emotions, and only through his passions and emotions can man be injured. A man may be corrupted, and persuaded to harbour evil passions, unworthy emotions; but these after all can be induced only slowly, and any man who wishes to resist them can do so with perfect ease. Therefore there is no reason whatever for fear upon the astral plane, and where it exists it is only through ignorance—ignorance which can be

Đó là thế giới của dục vọng và cảm xúc, và chỉ qua dục vọng và cảm xúc của mình mà con người có thể bị tổn thương. Một người có thể bị tha hoá, bị thuyết phục nuôi dưỡng những dục vọng tà ác, những cảm xúc bất xứng; nhưng rốt cuộc những điều này chỉ có thể được khơi dậy từ từ, và bất cứ ai muốn chống lại chúng đều có thể làm như vậy với sự dễ dàng hoàn toàn. Vì vậy, không có bất cứ lý do nào cho sợ hãi trên cõi cảm dục, và nơi nào nó hiện hữu

dispelled by a few moments' instruction and a little practice. Also, most of the reasons which cause suffering amid terrestrial surroundings are quite unrepresented. When we lay aside this body, there is no longer hunger or thirst, cold or heat, fatigue or sickness, poverty or riches; what room is there then for pain and suffering? One sees at a glance that that less material world cannot but be a happier one, for in that, far more than even in this, a man makes his own surroundings and can vary them at his will.

thì chỉ là do vô minh—vô minh có thể được xua tan bằng vài khoảnh khắc chỉ dẫn và một chút thực hành. Hơn nữa, phần lớn những nguyên nhân gây đau khổ giữa hoàn cảnh trần gian hoàn toàn không còn hiện diện. Khi chúng ta gác lại thể xác này, không còn đói hay khát, lạnh hay nóng, mệt mỏi hay bệnh tật, nghèo khó hay giàu sang; vậy còn chỗ nào cho đau đớn và khổ sở? Người ta thấy ngay rằng thế giới ít vật chất hơn ấy không thể không là một thế giới hạnh phúc hơn, vì trong đó, còn hơn cả trong cõi này rất nhiều, con người tạo ra hoàn cảnh chung quanh của chính mình và có thể thay đổi chúng theo ý chí của mình.

One of the greatest causes of suffering in our present life is what we are in the habit of calling our separation from those whom we love, when they leave their physical bodies behind them. Having only his physical consciousness, the uninstructed man supposes himself to have "lost" his [42] departed friend; but this is really an illusion, for the departed friend stands beside him all the time, and watches the variations of feeling expressed in his astral body. It will at once be seen that it is impossible for the departed friend to be under any delusion that he has "lost" the loved ones who still retain physical vehicles, for since they must also possess astral bodies (or those physical vehicles could not live) the "dead" man has the living fully in sight all the time, though the consciousness of his living friend is available for the interchange of thought and sentiment only during the sleep of that friend's physical body. But at least the "dead" man has no sense of loneliness or separation, but has simply exchanged the day for the night as his time of companionship with those whom he loves who still belong to the lower world.

Một trong những nguyên nhân lớn nhất của đau khổ trong đời sống hiện tại của chúng ta là điều chúng ta thường gọi là sự chia lìa khỏi những người mình yêu thương, khi họ bỏ lại thể xác của họ. Chỉ có tâm thức hồng trần, người chưa được chỉ dẫn tưởng rằng mình đã "mất" người bạn đã khuất; nhưng điều này thật ra là một ảo tưởng, vì người bạn đã khuất luôn luôn đứng bên y và quan sát các biến đổi cảm xúc được biểu lộ trong thể cảm dục của y. Ta sẽ thấy ngay rằng người bạn đã khuất không thể nào rơi vào ảo tưởng rằng y đã "mất" những người thân yêu vẫn còn giữ các hiện thể hồng trần, vì bởi họ cũng phải có thể cảm dục, nếu không các hiện thể hồng trần ấy không thể sống, nên người "chết" luôn luôn nhìn thấy trọn vẹn người sống, dù tâm thức của người bạn còn sống chỉ có thể sẵn sàng cho sự trao đổi tư tưởng và tình cảm trong lúc thể xác của người bạn ấy ngủ. Nhưng ít nhất người "chết" không có cảm giác cô đơn hay chia lìa, mà chỉ đơn giản đã đổi ngày thành đêm làm thời gian đồng hành với những người y yêu thương còn thuộc về thế giới thấp hơn.

This most fertile source of sorrow is therefore

Vì vậy, nguồn đau buồn màu mỡ nhất này

entirely removed from one who possesses the astral consciousness. The man who has evolved to the point at which he is able to use fully both the astral and physical consciousness while still awake, can naturally never be separated from his departed friend, but has him present and fully available until the end of the latter's astral life, when that body in turn is dropped, and he enters upon his sojourn in the heaven-world. Then indeed an apparent separation does take place, though even then it can never be at all the same thing as what we call loss down here; for a man who has already fully realised the existence of two of the planes has thoroughly convinced himself of the plan of Nature's [43] arrangements, and has a certainty with regard to them and a confidence in them which puts him in an altogether different position from the ignorance of the man who knows only one plane and cannot imagine anything beyond it.

hoàn toàn được loại bỏ đối với người sở hữu tâm thức cảm dục. Người đã tiến hoá đến mức có thể sử dụng trọn vẹn cả tâm thức cảm dục lẫn hồng trần khi vẫn thức, tự nhiên không bao giờ có thể bị chia lìa khỏi người bạn đã khuất của mình, mà có người ấy hiện diện và hoàn toàn sẵn sàng cho đến cuối đời sống cảm dục của người ấy, khi thể ấy đến lượt được buông bỏ, và y bước vào thời kỳ lưu trú trong cõi thiên đường. Khi ấy quả thật có một sự chia lìa bề ngoài xảy ra, dù ngay cả khi ấy nó cũng không bao giờ có thể giống với điều chúng ta gọi là mất mát ở dưới này; vì người đã chứng nghiệm trọn vẹn sự hiện hữu của hai cõi đã hoàn toàn tự thuyết phục mình về Thiên Cơ trong những sắp đặt của Thiên Nhiên, và có một sự chắc chắn cùng lòng tin đối với chúng, đặt y vào một vị thế hoàn toàn khác với vô minh của người chỉ biết một cõi và không thể hình dung điều gì vượt ngoài nó.

In addition to this, a man who possesses astral consciousness has broken through the first and densest of the veils, and will find it no great effort to penetrate that which divides him from the mental world, so that it frequently happens that before the so-called "dead" person is ready to leave the astral plane, his friend has already opened the door of a yet higher consciousness, and is therefore able to accompany his "dead" associate in the next stage of his progress. Under any and all circumstances, and whether the man who is still in physical life is or is not conscious of what takes place, the apparent separation is never more than an illusion, for in the heaven-world the "dead" man makes for himself a thought-image of his friend, which is instantly observed and utilised by the ego of that friend; and in that way they are closer together than ever before.

Ngoài ra, người sở hữu tâm thức cảm dục đã xuyên thủng bức màn đầu tiên và đậm đặc nhất, và sẽ thấy việc xuyên qua bức màn chia cách y với cõi trí không phải là một nỗ lực lớn; vì vậy, thường xảy ra rằng trước khi người được gọi là "chết" sẵn sàng rời cõi cảm dục, người bạn của y đã mở cánh cửa của một tâm thức còn cao hơn, và do đó có thể đồng hành với người bạn "đã chết" của mình trong giai đoạn kế tiếp của sự tiến bộ của y. Trong mọi hoàn cảnh, dù người vẫn còn trong đời sống hồng trần có ý thức hay không về điều đang diễn ra, sự chia lìa bề ngoài không bao giờ hơn một ảo tưởng, vì trong cõi thiên đường, người "chết" tạo cho mình một hình tư tưởng về người bạn của y, hình ấy lập tức được chân ngã của người bạn ấy quan sát và sử dụng; và theo cách đó họ gần nhau hơn bao giờ hết.

Let us see what further advantages are gained by the man who has opened for himself the mental consciousness. Once again he passes through the experience already described, for he finds that this higher plane is thrilling with a glory and a bliss beside which even the wonderful vigour of the astral life pales its ineffectual fires. Once more he feels that now at last he has reached the true life, of which before he had only an inefficient and [44] inaccurate reflection. Again his horizon is widened, for now the vast world of the Form-Angels opens before his astonished eyes. He sees now the whole of humanity—the enormous hosts who are out of incarnation as well as the comparatively few who possess vehicles upon the lower planes. Every man who is in physical or astral life must necessarily possess a mental body, and it is that which now represents him to the sight of the student who has come thus far on his way; but, in addition to this, the great army of those who are resting in the heaven-world is now within his view—though, as each is confined entirely within his own shell of thought, these men can hardly be regarded as in any sense of the word companions.

Bây giờ chúng ta hãy xem người đã mở ra cho mình tâm thức trí tuệ đạt được những lợi điểm nào nữa. Một lần nữa y trải qua kinh nghiệm đã được mô tả, vì y thấy rằng cõi cao hơn này rung động với một vinh quang và chí phúc mà bên cạnh đó ngay cả sức sống kỳ diệu của đời sống cảm dục cũng làm nhạt đi những ngọn lửa yếu ớt của nó. Một lần nữa y cảm thấy rằng giờ đây cuối cùng y đã đạt đến đời sống chân thật, mà trước kia y chỉ có một phản chiếu thiếu hiệu lực và [44] không chính xác. Chân trời của y lại được mở rộng, vì giờ đây thế giới bao la của các Thiên Thần của Hình Tướng mở ra trước đôi mắt kinh ngạc của y. Giờ đây y thấy toàn thể nhân loại—những đoàn người khổng lồ đang ở ngoài nhập thể cũng như số tương đối ít người sở hữu các hiện thể trên những cõi thấp hơn. Mọi người đang ở trong đời sống hồng trần hay cảm dục tất yếu phải có một thể trí, và chính thể ấy giờ đây đại diện cho y trước tầm nhìn của đạo sinh đã đi xa đến mức này trên đường của mình; nhưng, thêm vào đó, đạo quân đông đảo của những người đang an nghỉ trong cõi thiên đường giờ đây nằm trong tầm nhìn của y—dù, vì mỗi người hoàn toàn bị giới hạn trong lớp vỏ tư tưởng riêng của mình, khó có thể xem những người này là bạn đồng hành theo bất cứ nghĩa nào của từ ấy.

The visitor to their world can act upon them to the extent of flooding them with thoughts, say of affection. Sometimes these thoughts cannot so far penetrate the shell of the men who are enjoying their heaven-life as to carry with them any feeling of definite affection from the sender which could make them conscious of him, or evoke in them a reply directed personally towards him; but even then, the stream of affection can act upon the inhabitant of the heaven-world in precisely the same way as the warmth of the sun can operate upon the germ within the egg and

Người viếng thăm thế giới của họ có thể tác động lên họ đến mức tràn ngập họ bằng các tư tưởng, chẳng hạn tư tưởng thương yêu. Đôi khi những tư tưởng này không thể thâm nhập lớp vỏ của những người đang hưởng đời sống thiên đường đến mức mang theo bất cứ cảm xúc thương yêu rõ rệt nào từ người gửi khiến họ ý thức về y, hay gợi lên nơi họ một đáp ứng hướng riêng về y; nhưng ngay cả khi đó, dòng thương yêu vẫn có thể tác động lên cư dân của cõi thiên đường chính xác như hơi ấm của mặt trời có thể tác động lên mầm sống trong quả trứng và thúc nhanh sự thụ tinh của nó, hoặc

hasten its fructification, or intensify whatever pleasurable sensations it may be supposed to have. Again, though these men in the heaven-world are not readily accessible to any influence from without, they are themselves pouring forth vibrations expressing the qualities most prominent [45] in them; so the visitor to that world may bathe himself in such emanations as he chooses, and may go round selecting his type of emanation just as a visitor to Harrogate selects the variety of mineral water which he will drink, testing first one spring and then another.

tăng cường bất cứ cảm giác dễ chịu nào mà nó được giả định là có. Hơn nữa, dù những người này trong cõi thiên đường không dễ tiếp nhận bất cứ ảnh hưởng nào từ bên ngoài, chính họ vẫn đang tuôn đổ những rung động biểu lộ các phẩm tính nổi bật nhất [45] nơi họ; vì vậy người viếng thăm thế giới ấy có thể tắm mình trong những xuất lộ nào y chọn, và có thể đi quanh lựa chọn loại xuất lộ của mình, giống như người đến Harrogate lựa chọn loại nước khoáng mà y sẽ uống, thử nguồn này rồi nguồn khác.

Between those who are fully conscious on the mental plane there is a far closer union than has been possible at any lower level. A man can no longer deceive another with regard to what he thinks, for all mental operations lie open for every one to see. Opinions or impressions can now be exchanged not only with the quickness of thought but with perfect accuracy, for each now receives the exact idea of the other—clean, clear-cut, instantaneous—instead of having to try to puzzle his way to it through a jungle of inexpressive words. At this level a man may circle the world actually with the speed of thought; he is at the other side of it even as he formulates the wish to be there, for in this case the response of matter to thought is immediate, and the will can control it far more readily than on any lower level.

Giữa những người hoàn toàn hữu thức trên cõi trí có một sự hợp nhất gần gũi hơn nhiều so với bất cứ điều gì có thể có ở các cấp độ thấp hơn. Một người không còn có thể lừa dối người khác về điều y nghĩ, vì mọi hoạt động trí tuệ đều phơi bày cho mọi người thấy. Các ý kiến hay ấn tượng giờ đây có thể được trao đổi không chỉ với tốc độ của tư tưởng mà còn với sự chính xác hoàn toàn, vì mỗi người giờ đây nhận được đúng ý tưởng của người kia—sạch, rõ nét, tức thời—thay vì phải cố lần mò tìm ra nó qua một khu rừng những lời không diễn tả được. Ở cấp độ này, một người có thể vòng quanh thế giới thật sự với tốc độ của tư tưởng; y ở phía bên kia thế giới ngay khi y hình thành ước muốn ở đó, vì trong trường hợp này sự đáp ứng của vật chất đối với tư tưởng là tức thời, và ý chí có thể kiểm soát nó dễ dàng hơn nhiều so với trên bất cứ cấp độ thấp hơn nào.

It has often been said in connection with meditation that there is much greater difficulty in governing thoughts than emotions, and that the mental elemental is less susceptible to control than the astral. For us down here this is usually so, but if we wish to understand the matter aright we must try to see why it is so. The physical body is along certain lines obedient to the action of the will,

Liên quan đến tham thiền, người ta thường nói rằng việc cai quản tư tưởng khó hơn nhiều so với cảm xúc, và rằng hành khí trí tuệ ít dễ kiểm soát hơn hành khí cảm dục. Đối với chúng ta ở dưới này, điều đó thường đúng; nhưng nếu muốn thấu hiểu vấn đề cho đúng, chúng ta phải cố thấy tại sao lại như vậy. Thể xác, theo một số đường hướng nhất định, vâng phục tác động của ý chí, vì chúng ta đã cẩn thận rèn

because we have carefully trained it to be so.

luyện nó như vậy.

[46] If we desire to lift an arm, we can lift it; if we desire to walk to a certain place, if the physical body is in health, we can get up and walk to it with no more resistance on the part of the body than the expression of its ordinary indolence or love of ease. When, however, the physical body has set up bad habits of any kind, it often proves exceedingly refractory and difficult to restrain. It is in such cases that the distance and difference in density between the controlling ego and its lowest vehicle becomes painfully evident. The management of the astral vehicle is in reality much easier, though many people find it difficult because they have never previously attempted it. The moment that one really thinks clearly of the matter this is obvious. It is not easy to banish by thought-power a raging toothache, though even that can be done under certain conditions; it is comparatively easy by thought-power to banish depression or anger or jealousy. The desire-elemental may be persistent in obtruding these feelings upon the man's notice; but at any rate they clearly are under his control; and by repeatedly throwing them off immunity from them can unquestionably be obtained.

[46] Nếu chúng ta muốn nhấc một cánh tay, chúng ta có thể nhấc nó; nếu chúng ta muốn đi đến một nơi nào đó, nếu thể xác khỏe mạnh, chúng ta có thể đứng dậy và đi đến đó mà không gặp sự kháng cự nào từ phía thể xác ngoài biểu hiện của tính biếng nhác thường ngày hay sự ưa dễ chịu của nó. Tuy nhiên, khi thể xác đã hình thành những thói quen xấu thuộc bất cứ loại nào, nó thường tỏ ra cực kỳ ngang ngạnh và khó kiềm chế. Chính trong những trường hợp như thế mà khoảng cách và sự khác biệt về độ đậm đặc giữa chân ngã kiểm soát và hiện thể thấp nhất của nó trở nên rõ ràng một cách đau đớn. Việc quản lý hiện thể cảm dục thật ra dễ hơn nhiều, dù nhiều người thấy khó vì trước đây họ chưa từng thử làm. Ngay khi một người thật sự suy nghĩ rõ ràng về vấn đề này, điều ấy trở nên hiển nhiên. Không dễ dùng quyền năng tư tưởng để xua tan một cơn đau răng dữ dội, dù ngay cả điều đó cũng có thể làm được trong một số điều kiện; nhưng dùng quyền năng tư tưởng để xua tan u uất, giận dữ hay ghen tuông thì tương đối dễ. Hành khí dục vọng có thể dai dẳng áp đặt những cảm xúc này vào sự chú ý của con người; nhưng dù sao chúng rõ ràng vẫn nằm dưới sự kiểm soát của y; và bằng cách liên tục hất chúng ra, chắc chắn có thể đạt được sự miễn nhiễm đối với chúng.

Still more definitely is this true, and easier still ought to be our task, when we pass to the mental world. It seems to us more difficult to bridle thought than emotion because most of us have made at least some experiments in the direction of repressing emotion, and we have been taught from childhood that it is unseemly to allow it to display itself unchecked. On the other hand, we have been [47] in the habit of allowing our thoughts to roam fancy-free, and it is probably only in

Điều này còn đúng rõ rệt hơn, và nhiệm vụ của chúng ta càng phải dễ hơn, khi chúng ta đi vào thế giới trí tuệ. Đối với chúng ta, việc kiềm chế tư tưởng dường như khó hơn cảm xúc vì đa số chúng ta ít nhất đã từng thử nghiệm đôi chút theo hướng đè nén cảm xúc, và từ thuở nhỏ chúng ta đã được dạy rằng để nó tự biểu lộ không kiềm chế là điều không thích hợp. Mặt khác, chúng ta đã [47] quen cho phép tư tưởng của mình lang thang tự do theo tưởng tượng, và có lẽ chỉ trong liên hệ với bài học ở trường,

connection with school lessons that we have reluctantly torn them back from their wanderings and tried to concentrate them on some definite task. To induce us to do even this much, exterior compulsion is usually required in the shape of constant exhortation from the teacher or the stimulus of emulation among our fellows in the class. It is because so little effort has been made by the average man in the direction of the regulation of thought that he finds it so difficult, and indeed almost impossible, when he begins the practice of meditation. He finds himself in conflict with the habits of the mental elemental, who has been used to have things all his own way, and to drift from subject to subject at his own sweet will.

chúng ta mới miễn cưỡng kéo chúng trở lại khỏi sự lang thang và cố tập trung chúng vào một nhiệm vụ xác định nào đó. Để khiến chúng ta làm được ngay cả chừng ấy, thường cần có sự cưỡng thúc bên ngoài dưới dạng lời khuyên bảo liên tục của thầy giáo hoặc sự kích thích của tinh thần ganh đua giữa bạn học trong lớp. Chính vì người trung bình đã nỗ lực quá ít theo hướng điều chỉnh tư tưởng nên y thấy việc ấy khó đến thế, và thật ra gần như không thể, khi y bắt đầu thực hành tham thiền. Y thấy mình xung đột với các thói quen của hành khí trí tuệ, vốn đã quen được làm mọi sự theo ý riêng và trôi từ đề tài này sang đề tài khác theo ý thích ngọt ngào của nó.

Our struggle with him is in some ways different from that which we have already waged against the desire-elemental; and the reason for this will be obvious if we remember his constitution. He represents the downward-pouring life of the Solar Deity at the earliest stage of its immeshing in matte r-that which we usually call the First Elemental Kingdom. Consequently, he is less used to material confinement than is the desire-elemental, who belongs to a later kingdom, and is one whole stage lower down in the scale of matter. He is consequently more active than the desire-elemental—more restless, but less powerful and determined; he is in the nature of things easier to manage, but much less used to management; so that it takes far [48] less actual exertion of strength to control a thought than a desire, but it needs a more persistent application of that strength. Remember that we are now at the level of thought, where literally thoughts are things; and this restive mental matter which we find so difficult to govern is the very home and definite vehicle of the mind with which we are

Cuộc đấu tranh của chúng ta với nó theo một vài phương diện khác với cuộc đấu tranh mà chúng ta đã tiến hành chống lại hành khí dục vọng; và lý do của điều này sẽ hiển nhiên nếu chúng ta nhớ cấu tạo của nó. Nó đại diện cho sự sống tuôn xuống của Thái dương Thượng đế ở giai đoạn sớm nhất của việc bị mắc lưới trong vật chất—điều chúng ta thường gọi là giới hành khí thứ nhất. Do đó, nó ít quen với sự giam hãm vật chất hơn hành khí dục vọng, vốn thuộc về một giới sau hơn, và thấp hơn trọn một giai đoạn trong thang vật chất. Vì vậy, nó linh hoạt hơn hành khí dục vọng—bồn chồn hơn, nhưng ít mạnh mẽ và ít quyết liệt hơn; theo bản chất sự việc, nó dễ quản lý hơn, nhưng ít quen với việc bị quản lý hơn nhiều; nên cần ít [48] sức mạnh thực tế hơn nhiều để kiểm soát một tư tưởng so với một dục vọng, nhưng cần một sự vận dụng sức mạnh ấy bền bỉ hơn. Hãy nhớ rằng giờ đây chúng ta đang ở cấp độ của tư tưởng, nơi mà theo nghĩa đen, tư tưởng là sự vật; và vật chất trí tuệ bất kham mà chúng ta thấy khó cai quản này chính là quê hương và hiện thể xác định của thể trí mà chúng ta dùng để kiểm soát nó. Thể trí ấy ở đây

to control it. That mind is here on its own ground and is dealing with its own matter, so that it is only a question of practice for it to learn to manage it perfectly; whereas, when we endeavour to rule the desire-elemental, we are bringing down the mind into a world which is foreign to it, and imposing an alien ascendency from without, so that we are badly equipped for the struggle.

trên mảnh đất riêng của nó và đang xử lý vật chất riêng của nó, nên đối với nó chỉ là vấn đề thực hành để học cách quản lý vật chất ấy một cách hoàn hảo; trong khi đó, khi chúng ta cố cai quản hành khí dục vọng, chúng ta đang đưa thể trí xuống một thế giới xa lạ với nó, và áp đặt một quyền thống trị ngoại lai từ bên ngoài, nên chúng ta được trang bị rất kém cho cuộc đấu tranh.

To sum up then: control of mind is in itself far easier than control of the emotions, but we have had a certain amount of practice in the-latter, and as a rule almost no practice at all in the former; and it is for that reason only that the mental exercise seems so difficult to us. Both of them together constitute a far easier task than the perfect mastery of the physical body; but this latter we have been to some extent practising during a number of previous lives, though our achievements along that line are even yet notably imperfect. A thorough comprehension of this matter should be distinctly encouraging to the student; and the result of such comprehension is vividly to impress upon him the truth of the remark made in *The Voice of the Silence* that this earth is the only true hell which is known to the Occultist. [49]

Vậy tóm lại: việc kiểm soát thể trí tự nó dễ hơn nhiều so với kiểm soát các cảm xúc, nhưng chúng ta đã có một mức độ thực hành nào đó trong việc sau, và theo lệ thường hầu như không có thực hành nào trong việc trước; chỉ vì lý do đó mà bài tập trí tuệ dường như khó khăn đối với chúng ta. Cả hai việc ấy hợp lại vẫn là một nhiệm vụ dễ hơn nhiều so với việc làm chủ hoàn hảo thể xác; nhưng việc sau này chúng ta đã thực hành đến một mức nào đó trong nhiều đời sống trước, dù những thành tựu của chúng ta theo đường hướng ấy đến nay vẫn còn rõ ràng là bất toàn. Một sự thấu hiểu thấu đáo về vấn đề này hẳn phải khích lệ rõ rệt đạo sinh; và kết quả của sự thấu hiểu ấy là khắc sâu sống động nơi y chân lý của nhận xét trong *Tiếng Nói của Im Lặng* rằng trái đất này là địa ngục thật sự duy nhất mà nhà huyền bí học biết đến. [49]

Let us now take one step farther, and turn our attention to the upper part of the mental plane, which is inhabited by the ego in his causal body. Now at last the veils have fallen away, and for the first time we meet man to man without possibility of misunderstanding. Even in the astral world the consciousness is already so different from that which we know down here, that it is practically impossible to give any coherent idea of it, and this difficulty increases as we attempt to deal with higher planes. Here thoughts no longer take form and float about

Bây giờ chúng ta hãy tiến thêm một bước nữa, và hướng sự chú ý đến phần trên của cõi trí, nơi chân ngã cư trú trong thể nguyên nhân của mình. Giờ đây cuối cùng các bức màn đã rơi xuống, và lần đầu tiên chúng ta gặp nhau như người với người, không còn khả năng hiểu lầm. Ngay cả trong cõi cảm dục, tâm thức đã khác với điều chúng ta biết ở dưới này đến mức thực tế không thể đưa ra bất cứ ý niệm mạch lạc nào về nó, và khó khăn này tăng lên khi chúng ta cố đề cập đến các cõi cao hơn. Ở đây, tư tưởng không còn mang hình tướng và trôi nổi như ở các cấp độ thấp hơn, mà đi qua như

as they do at lower levels, but pass like lightning-flashes from one soul to another. Here we have no newly-acquired vehicles, gradually coming under control and learning by degrees more or less feebly to express the soul within; but we are face to face with one body older than the hills, an actual expression of the Divine Glory which ever rests behind it, and shines through it more and more in the gradual unfolding of its powers. Here we deal no longer with outer forms, but we see the things in themselves—the reality which lies behind the imperfect expression. Here cause and effect are one, clearly visible in their unity, like two sides of the same coin. Here we have left the concrete for the abstract; we have no longer the multiplicity of forms, but the idea which lies behind all those forms.

những tia chớp từ linh hồn này sang linh hồn khác. Ở đây, chúng ta không có các hiện thể mới đạt được, dần dần đi vào sự kiểm soát và từng bước học cách biểu lộ ít nhiều yếu ớt linh hồn bên trong; mà chúng ta đối diện với một thể xưa hơn núi đồi, một biểu hiện thật sự của Vinh Quang Thiêng Liêng vốn luôn an trú phía sau nó và chiếu xuyên qua nó ngày càng nhiều hơn trong sự khai mở dần dần của các quyền năng của nó. Ở đây, chúng ta không còn đề cập đến các hình tướng bên ngoài, mà thấy chính các sự vật tự thân—thực tại nằm sau biểu hiện bất toàn. Ở đây, nguyên nhân và kết quả là một, hiện rõ trong sự hợp nhất của chúng, như hai mặt của cùng một đồng tiền. Ở đây, chúng ta đã rời cái cụ thể để đi vào cái trừu tượng; chúng ta không còn có sự đa tạp của các hình tướng, mà có ý tưởng nằm sau tất cả các hình tướng ấy.

Here the *essence* of everything is available; we no longer study details; we no longer talk round a subject or endeavour to explain it; we take up the essence or the idea of the subject and move it as [50] a whole, as one moves a piece when playing chess. This is a world of realities, where not only is deception impossible but also unthinkable; we deal no longer with any emotions, ideas or conceptions, but with the thing in itself. It is impossible to express in words the ordinary traffic of ideas between men in fully-developed causal bodies. What down here would be a system of philosophy, needing many volumes to explain it, is there a single definite object—a thought which can be thrown down as one throws a card upon a table. An opera or an oratorio, which here would occupy a full orchestra for many hours in the rendering, is there a single mighty chord; the methods of a whole school of painting are condensed into one magnificent idea; and ideas such as these are the

Ở đây, *tinh túy* của mọi sự đều sẵn có; chúng ta không còn nghiên cứu chi tiết; chúng ta không còn nói vòng quanh một đề tài hay cố giải thích nó; chúng ta nắm lấy tinh túy hay ý tưởng của đề tài và di chuyển nó như [50] một toàn thể, như người ta di chuyển một quân cờ khi chơi cờ. Đây là một thế giới của các thực tại, nơi không chỉ lừa dối là bất khả mà còn không thể nghĩ tới; chúng ta không còn xử lý bất cứ cảm xúc, ý tưởng hay quan niệm nào, mà với chính sự vật tự thân. Không thể diễn tả bằng lời sự trao đổi ý tưởng thông thường giữa những người ở trong các thể nguyên nhân đã phát triển đầy đủ. Điều ở dưới này sẽ là một hệ thống triết học, cần nhiều quyển sách để giải thích, thì ở đó là một đối tượng xác định duy nhất—một tư tưởng có thể được đặt xuống như người ta đặt một lá bài lên bàn. Một vở nhạc kịch hay một bản thánh xướng, ở đây cần cả một dàn nhạc trong nhiều giờ để trình diễn, thì ở đó là một hợp âm hùng mạnh duy nhất; các phương pháp của cả một trường phái hội họa được cô đọng vào một ý tưởng tráng lệ; và

intellectual counters which are used by egos in their converse one with another.

những ý tưởng như vậy là các đơn vị trao đổi trí tuệ mà các chân ngã sử dụng trong sự giao tiếp với nhau.

There also we meet a higher order of Angels, more splendid but less comprehensible to our dull faculties. There for the first time we have fully unrolled before us all the stories of all the lives which have been lived upon our globe, the actual living records of the past; for this is the lowest plane on which the Divine Memory reflects itself. Here for the first time we see our lives as one vast whole, of which our descents into incarnation have been but the passing days. Here the great scheme of evolution is unfolded before us, so that we can see what is the Divine will for us.

Ở đó chúng ta cũng gặp một cấp bậc Thiên Thần cao hơn, huy hoàng hơn nhưng ít có thể lĩnh hội hơn đối với các quan năng trì trệ của chúng ta. Ở đó, lần đầu tiên, mọi câu chuyện của mọi đời sống đã được sống trên bầu hành tinh của chúng ta được mở ra trọn vẹn trước chúng ta, những ký lục sống động thật sự của quá khứ; vì đây là cõi thấp nhất mà trên đó Ký Ức Thiêng Liêng phản chiếu chính nó. Ở đây, lần đầu tiên chúng ta thấy các đời sống của mình như một toàn thể bao la, trong đó những lần giáng xuống nhập thể của chúng ta chỉ là những ngày thoáng qua. Ở đây, hệ thống tiến hoá vĩ đại được khai mở trước chúng ta, để chúng ta có thể thấy Ý chí thiêng liêng dành cho chúng ta là gì.

The ordinary man is as yet but little developed as an ego; he needs the grosser matter of far lower [51] planes in order to be able to sense vibrations and respond to them. But an ego who is awakened and is truly alive upon his own plane is indeed a glorious object, and gives us for the first time some idea of what God means man to be. The egos are still separate, yet intellectually they fully realise their inner unity, for they see one another as they are and can no longer blunder or fail to comprehend.

Con người bình thường với tư cách một chân ngã vẫn còn phát triển rất ít; y cần vật chất thô hơn của các cõi thấp [51] hơn rất nhiều để có thể cảm nhận các rung động và đáp ứng với chúng. Nhưng một chân ngã đã thức tỉnh và thật sự sống động trên cõi riêng của mình quả là một đối tượng huy hoàng, và lần đầu tiên cho chúng ta một ý niệm nào đó về điều Thượng đế muốn con người trở thành. Các chân ngã vẫn còn riêng biệt, nhưng về mặt trí tuệ họ chứng nghiệm trọn vẹn sự hợp nhất bên trong của mình, vì họ thấy nhau đúng như họ là và không còn có thể lầm lẫn hay không thấu hiểu.

Strange as even that must seem when looked at from below, and far removed as it is from our ordinary conceptions of life, our next step brings us into a region even less possible to be grasped by the lower mind; for when we follow the man into the intuitional world, developing the buddhic consciousness, we are

Dù điều ấy hẳn cũng có vẻ kỳ lạ khi nhìn từ bên dưới, và tuy nó cách rất xa những quan niệm thông thường của chúng ta về sự sống, bước kế tiếp của chúng ta đưa chúng ta vào một vùng còn ít có khả năng được Hạ trí nắm bắt hơn nữa; vì khi chúng ta theo con người vào thế giới trực giác, phát triển tâm thức Bồ đề, chúng

in the presence not only of an indefinite extension of various capacities, but also of an entire change of method. From the causal body we looked out upon everything, understanding, seeing everything exactly as it is and appraising it at its true value, yet still maintaining a distinction between subject and object, still conscious that we *looked upon* that which we so thoroughly comprehended. But now a change has come; the comprehension is more perfect and not less, but it is from within instead of from without. We no longer *look upon* a person or upon an object, no matter with what degree of kindliness or of sympathy; we simply *are* that person or that object, and we know him or it as we know the thought of our own brain or the movement of our own hand.

ta đứng trước không chỉ một sự mở rộng vô hạn của nhiều năng lực khác nhau, mà còn trước một sự thay đổi hoàn toàn về phương pháp. Từ thể nguyên nhân, chúng ta nhìn ra mọi sự, thấu hiểu, thấy mọi sự đúng như chúng là và đánh giá chúng theo giá trị thật của chúng, nhưng vẫn còn duy trì một sự phân biệt giữa chủ thể và đối tượng, vẫn còn ý thức rằng chúng ta *nhìn ngắm* điều mà chúng ta thấu hiểu hết sức trọn vẹn. Nhưng giờ đây một thay đổi đã đến; sự thấu hiểu trở nên hoàn hảo hơn chứ không kém đi, nhưng đó là từ bên trong thay vì từ bên ngoài. Chúng ta không còn *nhìn ngắm* một người hay một đối tượng, dù với mức độ tử tế hay đồng cảm nào; chúng ta đơn giản *là* người ấy hay đối tượng ấy, và chúng ta biết người ấy hay nó như chúng ta biết tư tưởng của chính bộ não mình hoặc cử động của chính bàn tay mình.

It is not easy even to suggest the subtle change which this casts over everything—the curiously [52] different value which it gives to all the actions and relations of life. It is not only that we understand another man still more intimately; it is that we feel ourselves to be acting through him, and we appreciate his motives as our own motives, even though we may perfectly understand that another part of ourselves, possessing more knowledge or a different view-point, might act quite differently. All through our previous evolution we have had our own private view-point and our own qualities, which were cherished because they were our own—which seemed to us in some subtle way different from the same qualities when manifested in others; but now we lose entirely that sense of personal property in qualities and in ideas, because we see that these things are truly common to all, because they are part of the great reality which lies equally behind all. So personal pride in individual development

Không dễ gì ngay cả gợi ý về sự thay đổi tinh tế mà điều này phủ lên mọi sự — giá trị khác biệt một cách lạ lùng [52] mà nó đem lại cho mọi hành động và quan hệ trong đời sống. Không chỉ là chúng ta thấu hiểu một người khác còn thân mật hơn; mà là chúng ta cảm thấy chính mình đang hành động qua y, và chúng ta đánh giá các động cơ của y như các động cơ của chính mình, dù chúng ta có thể hoàn toàn hiểu rằng một phần khác của chính mình, sở hữu nhiều tri thức hơn hoặc một quan điểm khác, có thể hành động rất khác. Suốt trong tiến trình tiến hoá trước đây của mình, chúng ta đã có quan điểm riêng tư của mình và những phẩm tính riêng của mình, vốn được trân quý vì chúng là của chúng ta — chúng dường như đối với chúng ta, theo một cách tinh tế nào đó, khác với cùng những phẩm tính ấy khi biểu hiện nơi người khác; nhưng giờ đây chúng ta hoàn toàn mất đi cảm thức sở hữu cá nhân đối với các phẩm tính và ý tưởng, bởi vì chúng ta thấy rằng những điều này thật sự là chung cho tất cả, vì chúng là một phần của thực tại vĩ đại

becomes an utter impossibility, for we see now that personal development is but as the growth of one leaf among the thousands of leaves upon a tree, and that the important fact is not the size or shape of that particular leaf, but its relation to the tree as a whole; for it is only of the tree as a whole that we can really predicate permanent growth.

nằm bình đẳng phía sau tất cả. Vì thế, lòng kiêu hãnh cá nhân trong sự phát triển cá nhân trở nên hoàn toàn bất khả, bởi giờ đây chúng ta thấy rằng sự phát triển cá nhân chỉ như sự lớn lên của một chiếc lá giữa hàng ngàn chiếc lá trên một cái cây, và sự kiện quan trọng không phải là kích thước hay hình dạng của chiếc lá đặc thù ấy, mà là mối liên hệ của nó với toàn thể cái cây; vì chỉ đối với cái cây như một toàn thể, chúng ta mới thật sự có thể xác quyết sự tăng trưởng lâu bền.

Down here we meet people of different dispositions; we study them, and we say to ourselves that under no conceivable circumstances could we ever act or think as they do, and though we sometimes talk of "putting ourselves in the other man's place", it is generally a feeble, half-hearted, [53] insufficient substitution; but in the intuitional world we see clearly and instantly the reason for those actions which here seem so incomprehensible and repugnant, and we readily understand that it is we ourselves in another form who are doing those very things which seem to us so reprehensible, and we recognise that to that facet of ourselves such action is quite right and natural. We find that we have ceased altogether to blame others for their differences from ourselves; we simply note them as other manifestations of our own activity, for now we see reasons which before were hidden from us. Even the evil man is clearly seen to be part of ourselves—a weak part; so our desire is not to blame him, but to help him by pouring strength into that weak part of ourselves, so that the whole body of humanity may be vigorous and healthy.

Ở dưới này, chúng ta gặp những người có các tính khí khác nhau; chúng ta nghiên cứu họ, và chúng ta tự nhủ rằng trong bất cứ hoàn cảnh nào có thể quan niệm được, chúng ta cũng không bao giờ có thể hành động hay suy nghĩ như họ, và dù đôi khi chúng ta nói đến việc "đặt mình vào vị trí của người khác", thì thường đó chỉ là một sự thay thế yếu ớt, nửa vời, [53] không đầy đủ; nhưng trong thế giới trực giác, chúng ta thấy rõ ràng và tức khắc lý do của những hành động mà ở đây dường như quá khó hiểu và đáng ghét, và chúng ta dễ dàng thấu hiểu rằng chính chúng ta trong một hình tướng khác đang làm những điều mà đối với chúng ta dường như rất đáng trách ấy, và chúng ta nhận ra rằng đối với phương diện ấy của chính mình, hành động như thế là hoàn toàn đúng đắn và tự nhiên. Chúng ta thấy rằng mình đã hoàn toàn thôi trách cứ người khác vì những khác biệt của họ với chúng ta; chúng ta chỉ ghi nhận chúng như những biểu hiện khác của hoạt động của chính mình, vì giờ đây chúng ta thấy những lý do trước kia bị che giấu khỏi chúng ta. Ngay cả kẻ ác cũng được thấy rõ là một phần của chính chúng ta — một phần yếu đuối; vì thế ước muốn của chúng ta không phải là trách cứ y, mà là giúp y bằng cách tuôn sức mạnh vào phần yếu đuối ấy của chính mình, để toàn thể thân thể của nhân loại có thể mạnh mẽ và lành mạnh.

When in the causal body, we already recognised the Divine Consciousness in all; when we looked upon another ego, that consciousness leaped up in him to recognise the Divine within us. Now it no longer leaps to greet us from without, for it is already enshrined within our hearts. We *are* that consciousness and it is *our* consciousness. There is no longer the "you" and the "I", for we both are one—both facets of something that transcends and yet includes us both.

Khi ở trong thể nguyên nhân, chúng ta đã nhận ra Tâm Thức Thiêng Liêng trong tất cả; khi chúng ta nhìn ngắm một chân ngã khác, tâm thức ấy bật dậy trong y để nhận ra Thiêng Liêng nơi chúng ta. Giờ đây nó không còn bật dậy để chào đón chúng ta từ bên ngoài nữa, vì nó đã được tôn trí trong chính tâm chúng ta. Chúng ta *là* tâm thức ấy và nó là *tâm thức của chúng ta*. Không còn "bạn" và "tôi" nữa, vì cả hai chúng ta là một — cả hai đều là những phương diện của một điều gì đó vượt lên trên nhưng vẫn bao gồm cả hai chúng ta.

Yet in all this strange advance there is no loss of the sense of individuality, even though there is an utter loss of the sense of separateness. That seems a paradox, yet it is obviously true. The man remembers all that lies behind him. He is himself, [54] the same man who did this action or that in the far-off past. He is in no way changed, except that now he is much more than he was then, and feels that he includes within himself many other manifestations as well. If here and now a hundred of us could simultaneously raise our consciousness into the intuitional world, we should all be one consciousness, but to each man that would seem to be his own, absolutely unchanged except that now it included all the others as well.

Tuy nhiên, trong toàn bộ bước tiến kỳ lạ này không có sự mất đi cảm thức về cá thể tính, dù có sự mất đi hoàn toàn cảm thức về sự tách biệt. Điều đó dường như là một nghịch lý, nhưng rõ ràng là đúng. Con người nhớ tất cả những gì nằm sau y. Y là chính y, [54] cùng một con người đã làm hành động này hay hành động kia trong quá khứ xa xôi. Y không hề thay đổi theo bất cứ cách nào, ngoại trừ việc giờ đây y lớn lao hơn nhiều so với khi ấy, và cảm thấy rằng y cũng bao gồm trong chính mình nhiều biểu hiện khác. Nếu tại đây và ngay bây giờ, một trăm người trong chúng ta có thể đồng thời nâng tâm thức mình vào thế giới trực giác, tất cả chúng ta sẽ là một tâm thức duy nhất, nhưng đối với mỗi người, điều đó sẽ dường như là tâm thức của chính y, hoàn toàn không thay đổi ngoại trừ việc giờ đây nó cũng bao gồm tất cả những người khác.

To each it would seem that it was *he* who had absorbed or included all those others; so we are here manifestly in the presence of a kind of illusion, and a little further realisation makes it clear to us that we are all facets of a greater consciousness, and that what we have hitherto thought to be our qualities, our intellect, our energy, have all the time been His qualities, His intellect, His energy. We have arrived at the realisation in actual fact of

Đối với mỗi người, dường như chính *y* đã hấp thụ hay bao gồm tất cả những người kia; vì thế ở đây rõ ràng chúng ta đứng trước một loại ảo tưởng, và thêm một chút chứng nghiệm nữa sẽ làm rõ cho chúng ta rằng tất cả chúng ta đều là những phương diện của một tâm thức lớn hơn, và rằng những gì cho đến nay chúng ta tưởng là các phẩm tính của mình, trí tuệ của mình, năng lượng của mình, thì từ trước đến nay đều là các phẩm tính của Ngài, trí tuệ của

the time-honoured formula: “Thou art that”. It is one thing to talk about this down here and to grasp it, or think that we grasp it, intellectually; but it is quite another to enter into that marvellous world and *know* it with a certainty that can never again be shaken.

Ngài, năng lượng của Ngài. Chúng ta đã đi đến sự chứng nghiệm trong thực tế của công thức cổ truyền: “Ngươi là Cái Đó”. Nói về điều này ở dưới này và nắm bắt nó, hay tưởng rằng chúng ta nắm bắt nó, bằng trí năng, là một việc; nhưng bước vào thế giới kỳ diệu ấy và *biết* nó với một sự chắc chắn không bao giờ còn có thể bị lay chuyển nữa, lại là một việc hoàn toàn khác.

Yet it must not be supposed that when a man enters upon the lowest subdivision of that world, he at once becomes fully conscious of his unity with all that lives. That perfection of sense comes only as the result of much toil and trouble, when he has reached the highest subdivision of this realm of unity. To enter that plane at all is to [55] experience an enormous extension of consciousness, to realise himself as one with many others; but before him then there opens a time of effort, a time of self-development, analogous at that level to what we do down here when by meditation we try to open our consciousness to the plane next above us. Step by step, sub-plane by sub-plane, the aspirant wins his way; for even at that level exertion is still necessary if progress is to be made.

Tuy nhiên, không nên giả định rằng khi một người bước vào phân khu thấp nhất của thế giới ấy, y tức khắc trở nên có ý thức trọn vẹn về sự hợp nhất của mình với mọi sự sống. Sự hoàn hảo của cảm thức ấy chỉ đến như kết quả của nhiều lao khổ và khó khăn, khi y đã đạt đến phân khu cao nhất của cõi hợp nhất này. Chỉ cần bước vào cõi ấy thôi cũng là [55] trải nghiệm một sự mở rộng tâm thức vô cùng lớn lao, nhận biết chính mình là một với nhiều người khác; nhưng khi ấy trước y mở ra một thời kỳ nỗ lực, một thời kỳ tự phát triển, tương tự ở cấp độ ấy với những gì chúng ta làm dưới này khi bằng tham thiền, chúng ta cố gắng mở tâm thức mình ra với cõi kế trên chúng ta. Từng bước một, từng cõi phụ một, người chí nguyện giành lấy con đường của mình; vì ngay cả ở cấp độ ấy, nỗ lực vẫn còn cần thiết nếu muốn có tiến bộ.

A stage below this, while we were still in the higher mental plane, we learned to see things as they are, to get behind our preconceptions of them, and to reach the reality which lay behind what we had been able to see of them. Now we are able to see the reality which lay behind other people’s divergent views of that same object; coming simultaneously up their lines as well as our own, we enter into that thing and we realise all its possibilities, because now it is ourselves, and its possibilities are possible also for us. Difficult to put into words; impossible fully to comprehend

Ở một giai đoạn thấp hơn điều này, khi chúng ta vẫn còn ở trên Cõi thượng trí, chúng ta đã học cách thấy sự vật như chúng là, vượt ra sau các định kiến của mình về chúng, và đạt tới thực tại nằm sau những gì chúng ta đã có thể thấy về chúng. Giờ đây chúng ta có thể thấy thực tại nằm sau những quan điểm khác nhau của người khác về cùng một đối tượng ấy; đồng thời đi lên theo các đường lối của họ cũng như của chính mình, chúng ta bước vào sự vật ấy và chúng ta nhận biết tất cả các khả năng của nó, bởi vì giờ đây nó là chính chúng ta, và các khả năng của nó cũng là khả năng đối với

down here; and yet approaching and hinting at a truth which is more real than what we call reality in this world.

chúng ta. Khó diễn đạt thành lời; không thể thấu hiểu trọn vẹn ở dưới này; vậy mà điều đó đang đến gần và gợi ý một chân lý còn thật hơn điều mà chúng ta gọi là thực tại trong thế giới này.

If we could instantly be transported to that level without passing slowly through the intermediate stages, most of what we found ourselves able to see would mean but little to us. To change abruptly even into the astral consciousness gives one so different an outlook that many familiar objects are entirely unrecognisable. Such a thing, for example, as a book or a water-bottle presents to us a certain appearance with which we are familiar; but if we [56] suddenly find ourselves able to see that object from all sides at once, as well as from above and below, we shall perhaps realise that it presents an appearance so different that we should require a considerable amount of mental adjustment before we could name it with certainty. Add to that the further complication that the whole inside of the body is laid out before us as though every particle were separately placed upon a table, and we shall again see that additional difficulties are introduced. Add to them again yet another fact—that while we look upon all these particles as described, we are yet at the same time within each of those particles and are looking out through it, and we shall see that it becomes an absolute impossibility to trace any resemblance to the object which we knew in the physical world.

Nếu chúng ta có thể tức khắc được đưa đến cấp độ ấy mà không chậm rãi đi qua các giai đoạn trung gian, phần lớn những gì chúng ta thấy mình có thể nhìn thấy sẽ chẳng có mấy ý nghĩa đối với chúng ta. Ngay cả việc đột ngột chuyển sang tâm thức cảm dục cũng đem lại cho người ta một cách nhìn khác đến nỗi nhiều vật quen thuộc trở nên hoàn toàn không thể nhận ra. Chẳng hạn, một vật như một cuốn sách hay một chai nước trình hiện trước chúng ta một vẻ ngoài nào đó mà chúng ta quen thuộc; nhưng nếu chúng ta [56] đột nhiên thấy mình có thể nhìn vật ấy từ mọi phía cùng một lúc, cũng như từ trên và từ dưới, có lẽ chúng ta sẽ nhận ra rằng nó trình hiện một vẻ ngoài khác biệt đến mức chúng ta cần một sự điều chỉnh trí tuệ đáng kể trước khi có thể gọi tên nó một cách chắc chắn. Thêm vào đó sự phức tạp nữa là toàn bộ bên trong của thể được trải ra trước chúng ta như thể mỗi hạt đều được đặt riêng rẽ trên một cái bàn, và một lần nữa chúng ta sẽ thấy rằng những khó khăn bổ sung đã xuất hiện. Lại thêm vào đó một sự kiện khác nữa — rằng trong khi chúng ta nhìn ngắm tất cả những hạt này như đã mô tả, đồng thời chúng ta vẫn ở bên trong từng hạt ấy và đang nhìn ra xuyên qua nó, và chúng ta sẽ thấy rằng việc lần ra bất cứ sự tương đồng nào với đối tượng mà chúng ta đã biết trong thế giới hồng trần trở thành một điều tuyệt đối bất khả.

That is, of course, nothing but an illustration —a coarse and concrete example of what takes place; and in order really to understand, one must spiritualise it and add to it many other considerations—all of which, however, tend

Dĩ nhiên, đó chẳng qua chỉ là một minh họa — một thí dụ thô sơ và cụ thể về điều xảy ra; và để thật sự thấu hiểu, người ta phải tinh thần hoá nó và thêm vào đó nhiều suy xét khác — tuy nhiên tất cả những điều ấy đều có khuynh

to make the recognition more difficult rather than less. Fortunately in nature no sudden leap of this kind is possible. The method of evolution is gradual unfoldment, so that we are led on little by little until we are able to face without flinching glories which would dazzle us if they burst unexpectedly upon our view.

hướng làm cho việc nhận ra trở nên khó khăn hơn chứ không dễ hơn. May mắn thay, trong thiên nhiên không thể có một bước nhảy đột ngột nào như thế. Phương pháp của tiến hoá là sự khai mở dần dần, nhờ đó chúng ta được dẫn dắt từng chút một cho đến khi có thể đối diện không nao núng với những vinh quang vốn sẽ làm chúng ta choáng ngợp nếu chúng bất ngờ bừng hiện trước tầm mắt chúng ta.

At this level man still has a definite body, and yet his consciousness seems equally present in vast numbers of other bodies. The web of life (which, you know, is constructed of buddhic matter—matter [57] of the intuitional world) is extended so that it includes these other people, so that instead of many small separate webs we get one vast web which enfolds them all in one common life. But remember that many of these others may be entirely unconscious of this change, and to them their own private little part of the web will still seem as much separated as ever —or *would* do so if they knew anything at all about the web of life. So from this standpoint and at this level it seems that all mankind are bound together thus by golden threads, and make one complex unit, no longer a man, but man in the abstract.

Ở cấp độ này, con người vẫn có một thể xác định, nhưng tâm thức của y dường như hiện diện ngang nhau trong vô số thể khác. Mạng lưới sự sống mà các bạn biết, được cấu tạo bằng vật chất Bồ đề — vật chất [57] của thế giới trực giác — được mở rộng để bao gồm những người khác này, đến nỗi thay vì nhiều mạng lưới nhỏ riêng biệt, chúng ta có một mạng lưới bao la duy nhất bao bọc tất cả họ trong một sự sống chung. Nhưng hãy nhớ rằng nhiều người trong số những người khác này có thể hoàn toàn không có ý thức về sự thay đổi này, và đối với họ, phần nhỏ riêng tư của họ trong mạng lưới vẫn sẽ dường như tách biệt như trước — hoặc *sẽ* như thế nếu họ biết chút gì về mạng lưới sự sống. Vì vậy, từ quan điểm này và ở cấp độ này, dường như toàn thể nhân loại được kết nối với nhau như thế bằng những sợi chỉ vàng, và tạo thành một đơn vị phức hợp duy nhất, không còn là một con người, mà là con người trong ý nghĩa trừu tượng.

What can we say of the next stage of consciousness, that which has often been called nirvana? This noble word has been translated to mean annihilation, but nothing could be further from the truth than this, for it represents the most intense and vivid life of which we know anything. Perhaps it may not unfairly be described as annihilation of all that we on the physical plane know and think of as the man; for all his personality, all his lower qualities, have long ago utterly

Chúng ta có thể nói gì về giai đoạn kế tiếp của tâm thức, giai đoạn thường được gọi là Niết Bàn? Từ cao quý này đã được dịch là sự hủy diệt, nhưng không gì có thể xa sự thật hơn thế, vì nó biểu thị sự sống mãnh liệt và sống động nhất mà chúng ta biết được. Có lẽ không phải là không công bằng khi mô tả nó như sự hủy diệt của tất cả những gì chúng ta trên cõi hồng trần biết và nghĩ đến như là con người; vì toàn bộ phàm ngã của y, mọi phẩm tính thấp của y, từ lâu đã hoàn toàn biến mất. Tuy vậy, tinh

disappeared. Yet the essence is there; the true man is there; the Divine Spark, descended from the Deity Himself, is still there, though now it has grown into a Flame—a Flame that is becoming consciously part of That from which it came; for here all consciousness merges into Him, even though it still retains all that was best in the feeling of individuality. The man still feels himself, just as he does now, but full of a delight, a vigour, a capacity, for which we have [58] simply no words down here. He has in no way lost his personal memories. He is just as much himself as ever, only it is a wider self. He still knows that "I am I"; but he also realises, and far more prominently, that "I am He".

túy vẫn ở đó; con người chân thật vẫn ở đó; Tia Lửa Thiêng Liêng, giáng xuống từ chính Thượng đế, vẫn ở đó, dù giờ đây nó đã lớn lên thành một Ngọn Lửa — một Ngọn Lửa đang trở nên có ý thức là một phần của Cái mà từ đó nó đã đến; vì ở đây mọi tâm thức đều hòa nhập vào Ngài, dù nó vẫn giữ lại tất cả những gì tốt đẹp nhất trong cảm thức về cá thể tính. Con người vẫn cảm thấy mình là chính mình, giống như y hiện nay, nhưng tràn đầy một niềm hoan lạc, một sức sống, một năng lực mà chúng ta [58] đơn giản không có lời nào để diễn tả dưới này. Y không hề mất đi các ký ức cá nhân của mình. Y vẫn là chính mình như bao giờ, chỉ có điều đó là một cái ngã rộng lớn hơn. Y vẫn biết rằng "Tôi là tôi"; nhưng y cũng nhận ra, và nổi bật hơn rất nhiều, rằng "Tôi là Ngài".

In the intuitional world his consciousness had widened so as to take in that of many other people. Now it seems to include the entire spiritual world, and the man feels that he is on the way to realising the divine attribute of omnipresence; for he exists not only in all those others, but also at every point of the intervening space, so that he can focus himself wherever he will, thus realising exactly the well-known phrase that he is a circle whose centre is everywhere and its circumference nowhere. He has transcended intellect as we know it, yet he knows and understands far more fully than ever before. On lower planes (lower than this, yet to us high beyond all reaching) he has seen the great Angels and Archangels in all their glorious order. In this spiritual world he comes face to face with the powers that rule, with the great Administrators of Karma, with the great Leaders of the Occult Hierarchy; with Planetary Spirits of stupendous power and wondrous beauty.

Trong thế giới trực giác, tâm thức của y đã mở rộng để bao gồm tâm thức của nhiều người khác. Giờ đây, nó dường như bao gồm toàn bộ thế giới tinh thần, và con người cảm thấy rằng y đang trên đường nhận ra thuộc tính thiêng liêng của sự hiện diện khắp nơi; vì y hiện hữu không chỉ trong tất cả những người khác ấy, mà còn tại mọi điểm của khoảng không gian chen giữa, đến nỗi y có thể tập trung chính mình ở bất cứ nơi nào y muốn, nhờ đó chứng nghiệm đúng y như câu nói quen thuộc rằng y là một vòng tròn có tâm ở khắp nơi và chu vi không ở đâu cả. Y đã vượt lên trên trí năng như chúng ta biết, nhưng y biết và thấu hiểu trọn vẹn hơn bao giờ hết. Trên các cõi thấp hơn — thấp hơn cõi này, nhưng đối với chúng ta vẫn cao vượt ngoài mọi tầm với — y đã thấy các Thiên Thần và Tổng Thiên Thần vĩ đại trong toàn bộ trật tự huy hoàng của các Ngài. Trong thế giới tinh thần này, y đối diện trực tiếp với các quyền năng cai quản, với các Đấng Quản Trị Nghiệp Quả vĩ đại, với các Vị Lãnh Đạo vĩ đại của Thánh Đoàn Huyền Bí; với các Chân Linh Hành Tinh có quyền năng phi thường và vẻ đẹp kỳ diệu.

It is hopeless to attempt to describe this life which transcends all life that we know, and yet is so utterly different from it as to seem almost a negation of it—a splendour of purposeful life as compared with a mere blind crawling along darkened ways. For this indeed is life and this is reality, as far as we can reach it at present; although we doubt not for a [59] moment that beyond even this indescribable glory there extend yet greater glories which surpass it even as it surpasses this catacomb life of earth. There, all is God, and all these august Beings are obviously great manifestations of Him; and so thoroughly is this conviction borne in upon a man's consciousness, so entirely does it become part of him, that when he descends once more to the physical globe of this sorrowful star he cannot forget it, but ever thereafter he sees the Divine Spark, even in the most unlikely surroundings. Down here it is often hard to recognise; we need to dig so deeply in order to find it. In that spiritual world it is self-evident, and we know, because we see it, that there is nothing but God—no life anywhere in all the worlds but the Divine Life.

Thật vô vọng khi cố gắng mô tả sự sống này, vốn vượt lên trên mọi sự sống mà chúng ta biết, nhưng lại khác biệt với nó đến mức dường như gần như phủ định nó — một huy hoàng của sự sống có mục đích so với sự bò lê mù quáng đơn thuần dọc theo những nẻo đường tối tăm. Vì đây quả thật là sự sống và đây là thực tại, trong chừng mực chúng ta hiện nay có thể vươn tới; dù chúng ta không chút [59] nghi ngờ rằng vượt ngoài ngay cả vinh quang không thể mô tả này còn trải rộng những vinh quang lớn lao hơn nữa, vượt trội nó cũng như nó vượt trội đời sống hầm mộ này của trái đất. Ở đó, tất cả là Thượng đế, và tất cả những Hữu Thể uy nghi này rõ ràng là những biểu hiện vĩ đại của Ngài; và niềm xác tín này được in sâu vào tâm thức con người một cách triệt để, trở thành một phần của y trọn vẹn đến nỗi khi y lại giáng xuống bầu hành tinh hồng trần của ngôi sao sầu khổ này, y không thể quên được nó, mà từ đó về sau luôn thấy Tia Lửa Thiêng Liêng, ngay cả trong những hoàn cảnh ít có vẻ thích hợp nhất. Ở dưới này, thường rất khó nhận ra nó; chúng ta cần đào sâu đến thế để tìm thấy nó. Trong thế giới tinh thần ấy, nó tự hiển nhiên, và chúng ta biết, bởi vì chúng ta thấy nó, rằng không có gì ngoài Thượng đế — không có sự sống nào ở bất cứ đâu trong mọi thế giới ngoài Sự Sống Thiêng Liêng.

For at that level the man himself has become as a god among gods, a lesser light among the greater lights, yet truly an orb of splendour, even though so much less than the Masters, than the Great Devas, than the Mighty Spirits who rule the destinies of men and worlds. There we see face to face all these great Beings of whom down here we hear and read, of whom sometimes we make faint images. There we see with open face the beauty of which down here we can but catch the faintest reflections. There we hear the glorious music of the spheres, of which only occasional

Vì ở cấp độ ấy, chính con người đã trở nên như một vị thần giữa các vị thần, một ánh sáng nhỏ hơn giữa những ánh sáng lớn hơn, nhưng thật sự là một quả cầu huy hoàng, dù vẫn còn kém xa các Chân sư, các đại thiên thần, các Tinh Thần Hùng Mạnh cai quản vận mệnh của con người và các thế giới. Ở đó, chúng ta đối diện trực tiếp với tất cả những Hữu Thể vĩ đại này, những Đấng mà dưới này chúng ta nghe nói và đọc về, những Đấng mà đôi khi chúng ta tạo nên các hình ảnh mờ nhạt. Ở đó, chúng ta thấy trực diện vẻ đẹp mà dưới này chúng ta chỉ có thể bắt được những phản chiếu mờ nhạt nhất.

echoes can reach us in this lower world.

Ở đó, chúng ta nghe âm nhạc huy hoàng của các khối cầu, mà chỉ những vọng âm thỉnh thoảng mới có thể đến với chúng ta trong thế giới thấp này.

Truly terrible as is the descent from that great world to this, yet one who has once touched that consciousness can never again be the same as he [60] was before. He cannot wholly forget, even amidst the darkness and the storm, that his eyes have seen the King in His beauty, that he has beheld the land which is very far off, and yet at the same time is near, even at our doors, close about us all the while, if we will but lift up our eyes to see it, if we will but develop the God within us till He can respond to the God without.

Dù cuộc giáng xuống từ thế giới vĩ đại ấy về thế giới này thật sự đáng sợ, song người đã một lần chạm đến tâm thức ấy không bao giờ còn có thể là chính y [60] như trước nữa. Y không thể hoàn toàn quên, ngay giữa bóng tối và bão tố, rằng mắt y đã thấy Đức Vua trong vẻ đẹp của Ngài, rằng y đã chiêm ngưỡng miền đất rất xa, nhưng đồng thời lại gần, ngay trước cửa chúng ta, bao quanh sát bên chúng ta suốt cả thời gian, nếu chúng ta chỉ chịu ngước mắt lên để thấy nó, nếu chúng ta chỉ chịu phát triển Thượng đế bên trong chúng ta cho đến khi Ngài có thể đáp ứng với Thượng đế bên ngoài.

"The land which is very far off"; from the days of our childhood the phrase has been familiar to us, and it falls upon our ears with all the magic of holy associations; yet it is a mistranslation of the original Hebrew, and perhaps the real meaning of the text is even more beautiful and more appropriate, for the expression which Isaiah used is "the land of far distances", as though he were contrasting in his mind the splendid spaciousness of the star-strewn fields of heaven with the noisome narrowness of the cramped catacombs of earth. Yet even here and now, imprisoned in densest matter, we may lift our thoughts to the sun, for when once we know the truth, the truth has made us free. When once we have realised our unity with God, no darkness can ever shade us again, for we know that He is Light of Light, and the Father of Lights, with whom is no variableness, neither shadow of turning; and in Him is no darkness at all.

"Miền đất rất xa"; từ những ngày thơ ấu, cụm từ ấy đã quen thuộc với chúng ta, và nó rơi vào tai chúng ta với tất cả phép mầu của những liên tưởng thiêng liêng; tuy nhiên đó là một bản dịch sai từ nguyên bản Do Thái, và có lẽ ý nghĩa thật của văn bản còn đẹp hơn và thích hợp hơn, vì cách diễn đạt mà Isaiah dùng là "miền đất của những khoảng cách xa", như thể trong tâm trí ông đang đối chiếu sự bao la huy hoàng của những cánh đồng thiên đường rải đầy sao với sự chật hẹp hôi hám của những hầm mộ tù túng trên trái đất. Tuy vậy, ngay cả tại đây và bây giờ, bị giam trong vật chất đậm đặc nhất, chúng ta vẫn có thể nâng tư tưởng mình lên mặt trời, vì một khi chúng ta biết chân lý, chân lý đã làm cho chúng ta tự do. Một khi chúng ta đã chứng nghiệm sự hợp nhất của mình với Thượng đế, không bóng tối nào có thể che phủ chúng ta nữa, vì chúng ta biết rằng Ngài là Ánh Sáng của Ánh Sáng, và là Cha của các Ánh Sáng, nơi Ngài không có sự đổi thay, cũng không có bóng của sự chuyển hướng; và trong Ngài hoàn toàn không có bóng tối.

All this knowledge, all this glory, is within our reach, and must inevitably come to every one of us in the course of our evolution, as surely as day follows night. It is beyond all words now, beyond all feelings—beyond our intuition even. But there [61] will come a time when we shall know even as now also we are known. All that will come to us in the course of nature (in the seventh round, as we have said), even though we drift along and make no exertion; but far earlier if we are willing to undertake the labour which earns it—hard work indeed, yet noble work and pleasant in the doing, even though at times it may bring with it much of suffering. Yet the way is the Way of Service, and each step that we take is taken not for ourselves but for others, that through our realisation others may realise, that through our exertion others may find the Path, that through the blessing which comes to us the whole world may also be blessed. [62]

Tất cả tri thức này, tất cả vinh quang này, đều ở trong tầm với của chúng ta, và tất yếu phải đến với từng người trong chúng ta trong tiến trình tiến hoá của mình, chắc chắn như ngày nối tiếp đêm. Hiện nay nó vượt ngoài mọi lời nói, vượt ngoài mọi cảm xúc — thậm chí vượt ngoài trực giác của chúng ta. Nhưng sẽ [61] đến một thời khi chúng ta sẽ biết như hiện nay chúng ta cũng được biết. Tất cả điều đó sẽ đến với chúng ta theo tiến trình của tự nhiên — trong cuộc tuần hoàn thứ bảy, như chúng ta đã nói — dù chúng ta chỉ trôi theo và không nỗ lực; nhưng sẽ đến sớm hơn rất nhiều nếu chúng ta sẵn lòng đảm nhận lao tác xứng đáng với nó — quả thật là công việc khó nhọc, nhưng là công việc cao quý và vui thích trong khi thực hiện, dù đôi khi nó có thể đem theo nhiều đau khổ. Tuy nhiên con đường là Con Đường Phụng Sự, và mỗi bước chúng ta đi đều không đi vì chính mình mà vì người khác, để qua sự chứng nghiệm của chúng ta, người khác có thể chứng nghiệm; để qua nỗ lực của chúng ta, người khác có thể tìm thấy Đường Đạo; để qua phúc lành đến với chúng ta, toàn thế giới cũng có thể được ban phúc. [62]

CHAPTER III— CHƯƠNG III

THE BUDDHIC CONSCIOUSNESS—TÂM THỨC BỒ ĐỀ

MUCH has been written about the buddhic or intuitional world, and all students are theoretically acquainted with its wonderful characteristic of unity of consciousness; but most of them probably regard the possibility of obtaining any personal experience of that consciousness as belonging to the far-distant future. The full development of the buddhic vehicle is for most of us still remote, for it belongs to the stage of the Fourth or Arhat

ĐÃ có nhiều điều được viết về thế giới Bồ đề hay trực giác, và tất cả các đạo sinh đều quen biết về mặt lý thuyết với đặc tính kỳ diệu của nó là sự hợp nhất của tâm thức; nhưng phần lớn họ có lẽ xem khả năng đạt được bất cứ kinh nghiệm cá nhân nào về tâm thức ấy như thuộc về tương lai rất xa. Sự phát triển đầy đủ của vận cụ Bồ đề đối với hầu hết chúng ta vẫn còn xa, vì nó thuộc về giai đoạn của lần điểm đạo thứ tư, hay điểm đạo A-la-hán; nhưng có lẽ

Initiation; but it is perhaps not entirely impossible for those who are as yet far from that level to gain some touch of that higher type of consciousness in quite another way.

không hoàn toàn bất khả đối với những ai còn xa cấp độ ấy để có được một sự chạm đến nào đó với loại tâm thức cao hơn ấy theo một cách hoàn toàn khác.

I was myself brought along what I should describe as the ordinary and commonplace line of occult development, and I had to fight my way laboriously upward, conquering one sub-plane after another, first in the astral world, then in the mental, and then in the buddhic; which means that I had the, full use of my astral, mental and causal vehicles before anything came to me that I could define certainly as a real buddhic experience. This method is slow and toilsome, though I think it has [63] its advantages in developing accuracy in observation, in making sure of each step before the next is taken. I have no doubt whatever that it was the best for a person of my temperament; indeed, it was probably the only way possible for me; but it does rot follow that other people may not have quite other opportunities.

Bản thân tôi đã được dẫn đi theo điều mà tôi nên mô tả là đường lối phát triển huyền bí thông thường và bình dị, và tôi đã phải khó nhọc chiến đấu đi lên, chinh phục hết cõi phụ này đến cõi phụ khác, trước hết trong thế giới cảm dục, rồi trong thế giới trí tuệ, và sau đó trong thế giới Bồ đề; điều đó có nghĩa là tôi đã sử dụng trọn vẹn các vận cụ cảm dục, trí tuệ và nguyên nhân của mình trước khi bất cứ điều gì đến với tôi mà tôi có thể xác định chắc chắn là một kinh nghiệm Bồ đề thật sự. Phương pháp này chậm chạp và nhọc nhằn, dù tôi nghĩ nó có [63] những ưu điểm trong việc phát triển sự chính xác khi quan sát, trong việc bảo đảm mỗi bước trước khi bước kế tiếp được thực hiện. Tôi hoàn toàn không nghi ngờ rằng đó là phương pháp tốt nhất cho một người có khí chất như tôi; thật vậy, có lẽ đó là con đường duy nhất khả hữu đối với tôi; nhưng điều đó không có nghĩa là những người khác không thể có những cơ hội hoàn toàn khác.

It has happened to me in the course of my work to come into contact with a number of those who are undergoing occult training; and perhaps the fact which emerges most prominently from my experience in that direction is the marvellous variety of method employed by our Masters. So closely adapted is the training to the individual, that in no two cases is it the same; not only has every Master His own plan, but the same Master adopts a different scheme for each pupil, and so each person is brought along exactly that line which is most suitable for him.

Trong quá trình công việc của mình, tôi đã có dịp tiếp xúc với một số người đang trải qua sự huấn luyện huyền bí; và có lẽ sự kiện nổi bật nhất từ kinh nghiệm của tôi theo hướng ấy là sự đa dạng kỳ diệu của phương pháp mà các Chân sư của chúng ta sử dụng. Sự huấn luyện được thích ứng chặt chẽ với từng cá nhân đến nỗi không có hai trường hợp nào giống nhau; không chỉ mỗi Chân sư có Thiên Cơ riêng của Ngài, mà cùng một Chân sư cũng áp dụng một hệ hành tinh khác cho mỗi môn sinh, và vì thế mỗi người được dẫn đi đúng theo đường lối thích hợp nhất với y.

A remarkable instance of this variability of method came under my notice not long ago,

Một trường hợp đáng chú ý về sự biến thiên của phương pháp này gần đây đã đến dưới sự

and I think that an explanation of it may perhaps be useful to some of our students. Let me first remind them of the curious inverted way in which the ego is reflected in the personality; the higher *manas* or intellect images itself in the mental body, the intuition or *buddhi* reflects itself in the astral body, and the spirit or *atma* itself somehow corresponds to the physical. These correspondences show themselves in the three methods of individualisation, and they play their part in certain inner developments; but until lately it had not occurred to me [64] that they could be turned to practical account at a much earlier stage by the aspirant for occult progress.

quan sát của tôi, và tôi nghĩ rằng việc giải thích nó có lẽ hữu ích cho một số đạo sinh của chúng ta. Trước hết, hãy để tôi nhắc họ nhớ về cách thức đảo ngược kỳ lạ mà chân ngã được phản chiếu trong phàm ngã; *manas* cao hay trí năng tự phóng ảnh trong thể trí, trực giác hay *Bồ đề* phản chiếu chính nó trong thể cảm dục, và tinh thần hay *atma* tự nó bằng cách nào đó tương ứng với thể xác. Những tương ứng này tự biểu lộ trong ba phương pháp biệt ngã hóa, và chúng đóng vai trò của mình trong một số phát triển bên trong; nhưng cho đến gần đây tôi chưa từng nghĩ [64] rằng người chí nguyện hướng tới tiến bộ huyền bí có thể tận dụng chúng vào mục đích thực tiễn ở một giai đoạn sớm hơn nhiều.

A certain student of deeply affectionate nature developed an intense love for the teacher who had been appointed by his Master to assist him in the preliminary training. He made it a daily practice to form a strong mental image of that teacher, and then pour out his love upon him with all his force, thereby flooding his own astral body with crimson, and temporarily increasing its size enormously. He used to call the process "enlarging his aura". He showed such remarkable aptitude in this exercise, and it was so obviously beneficial to him, that an additional effort along the same line was suggested to him. He was recommended, while holding the image clearly before him, and sending out the love-force as strongly as ever, to try to raise his consciousness to a higher level and unify it with that of his teacher.

Một đạo sinh nọ có bản chất trìu mến sâu sắc đã phát triển một tình thương mãnh liệt dành cho vị huấn sư được Chân sư của y chỉ định để trợ giúp y trong sự huấn luyện sơ khởi. Y thực hành hằng ngày việc tạo nên một hình ảnh trí tuệ mạnh mẽ về vị huấn sư ấy, rồi tuôn tình thương của mình lên Ngài bằng toàn bộ sức lực, qua đó làm ngập thể cảm dục của chính mình bằng màu đỏ thẫm, và tạm thời làm tăng kích thước của nó lên rất lớn. Y thường gọi tiến trình ấy là "mở rộng hào quang của mình". Y cho thấy năng khiếu đáng kể trong bài tập này, và nó hiển nhiên có ích cho y đến nỗi người ta gợi ý cho y một nỗ lực bổ sung theo cùng đường lối. Y được khuyên rằng, trong khi giữ hình ảnh ấy rõ ràng trước mặt mình, và phóng ra mãnh lực tình thương mạnh mẽ như trước, hãy cố gắng nâng tâm thức của mình lên một cấp độ cao hơn và hợp nhất nó với tâm thức của vị huấn sư.

His first attempt to do this was amazingly successful. He described a sensation as of actually rising through space; he found what he supposed to be the sky like a roof barring his way, but the force of his will seemed to

Nỗ lực đầu tiên của y để làm điều này đã thành công đáng kinh ngạc. Y mô tả một cảm giác như thật sự đang bay lên trong không gian; y thấy điều mà y cho là bầu trời giống như một mái nhà chắn đường mình, nhưng mãnh lực

form a sort of cone in it, which presently became a tube through which he found himself rushing. He emerged into a region of blinding light which was at the same time a sea of bliss so overwhelming that he could find no words to describe it. It was not in the least like anything that he had ever felt before; it grasped him as definitely and instantaneously as a giant [65] hand might have done, and permeated his whole nature in a moment like a flood of electricity. It was more real than any physical object that he had ever seen, and yet at the same time so utterly spiritual. "It was as though GOD had taken me into Himself, and I felt His Life running through me", he said.

He gradually recovered himself and was able to examine his condition; and as he did so he began to realise that his consciousness was no longer limited as it had hitherto been—that he was somehow simultaneously present at every point of that marvellous sea of light; indeed, that in some inexplicable way he was himself that sea, even though apparently at the same time he was a point floating in it. It seemed to us who heard, that he was groping after words to express the consciousness which, as Madame Blavatsky so well puts it, has "its centre everywhere and its circumference nowhere".

Further realisation revealed to him that he had succeeded in his effort to become one with the consciousness of his teacher. He found himself thoroughly comprehending and sharing that teacher's feelings, and possessing a far wider and higher outlook on life than he had ever had before. One thing that impressed him immensely was the image of himself as seen through the teacher's eyes; it filled him with a sense of unworthiness, and yet of high resolve; as he whimsically put it: "I found

của ý chí y dường như tạo thành một loại hình nón trong đó, rồi chẳng bao lâu trở thành một ống mà qua đó y thấy mình lao đi. Y xuất hiện trong một vùng ánh sáng chói loà, đồng thời là một biển chí phúc áp đảo đến nỗi y không tìm được lời nào để mô tả. Nó hoàn toàn không giống bất cứ điều gì y từng cảm thấy trước đó; nó nắm lấy y rõ ràng và tức khắc như một bàn tay khổng lồ [65] có thể làm, và thấm nhuần toàn bộ bản chất của y trong khoảnh khắc như một dòng điện tràn ngập. Nó thật hơn bất cứ đối tượng hồng trần nào y từng thấy, nhưng đồng thời lại hoàn toàn tinh thần. "Như thể THƯỢNG ĐẾ đã đưa tôi vào chính Ngài, và tôi cảm thấy Sự Sống của Ngài tuôn chảy xuyên qua tôi," y nói.

Y dần dần hồi phục và có thể khảo sát tình trạng của mình; và khi làm như vậy, y bắt đầu nhận ra rằng tâm thức của y không còn bị giới hạn như trước kia — rằng bằng cách nào đó y đồng thời hiện diện tại mọi điểm của biển ánh sáng kỳ diệu ấy; thật vậy, rằng theo một cách không thể giải thích, chính y là biển ấy, dù dường như đồng thời y là một điểm đang trôi nổi trong đó. Đối với chúng tôi là những người nghe, dường như y đang mò mẫm tìm lời để diễn tả tâm thức mà, như Bà Blavatsky đã nói rất khéo, có "tâm ở khắp nơi và chu vi không ở đâu cả".

Sự chứng nghiệm sâu hơn mặc khải cho y rằng y đã thành công trong nỗ lực trở nên một với tâm thức của vị huấn sư. Y thấy mình thấu hiểu trọn vẹn và chia sẻ các cảm xúc của vị huấn sư ấy, đồng thời sở hữu một cách nhìn về đời sống rộng lớn và cao hơn rất nhiều so với trước kia. Một điều gây ấn tượng vô cùng mạnh mẽ cho y là hình ảnh về chính y như được nhìn qua đôi mắt của vị huấn sư; nó lấp đầy y bằng cảm thức bất xứng, nhưng cũng bằng một quyết tâm cao cả; như y nói một cách

myself loving myself through my teacher's intense love for me, and I knew that I could and would make myself worthy of it." [66]

dí dỏm: "Tôi thấy mình yêu chính mình qua tình thương mãnh liệt của vị huấn sư dành cho tôi, và tôi biết rằng tôi có thể và sẽ làm cho mình xứng đáng với tình thương ấy." [66]

He sensed also a depth of devotion and reverence which he had never before reached; he knew that in becoming one with his earthly teacher he had also entered the shrine of his true Master, with whom that teacher in turn was one, and he dimly felt himself in touch with a Consciousness of unrealisable splendour. But here his strength failed him; he seemed to slide down his tube again, and opened his eyes upon the physical plane.

Y cũng cảm nhận một chiều sâu sùng kính và tôn kính mà trước đây y chưa từng đạt tới; y biết rằng khi trở nên một với vị huấn sư trần thế của mình, y cũng đã bước vào điện thờ của Chân sư thật sự của y, Đấng mà vị huấn sư ấy đến lượt mình cũng là một với Ngài, và y mơ hồ cảm thấy mình tiếp xúc với một Tâm Thức có huy hoàng không thể chứng nghiệm. Nhưng đến đây sức lực của y suy yếu; y dường như trượt xuống lại qua cái ống của mình, và mở mắt trên cõi hồng trần.

Consulted as to this transcendent experience, I enquired minutely into it, and easily satisfied myself that it was unquestionably an entry into the buddhic world, not by toilsome progress through the various stages of the mental, but by a direct course along the ray of reflection from the highest astral sub-plane to the lowest of that intuitional world. I asked as to the physical effects, and found that there were absolutely none; the student was in radiant health. So I recommended that he should repeat the effort, and that he should with utmost reverence try to press higher still, and to raise himself, if it might be, into that other August Consciousness. For I saw that here was a case of that combination of golden love and iron will that is so rare on this our Sorrowful Star; and I knew that a love which is utterly unselfish and a will which recognises no obstacles may carry their possessor to the very Feet of GOD Himself.

Khi được tham vấn về kinh nghiệm siêu việt này, tôi đã hỏi cặn kẽ về nó, và dễ dàng tự thỏa mãn rằng đó chắc chắn là một sự bước vào thế giới Bồ đề, không phải bằng tiến bộ nhọc nhằn qua các giai đoạn khác nhau của trí tuệ, mà bằng một lối đi trực tiếp theo cung phản chiếu từ cõi phụ cảm dục cao nhất đến cõi phụ thấp nhất của thế giới trực giác ấy. Tôi hỏi về các tác động hồng trần, và thấy rằng hoàn toàn không có tác động nào; đạo sinh ấy ở trong sức khỏe rạng rỡ. Vì thế tôi khuyên y nên lặp lại nỗ lực ấy, và với lòng tôn kính cao nhất, hãy cố gắng tiến lên cao hơn nữa, và nếu có thể, nâng mình vào Tâm Thức Uy Nghi kia. Vì tôi thấy rằng đây là một trường hợp của sự kết hợp giữa tình thương vàng ròng và ý chí sắt đá, điều rất hiếm có trên Ngôi Sao Sầu Khổ này của chúng ta; và tôi biết rằng một tình thương hoàn toàn vô ngã và một ý chí không thừa nhận chướng ngại nào có thể đưa người sở hữu chúng đến tận Dưới Chân của chính THƯỢNG ĐẾ.

The student repeated his experiment, and again he succeeded beyond all hope or expectation. He was able to enter that wider Consciousness, and he pressed onward and

Đạo sinh ấy lặp lại cuộc thử nghiệm của mình, và một lần nữa y thành công vượt quá mọi hy vọng hay mong đợi. Y có thể bước vào Tâm Thức rộng lớn hơn ấy, và y tiến tới, đi lên trong

upward into it as though he [67] were swimming out into some vast lake. Much of what he brought back with him he could not comprehend; shreds of ineffable glories, fragments of conceptions so vast and so gorgeous that no merely human mind can grasp them in their totality. But he gained a new idea of what love and devotion could be—an ideal after which to strive for the rest of his life.

đó như thể y [67] đang bơi ra một hồ nước bao la. Nhiều điều y mang về theo mình y không thể thấu hiểu; những mảnh vụn của các vinh quang khôn tả, những mảnh rời của các quan niệm rộng lớn và huy hoàng đến nỗi không một thể trí đơn thuần nhân loại nào có thể nắm bắt chúng trong toàn thể. Nhưng y đạt được một ý niệm mới về tình thương và lòng sùng kính có thể là gì — một lý tưởng để phấn đấu suốt phần đời còn lại.

Day after day he continued his efforts (we found that once a day was as often as it could be wisely attempted); further and further he penetrated into that great lake of love, and yet found no end to it. But gradually he became aware of something far greater still; he somehow knew that this indescribable splendour was permeated by a subtler glory yet more inconceivably splendid, and he tried to raise himself into that. And when he succeeded he knew by its characteristics that this was the Consciousness of the great World-Teacher Himself. In becoming one with his own earthly teacher he had inevitably joined himself to the consciousness of his Master, with whom that teacher was already united; and in this further marvellous experience he was but proving the close union which exists between that Master and the Bodhisattva, Who in turn had taught Him. Into that shoreless sea of Love and Compassion he plunges daily in his meditation, with such upliftment and strengthening for himself as may readily be imagined; but he can never reach its limits, for no mortal man can fathom such an ocean as that.

Ngày qua ngày, y tiếp tục các nỗ lực của mình — chúng tôi thấy rằng mỗi ngày một lần là mức thường xuyên nhất có thể thực hiện một cách khôn ngoan; y thâm nhập ngày càng xa hơn vào hồ tình thương vĩ đại ấy, nhưng vẫn không tìm thấy tận cùng của nó. Tuy nhiên, dần dần y trở nên nhận biết một điều còn lớn lao hơn nhiều; bằng cách nào đó y biết rằng huy hoàng không thể mô tả này được thấm nhuần bởi một vinh quang tinh tế hơn, còn huy hoàng đến mức không thể quan niệm hơn nữa, và y cố gắng nâng mình vào đó. Và khi y thành công, nhờ các đặc tính của nó, y biết rằng đây là Tâm Thức của chính Đức Chưởng Giáo vĩ đại. Khi trở nên một với vị huấn sư trần thế của mình, y tất yếu đã liên kết mình với tâm thức của Chân sư của y, Đấng mà vị huấn sư ấy đã hợp nhất; và trong kinh nghiệm kỳ diệu xa hơn này, y chỉ đang chứng minh sự hợp nhất mật thiết hiện hữu giữa Chân sư ấy và Đức Bồ Tát, Đấng đến lượt mình đã dạy Ngài. Vào biển Tình Thương và Lòng Từ Bi không bờ bến ấy, y lao mình hằng ngày trong tham thiền, với sự nâng cao và củng cố cho chính mình như có thể dễ dàng hình dung; nhưng y không bao giờ có thể chạm tới giới hạn của nó, vì không người phàm nào có thể dò được một đại dương như thế.

Striving ever to penetrate more and more deeply into this wondrous new realm which had so suddenly [68] opened before him, he

Luôn nỗ lực thâm nhập ngày càng sâu hơn vào cõi mới kỳ diệu này, vốn đã bất ngờ [68] mở ra trước y, một ngày kia y thành công trong việc

succeeded one day in reaching a yet further development—a bliss so much more intense, a feeling so much more profound, that it seemed to him at first as much higher than his first buddhic touch as that had been above his earlier astral experiences. He remarked:

đạt tới một sự phát triển còn xa hơn nữa — một chí phúc mãnh liệt hơn rất nhiều, một cảm nhận sâu sắc hơn rất nhiều, đến nỗi ban đầu đối với y nó dường như cao hơn lần chạm Bồ đề đầu tiên của y cũng như lần ấy đã cao hơn các kinh nghiệm cảm dục trước kia của y. Y nhận xét:

"If I did not know that it is impossible for me to attain it yet, I should say that this must be Nirvana."

"Nếu tôi không biết rằng hiện nay tôi chưa thể đạt tới nó, tôi sẽ nói rằng đây hẳn là Niết Bàn."

In reality it was only the next sub-plane of the buddhic—the second from the bottom, and the sixth from the top; but his impression is significant as showing that not only does consciousness widen as we rise, but the rate at which it widens increases rapidly. Not only is progress accelerated, but the rate of such acceleration grows by geometrical progression. Now this student reaches that higher sub-plane daily and as a matter of course, and is working vigorously and perseveringly in the hope of advancing still farther. And the power, the balance and the certainty which this introduces into his daily physical life is amazing and beautiful to see.

Trong thực tế, đó chỉ là cõi phụ kế tiếp của Bồ đề — cõi thứ hai từ dưới lên, và cõi thứ sáu từ trên xuống; nhưng ấn tượng của y rất có ý nghĩa vì cho thấy rằng không chỉ tâm thức mở rộng khi chúng ta vươn lên, mà tốc độ mở rộng của nó cũng tăng nhanh. Không chỉ sự tiến bộ được gia tốc, mà tốc độ của sự gia tốc ấy tăng theo cấp số nhân. Giờ đây đạo sinh này đạt tới cõi phụ cao hơn ấy hằng ngày và như một điều tất nhiên, và đang làm việc mạnh mẽ, kiên trì với hy vọng tiến xa hơn nữa. Và quyền năng, sự quân bình và niềm xác tín mà điều này đưa vào đời sống hồng trần hằng ngày của y thật đáng kinh ngạc và đẹp đẽ khi chứng kiến.

Another phenomenon which he observes, as accompanying this, is that the intense bliss of that higher plane now persists beyond the time of meditation and is becoming more and more a part of his whole life. At first this persistence was for some twenty minutes after each meditation; then it reached an hour; then two hours; and he is confidently looking forward to a time when it will be his as a permanent possession—a part of [69] himself. A remarkable feature of the case is that this prodigious daily exaltation is not followed by any sign of the slightest reaction or depression, but instead produces an ever-augmenting radiance and sunniness.

Một hiện tượng khác mà y quan sát thấy như đi kèm với điều này là chí phúc mãnh liệt của cõi cao hơn ấy giờ đây vẫn tồn tại sau thời gian tham thiền và đang ngày càng trở thành một phần của toàn bộ đời sống y. Lúc đầu, sự tồn tại này kéo dài khoảng hai mươi phút sau mỗi lần tham thiền; rồi nó đạt đến một giờ; rồi hai giờ; và y tin tưởng hướng tới một thời điểm khi nó sẽ là sở hữu thường hằng của y — một phần của [69] chính y. Một đặc điểm đáng chú ý của trường hợp này là sự nâng cao phi thường hằng ngày ấy không kéo theo bất cứ dấu hiệu nào của phản ứng hay suy sụp dù nhỏ nhất, mà thay vào đó tạo ra một vẻ rạng rỡ và tươi sáng ngày càng tăng.

Becoming gradually more accustomed to functioning in this higher and more glorious world, he began to look about him to some extent, and was presently able to identify himself with many other less exalted consciousnesses. He found these existing as points within his extended self, and he discovered that by focusing himself at any one of these points he could at once realise the highest qualities and spiritual aspirations of the person whom it represented. Seeking for a more detailed sympathy with some whom he knew and loved, he discerned that these points of consciousness were also, as he put it, holes through which he could pour himself down into their lower vehicles; and thus he came into touch with those parts of their lives and dispositions which could find no expression on the buddhic plane. This gave him a sympathy with the characters, a comprehension of their weaknesses, which was truly remarkable, and could probably have been attained in no other way—a most valuable quality for the work of a disciple in the future.

Dần dần quen hơn với việc hoạt động trong thế giới cao hơn và huy hoàng hơn này, y bắt đầu nhìn quanh mình ở một mức độ nào đó, và chẳng bao lâu có thể đồng hoá mình với nhiều tâm thức khác kém cao cả hơn. Y thấy những tâm thức này tồn tại như các điểm bên trong cái ngã mở rộng của mình, và y khám phá rằng bằng cách tập trung chính mình vào bất cứ điểm nào trong số ấy, y có thể tức khắc nhận ra các phẩm tính cao nhất và các khát vọng tinh thần của người mà điểm ấy biểu thị. Tìm kiếm một sự đồng cảm chi tiết hơn với một số người mà y biết và thương yêu, y phân biện rằng những điểm tâm thức này cũng là, như y diễn tả, những lỗ mở qua đó y có thể tuôn chính mình xuống các vận cụ thấp hơn của họ; và như thế y đi vào tiếp xúc với những phần trong đời sống và tính khí của họ vốn không thể tìm được sự biểu hiện trên cõi Bồ đề. Điều này đem lại cho y một sự đồng cảm với các tính cách, một sự thấu hiểu về các yếu điểm của họ, thật sự đáng chú ý, và có lẽ không thể đạt được bằng cách nào khác — một phẩm tính vô cùng quý giá cho công việc của một đệ tử trong tương lai.

The wondrous unity of that intuitional world

Sự hợp nhất kỳ diệu của thế giới trực giác ấy tự

manifested itself to him in unsuspected examples. Holding in his hand one day what he regarded as a specially beautiful little object, part of which was white, he fell into a sort of ecstasy of admiration of its graceful form and harmonious colouring. [70] Suddenly, through the object, as he gazed at it, he saw unfolded before him a landscape, just as though the object had become a tiny window, or perhaps a crystal. The landscape is one that he knows and loves well, but there was no obvious reason why the little object should bring it thus before him. A curious feature was that the white part of that object was represented in the landscape by huge piles of cumulus clouds, which he saw as floating in the sky of his picture.

biểu hiện trước y qua những thí dụ không ngờ tới. Một ngày kia, khi cầm trong tay một vật nhỏ mà y xem là đặc biệt đẹp, một phần của nó màu trắng, y rơi vào một trạng thái gần như xuất thần vì ngưỡng mộ hình dáng duyên dáng và sắc màu hài hòa của nó. [70] Đột nhiên, qua vật ấy, khi y chăm chú nhìn, y thấy mở ra trước mắt mình một phong cảnh, như thể vật ấy đã trở thành một ô cửa sổ nhỏ, hoặc có lẽ là một tinh thể. Phong cảnh ấy là nơi y biết rõ và rất yêu mến, nhưng không có lý do hiển nhiên nào khiến vật nhỏ kia lại đưa nó hiện ra trước y như vậy. Một đặc điểm lạ lùng là phần màu trắng của vật ấy được biểu hiện trong phong cảnh bằng những khối mây tích khổng lồ, mà y thấy đang trôi nổi trên bầu trời của bức tranh ấy.

Impressed by this wholly unexpected phenomenon, he tried the experiment of raising his consciousness while he revelled in the beauty of the prospect. He had the sensation of passing through some resisting medium into a higher plane, and found that the view before him had changed to one which was strange to him, but even more beautiful than that which he knew so well. The piles of white cloud had become a towering snow-covered mountain, with its long line sweeping down to a sea of colour richer than any that in this incarnation he had seen. The rocky bays, the buildings, the vegetation, were all foreign to him, though well-known to me; and by a little careful questioning I soon ascertained without room for doubt that the scene upon which he was looking was that which I suspected—a real physical view, but one many thousands of miles from the spot where he sat gazing at it. Since that hallowed spot is often in my mind, though I was not thinking of it at that moment, what the student saw may have been a thought-form of mine. [71]

Ấn tượng bởi hiện tượng hoàn toàn bất ngờ này, y thử thí nghiệm nâng tâm thức của mình lên trong khi vẫn say sưa trước vẻ đẹp của cảnh tượng. Y có cảm giác như đang đi xuyên qua một môi trường có sức cản để vào một cõi cao hơn, và thấy rằng cảnh trí trước mặt đã đổi thành một cảnh xa lạ đối với y, nhưng còn đẹp hơn cảnh mà y biết rất rõ. Những khối mây trắng đã trở thành một ngọn núi phủ tuyết vươn cao, với đường sườn dài đổ xuống một biển màu sắc phong phú hơn bất cứ điều gì y từng thấy trong kiếp này. Những vịnh đá, các công trình, thảm thực vật, tất cả đều xa lạ với y, dù đối với tôi thì rất quen thuộc; và qua một vài câu hỏi cẩn thận, tôi nhanh chóng xác định chắc chắn rằng cảnh tượng y đang nhìn chính là điều tôi nghi ngờ—một cảnh hồng trần có thật, nhưng ở cách nơi y ngồi chiêm ngắm nhiều ngàn dặm. Vì nơi thiêng liêng ấy thường ở trong trí tôi, dù lúc đó tôi không nghĩ đến nó, điều đạo sinh thấy có thể là một hình tư tưởng của tôi. [71]

I imagine that up to this point what had happened may be quite simply described. I presume that the student's emotion was excited by his admiration, and that the heightened vibrations which were caused in this way brought into operation his astral senses, and this enabled him to see a view which was not physically visible, but well within astral reach. The endeavour to press on further temporarily opened the mental sense, and by it he was able to see my thought-form-if that second view was a thought-form of mine.

Tôi hình dung rằng cho đến điểm này, điều đã xảy ra có thể được mô tả khá đơn giản. Tôi cho rằng cảm xúc của đạo sinh đã được khơi dậy bởi sự ngưỡng mộ của y, và những rung động được nâng cao do đó đã đưa các giác quan cảm dục của y vào hoạt động, khiến y có thể thấy một cảnh trí không thể thấy bằng mắt hồng trần, nhưng hoàn toàn nằm trong tầm với của cõi cảm dục. Nỗ lực tiến xa hơn đã tạm thời mở giác quan trí tuệ, và nhờ đó y có thể thấy hình tư tưởng của tôi—nếu cảnh thứ hai ấy quả là một hình tư tưởng của tôi.

But the student did not rest satisfied with that; he repeated his attempt to push on still higher, or as he put it, still deeper into the real meaning of it all. Once more he had the experience of breaking through into some more exalted and more refined state of matter; and this time it was no earthly scene that rewarded his effort, for the foreground burgeoned forth into an illimitable universe filled with masses of splendid colour, pulsating with glorious life, and the snow-covered mountain became a great White Throne vaster than any mountain, veiled in dazzling golden light.

Nhưng đạo sinh không dừng lại thỏa mãn ở đó; y lặp lại nỗ lực tiến lên cao hơn nữa, hoặc như cách y nói, đi sâu hơn nữa vào ý nghĩa chân thực của toàn bộ sự việc. Một lần nữa y có kinh nghiệm phá xuyên qua để vào một trạng thái vật chất cao quý hơn và tinh luyện hơn; và lần này, phần thưởng cho nỗ lực của y không còn là cảnh thế gian nào nữa, vì tiền cảnh bừng nở thành một vũ trụ vô biên đầy những khối màu rực rỡ, rung động với sự sống huy hoàng, và ngọn núi phủ tuyết trở thành một Thánh Ngai Trắng vĩ đại, bao la hơn bất cứ ngọn núi nào, được che phủ trong ánh sáng vàng chói lọi.

A strange fact connected with this vision is that the student to whom the experience came is entirely unacquainted with the Christian scripture, and was unaware that any text existing therein had any bearing upon what he saw. I asked him whether he could repeat this experience at will; he did not know, but later on he tried the experiment, and succeeded in passing again through those stages in the same order, giving some additional details [72] of the foreign landscape which proved to me that this was not merely a feat of memory; and this time the awestricken seer whispered that amidst the coruscations

Một sự kiện lạ lùng liên quan đến linh ảnh này là đạo sinh nhận kinh nghiệm ấy hoàn toàn không quen thuộc với kinh điển Kitô giáo, và không biết rằng có đoạn văn nào trong đó liên hệ đến điều y đã thấy. Tôi hỏi y liệu y có thể lặp lại kinh nghiệm này theo ý muốn hay không; y không biết, nhưng về sau y thử thí nghiệm và đã thành công trong việc đi lại qua các giai đoạn ấy theo cùng một trật tự, đưa thêm vài chi tiết [72] về phong cảnh xa lạ, khiến tôi thấy rõ rằng đây không chỉ là một thành tựu của ký ức; và lần này, nhà thông nhãn đầy kính sợ thì thầm rằng giữa những tia sáng chớp lòa ấy, y từng thoáng thấy đường nét của một Hình

of that light he once had a passing glimpse of the outline of a Mighty Figure Who sat upon the Throne. This also, you may say, might be a thought-form, built by some Christian of vivid imagination. Perhaps; but when a few days later an opportunity occurred, and I asked a Wise One what signification we might attach to such a vision, He replied:

Tượng Hùng Mạnh, Đấng ngự trên Thánh Ngai. Điều này nữa, các bạn có thể nói, cũng có thể là một hình tư tưởng do một người Kitô hữu có trí tưởng tượng sống động xây dựng nên. Có lẽ vậy; nhưng vài ngày sau, khi có cơ hội, tôi hỏi một Bậc Minh Triết rằng chúng ta có thể gán thâm nghĩa nào cho một linh ảnh như thế, Ngài đáp:

"Do you not see that, as there is but One Love, so there is but One Beauty? Whatever is beautiful, on any plane, is so because it is part of that Beauty, and if it is pushed back far enough, its connection will become manifest. All Beauty is of GOD, as all Love is of GOD; and through these His Qualities the pure in heart may always reach Him."

"Các bạn không thấy sao, rằng cũng như chỉ có Một Tình Thương, thì cũng chỉ có Một Vẻ Đẹp? Bất cứ điều gì đẹp đẽ, trên bất cứ cõi nào, đều đẹp vì nó là một phần của Vẻ Đẹp ấy; và nếu truy về đủ xa, mối liên hệ của nó sẽ trở nên hiển lộ. Mọi Vẻ Đẹp đều thuộc về THƯỢNG ĐẾ, cũng như mọi Tình Thương đều thuộc về THƯỢNG ĐẾ; và qua các Phẩm Tính này của Ngài, những người có tâm hồn thanh khiết luôn có thể đạt đến Ngài."

Our students would do well to weigh these words, and follow out the idea contained in them. All beauty, whether it be of form or of colour, whether it be in nature or in the human frame, in high achievements of art or in the humblest household utensil, is but an expression of the One Beauty; and therefore in even the lowliest thing that is beautiful all beauty is implicitly contained, and so through it all beauty may be realised, and He Who Himself is Beauty may be reached. To understand this fully needs the buddhic consciousness by which our student arrived at its realisation; but even at much lower levels the idea may be useful and fruitful. [73]

Các đạo sinh của chúng ta nên cân nhắc kỹ những lời này và theo đuổi ý tưởng chứa đựng trong đó. Mọi vẻ đẹp, dù thuộc về hình tướng hay màu sắc, dù ở trong thiên nhiên hay trong thân thể con người, trong những thành tựu cao cả của nghệ thuật hay trong vật dụng gia đình khiêm nhường nhất, cũng chỉ là một biểu hiện của Một Vẻ Đẹp; và do đó, ngay trong điều thấp bé nhất mà đẹp đẽ, toàn thể vẻ đẹp đã hàm chứa một cách tiềm ẩn, và nhờ nó mọi vẻ đẹp có thể được chứng nghiệm, và Đấng Chính Ngài là Vẻ Đẹp có thể được đạt đến. Để thấu hiểu trọn vẹn điều này cần có tâm thức Bồ đề, nhờ đó đạo sinh của chúng ta đã đi đến sự chứng nghiệm ấy; nhưng ngay cả ở những cấp độ thấp hơn nhiều, ý tưởng này vẫn có thể hữu ích và sinh hoa kết quả. [73]

I fully admit that the student whose experiences I have been relating is exceptional —that he possesses a strength of will, a power of love, a purity of heart and an utter unselfishness which are, unfortunately, far

Tôi hoàn toàn thừa nhận rằng đạo sinh mà tôi vừa thuật lại các kinh nghiệm là một người ngoại lệ—rằng y sở hữu một sức mạnh ý chí, một quyền năng yêu thương, một sự thanh khiết của tâm hồn và một tinh thần hoàn toàn

from common. Nevertheless, what he has done with such marked success may surely be copied to some extent by others less gifted. He has unfolded his consciousness upon a plane which is not normally reached by aspirants; he is rapidly building for himself a capable and most valuable vehicle there—for that is the meaning of the ever-increasing persistence of the sense of bliss and power. That his is a definite line of progress, and not a mere isolated example, is shown by the fact that even already the abnormal buddhic development is producing its effect upon the apparently neglected causal and mental bodies, stimulating them into action from above instead of leaving them to be laboriously influenced from below as is usual. All this success is the result of steady effort along the line which I have described.

vô kỷ, đáng tiếc là còn rất hiếm gặp. Tuy nhiên, điều y đã làm với thành công rõ rệt như thế chắc chắn có thể được những người kém thiên phú hơn noi theo phần nào. Y đã khai mở tâm thức của mình trên một cõi mà những người chí nguyện thường không đạt tới; y đang nhanh chóng xây dựng cho mình một hiện thể có năng lực và rất quý giá ở đó—vì đó là ý nghĩa của sự bền bỉ ngày càng tăng của cảm thức chí phúc và quyền năng. Rằng đây là một đường tiến bộ xác định của y, chứ không phải chỉ là một trường hợp cô lập, được chứng tỏ bởi sự kiện rằng ngay cả lúc này, sự phát triển Bồ đề bất thường ấy đang tạo ảnh hưởng lên các thể nguyên nhân và thể trí vốn dường như bị bỏ quên, kích thích chúng vào hoạt động từ bên trên thay vì để chúng phải chịu ảnh hưởng nhọc nhằn từ bên dưới như thường lệ. Toàn bộ thành công này là kết quả của nỗ lực bền bỉ theo đường lối mà tôi đã mô tả.

"Go thou and do likewise." No harm can come to any man from an earnest endeavour to increase his power of love, his power of devotion, and his power to appreciate beauty; and by such endeavour it is at least possible that he may attain a progress of which he has not dreamed. Only be it remembered that, in this path as in every other, growth is achieved only by him who desires it not for his own sake, but for the sake of service. Forgetfulness of self and an eager desire to help others are the most prominent characteristics of the student whose inner [74] story I have here told; these characteristics *must* be equally prominent in any who aspire to follow his example; without them no such consummation is possible. [75]

"Hãy đi và làm như vậy." Không tai hại nào có thể đến với bất cứ người nào từ một nỗ lực chân thành nhằm gia tăng quyền năng yêu thương, quyền năng sùng tín và khả năng biết thưởng thức vẻ đẹp của y; và bằng nỗ lực ấy, ít nhất có thể y sẽ đạt được một tiến bộ mà y chưa từng mơ tới. Chỉ cần nhớ rằng, trên con đường này cũng như trên mọi con đường khác, sự tăng trưởng chỉ đạt được bởi người không mong muốn nó vì lợi ích riêng mình, mà vì mục đích phụng sự. Sự quên mình và lòng tha thiết muốn giúp đỡ người khác là những đặc điểm nổi bật nhất của đạo sinh mà câu chuyện bên trong [74] tôi đã kể ở đây; những đặc điểm này *phải* nổi bật như thế nơi bất cứ ai khát vọng noi theo gương y; nếu không có chúng, không thể có sự viên thành như vậy. [75]

CHAPTER IV— CHƯƠNG IV

AN INSTANCE OF PSYCHIC DEVELOPMENT — MỘT TRƯỜNG HỢP PHÁT TRIỂN THÔNG LINH

PSYCHIC development of all kinds is wonderfully quickened just now by the great inrush of spiritual force which is preparing the world for the Coming of its Teacher; and naturally the opportunities for such development offer themselves most readily to those who put themselves directly in the way of that mighty current of force by working in connection with the expected Advent. In the previous chapter I gave an instance of the abnormally rapid unfoldment of the buddhic faculty by means of the power of love; this case which I shall describe belongs to another line, for this time it is the faculty of the causal body which is aroused through the mental vehicle, by putting an undue strain upon the physical brain. But I cannot say to our readers in this case, as in the other: "Go thou and do likewise"; for the mental strain is a serious danger. It happened for once to lead to psychic development; but far more often it results in nervous breakdown of the gravest character, or even in brain lesion and insanity. The account sent to me is as follows:

Sự phát triển thông linh thuộc mọi loại hiện nay đang được thúc đẩy nhanh chóng một cách kỳ diệu bởi làn mãnh lực tinh thần tuôn vào mạnh mẽ, đang chuẩn bị thế giới cho sự giáng lâm của Đức Chưởng Giáo; và tự nhiên, các cơ hội cho sự phát triển ấy đến dễ dàng nhất với những ai đặt mình trực tiếp trong dòng chảy hùng mạnh của mãnh lực đó bằng cách làm việc trong mối liên hệ với Cuộc Giáng Lâm đang được mong đợi. Trong chương trước, tôi đã đưa ra một trường hợp về sự khai mở nhanh chóng bất thường của quan năng Bồ đề nhờ quyền năng của tình thương; trường hợp mà tôi sắp mô tả thuộc một đường lối khác, vì lần này quan năng của thể nguyên nhân được khơi dậy qua hiện thể trí, bằng cách đặt một sức căng quá mức lên bộ não hồng trần. Nhưng trong trường hợp này, tôi không thể nói với độc giả của chúng ta như trong trường hợp kia: "Hãy đi và làm như vậy"; vì sức căng trí tuệ là một mối nguy nghiêm trọng. Một lần nọ, nó đã dẫn đến sự phát triển thông linh; nhưng thường hơn rất nhiều, nó đưa đến suy sụp thần kinh thuộc loại trầm trọng nhất, hoặc thậm chí đến tổn thương não và điên loạn. Bản tường thuật gửi cho tôi như sau:

"When I was at College (about 1910) I took up the study of the calculus, which, as you know, is the [76] mathematics of variable quantities, the study of moving bodies and the like. From a variety of causes I was unable to do justice to the work day by day, and toward the end of the second term, when the day of examination in this was approaching, I was told by the lecturer that my work had been so

"Khi tôi còn ở Đại học, khoảng năm 1910, tôi bắt đầu học giải tích, như bạn biết, đó là [76] toán học về các đại lượng biến thiên, việc nghiên cứu các vật thể chuyển động và những điều tương tự. Vì nhiều nguyên nhân khác nhau, tôi không thể làm trọn công việc hằng ngày một cách đúng mức, và đến cuối học kỳ thứ hai, khi ngày thi môn này đang đến gần, giảng viên nói với tôi rằng công việc của tôi

unsatisfactory that unless I performed some miracle in the forthcoming examination he could not recommend me for a pass in the subject. I fully realised that he was quite right, and set about finding out how I could possibly score a high grade in the examination in order to offset the bad work during the year. I soon found that it would be impossible in the few days left to me really to understand the ground covered, and that the only hope would lie in memorising the formulae and applying them in a mechanical fashion to problems given in the examination. I therefore set to work, first to understand the definitions used in the textbooks, and second to learn by rote all the important formulae. I worked very hard, far into the night, neglected other subjects, in which I felt sure of myself in any case, and resorted to all sorts of devices to gain time and keep awake. Bit by bit I covered all the important ground, but only by memorising, sometimes even visualising the *appearance* of a page or paragraph. The day of the examination I was utterly weary physically, but extraordinarily vivid mentally. I duly appeared, applied my crammed-up facts to the examination, and, as I subsequently found, wrote a paper with only one small mistake in arithmetical computation, or something like that. This was the [77] unexpected performance that the lecturer demanded, and he duly gave me a pass.

quá kém thỏa đáng đến nỗi nếu tôi không thực hiện một phép lạ nào đó trong kỳ thi sắp tới, ông không thể đề nghị cho tôi đậu môn học. Tôi hoàn toàn nhận ra rằng ông hoàn toàn đúng, và bắt đầu tìm cách làm sao có thể đạt điểm cao trong kỳ thi để hóa giải thành tích kém trong năm. Tôi sớm thấy rằng trong vài ngày còn lại, tôi không thể thật sự thấu hiểu phần kiến thức đã học, và hy vọng duy nhất là học thuộc lòng các công thức rồi áp dụng chúng một cách máy móc vào các bài toán trong kỳ thi. Vì vậy, tôi bắt tay vào việc, trước hết là thấu hiểu các định nghĩa dùng trong sách giáo khoa, và thứ hai là học vẹt tất cả các công thức quan trọng. Tôi làm việc rất vất vả, đến tận khuya, bỏ bê các môn khác mà dù sao tôi cũng cảm thấy chắc chắn về mình, và dùng đủ mọi cách để có thêm thời gian và giữ cho tỉnh táo. Từng chút một, tôi bao quát được toàn bộ những phần quan trọng, nhưng chỉ bằng cách ghi nhớ, đôi khi thậm chí hình dung *diện mạo* của một trang hay một đoạn. Vào ngày thi, thể xác tôi hoàn toàn kiệt sức, nhưng trí tuệ lại sống động lạ thường. Tôi đến dự thi đúng lúc, áp dụng những dữ kiện đã nhồi nhét vào bài thi, và như về sau tôi biết, đã làm một bài chỉ có một lỗi nhỏ trong tính toán số học, hoặc điều gì tương tự. Đây chính là [77] thành tích bất ngờ mà giảng viên đòi hỏi, và ông đã cho tôi đậu.

"Now the point of this episode comes in the sequel. I found in a few days, as is usual in such cases, that all the material which I had stuffed into my head was a rapidly-vanishing jumble; but as it disappeared, and as I resumed my physical norm (chiefly by long hours of sleep), I discovered that I had actually done something, either damage or benefit, to my mental machinery, and that my ability to

"Giờ đây, điểm chính của sự việc này nằm ở phần tiếp theo. Trong vài ngày, tôi nhận thấy, như thường xảy ra trong những trường hợp như vậy, rằng toàn bộ tài liệu tôi đã nhồi vào đầu là một mớ hỗn độn nhanh chóng tan biến; nhưng khi nó biến mất, và khi tôi trở lại chuẩn mực hồng trần của mình, chủ yếu nhờ ngủ nhiều giờ, tôi phát hiện rằng tôi đã thật sự làm điều gì đó, hoặc gây tổn hại hoặc đem lại lợi

picture things in my mind was tremendously enlarged. I now found that if I turned my mind upon something I had seen or experienced even years before, the image returned to me, not in the ordinary vague way, but with the most extraordinary clarity in detail, with accompanying attributes of all sorts. For instance, if I was recalling a scene in a wood, I could actually *smell* the damp earth or the burning fire! This amused me very much, as it was quite possible to get back into the past in momentary flashes of the utmost brilliancy. After a time, however, the power of commanding this strange faculty wore off, and I had to be content with spontaneous outbursts which arose now and then through association. By the sight of a colour or some passing odour this latent power would suddenly put me into another time and place. Fortunately I could always banish the mental image, even though I could not call it up.

ích, cho bộ máy trí tuệ của mình, và khả năng tạo hình ảnh các sự vật trong trí tôi đã được mở rộng vô cùng mạnh mẽ. Bây giờ tôi thấy rằng nếu tôi hướng trí đến điều gì đó tôi đã thấy hoặc đã trải nghiệm, dù nhiều năm trước, hình ảnh ấy trở lại với tôi, không theo cách mơ hồ thông thường, mà với sự rõ ràng phi thường trong từng chi tiết, kèm theo mọi loại thuộc tính. Chẳng hạn, nếu tôi nhớ lại một cảnh trong rừng, tôi thật sự có thể *ngửi* được mùi đất ẩm hoặc ngọn lửa đang cháy! Điều này làm tôi rất thích thú, vì có thể trở về quá khứ trong những lóe sáng tức thời rực rỡ đến tột độ. Tuy nhiên, sau một thời gian, quyền năng điều khiển quan năng kỳ lạ này phai nhạt, và tôi phải bằng lòng với những bùng phát tự phát thỉnh thoảng nảy sinh do liên tưởng. Qua việc nhìn thấy một màu sắc hoặc thoáng ngửi một mùi hương nào đó, quyền năng tiềm ẩn này đột nhiên đưa tôi vào một thời gian và nơi chốn khác. May mắn thay, tôi luôn có thể xua tan hình ảnh trí tuệ ấy, dù không thể gọi nó hiện lên theo ý muốn.

"After a time this gradually wore away into a lesser degree of brilliancy, and I was only occasionally edified by this annihilation of time and space. [78]

"Sau một thời gian, điều này dần phai xuống thành một mức rực rỡ thấp hơn, và tôi chỉ thỉnh thoảng được khai sáng bởi sự hủy diệt thời gian và không gian ấy. [78]

"But now, just lately, there has been a return, in a new phase, of the old thing. I have had to learn, during the last year or so, the Government regulations of a business which I am carrying on. This bad to be accomplished quickly, and I find that with this effort there is a return of the result which followed the previous effort, and, it is pleasant to note, with two new aspects; first that I am much more able to command and sustain any image that arises, and second that I can *magnify* the scene to a certain extent. Thus, if the picture includes a wall in the distance I can occasionally magnify it until the crannies are

"Nhưng nay, chỉ mới gần đây, điều cũ ấy đã trở lại trong một pha mới. Trong khoảng một năm vừa qua, tôi phải học các quy định của Chính phủ về một ngành kinh doanh mà tôi đang điều hành. Việc này phải được hoàn tất nhanh chóng, và tôi nhận thấy rằng cùng với nỗ lực này, kết quả từng theo sau nỗ lực trước kia đã trở lại, và thật vui khi ghi nhận, với hai phương diện mới; thứ nhất là tôi có thể điều khiển và duy trì bất kỳ hình ảnh nào phát sinh tốt hơn nhiều, và thứ hai là tôi có thể *phóng đại* cảnh tượng đến một mức nào đó. Như vậy, nếu bức tranh bao gồm một bức tường ở xa, đôi khi tôi có thể phóng đại nó cho đến khi thấy được các

visible. And, what astonished me exceedingly, if there is a perfume, say, of flowers present, the same microscopic power can be turned on! Now the result is not intensification of the perfume, as one might hastily conclude, but a *roughening* of it. I mean by this that instead of getting thicker, in the sense that a heavy oil is thicker than water, the smell loses its smoothness and becomes (if one could feel it) like woollen cloth, or a basin of sand. For some reason I cannot perform this same enlarging trick with sound. At present there is no sign of any diminution of this curious phase of memory, but I have no doubt that it will fade away in large part, as I am too busy to undertake its cultivation."

khe nứt. Và điều làm tôi hết sức kinh ngạc là nếu có một mùi hương, chẳng hạn mùi hoa, hiện diện, cùng quyền năng hiển vi ấy cũng có thể được vận dụng! Giờ đây, kết quả không phải là sự tăng cường của mùi hương, như người ta có thể vội kết luận, mà là một sự *thô ráp hóa* của nó. Ý tôi là thay vì trở nên đặc hơn, theo nghĩa dầu nặng đặc hơn nước, mùi ấy mất đi sự trơn mịn và trở thành, nếu có thể cảm nhận bằng xúc giác, giống như vải len, hoặc một chậu cát. Vì một lý do nào đó, tôi không thể thực hiện cùng thủ thuật phóng đại ấy với âm thanh. Hiện nay không có dấu hiệu nào cho thấy pha ký ức kỳ lạ này suy giảm, nhưng tôi không nghi ngờ rằng phần lớn nó sẽ phai đi, vì tôi quá bận để chuyên tâm vun bồi nó."

What is happening in this case is obvious to anyone who has had experience in the use of the higher faculties. Instead of using his memory in the ordinary way, the student is coming into touch with the Records; and that means that he is to a certain [79] extent employing the faculties of his causal body. We are far from certain as to the exact method of ordinary memory, for the subject has not yet been investigated; but it is clear that a vibration in the mental body is part of what occurs, and that the causal body is not in any way involved. In the reading of the Records it is precisely this latter sheath through which the work is done, and the mental body vibrates only in response to the activity of the causal. For that reason no satisfactory or reliable reading of the Records can be done without definite development of the vehicle of the ego.

Điều đang xảy ra trong trường hợp này là hiển nhiên đối với bất cứ ai đã có kinh nghiệm trong việc sử dụng các quan năng cao hơn. Thay vì dùng ký ức theo cách thông thường, đạo sinh đang tiếp xúc với các Ký Lục; và điều đó có nghĩa là, ở một mức độ nào đó, y đang [79] vận dụng các quan năng của thể nguyên nhân. Chúng ta còn xa mới chắc chắn về phương pháp chính xác của ký ức thông thường, vì đề tài này chưa được khảo sát; nhưng rõ ràng rằng một rung động trong thể trí là một phần của điều xảy ra, và thể nguyên nhân không hề liên quan theo bất cứ cách nào. Trong việc đọc các Ký Lục, chính lớp vỏ sau này là phương tiện qua đó công việc được thực hiện, và thể trí chỉ rung động để đáp ứng với hoạt động của thể nguyên nhân. Vì lý do đó, không thể có việc đọc các Ký Lục một cách thỏa đáng hay đáng tin cậy nếu không có sự phát triển xác định của hiện thể chân ngã.

From the description which our student gives, it is clear that he was using his causal body in the glimpses of the past which he relates. It is also evident that that vehicle was aroused by the undue pressure put upon the mind by his

Từ mô tả mà đạo sinh của chúng ta đưa ra, rõ ràng y đã dùng thể nguyên nhân của mình trong những thoáng nhìn về quá khứ mà y thuật lại. Cũng hiển nhiên rằng hiện thể ấy đã được khơi dậy bởi áp lực quá mức đặt lên thể

reckless overwork. Most men would have ruined their health for life if they had pushed the strain as far as he did; he happens to be the one in a million who managed to do this thing and survive. The result is that his steady persistence in keeping up high mental undulations has stirred his causal body into activity, and thus endued him with a faculty different from any which he has before possessed.

trí do sự làm việc quá sức liều lĩnh của y. Phần lớn người ta hẳn đã hủy hoại sức khỏe suốt đời nếu họ đẩy sức căng đến mức y đã làm; y tình cờ là một trong một triệu người đã làm được điều này và sống sót. Kết quả là sự bền bỉ ổn định của y trong việc duy trì các dao động trí tuệ cao đã khuấy động thể nguyên nhân của y vào hoạt động, và như vậy ban cho y một quan năng khác với bất cứ quan năng nào y từng sở hữu trước đây.

So far it seems to waken only when he turns his thoughts to the past, and only in connection with scenes already familiar to him; but it is probable that he will soon find that he can extend its working in various ways. When a scene is clearly in mind it might be possible to move backwards or forwards from it, and so recover detailed memory [80] of large sections of early life. Perhaps one could in this way push back recollection into childhood—back to birth itself, and even beyond; there have been those who in this manner have attained full knowledge of previous incarnations. Practice makes perfect; and it is encouraging that the power is much more under control now than formerly. The faculty of magnification is another conclusive proof that it is the causal body which is being used; this feature also might by degrees be largely increased, and when fully at the student's disposal might be used (for example) to undertake researches into occult chemistry.

Cho đến nay, dường như quan năng ấy chỉ thức dậy khi y hướng tư tưởng về quá khứ, và chỉ liên hệ đến những cảnh đã quen thuộc với y; nhưng có lẽ y sẽ sớm thấy rằng mình có thể mở rộng cách hoạt động của nó theo nhiều hướng. Khi một cảnh hiện rõ trong trí, có thể di chuyển lùi hoặc tiến từ cảnh ấy, và như vậy phục hồi ký ức chi tiết [80] về những phần lớn của đời sống thuở ban đầu. Có lẽ bằng cách này người ta có thể đẩy sự hồi tưởng trở về thời thơ ấu—trở về chính lúc sinh ra, và thậm chí xa hơn nữa; đã có những người bằng phương cách này đạt được tri thức đầy đủ về các kiếp trước. Luyện tập tạo nên sự hoàn hảo; và điều đáng khích lệ là quyền năng ấy hiện nay nằm dưới sự kiểm soát nhiều hơn trước kia. Quan năng phóng đại là một bằng chứng kết luận khác rằng chính thể nguyên nhân đang được sử dụng; đặc điểm này cũng có thể dần dần được gia tăng rất nhiều, và khi hoàn toàn thuộc quyền sử dụng của đạo sinh, có thể được dùng, chẳng hạn, để tiến hành các nghiên cứu về hóa học huyền bí.

The description of the "roughening" of the smell is most characteristic. The actual process of magnifying consists not in increasing the size of the object examined, but in lessening the psychic lens through which that object is seen. In ancient scriptures it is said that the operator makes himself as small as he will, and so the organ of vision which he

Mô tả về sự "thô ráp hóa" của mùi hương là hết sức tiêu biểu. Tiến trình thực sự của việc phóng đại không nằm ở việc tăng kích thước của vật được khảo sát, mà ở việc làm nhỏ thấu kính thông linh qua đó vật ấy được nhìn thấy. Trong kinh điển cổ xưa có nói rằng người thao tác làm cho chính mình nhỏ bé tùy ý, và như vậy cơ quan thị giác mà y đang sử dụng trở nên

is using becomes commensurate with the microscopic size of that at which he looks. Consequently the tiny physical particles which call into action the sense of smell become separately appreciable, like the grains upon sandpaper, and so the sense of roughness is produced. It is a thing difficult to put into words, but anyone who has used the higher faculty will at once recognise our student's attempt to express it.

tương xứng với kích thước hiển vi của vật mà y nhìn. Do đó, những hạt hồng trần cực nhỏ vốn khơi hoạt giác quan khứu giác trở nên có thể cảm nhận riêng biệt, giống như các hạt trên giấy nhám, và vì thế cảm giác thô ráp được tạo ra. Đây là điều khó diễn tả bằng lời, nhưng bất cứ ai đã sử dụng quan năng cao hơn đều sẽ lập tức nhận ra nỗ lực của đạo sinh chúng ta trong việc diễn đạt nó.

He is much to be congratulated upon his result, though we certainly cannot recommend his method for imitation by others. Such development will [81] come easily and naturally when, in the course of human evolution, the mind has grown more nearly to the limit of its capabilities; but at our present stage such pressure is distinctly dangerous. That even this partial unfoldment should have been safely achieved is a sign of the times—a sign of the strength of the spiritual outpouring which even now is flooding the world. [82]

Y rất đáng được chúc mừng về kết quả của mình, dù chắc chắn chúng ta không thể khuyên người khác bắt chước phương pháp của y. Sự phát triển như thế sẽ [81] đến dễ dàng và tự nhiên khi, trong dòng tiến hoá của nhân loại, thể trí đã tăng trưởng gần hơn đến giới hạn các khả năng của nó; nhưng ở giai đoạn hiện tại của chúng ta, áp lực như vậy rõ ràng là nguy hiểm. Việc ngay cả sự khai mở một phần này cũng đã đạt được một cách an toàn là một dấu hiệu của thời đại—một dấu hiệu về sức mạnh của lần tuôn đổ tinh thần mà ngay cả hiện nay đang tràn ngập thế giới. [82]

CHAPTER V— CHƯƠNG V

TIME—THỜI GIAN

THERE are two kinds of time: our time and God's time; two at least, but probably many more; for while we know something of our own capacity, we have no means of gauging the divine capacity. Our consciousness is a point, moving ever from the past to the future, and we give the name of "the present" to the passing moment which divides the two; but this "present" is an illusion; it is evanescent—a mere knife-edge. Even while we think of that

CÓ hai loại thời gian: thời gian của chúng ta và thời gian của Thượng đế; ít nhất là hai, nhưng có lẽ còn nhiều hơn nữa; vì trong khi chúng ta biết đôi điều về năng lực của chính mình, chúng ta không có phương tiện nào để đo lường năng lực thiêng liêng. Tâm thức của chúng ta là một điểm, luôn chuyển động từ quá khứ đến tương lai, và chúng ta gọi khoảnh khắc thoáng qua phân chia hai phía ấy là "hiện tại"; nhưng "hiện tại" này là một ảo tưởng; nó

moment, it has already become the past, and another moment is to us the present.

phù du—chỉ như lưỡi dao mỏng. Ngay khi chúng ta nghĩ về khoảnh khắc ấy, nó đã trở thành quá khứ, và một khoảnh khắc khác đối với chúng ta là hiện tại.

Our consciousness moves along a certain line —say, for the sake of illustration, from south to north. Our memory includes more or less accurately that part of the line over which we have already passed, but not that which still lies before us; and we usually regard what we call the past as irrevocable, whereas we recognise that we possess a certain amount of power to mould our future. That is because we think that the point which is our consciousness has already moved along a certain line which cannot now be altered; but that its future movements may to some extent be controlled, since to us it appears that the events of the future have not yet happened. It is true that they have not yet [83] happened to us; perhaps it would be truer to say that we have not yet come to them. It will help us if we can grasp the idea that we are not in reality that point of consciousness—or rather, we are much more than that. We are *the whole line*, and the point of consciousness is passing from one part of ourselves to another part which is equally ourselves. It is within our possibilities to awaken the whole of ourselves, to be conscious of ourselves as a line and not merely as a point; and when we have succeeded in reaching that, we have transcended the delusion of *our* kind of time, for the past and the future lie simultaneously before us.

Tâm thức của chúng ta chuyển động dọc theo một đường nào đó—chẳng hạn, để minh họa, từ nam lên bắc. Ký ức của chúng ta bao gồm ít nhiều chính xác phần đường mà chúng ta đã đi qua, nhưng không bao gồm phần còn nằm trước mặt; và chúng ta thường xem điều mình gọi là quá khứ là không thể đảo ngược, trong khi nhận ra rằng mình có một mức quyền năng nào đó để uốn nắn tương lai. Đó là vì chúng ta nghĩ rằng điểm vốn là tâm thức của chúng ta đã chuyển động dọc theo một đường nào đó mà nay không thể thay đổi; nhưng các chuyển động tương lai của nó có thể được kiểm soát phần nào, vì đối với chúng ta dường như các biến cố của tương lai vẫn chưa xảy ra. Đúng là chúng chưa [83] xảy ra đối với chúng ta; có lẽ nói rằng chúng ta chưa đi đến chúng thì đúng hơn. Sẽ hữu ích cho chúng ta nếu có thể nắm được ý tưởng rằng trong thực tại, chúng ta không phải là điểm tâm thức ấy—hay đúng hơn, chúng ta còn hơn thế rất nhiều. Chúng ta là *toàn bộ đường ấy*, và điểm tâm thức đang đi từ một phần của chính chúng ta sang một phần khác cũng đúng là chính chúng ta. Trong khả năng của chúng ta có việc đánh thức toàn bộ bản thân mình, ý thức về mình như một đường chứ không chỉ như một điểm; và khi đã thành công đạt đến điều đó, chúng ta vượt qua ảo tưởng của loại thời gian *của chúng ta*, vì quá khứ và tương lai cùng nằm đồng thời trước mặt chúng ta.

Take the analogy of a railway train, which we may suppose to be running from south to north. We move along that line and at any given moment we see what is visible from the particular point at which we happen to be. We remember as much as we have observed of the

Hãy lấy phép tương đồng về một đoàn tàu hỏa mà chúng ta có thể giả định là đang chạy từ nam lên bắc. Chúng ta di chuyển dọc theo đường ấy và vào bất cứ khoảnh khắc nào, chúng ta thấy những gì có thể thấy từ điểm đặc thù nơi mình tình cờ hiện diện. Chúng ta

scenery through which we have passed; but we are ignorant of the scenery which lies before us, if it is our first journey along, that line. We know, however, that the whole railway exists all the time, and that the objects which we see in succession are really simultaneously in existence; and it is not difficult for us to imagine a condition in which, by being simultaneously present at every point, we could have the whole panorama before us at the same time. By climbing a high mountain or ascending in a balloon we could to some extent realise this idea, except that in that case the point of view would be entirely changed and so the analogy would be imperfect. [84]

nhớ được bao nhiêu thì tùy những gì đã quan sát về cảnh vật mà mình đã đi qua; nhưng chúng ta không biết cảnh vật nằm trước mặt, nếu đó là chuyến đi đầu tiên của mình dọc theo tuyến ấy. Tuy nhiên, chúng ta biết rằng toàn bộ đường sắt vẫn tồn tại suốt thời gian, và các vật mà chúng ta thấy nối tiếp nhau thật ra cùng tồn tại đồng thời; và không khó để chúng ta hình dung một trạng thái trong đó, bằng cách hiện diện đồng thời tại mọi điểm, chúng ta có thể có toàn bộ toàn cảnh trước mặt cùng một lúc. Bằng cách leo lên một ngọn núi cao hoặc bay lên bằng khinh khí cầu, chúng ta có thể chứng nghiệm phần nào ý tưởng này, ngoại trừ rằng trong trường hợp ấy điểm nhìn sẽ hoàn toàn thay đổi, nên phép tương đồng sẽ không hoàn hảo. [84]

But we have still to realise that there is quite another motion going on—one of which we are, normally, entirely unconscious. We may typify this by a lateral motion of the line—say from west to east. So that if we suppose all this motion to be taking place in a square, it would seem to us that our evolution consisted in a northward movement in a line parallel to the side of the square, and to attain the northern side would seem the end and object of that evolution. Yet the real goal is all the while not the northern side but the north-east corner, and there is another time moving at right angles to our time, which carries our past and our future with it just as surely as that fleeting illusion which we call our present. In the analogy of the railway, this time is typified by the rotation of the earth, which is all the while carrying the whole railway (with our train upon it) from west to east, though of this we know nothing by our physical sensations.

Nhưng chúng ta vẫn còn phải nhận ra rằng có một chuyển động hoàn toàn khác đang diễn ra —một chuyển động mà bình thường chúng ta hoàn toàn vô thức. Chúng ta có thể biểu thị điều này bằng một chuyển động ngang của đường ấy—chẳng hạn từ tây sang đông. Vì vậy, nếu giả định toàn bộ chuyển động này diễn ra trong một hình vuông, đối với chúng ta dường như tiến hoá của mình gồm một chuyển động về phía bắc theo một đường song song với cạnh của hình vuông, và đạt đến cạnh phía bắc dường như là cứu cánh và mục tiêu của tiến hoá ấy. Tuy nhiên, mục tiêu thật sự luôn luôn không phải là cạnh phía bắc mà là góc đông-bắc, và có một thời gian khác chuyển động vuông góc với thời gian của chúng ta, mang theo quá khứ và tương lai của chúng ta cũng chắc chắn như cái ảo tưởng thoáng qua mà chúng ta gọi là hiện tại. Trong phép tương đồng về đường sắt, thời gian này được biểu thị bằng sự quay của Trái Đất, vốn luôn mang toàn bộ đường sắt, cùng đoàn tàu của chúng ta trên đó, từ tây sang đông, dù chúng ta không biết gì về điều này qua các cảm giác hồng trần.

That other time is God's time; and in *that* time what we call our past is not irrevocable, but is constantly changing, though always in the direction of improvement, or evolution. It may be said that the events of the past cannot be changed; but that statement is after all an assumption. The important events of the past are our contacts with other egos, our relations with them; and these relations *are* being changed, whether we know it or not; for they are in this direction at right angles to what we call time, which at present we are unable to appreciate. [85]

Thời gian kia là thời gian của Thượng đế; và trong *thời gian ấy* điều chúng ta gọi là quá khứ không phải không thể đảo ngược, mà luôn luôn đang thay đổi, dù luôn theo chiều hướng cải thiện, hay tiến hoá. Có thể nói rằng các biến cố của quá khứ không thể thay đổi; nhưng rốt cuộc, phát biểu ấy chỉ là một giả định. Những biến cố quan trọng của quá khứ là các tiếp xúc của chúng ta với những chân ngã khác, các mối quan hệ của chúng ta với họ; và các mối quan hệ này *đang* được thay đổi, dù chúng ta biết hay không; vì chúng nằm theo hướng vuông góc với điều chúng ta gọi là thời gian, điều mà hiện nay chúng ta chưa thể nhận biết. [85]

But just as it is now possible for us to become conscious all along our line instead of only at one point of it, so will it in the far-away future be possible for us to acquire a consciousness which shall contain the whole square—a consciousness equivalent to that which now seems to us the Divine Consciousness. Probably then the whole process will be repeated, and we shall find that the whole square is moving at right angles to itself; but it is better to try to grasp one facet of the idea at a time. In the same way our railroad is not only being carried round from west to east as the earth rotates upon its axis, but it is also being carried through space at a far swifter rate as the earth revolves round the sun; and it has yet again an additional and quite different motion as the whole solar system revolves in its incalculable orbit round some far greater central sun.

Nhưng cũng như hiện nay chúng ta có thể trở nên hữu thức dọc theo toàn bộ đường của mình thay vì chỉ tại một điểm của nó, thì trong tương lai xa xôi chúng ta cũng sẽ có thể đạt được một tâm thức bao hàm toàn bộ hình vuông—một tâm thức tương đương với điều hiện nay đối với chúng ta dường như là Tâm Thức Thiêng Liêng. Có lẽ khi đó toàn bộ tiến trình sẽ được lặp lại, và chúng ta sẽ thấy rằng toàn bộ hình vuông đang chuyển động vuông góc với chính nó; nhưng tốt hơn là cố gắng nắm lấy từng mặt của ý tưởng một lúc. Cũng như vậy, đường sắt của chúng ta không chỉ được mang vòng quanh từ tây sang đông khi Trái Đất quay quanh trục của nó, mà còn được mang xuyên qua không gian với tốc độ nhanh hơn rất nhiều khi Trái Đất quay quanh Mặt Trời; và nó lại còn có thêm một chuyển động phụ trội và hoàn toàn khác khi toàn bộ hệ mặt trời quay trong quỹ đạo không thể tính toán quanh một mặt trời trung tâm lớn hơn rất nhiều nào đó.

This transcendental view of time has been very beautifully expressed by the late Mr. C. H. Hinton in his story Stella:

Quan điểm siêu việt này về thời gian đã được ông C. H. Hinton quá cố diễn tả rất đẹp trong câu chuyện Stella của ông:

If you felt eternity, you would know that you are never separated from anyone with whom you have ever been. You come to a different part of yourself every day, and you think the part that is separated is time is gone, but in eternity it is always there.

Nếu bạn cảm nhận được vĩnh cửu, bạn sẽ biết rằng bạn không bao giờ bị tách rời khỏi bất cứ ai mà bạn từng ở cùng. Mỗi ngày bạn đi đến một phần khác của chính mình, và bạn nghĩ rằng phần bị chia cách trong thời gian đã qua mất, nhưng trong vĩnh cửu nó luôn luôn ở đó.

If you felt eternity, you would know that what you did to a person and what he did to you is gradually changing. You think it is over and done with, but in eternity what you and he did to each other is always there and always changing and altering. As you grow better, he will act quite differently and you will act quite differently.

Nếu bạn cảm nhận được vĩnh cửu, bạn sẽ biết rằng điều bạn đã làm với một người và điều y đã làm với bạn đang dần dần thay đổi. Bạn nghĩ rằng việc ấy đã qua và đã xong, nhưng trong vĩnh cửu điều bạn và y đã làm với nhau luôn luôn ở đó và luôn luôn thay đổi, biến đổi. Khi bạn trở nên tốt đẹp hơn, y sẽ hành động hoàn toàn khác và bạn cũng sẽ hành động hoàn toàn khác.

If you felt eternity, you would know that you are always living in your whole life, that it is always changing, though with your eyes you can see only the part you are in now. The present is just a concentration, like attending to one thing at a time. [86]

Nếu bạn cảm nhận được vĩnh cửu, bạn sẽ biết rằng bạn luôn sống trong toàn bộ đời mình, rằng nó luôn luôn thay đổi, dù bằng đôi mắt bạn chỉ có thể thấy phần mà hiện nay bạn đang ở trong đó. Hiện tại chỉ là một sự tập trung, giống như chú ý vào từng việc một. [86]

The Present is the child of the Past; the Future the begotten of the Present. And yet, O present moment! knowest thou not that thou hast no parent, nor canst thou have a child; that thou art ever begetting but thyself? Before thou hast even begun to say: "I am the progeny of the departed moment, the child of the past," thou hast become that past itself. Before thou utterest the last syllable, behold! thou art no more the Present, but verily that Future. Thus are the Past, the Present, and the Future the Ever-living Trinity in one—the Mahamaya of the Asolute IS.—The Secret Doctrine, Vol. II, p. 466.

Hiện Tại là con của Quá Khứ; Tương Lai là con được sinh ra từ Hiện Tại. Thế nhưng, hỡi khoảnh khắc hiện tại! ngươi không biết sao rằng ngươi không có cha mẹ, cũng không thể có con; rằng ngươi mãi mãi chỉ sinh ra chính ngươi? Trước khi ngươi còn chưa bắt đầu nói: "Ta là hậu duệ của khoảnh khắc đã qua, là con của quá khứ," ngươi đã trở thành chính quá khứ ấy. Trước khi ngươi thốt ra âm tiết cuối cùng, hãy nhìn xem! ngươi không còn là Hiện Tại nữa, mà thật sự là Tương Lai ấy. Như vậy, Quá Khứ, Hiện Tại và Tương Lai là Ba Ngôi Hằng Sống trong một—Đại Ảo Lực của HIỆN HỮU Tuyệt Đối.—Giáo Lý Bí Nhiệm, Quyển II, trang 466.

"Time" is only an illusion produced by the succession of our states of consciousness as we travel through Eternal Duration … The

"Thời gian" chỉ là một ảo tưởng do sự nối tiếp các trạng thái tâm thức của chúng ta tạo ra khi chúng ta du hành qua Trường Tồn Vĩnh Cửu …

Present is only a mathematical line which divides that part of Eternal Duration which we call the Future, from that part which we call the Past. Nothing on earth has real duration ... and the sensation we have of the actuality of the division of Time known as the Present, comes from the blurring of the momentary glimpse, or succession of glimpses, of things that our senses give us, as those things pass from the region of ideals, which we call the Future, to the region of memories that we name the Past ... No one would say that a bar of metal dropped into the sea came into existence as it left the air, and ceased to exist as it entered the water, and that the bar itself consisted only of that cross-section thereof which at any given moment coincided with the mathematical plane that separates, and, at the same time, joins, the atmosphere and the ocean. Even so persons and things; which—dropping out of the "to be" into the "has been", out of the Future into the Past—present momentarily to our senses a cross-section, as it were, of their total selves, as they pass through Time and Space (as Matter) on their way from one eternity to another.—The Secret Doctrine, Vol. I, p. 69. [87]

Hiện Tại chỉ là một đường toán học phân chia phần của Trường Tồn Vĩnh Cửu mà chúng ta gọi là Tương Lai với phần mà chúng ta gọi là Quá Khứ. Không có gì trên đất có trường tồn thật sự ... và cảm giác mà chúng ta có về tính hiện thực của sự phân chia Thời Gian được biết là Hiện Tại phát sinh từ sự nhòe mờ của thoáng nhìn trong khoảnh khắc, hay chuỗi thoáng nhìn, về những sự vật mà các giác quan đem lại cho chúng ta, khi những sự vật ấy đi từ miền các lý tưởng, mà chúng ta gọi là Tương Lai, sang miền ký ức mà chúng ta gọi là Quá Khứ ... Không ai sẽ nói rằng một thanh kim loại rơi xuống biển bắt đầu hiện hữu khi nó rời khỏi không khí, và ngừng hiện hữu khi nó đi vào nước, và rằng bản thân thanh ấy chỉ gồm phần mặt cắt của nó mà vào bất cứ khoảnh khắc nào trùng với mặt phẳng toán học phân cách, đồng thời nối liền, khí quyển và đại dương. Cũng vậy đối với con người và sự vật; khi—rơi từ "sẽ là" vào "đã là", từ Tương Lai vào Quá Khứ—chúng tạm thời trình hiện trước các giác quan của chúng ta một mặt cắt, có thể nói như vậy, của toàn thể bản ngã của chúng, khi chúng đi qua Thời Gian và Không Gian, như Vật Chất, trên đường từ một vĩnh cửu này sang một vĩnh cửu khác.—Giáo Lý Bí Nhiệm, Quyển I, trang 69. [87]

CHAPTER VI— CHƯƠNG VI

INSPIRATION—CẢM HỨNG

AS our consciousness begins to open to influences from higher worlds, we are likely to come more and more intimately into contact with the phenomenon called inspiration. In all great spiritual movements outpourings of force from higher planes have taken place, and there is no reason to suppose that the

KHI tâm thức của chúng ta bắt đầu mở ra trước các ảnh hưởng từ những thế giới cao hơn, chúng ta có khả năng tiếp xúc ngày càng mật thiết hơn với hiện tượng được gọi là cảm hứng. Trong mọi phong trào tinh thần vĩ đại, đã có những lần tuôn đổ mãnh lực từ các cõi cao hơn, và không có lý do gì để cho rằng phong

latest of such movements will vary in that respect from the older manifestations. Most of our members know that we had a remarkable example of such a downflow at one of the meetings of the Order of the Star, at Benares, on December 28th, 1911, and there must be many who have felt the same thing in a lesser degree at other meetings.

trào mới nhất trong số đó sẽ khác với các biểu hiện xưa hơn về phương diện này. Phần lớn các hội viên của chúng ta biết rằng chúng ta đã có một thí dụ đáng chú ý về một dòng tuôn xuống như thế tại một trong các buổi họp của Hội Ngôi Sao, ở Benares, ngày 28 tháng 12 năm 1911, và hẳn có nhiều người đã cảm nhận điều tương tự ở mức độ thấp hơn trong các buổi họp khác.

The whole subject of such inspiration, of such pouring out of influence, is one of great interest; one that it is profitable for us to try to comprehend. We talk habitually of inspiration, but it is not generally at all understood, and the word is used to cover phenomena of different types. The manifestation to which I have just referred, though entirely spontaneous and unexpected, partook to some extent of the nature of those periodical effluxes of power from above upon a number of people simultaneously, upon which religions largely rely [88] for the helping and strengthening of their followers. These public and general inspirations, if we may call them so, are in themselves a subject of enthralling interest to which but little scientific attention has been devoted. I have recently made a careful study of it in connection with certain Christian services, and have published the results in a book called *The Science of the Sacraments.* I hope to see the same work undertaken by some qualified exponent for each of the great religions of the world; for it is a side of religious influence that has been much neglected, and it seems to me to be one of great importance.

Toàn bộ đề tài về cảm hứng như thế, về sự tuôn đổ ảnh hưởng như thế, là một đề tài hết sức thú vị; một đề tài mà chúng ta nên cố gắng thấu hiểu. Chúng ta thường nói về cảm hứng, nhưng nói chung nó hoàn toàn không được hiểu rõ, và từ này được dùng để bao gồm các hiện tượng thuộc nhiều loại khác nhau. Biểu hiện mà tôi vừa nhắc đến, dù hoàn toàn tự phát và bất ngờ, phần nào mang bản chất của những dòng tuôn quyền năng định kỳ từ bên trên xuống nhiều người cùng lúc, những điều mà các tôn giáo phần lớn dựa vào [88] để trợ giúp và củng cố những người theo mình. Những cảm hứng công cộng và tổng quát này, nếu chúng ta có thể gọi như vậy, tự thân là một đề tài hấp dẫn sâu xa mà khoa học chỉ mới dành rất ít sự chú ý. Gần đây tôi đã nghiên cứu cẩn thận đề tài ấy trong mối liên hệ với một số nghi lễ Kitô giáo, và đã công bố các kết quả trong một quyển sách tên là *Khoa Học về các Bí Tích.* Tôi hy vọng sẽ thấy cùng công việc ấy được một nhà trình bày đủ tư cách thực hiện cho từng tôn giáo lớn của thế giới; vì đây là một phương diện của ảnh hưởng tôn giáo đã bị bỏ quên nhiều, và theo tôi, nó là một phương diện rất quan trọng.

It is not, however, of these endeavours to affect the collective consciousness of a congregation that I wish to write here, but rather of individual inspirations, and the possibility of our encountering them in the

Tuy nhiên, ở đây tôi không muốn viết về những nỗ lực ấy nhằm tác động đến tâm thức tập thể của một hội chúng, mà đúng hơn là về những cảm hứng cá nhân, và khả năng chúng ta gặp chúng trong tiến trình tiến bộ của

course of our progress. There is, however, another sense in which the word is used, to which it will be well first to make a passing reference.

mình. Tuy nhiên, còn có một nghĩa khác trong đó từ này được dùng, và trước hết cũng nên lướt qua nghĩa ấy.

The less intelligent among the Christians tell us that their scriptures are directly inspired by the Holy Ghost; many Christians hold to a general inspiration, which would prevent any serious error, but there are also many who carry it further, and say that the actual words are so inspired. I am sorry to say that they sometimes make themselves ridiculous by carrying it further still, and saying that every word of the English translation must necessarily also be directly inspired by God. In fact, I fancy that many of the people who hold that view believe that the original messages were given [89] in English! The nearest approach to rationality along this line is the theory that the same Holy Spirit who inspired the original writers also descended upon the translators and made them do their work with verbal accuracy.

Những người kém thông minh hơn trong hàng ngũ tín đồ Kitô giáo nói với chúng ta rằng kinh điển của họ được Chúa Thánh Thần trực tiếp soi truyền; nhiều tín đồ Kitô giáo chủ trương một sự soi truyền tổng quát, vốn sẽ ngăn ngừa mọi sai lầm nghiêm trọng, nhưng cũng có nhiều người còn đi xa hơn, và nói rằng chính từng lời cũng được soi truyền như thế. Tôi tiếc phải nói rằng đôi khi họ tự làm mình trở nên lố bịch khi còn đi xa hơn nữa, và nói rằng mọi lời trong bản dịch tiếng Anh nhất thiết cũng phải do Thượng đế trực tiếp soi truyền. Thật vậy, tôi tưởng rằng nhiều người giữ quan điểm ấy tin rằng các thông điệp nguyên thủy đã được ban ra [89] bằng tiếng Anh! Cách gần với lý trí nhất theo đường lối này là lý thuyết cho rằng cùng Chúa Thánh Thần đã soi truyền các tác giả nguyên thủy cũng đã giáng xuống trên những dịch giả và khiến họ làm công việc của mình với sự chính xác từng lời.

I am afraid the verbal accuracy occasionally fails us, but there is this much to be said in favour of their idea, that the English translation of the Christian Scriptures is far finer in many respects than the original. If it ever comes in your way, as it did in mine as a student of divinity, to consult the original and compare it in considerable detail with the translation, I think you cannot but be struck, especially with regard to the Old Testament, with the fact that the original does not seem so poetical, so splendid in many respects, so beautiful and so musically expressed. There is some justification for the theory that King James' translators were the really inspired people, and those who know something of the influence which He whom we now call the

Tôi e rằng sự chính xác từng lời đôi khi không giữ được với chúng ta, nhưng có thể nói ngần này để bênh vực ý tưởng của họ: bản dịch tiếng Anh của Kinh điển Kitô giáo về nhiều phương diện hay hơn nguyên bản rất nhiều. Nếu có lúc bạn có dịp, như tôi đã từng có khi còn là đạo sinh thần học, tra cứu nguyên bản và so sánh khá tỉ mỉ với bản dịch, tôi nghĩ bạn không thể không bị ấn tượng, đặc biệt đối với Cựu Ước, bởi sự kiện rằng nguyên bản dường như không thi vị đến thế, không huy hoàng đến thế về nhiều phương diện, không đẹp đẽ và không được diễn đạt giàu nhạc tính đến thế. Có một phần lý do để biện minh cho lý thuyết rằng các dịch giả của Vua James mới là những người thực sự được soi truyền; và những ai biết đôi chút về ảnh hưởng mà Đấng nay chúng ta gọi

Comte de St. Germain exercised over that translation, will be prepared to believe that there is a great deal of truth behind that theory of the rendering into such magnificent English of the scripture which was to have under that particular guise so world-wide an influence. If we compare the French translation of the Bible with the English, I think we shall agree that the former is a poor thing in comparison, and does not give at all the same effect—that our Christian brothers in France lose much by the fact that their scripture is by no means so poetically and so felicitously expressed as [90] our own translation. Luther's translation into German is somewhat better, but even that, I think, falls much below the English version. I mean the old English authorised version; the revised version is more accurate in some respects, but in many cases it has lost the old poetry and the old inspiration.

là Bá tước de St. Germain đã tác động lên bản dịch ấy, sẽ sẵn sàng tin rằng có rất nhiều chân lý đằng sau lý thuyết về việc chuyển dịch Kinh điển ấy sang một thứ tiếng Anh tráng lệ như vậy, thứ Kinh điển vốn sẽ có, dưới hình thức đặc biệt ấy, một ảnh hưởng rộng khắp thế giới đến thế. Nếu chúng ta so sánh bản dịch tiếng Pháp của Kinh Thánh với bản tiếng Anh, tôi nghĩ chúng ta sẽ đồng ý rằng bản trước nghèo nàn hơn rất nhiều khi so sánh, và hoàn toàn không tạo cùng một hiệu quả — rằng các huynh đệ Kitô giáo của chúng ta ở Pháp mất mát nhiều bởi sự kiện kinh điển của họ tuyệt nhiên không được diễn đạt thi vị và khéo léo như bản dịch của chính chúng ta. Bản dịch của Luther sang tiếng Đức có phần khá hơn, nhưng ngay cả bản ấy, tôi nghĩ, cũng kém xa bản tiếng Anh. Ý tôi là bản dịch tiếng Anh được chuẩn nhận cũ; bản hiệu đính chính xác hơn về một vài phương diện, nhưng trong nhiều trường hợp nó đã mất đi chất thơ xưa và nguồn cảm hứng xưa.[90]

But the reality of inspiration is not quite as orthodox people imagine it. Some Christians apparently believe that God the Holy Ghost dictated word by word those very scriptures, and are not at all disturbed by the fact that that is obviously untrue, as the books contain numerous mistakes. Yet, apart from such foolish belief, there is a vast amount of inspiration of different sorts going on, not perhaps from so high a source as the ill-instructed Christian supposes, but perfectly real inspiration nevertheless, even though it does not take just that form.

Nhưng thực tại của cảm hứng không hoàn toàn như những người chính thống tưởng tượng. Một số tín đồ Kitô giáo dường như tin rằng Thượng đế Chúa Thánh Thần đã đọc từng lời chính những kinh điển ấy, và họ chẳng hề bối rối trước sự kiện rằng điều đó rõ ràng là không đúng, vì các sách ấy chứa nhiều sai lầm. Tuy nhiên, ngoài niềm tin ngớ ngẩn ấy, có một lượng cảm hứng mênh mông thuộc nhiều loại khác nhau đang diễn ra, có lẽ không từ một nguồn cao siêu như người tín đồ Kitô giáo thiếu huấn luyện tưởng, nhưng dù sao vẫn là cảm hứng hoàn toàn có thực, ngay cả khi nó không mang đúng hình thức ấy.

Any student of Theosophy must be aware that our Masters, the true Leaders of the Society, have frequently inspired its speakers and writers; but They have not done so, as a rule, by any sort of verbal dictation. Far more

Bất kỳ đạo sinh Thông Thiên Học nào cũng hẳn biết rằng các Chân sư của chúng ta, những Vị Lãnh Đạo chân chính của Hội, đã nhiều lần soi truyền cho các diễn giả và tác giả của Hội; nhưng theo thông lệ, Các Ngài không làm như

frequently They have done it by projecting into the mind of the speaker or writer certain ideas, leaving the man to clothe them in his own words. That is unquestionably an inspiration, because *spiro* means "I breathe"; so inspiration is something breathed into one from without, and those ideas in that sequence would not have occurred to the speaker or writer without that interference. Of that kind of inspiration I think we have had a great deal. [91]

thế bằng bất kỳ kiểu đọc từng lời nào. Thường xuyên hơn nhiều, Các Ngài làm điều đó bằng cách phóng chiếu vào thể trí của diễn giả hoặc tác giả một số ý tưởng nào đó, để cho người ấy tự khoác chúng bằng lời lẽ của mình. Điều ấy chắc chắn là một sự cảm hứng, bởi vì *spiro* có nghĩa là "tôi thở"; vì vậy cảm hứng là một điều gì đó được thở vào một người từ bên ngoài, và các ý tưởng ấy trong trình tự ấy đã không nảy sinh nơi diễn giả hay tác giả nếu không có sự can thiệp đó. Tôi nghĩ chúng ta đã có rất nhiều cảm hứng thuộc loại ấy. [91]

Those who have heard the lectures of our revered President can hardly fail to have been struck by the wonderful eloquence with which she speaks. That is of course native to her; it is a priceless talent which she holds in this life because she has won it by many lives of assiduous practice in public speaking. But one who hears her as often as I have done, many hundreds of times probably, will soon learn that besides her magnificent flights of eloquence other and different forms of speech sometimes fall from her lips, and that she is unquestionably sometimes guided from without as to what she shall say. I think she would herself say: "Sometimes I feel that my Master is putting ideas info my mind, and I simply express them"; she would even tell you that there have been occasions when He has actually used her organs and spoken through her Himself. I have myself heard that happen on several occasions, and the change is most marked. When left to herself our President speaks always in splendid flowing sentences. I have heard her say, when asked about her eloquence: "While I am speaking one sentence I see the next sentence in the air before me in two or three different forms, and I select from those that which I think will be most effective". I have no personal experience of that sort of thing; that talent has not been

Những ai đã nghe các bài giảng của vị Hội trưởng khả kính của chúng ta hầu như không thể không bị ấn tượng bởi tài hùng biện tuyệt vời mà bà nói ra. Dĩ nhiên điều ấy là bẩm sinh nơi bà; đó là một tài năng vô giá mà bà có trong kiếp sống này vì bà đã giành được nó qua nhiều kiếp chuyên cần luyện tập việc nói trước công chúng. Nhưng người nào nghe bà thường xuyên như tôi đã từng nghe, có lẽ nhiều trăm lần, sẽ sớm nhận ra rằng ngoài những đợt hùng biện huy hoàng của bà, đôi khi những hình thức ngôn từ khác và khác hẳn cũng rơi từ môi bà, và chắc chắn đôi khi bà được hướng dẫn từ bên ngoài về điều bà sẽ nói. Tôi nghĩ chính bà sẽ nói: "Đôi khi tôi cảm thấy Chân sư của tôi đang đặt các ý tưởng vào thể trí tôi, và tôi chỉ đơn giản diễn đạt chúng"; bà thậm chí sẽ nói với bạn rằng đã có những dịp Ngài thực sự sử dụng các cơ quan của bà và chính Ngài nói qua bà. Chính tôi đã nghe điều ấy xảy ra trong vài dịp, và sự thay đổi là hết sức rõ rệt. Khi được để tự mình, vị Hội trưởng của chúng ta luôn nói bằng những câu văn tuôn chảy lộng lẫy. Tôi đã nghe bà nói, khi được hỏi về tài hùng biện của mình: "Trong khi tôi đang nói một câu, tôi thấy câu kế tiếp trong không trung trước mặt tôi dưới hai hoặc ba hình thức khác nhau, và tôi chọn từ đó câu mà tôi nghĩ sẽ hiệu quả nhất". Tôi không có kinh nghiệm cá nhân về loại việc ấy; tài năng ấy đã không được

given to me; I have not this wonderful gift of eloquence. We use that expression, “a gift”, because as far as this life is concerned it is a gift; but remember that it is the result of work done in the past. [92]

ban cho tôi; tôi không có năng khiếu hùng biện tuyệt diệu này. Chúng ta dùng cách nói “một năng khiếu”, bởi vì xét trong phạm vi kiếp sống này thì đó là một năng khiếu; nhưng hãy nhớ rằng nó là kết quả của công việc đã làm trong quá khứ. [92]

Those glowing periods, those balanced and modulated sentences—that is her style when left to herself; but her Master speaks usually in short, sharp sentences. In this incarnation, before He resigned His place in the world and became—not an ascetic exactly, but at least one who devotes the whole of His life entirely to spiritual work—He was a King in India, a commander of troops, accustomed to state exactly what He wanted in strong, brief, military sentences. He does so still, and it is striking indeed to watch the President’s style suddenly change into the tone of command, to hear it alter from measured cadences to short, strong sentences—a most interesting study for a student of psychology. That is another form of inspiration.

Những chu kỳ rực sáng ấy, những câu văn cân đối và được điều nhịp — đó là phong cách của bà khi được để tự mình; nhưng Chân sư của bà thường nói bằng những câu ngắn, sắc, mạnh. Trong kiếp lâm phàm này, trước khi Ngài từ bỏ địa vị của mình trong thế gian và trở thành — không hẳn là một nhà khổ hạnh, nhưng ít nhất là một người hiến trọn đời mình hoàn toàn cho công việc tinh thần — Ngài là một vị vua ở Ấn Độ, một vị chỉ huy quân đội, quen nói chính xác điều Ngài muốn bằng những câu mạnh mẽ, ngắn gọn, đầy chất quân sự. Ngài vẫn làm như vậy, và thật đáng chú ý khi quan sát phong cách của vị Hội trưởng đột nhiên chuyển sang giọng mệnh lệnh, khi nghe nó đổi từ những nhịp điệu đều đặn sang các câu ngắn, mạnh — một đề tài nghiên cứu hết sức thú vị cho đạo sinh tâm lý học. Đó là một hình thức khác của cảm hứng.

Sometimes a spiritualist says to us: “In what way does such a condition as that which you thus describe differ from mediumship, to which, I am told, you have a decided objection?”

Đôi khi một nhà thần linh học nói với chúng ta: “Một tình trạng như ông vừa mô tả khác với trạng thái đồng tử như thế nào, điều mà tôi được biết là ông phản đối dứt khoát?”

I answer that the difference is fundamental; the two conditions are wide as the poles asunder. In mediumship a person is passive, and lays himself open to the influence of any astral entity who happens to be in the neighbourhood. When under the influence he is usually unconscious, and knows neither what is being done through his organism nor who is doing it; he remembers nothing when he awakens from his trance. His state is really

Tôi trả lời rằng sự khác biệt là căn bản; hai tình trạng ấy cách xa nhau như hai cực. Trong trạng thái đồng tử, một người thụ động và mở mình ra trước ảnh hưởng của bất kỳ thực thể cảm dục nào tình cờ ở gần đó. Khi ở dưới ảnh hưởng ấy, y thường vô thức, và không biết điều gì đang được thực hiện qua cơ cấu của mình, cũng không biết ai đang làm điều đó; y không nhớ gì khi tỉnh dậy khỏi trạng thái xuất thần. Tình trạng của y thật ra là một sự ám

one of temporary obsession. There is generally supposed to be a dead man in charge of the proceedings, who is called a spirit-guide; but I have seen several cases in which such a guide proved [93] utterly unable to afford efficient protection, for he encountered a force far stronger than his own, with results disastrous to his medium.

ảnh tạm thời. Người ta thường cho rằng có một người chết điều khiển tiến trình ấy, được gọi là một vị hướng dẫn tinh thần; nhưng tôi đã thấy vài trường hợp trong đó một vị hướng dẫn như vậy tỏ ra hoàn toàn không thể đem lại sự bảo vệ hữu hiệu, vì y gặp phải một mãnh lực mạnh hơn của chính mình rất nhiều, với những kết quả tai hại cho đồng tử của y.[93]

If one of our Masters chooses to speak through one of His pupils, the latter is fully conscious of what is being done, and knows perfectly to whom he is for the moment lending his vocal organs. He stands aside from his vehicle, but he remains keenly alert and watchful; he hears every word that is uttered through him, follows with reverent interest all that occurs, and remembers everything clearly. There is nothing in common between the two cases, except that in both of them the body of one man is temporarily used by another.

Nếu một trong các Chân sư của chúng ta chọn nói qua một trong các môn sinh của Ngài, thì người sau hoàn toàn có ý thức về điều đang được làm, và biết rõ mình đang cho ai mượn các cơ quan phát âm trong lúc ấy. Y đứng sang một bên khỏi hiện thể của mình, nhưng vẫn cực kỳ tỉnh thức và canh chừng; y nghe từng lời được nói ra qua mình, theo dõi với sự quan tâm tôn kính tất cả những gì xảy ra, và nhớ mọi sự rõ ràng. Không có điểm chung nào giữa hai trường hợp, ngoại trừ việc trong cả hai, thể xác của một người tạm thời được một người khác sử dụng.

Our Masters not infrequently make use of Their pupils, not always in speaking or writing only, but in quite other ways. In the great case at Benares on the 28th December nothing was spoken by Alcyone beyond a word or two of benediction at the end of the meeting—nothing more than that; but still the outpouring of the influence was clearly felt by many. It is the custom of the Master to pour influence through His pupil, and often that influence may be not such as we class under the term “inspiration”; that is to say, it will not prompt the pupil to do or to say anything whatever, but it will be simply a tremendous outpouring of spiritual force which may be employed for various purposes; sometimes for the healing of some disease, but more often for the comforting of some one who is in trouble, for the guidance of some one who is in great difficulty. [94]

Các Chân sư của chúng ta không hiếm khi sử dụng các môn sinh của Các Ngài, không phải lúc nào cũng chỉ trong việc nói hay viết, mà còn theo những cách hoàn toàn khác. Trong trường hợp lớn lao tại Benares vào ngày 28 tháng Mười Hai, Alcyone không nói gì ngoài một hay hai lời chúc phúc ở cuối buổi họp — không hơn thế; nhưng sự tuôn đổ ảnh hưởng vẫn được nhiều người cảm nhận rõ ràng. Thói quen của Chân sư là tuôn đổ ảnh hưởng qua môn sinh của Ngài, và thường ảnh hưởng ấy có thể không phải loại mà chúng ta xếp dưới thuật ngữ “cảm hứng”; nghĩa là nó sẽ không thúc đẩy môn sinh làm hay nói bất kỳ điều gì, mà chỉ đơn giản là một sự tuôn đổ mãnh lực tinh thần hết sức mạnh mẽ, có thể được dùng cho nhiều mục đích khác nhau; đôi khi để chữa lành một bệnh nào đó, nhưng thường hơn để an ủi một người đang gặp phiền muộn, để hướng dẫn một người đang ở trong khó khăn

lớn. [94]

Perhaps that is one of the ways in which prayers are answered. Most students would say that prayer, in the ordinary sense of the word, is not a thing to which they attach great importance—not a thing which they would recommend. I myself feel, not only as a Theosophist but as a bishop of the Christian Church, that to pray to God for anything personal for oneself implies a lack of faith in Him; it distinctly implies that He needs to be told what is best for His people. I never felt myself so sure of what was best for me as to think that I was in a position to dictate to the Supreme Ruler of heaven and earth. It always seemed to me that He must know so far better than I, and that, being a loving Father (as I am absolutely certain that He is), He is already doing all for me that can be done, and needs no requests from me—more especially as my request might very likely be for something which I wish, though in reality it may not be at all the best thing for me. Therefore I have always felt that anything in the nature of personal prayer is to some extent an exhibition of distrust. I am so absolutely convinced that what is being done is beyond all question the best that can be done under all circumstances and taking everything into account, that it would never occur to me to ask the Great Architect of the Universe to alter His arrangements in order to suit me. I cannot think, therefore, that prayer is a commendable thing. I should consider meditation or aspiration a better form in which to express one's spiritual need. [95]

Có lẽ đó là một trong những cách mà lời cầu nguyện được đáp lại. Phần lớn đạo sinh sẽ nói rằng cầu nguyện, theo nghĩa thông thường của từ này, không phải là điều họ gán cho tầm quan trọng lớn — không phải là điều họ sẽ khuyến nghị. Chính tôi cảm thấy, không chỉ với tư cách một nhà Thông Thiên Học mà còn với tư cách một giám mục của Giáo hội Kitô giáo, rằng cầu nguyện với Thượng đế cho bất cứ điều gì cá nhân cho chính mình hàm ý một sự thiếu đức tin nơi Ngài; nó rõ ràng hàm ý rằng Ngài cần được nói cho biết điều gì là tốt nhất cho dân của Ngài. Tôi chưa bao giờ cảm thấy mình chắc chắn đến thế về điều gì là tốt nhất cho tôi đến mức nghĩ rằng mình ở vào vị thế có thể ra lệnh cho Đấng Cai Quản Tối Cao của trời và đất. Tôi luôn thấy rằng Ngài hẳn biết rõ hơn tôi rất nhiều, và rằng, vì là một Người Cha đầy tình thương — như tôi tuyệt đối chắc chắn Ngài là thế — Ngài đã đang làm cho tôi tất cả những gì có thể làm, và không cần những lời thỉnh cầu từ tôi — nhất là vì lời thỉnh cầu của tôi rất có thể nhằm một điều tôi mong muốn, dù trong thực tế nó có thể hoàn toàn không phải là điều tốt nhất cho tôi. Vì vậy tôi luôn cảm thấy rằng bất cứ điều gì mang bản chất cầu nguyện cá nhân, ở một mức nào đó, là một sự bộc lộ thiếu tin cậy. Tôi tuyệt đối xác tín rằng điều đang được làm, không còn nghi ngờ gì nữa, là điều tốt nhất có thể làm trong mọi hoàn cảnh và khi xét đến mọi yếu tố, đến nỗi tôi sẽ không bao giờ nghĩ đến việc xin Đấng Kiến Trúc Sư Vĩ Đại của Vũ Trụ thay đổi các sắp đặt của Ngài để phù hợp với tôi. Vì vậy, tôi không thể nghĩ rằng cầu nguyện là một điều đáng khuyến khích. Tôi sẽ xem tham thiền hoặc khát vọng là một hình thức tốt hơn để diễn đạt nhu cầu tinh thần của một người. [95]

But vast numbers of people do pray; and the Christians, the Hindus, the Muhammadans all

Nhưng vô số người vẫn cầu nguyện; và các tín đồ Kitô giáo, Ấn giáo, Hồi giáo đều đồng ý nói

agree in telling us that prayers are often answered. They *are.* It may be that theoretically they ought not to be, but they *are,* and it is useless for scientific investigators to blink facts. If prayers are sometimes answered, how does it happen? for of course we cannot suppose that the Supreme Ruler of the Universe turns aside in His scheme at the request of man. Who then hears these smaller prayers, and to some extent deals with them? Obviously lower entities of some sort. Our Roman Catholic friends tell us that each man has his guardian Angel, that there are great hierarchies of Angels always surrounding us, and that any one of these may be reached by a prayer, and may do in response to it whatever "in the providence of God", as they would say, he is permitted to do.

với chúng ta rằng các lời cầu nguyện thường được đáp lại. Chúng *được đáp lại.* Có thể về mặt lý thuyết chúng không nên được đáp lại, nhưng chúng *được đáp lại,* và các nhà khảo cứu khoa học không thể nhắm mắt trước sự kiện. Nếu đôi khi lời cầu nguyện được đáp lại, thì điều đó xảy ra như thế nào? bởi dĩ nhiên chúng ta không thể giả định rằng Đấng Cai Quản Tối Cao của Vũ Trụ rẽ sang một bên trong thiên cơ của Ngài theo lời thỉnh cầu của con người. Vậy ai nghe những lời cầu nguyện nhỏ bé hơn này, và ở một mức nào đó xử lý chúng? Rõ ràng là những thực thể thấp hơn thuộc một loại nào đó. Các bạn Công giáo La Mã của chúng ta nói với chúng ta rằng mỗi người đều có Thiên thần hộ mệnh của mình, rằng có những huyền giai Thiên thần lớn lao luôn bao quanh chúng ta, và bất kỳ vị nào trong số ấy cũng có thể được chạm đến bằng một lời cầu nguyện, và có thể làm để đáp lại nó bất cứ điều gì "trong sự an bài của Thượng đế", như họ sẽ nói, mà vị ấy được phép làm.

There is a great deal of truth in that idea. There are hosts of non-human beings peopling the space around us. As a general rule they have nothing to do with us nor we with them; but it is humanity that loses by that state of affairs, and it exists only because people know as a rule nothing about them. It would indeed be well for humanity that it should sometimes be helped by these greater people; and indeed even now it often is so helped without knowing it. I have given some instances of this in *Invisible Helpers,* and they are only examples; one could find hundreds more in which external assistance of one kind or another is given. [96]

Có rất nhiều chân lý trong ý tưởng ấy. Có vô số hữu thể phi nhân loại cư ngụ trong không gian quanh chúng ta. Theo quy luật chung, họ không liên hệ gì với chúng ta và chúng ta cũng không liên hệ gì với họ; nhưng chính nhân loại chịu mất mát bởi tình trạng ấy, và nó tồn tại chỉ vì người ta, theo thông lệ, chẳng biết gì về họ. Thật vậy, sẽ là điều tốt cho nhân loại nếu đôi khi được những người lớn lao hơn này trợ giúp; và thật ra ngay cả hiện nay nhân loại thường được trợ giúp như thế mà không biết. Tôi đã đưa ra một vài trường hợp về điều này trong *Những Người Trợ Giúp Vô Hình,* và chúng chỉ là những ví dụ; người ta có thể tìm thấy hàng trăm trường hợp khác trong đó sự trợ giúp bên ngoài thuộc loại này hay loại khác được ban cho. [96]

Some such cases of help are instances of the vigilance of those disciples of our Masters who

Một số trường hợp trợ giúp như thế là những ví dụ về sự cảnh giác của các đệ tử thuộc các

are working constantly during sleep in the astral world; they see cases where they think some help can safely be given, and they step in and give it. Others show the interference of some non-physical being, but there is no evidence to show who the being was. It may have been what is commonly called a dead man, or it may have been one of those other non-human spirits; but the facts that such entities do surround us, and that now and then interference of some sort does take place —these are facts which we can verify for ourselves. We may read the published accounts of such interventions; we may look round and inquire whether any such instances can be found in the lives of those whom we know. Remember that we do not as a rule lay ourselves out at all for any such assistance, or for any suggestion from non-physical sources. Remember that the world around us is blankly unintelligent on such matters, and blatantly sceptical about them, and that those are clearly not the conditions which would encourage such intervention.

Chân sư của chúng ta, những người không ngừng làm việc trong khi ngủ ở thế giới cảm dục; họ thấy những trường hợp mà họ nghĩ rằng có thể an toàn ban cho một sự trợ giúp nào đó, và họ bước vào và ban cho nó. Những trường hợp khác cho thấy sự can thiệp của một hữu thể phi hồng trần nào đó, nhưng không có bằng chứng nào cho thấy hữu thể ấy là ai. Đó có thể là điều thường được gọi là một người chết, hoặc có thể là một trong các tinh thần phi nhân loại khác; nhưng những sự kiện rằng các thực thể như thế thực sự bao quanh chúng ta, và rằng thỉnh thoảng có một sự can thiệp nào đó diễn ra — đây là những sự kiện mà chúng ta có thể tự mình kiểm chứng. Chúng ta có thể đọc các tường thuật đã công bố về những sự can thiệp như thế; chúng ta có thể nhìn quanh và hỏi xem có thể tìm thấy những trường hợp nào như vậy trong đời sống của những người chúng ta biết hay không. Hãy nhớ rằng theo thông lệ, chúng ta hoàn toàn không tự chuẩn bị cho bất kỳ sự trợ giúp nào như thế, hoặc cho bất kỳ gợi ý nào từ các nguồn phi hồng trần. Hãy nhớ rằng thế giới quanh chúng ta thì hoàn toàn thiếu hiểu biết về những vấn đề như thế, và hoài nghi một cách ồn ào về chúng, và đó rõ ràng không phải là những điều kiện sẽ khuyến khích sự can thiệp như thế.

But if we go to Catholic countries where people do realise the possibility of such interventions, we shall find that they much more often take place there, simply because the people, believing in the possibility, lay themselves open to it in various ways. The ignorant sceptic always says: “These things do not come to me, because of my superior discrimination; I should at once see through the fraud, whatever it may be”. That is a foolish attitude [97] to take; and the reason which his vanity gives him for his lack of experience is not the true one. The sceptic erects a barrier round himself by his

Nhưng nếu chúng ta đến các xứ Công giáo, nơi người ta thực sự nhận biết khả năng có những sự can thiệp như thế, chúng ta sẽ thấy chúng diễn ra ở đó thường xuyên hơn nhiều, đơn giản vì người dân, do tin vào khả năng ấy, mở mình ra cho nó theo nhiều cách khác nhau. Kẻ hoài nghi vô minh luôn nói: “Những điều này không đến với tôi, vì tôi có sự phân biện vượt trội; tôi sẽ lập tức nhìn thấu sự lừa đảo, bất kể nó là gì”. Đó là một thái độ ngu xuẩn [97] phải giữ lấy; và lý do mà tính phù phiếm của y đưa ra cho sự thiếu kinh nghiệm của y không phải là lý do thật. Kẻ hoài nghi dựng lên một hàng rào quanh mình bằng sự không tin hung hăng

aggressive unbelief—a barrier which it is not worth the while of the non-physical entity to pierce; and so he goes unhelped, and consequently does not believe that anyone else can be helped. But such help does undoubtedly come, and sometimes it takes the form of inspiration.

của y — một hàng rào mà thực thể phi hồng trần không đáng mất công xuyên thủng; và vì vậy y đi mà không được trợ giúp, và do đó không tin rằng bất kỳ ai khác có thể được trợ giúp. Nhưng sự trợ giúp như thế chắc chắn có đến, và đôi khi nó mang hình thức cảm hứng.

It has often been my own experience, and I think it will be that of many public lecturers and preachers, that when speaking on any given subject new ideas are suddenly put into one's mind. Sometimes those come from one's ego, the higher self, who takes an interest in the work which is being done by the lower self, and contrives to flash down a fragment of information; but also sometimes they come quite distinctly from outside and from somebody else. It does not at all follow that the suggestions are necessarily in every respect accurate. They represent the opinion of the person who gives the suggestion, and a person in the astral world is no more infallible than one in the physical world. Here on this plane, if we heard a person talking about some subject, and had the opportunity without seeming intrusive, we should probably suggest to him anything that we knew on the matter. We hear a person explaining something to others, perhaps, and we observe some gaps in his explanation which we happen to be able to fill. If we are on friendly terms with that person, so that we can do it without hurting his feelings, we shall make our [98] contribution in order that the instruction given may be fuller and better. Just as we should do that in a friendly way on the physical plane, so does the dead man, so does the Angel, from the astral plane.

Điều đó thường là kinh nghiệm của chính tôi, và tôi nghĩ cũng sẽ là kinh nghiệm của nhiều diễn giả và nhà thuyết giảng trước công chúng, rằng khi đang nói về bất kỳ đề tài nào, những ý tưởng mới đột nhiên được đặt vào thể trí của một người. Đôi khi những điều ấy đến từ chân ngã của người ấy, bản ngã cao siêu, vốn quan tâm đến công việc đang được phàm ngã thực hiện, và tìm cách lóe xuống một mảnh thông tin; nhưng đôi khi chúng cũng đến rất rõ ràng từ bên ngoài và từ một người nào khác. Không hề tất yếu rằng các gợi ý ấy nhất định chính xác về mọi phương diện. Chúng đại diện cho ý kiến của người đưa ra gợi ý, và một người trong thế giới cảm dục cũng không bất khả sai lầm hơn một người trong thế giới hồng trần. Ở đây trên cõi này, nếu chúng ta nghe một người nói về một đề tài nào đó, và có cơ hội mà không tỏ ra đường đột, có lẽ chúng ta sẽ gợi ý cho y bất cứ điều gì chúng ta biết về vấn đề ấy. Có thể chúng ta nghe một người đang giải thích điều gì đó cho những người khác, và chúng ta nhận thấy một vài chỗ thiếu trong lời giải thích của y mà tình cờ chúng ta có thể bổ sung. Nếu chúng ta có quan hệ thân thiện với người ấy, đến mức có thể làm điều đó mà không làm tổn thương cảm xúc của y, chúng ta sẽ đóng góp phần của mình để sự chỉ dạy được đầy đủ hơn và tốt hơn. Cũng như chúng ta sẽ làm điều ấy một cách thân thiện trên cõi hồng trần, người chết cũng làm như vậy, Thiên thần cũng làm như vậy, từ cõi cảm dục.[98]

Many students of the occult have passed over

Nhiều đạo sinh huyền bí đã đi sang thế giới

into the other world, but naturally they still retain their interest not only in the subjects which they studied, but in their own friends who are studying them. They still come back and attend meetings and lectures, and if an idea occurs to them on the subject under consideration which is not in the mind of the speaker or the lecturer, they will endeavour to insert such an idea. They do not materialise (which would be a great waste of force) in order to get up and speak themselves, but they can without much difficulty put the idea into a mind which is already in sympathy with them, and that is often done. Some entirely new idea, some fresh illustration, is as it were thrust before the mind of the speaker. He may think, especially if he does not know much about the matter, that this is his own cleverness, that he himself has invented this new illustration. It does not matter. The point is to get the idea put before the people; the entity does not care who gets the credit of it, naturally enough. So there is a great deal of inspiration about, even now, and there might be much more if people had an intelligent grasp of the subject, and if they laid themselves out for such inspiration.

bên kia, nhưng tự nhiên họ vẫn giữ mối quan tâm không chỉ đối với những đề tài họ đã học, mà còn đối với chính các bạn bè của họ đang học những đề tài ấy. Họ vẫn trở lại và tham dự các buổi họp cùng các bài giảng, và nếu một ý tưởng nảy sinh nơi họ về đề tài đang được xem xét mà không có trong thể trí của diễn giả hay giảng viên, họ sẽ cố gắng đưa ý tưởng ấy vào. Họ không hiện hình — điều đó sẽ là một sự lãng phí mãnh lực lớn — để đứng lên và tự mình nói, nhưng họ có thể, không mấy khó khăn, đặt ý tưởng vào một thể trí vốn đã có thiện cảm với họ, và điều đó thường được thực hiện. Một ý tưởng hoàn toàn mới nào đó, một minh họa mới mẻ nào đó, như thể được đẩy ra trước thể trí của diễn giả. Y có thể nghĩ, nhất là nếu y không biết nhiều về vấn đề này, rằng đây là sự khéo léo của chính y, rằng chính y đã sáng tạo ra minh họa mới này. Điều đó không quan trọng. Điểm chính là làm cho ý tưởng được đặt trước mọi người; thực thể ấy tự nhiên không quan tâm ai nhận được công trạng về nó. Vì vậy có rất nhiều cảm hứng đang hiện diện, ngay cả bây giờ, và có thể còn nhiều hơn nữa nếu người ta có một sự nắm bắt thông minh về đề tài này, và nếu họ tự chuẩn bị cho cảm hứng như thế.

It will frequently happen to a man who is writing an article, that these new ideas will come into his mind. He has no means of knowing whether they [99] are his own ideas sent down by the ego, or thoughts sent down by some other agency; but after all it does not matter; there is no question of plagiarism here. Whoever gives them, gives them voluntarily. Any man preparing a subject should prepare it meditatively, with his mind open to new impressions; and he will often get those impressions. What of our poets? A poet is generally a man who is open to impressions. Whence those impressions come matters but little, so long as the ideas themselves are good.

Điều này sẽ thường xảy ra với một người đang viết một bài báo, rằng những ý tưởng mới này sẽ đi vào thể trí của y. Y không có phương tiện nào để biết liệu chúng [99] là những ý tưởng của chính y được chân ngã gửi xuống, hay là những tư tưởng được một cơ quan nào khác gửi xuống; nhưng sau cùng điều đó không quan trọng; ở đây không có vấn đề đạo văn. Bất kỳ ai ban chúng, đều ban chúng một cách tự nguyện. Bất cứ người nào đang chuẩn bị một đề tài nên chuẩn bị nó một cách tham thiền, với thể trí mở ra trước những ấn tượng mới; và y sẽ thường nhận được những ấn tượng ấy. Còn các thi sĩ của chúng ta thì sao? Một thi sĩ nói chung là người mở ra trước các ấn tượng.

They may come from other poets who have passed over; they may come from Angels; they may come from his own higher self. What does it signify, so long as the thoughts are good and beautiful? They are sent down for him to utilise, but it must not be forgotten that it is his responsibility to see that the ideas *are* good and true.

Những ấn tượng ấy đến từ đâu không quan trọng lắm, miễn là chính các ý tưởng là tốt đẹp. Chúng có thể đến từ những thi sĩ khác đã đi qua; chúng có thể đến từ các Thiên thần; chúng có thể đến từ chính bản ngã cao siêu của y. Điều ấy có nghĩa gì, miễn là các tư tưởng tốt lành và đẹp đẽ? Chúng được gửi xuống để y sử dụng, nhưng không được quên rằng trách nhiệm của y là xem xét để các ý tưởng *thực sự* tốt lành và chân thật.

If a man accepts every idea which comes to him, he may truly claim that he is acting under inspiration, but he will often find that the inspiration is not a reliable one, because he cannot as a rule know the source from which it comes. There are cases in which a man does know perfectly well. Those of us who have the privilege—the stupendous privilege of communication with some of our Masters, soon come to know at once Their touch, Their magnetic influence, and so to recognise immediately when an idea comes to us from Them. Such ideas we should of course accept with the deepest reverence; but be very sure of their source, for there are those who are eager to deceive, and diabolically clever at the work of misrepresentation. [100]

Nếu một người chấp nhận mọi ý tưởng đến với mình, y có thể thật sự tuyên bố rằng mình đang hành động dưới cảm hứng, nhưng y sẽ thường thấy rằng cảm hứng ấy không đáng tin cậy, vì theo thông lệ y không thể biết nguồn từ đó nó đến. Có những trường hợp trong đó một người biết hoàn toàn rõ ràng. Những ai trong chúng ta có đặc ân — đặc ân kỳ diệu được giao tiếp với một vài Chân sư của chúng ta, chẳng bao lâu sẽ lập tức biết được sự chạm đến của Các Ngài, ảnh hưởng từ điện của Các Ngài, và như vậy nhận ra ngay khi một ý tưởng đến với chúng ta từ Các Ngài. Dĩ nhiên chúng ta nên tiếp nhận những ý tưởng như thế với lòng tôn kính sâu xa nhất; nhưng hãy hết sức chắc chắn về nguồn của chúng, vì có những kẻ háo hức lừa gạt, và tinh quái một cách quỷ quyệt trong công việc xuyên tạc. [100]

Remember, too, that anybody, with the best possible intentions, may put before us ideas which are not correct. A man is no more infallible because he happens to be dead, than he was when he happened to be alive. He is the same man. He certainly has now the *opportunity* of learning more than he knew before, but not every man takes his opportunities in that world any more than in this. One meets numbers of people who have been for twenty years in the astral world, and yet know no more than when they left this physical life, just as there are many people

Cũng hãy nhớ rằng bất kỳ ai, với những ý định tốt đẹp nhất có thể có, vẫn có thể đặt trước chúng ta những ý tưởng không đúng. Một người không bất khả sai lầm hơn chỉ vì tình cờ y đã chết, so với khi tình cờ y còn sống. Y vẫn là cùng một người. Chắc chắn hiện nay y có *cơ hội* học nhiều hơn điều y đã biết trước kia, nhưng không phải người nào cũng tận dụng các cơ hội của mình trong thế giới ấy hơn trong thế giới này. Người ta gặp rất nhiều người đã ở trong thế giới cảm dục suốt hai mươi năm, mà vẫn không biết nhiều hơn khi họ rời khỏi đời sống hồng trần này, cũng như có nhiều người

who have lived through fifty, sixty or seventy years of human life, and have contrived to imbibe remarkably little wisdom in the process. The advice or suggestion of those who have taken advantage of their opportunities is worth a great deal, whether it is given from the astral world or the physical world; but the two admonitions stand absolutely parallel, and we must attach no more importance to communications from the astral world, or from any higher plane, than we should to a suggestion made on the physical plane. We ought to be equally willing to receive them both, and we should attach to them just such importance as we feel they intrinsically deserve—that and no more, whencesoever they may come.

đã sống qua năm mươi, sáu mươi hoặc bảy mươi năm đời sống nhân loại, và đã xoay xở hấp thụ rất ít minh triết trong tiến trình ấy. Lời khuyên hay gợi ý của những người đã tận dụng cơ hội của họ thì rất đáng giá, dù được ban ra từ thế giới cảm dục hay từ thế giới hồng trần; nhưng hai lời khuyên ấy đứng hoàn toàn song song, và chúng ta không được gán tầm quan trọng lớn hơn cho các sự giao tiếp từ thế giới cảm dục, hay từ bất kỳ cõi cao hơn nào, hơn là chúng ta sẽ gán cho một gợi ý được đưa ra trên cõi hồng trần. Chúng ta nên sẵn lòng như nhau để tiếp nhận cả hai, và nên gán cho chúng đúng tầm quan trọng mà chúng ta cảm thấy tự thân chúng xứng đáng — như thế và không hơn, bất kể chúng có thể đến từ đâu.

Inspiration is not infrequent: neither is that other form of influence of which I spoke—the spiritual force which is poured through a man who is in connection with a Great One. That also takes place quite often: and it is not only our own Masters who make use of physical people in that way. Other [101] entities of all sorts may have their channels, through whom their force is poured out, and a great deal may be done in the world either by those who are dead or by those who belong to other systems of evolution than our own—those whom the Indians call Devas, whom in the West we know as Angels.

Cảm hứng không phải là hiếm; cũng vậy, hình thức ảnh hưởng khác mà tôi đã nói đến — mãnh lực tinh thần được tuôn đổ qua một người đang ở trong liên hệ với một Đấng Cao Cả — cũng không hiếm. Điều đó cũng diễn ra khá thường xuyên; và không chỉ các Chân sư của chính chúng ta sử dụng những người hồng trần theo cách ấy. Các thực thể [101] thuộc đủ mọi loại khác cũng có thể có các kênh của họ, qua đó mãnh lực của họ được tuôn ra, và rất nhiều điều có thể được thực hiện trong thế gian hoặc bởi những người đã chết, hoặc bởi những vị thuộc về các hệ tiến hoá khác với hệ của chúng ta — những vị mà người Ấn Độ gọi là Deva, và ở phương Tây chúng ta biết là Thiên thần.

To take the ordinary sceptical or indifferent attitude would in many cases shut one off from the possibility of learning a great deal about these higher matters. When we come back to the more childlike attitude, which is at least receptive, though it may not be critical, we shall certainly find that there are possibilities of which now in our self-

Giữ thái độ hoài nghi hoặc dửng dưng thông thường, trong nhiều trường hợp, sẽ tự cắt mình khỏi khả năng học biết rất nhiều điều về các vấn đề cao siêu này. Khi chúng ta trở lại với thái độ giống trẻ thơ hơn, ít nhất là biết tiếp nhận, dù có thể chưa biết phê phán, chắc chắn chúng ta sẽ thấy rằng có những khả năng mà hiện nay, trong sự tự mãn của mình, chúng ta

sufficiency we hardly dream.

hầu như không mơ tới.

Inspiration is a mighty reality, and so is the possibility of the outpouring of helpful force. Those who come into daily contact with it know well how constantly these things take place; and the blank prejudice against them, the sceptical attitude taken by so many people, is a source of wonder and pain to those who know, because it would seem as though men were intentionally, of malice prepense, shutting themselves away from one of the most interesting aspects of life—from one that may often be useful and helpful beyond all expectation.

Cảm hứng là một thực tại hùng mạnh, và khả năng tuôn đổ mãnh lực trợ giúp cũng vậy. Những ai hằng ngày tiếp xúc với nó đều biết rõ những điều này diễn ra thường xuyên đến mức nào; và định kiến trống rỗng chống lại chúng, thái độ hoài nghi mà quá nhiều người giữ lấy, là nguồn gây ngạc nhiên và đau đớn cho những ai biết, vì dường như con người đang cố ý, với ác ý có chủ tâm, tự đóng mình khỏi một trong những phương diện thú vị nhất của đời sống — khỏi một điều có thể thường hữu ích và trợ giúp vượt quá mọi mong đợi.

Let us keep, then, an open mind with regard to such things. Inspiration may come to *us*; helpful force in some measure may flow through *us*. Let us be ready to be utilised in that way if our karma is so good that we can be so utilised; and when we see evidence that the same thing is happening through others, again let us keep an open [102] mind, and not shut ourselves up in our own prejudice against the possibility of being helped and guided. That, I think, is the best line that we can take with regard to it.

Vậy, chúng ta hãy giữ một thể trí mở đối với những điều như thế. Cảm hứng có thể đến với *chúng ta*; mãnh lực trợ giúp ở một mức nào đó có thể tuôn chảy qua *chúng ta*. Chúng ta hãy sẵn sàng được sử dụng theo cách ấy nếu nghiệp quả của chúng ta tốt lành đến mức chúng ta có thể được sử dụng như vậy; và khi chúng ta thấy bằng chứng rằng điều tương tự đang xảy ra qua những người khác, một lần nữa hãy giữ một thể trí mở [102], và đừng tự nhốt mình trong định kiến của chính mình chống lại khả năng được trợ giúp và hướng dẫn. Tôi nghĩ đó là đường lối tốt nhất mà chúng ta có thể giữ đối với vấn đề này.

Of course the other side needs emphasis too. We should not too readily believe that which comes. We must take everything on its own merits, no matter though it appears to us to come from a great Master—from a source to which we look for inspiration and for help. Even then, we must weigh it always on its own merits, because these higher, planes are full of pitfalls to those who are unaccustomed to them. It is always possible that a higher power may be imitated by a lower one; it is possible that there may be some one who is

Dĩ nhiên mặt kia cũng cần được nhấn mạnh. Chúng ta không nên quá dễ dàng tin điều đến với mình. Chúng ta phải xét mọi sự theo giá trị tự thân của nó, cho dù nó dường như đến với chúng ta từ một Chân sư vĩ đại — từ một nguồn mà chúng ta trông đợi cảm hứng và sự trợ giúp. Ngay cả khi đó, chúng ta vẫn phải luôn cân nhắc nó theo giá trị tự thân của nó, vì các cõi cao này đầy cạm bẫy đối với những ai chưa quen với chúng. Luôn có khả năng một quyền năng cao hơn bị một quyền năng thấp hơn bắt chước; có thể có một ai đó ganh tị với

jealous of the influence over us of a greater soul, some one who may take the shape for the moment of that greater soul, and endeavour to mislead us. It has happened often—terribly often; and we have seen the saddest results from it. Therefore the one and only safe ground is to keep our minds open. It is foolish rashly to reject, but equally foolish blindly to accept, merely because the message comes to us with a high name attached, or with an influence which seems to us to be beautiful. Most things from other planes seem beautiful to us down here, just because they come from a higher level, and bring with them something of its greater luminosity, of its more delicate vibrations, and of all the glamour of the inner world. As St. Paul said long ago, every man should be fully persuaded in his own mind; he should try the spirits and what comes from them, [103] whether they be of God. Let us see for ourselves by all means, but do not let us shut out the possibility of influence by prejudging the whole question, and saying that inspiration is an affair of thousands of years ago, and can never take place now and here in the present day. [104]

ảnh hưởng trên chúng ta của một linh hồn lớn lao hơn, một ai đó có thể tạm thời mang hình dạng của linh hồn lớn lao ấy, và cố gắng dẫn lạc chúng ta. Điều đó đã xảy ra thường xuyên — thường xuyên một cách khủng khiếp; và chúng ta đã thấy những kết quả đáng buồn nhất từ đó. Vì vậy nền tảng an toàn duy nhất là giữ cho thể trí của chúng ta mở rộng. Thật ngu xuẩn khi vội vàng bác bỏ, nhưng cũng ngu xuẩn không kém khi mù quáng chấp nhận, chỉ vì thông điệp đến với chúng ta kèm theo một danh xưng cao cả, hoặc kèm theo một ảnh hưởng mà đối với chúng ta có vẻ đẹp đẽ. Hầu hết những điều từ các cõi khác đều có vẻ đẹp đẽ đối với chúng ta ở dưới này, chỉ vì chúng đến từ một cấp độ cao hơn, và mang theo chúng phần nào tính sáng rạng lớn hơn của cấp độ ấy, các rung động tinh tế hơn của nó, và toàn bộ ảo cảm của thế giới bên trong. Như Thánh Phaolô đã nói từ lâu, mỗi người nên được thuyết phục trọn vẹn trong thể trí của chính mình; y nên thử các tinh thần và những gì đến từ chúng, [103] xem chúng có thuộc về Thượng đế hay không. Bằng mọi cách, chúng ta hãy tự mình xem xét, nhưng đừng loại trừ khả năng có ảnh hưởng bằng cách phán xét trước toàn bộ vấn đề, và nói rằng cảm hứng là chuyện của hàng ngàn năm trước, và không bao giờ có thể xảy ra bây giờ và ở đây trong thời hiện tại. [104]

CHAPTER VII — CHƯƠNG BẢY

PLAGIARISM— ĐẠO VĂN

WHEN our Consciousness develops sufficiently to enable us to understand a little of the working of Nature on the higher planes, we soon find it necessary to revise our judgment in various directions. As we

KHI tâm thức của chúng ta phát triển đủ để giúp chúng ta thấu hiểu đôi chút về hoạt động của Thiên nhiên trên các cõi cao, chúng ta sớm thấy cần phải xét lại phán đoán của mình theo nhiều hướng khác nhau. Khi chúng ta thấu

comprehend conditions better, we see the reason for many things which previously seemed unaccountable, and we learn to make allowances for actions which we had before considered inexcusable. In this and the following chapter I am endeavouring to present some thoughts which have occurred to me along these lines.

hiểu các điều kiện tốt hơn, chúng ta thấy lý do của nhiều điều trước kia dường như không thể giải thích, và chúng ta học cách khoan dung đối với những hành động mà trước đó chúng ta đã xem là không thể biện minh. Trong chương này và chương kế tiếp, tôi đang cố gắng trình bày một vài tư tưởng đã nảy sinh nơi tôi theo những đường hướng ấy.

In the newspapers lately have appeared reports of two legal actions for plagiarism in connection with stories or plays, and in each case the defendant declared that he had not read the work which he was accused of imitating. A man of the world would probably find it difficult to credit such a disclaimer, especially if the points of resemblance between the two stories or plays were many; yet the student of Occultism knows that such a plea may be perfectly true, and that there are more ways than one in which such a coincidence may happen without the slightest intention or consciousness of plagiarism on the part of anybody concerned. [105]

Gần đây trên báo chí đã xuất hiện các tường thuật về hai vụ kiện pháp lý về đạo văn liên quan đến truyện hoặc kịch, và trong mỗi trường hợp bị đơn tuyên bố rằng ông chưa đọc tác phẩm mà ông bị cáo buộc là đã bắt chước. Một người từng trải việc đời có lẽ sẽ thấy khó tin lời phủ nhận như thế, nhất là nếu các điểm tương đồng giữa hai truyện hoặc hai vở kịch là nhiều; tuy nhiên đạo sinh Huyền bí học biết rằng một lời biện hộ như thế có thể hoàn toàn đúng, và rằng có hơn một cách trong đó một sự trùng hợp như vậy có thể xảy ra mà không có chút ý định hay tâm thức đạo văn nào từ phía bất kỳ người nào liên quan. [105]

In the second volume of *The Inner Life* I have already explained that in the mental world there are certain definitely localised thought-centres—that thoughts of the same type are drawn together by the similitude of their vibrations, just as men who speak the same language are drawn together. Philosophical thought, for example, has a distinct realm of its own, with subdivisions corresponding to the chief philosophical ideas, and all sorts of curious inter-relations subsisting between these various centres, exhibiting the way in which different systems of philosophy have linked themselves together. Anyone who thinks deeply on philosophical subjects thereby brings himself into touch with this group of vortices; if he is asleep or dead—that is, if he is away from the limitations of his

Trong quyển thứ hai của *Đời Sống Bên Trong* tôi đã giải thích rằng trong thế giới trí tuệ có một số trung tâm tư tưởng được định vị rõ ràng — rằng các tư tưởng cùng loại bị hút lại với nhau bởi sự tương đồng trong rung động của chúng, cũng như những người nói cùng một ngôn ngữ bị hút lại với nhau. Chẳng hạn, tư tưởng triết học có một lĩnh vực riêng biệt của nó, với các phân khu tương ứng với những ý tưởng triết học chính, và đủ loại liên hệ kỳ lạ tồn tại giữa các trung tâm khác nhau này, biểu hiện cách trong đó các hệ thống triết học khác nhau đã tự liên kết với nhau. Bất kỳ ai suy nghĩ sâu sắc về các đề tài triết học nhờ đó đưa mình vào tiếp xúc với nhóm xoáy lực này; nếu y đang ngủ hoặc đã chết — nghĩa là nếu y ở ngoài các giới hạn của thể xác mình — y bị hút về mặt không gian đến phần ấy của cõi trí; nếu khối

physical body—he is drawn spatially to that part of the mental plane; if the lump of earth to which he is attached for the moment prevents that, he rises into a condition of sympathetic vibration with one or other of those vortices, and receives from them whatever he is capable of assimilating, though somewhat less freely than if he actually drifted to it.

đất mà y tạm thời gắn liền ngăn cản điều đó, y nâng lên một tình trạng rung động đồng cảm với một hay một số xoáy lực ấy, và nhận từ chúng bất cứ điều gì y có khả năng đồng hóa, dù kém tự do hơn đôi chút so với khi y thực sự trôi đến đó.

This collection of ideas represents all that has been thought upon that subject, and is therefore in itself far more than enough for any ordinary thinker, yet there are further possibilities behind it and in connection with it which are within the reach of the few who are strong enough and persevering enough to penetrate to them.

Tập hợp các ý tưởng này đại diện cho tất cả những gì đã được suy nghĩ về đề tài ấy, và vì vậy tự nó đã quá đủ cho bất kỳ nhà tư tưởng bình thường nào, tuy nhiên còn có những khả năng xa hơn đằng sau nó và liên quan với nó, nằm trong tầm với của số ít người đủ mạnh mẽ và đủ kiên trì để xuyên thấu đến chúng.

First, through those centres of thought the living minds of those who generated their force may be [106] reached, and so the modern thinker who is at once strong and eager, yet reverent and teachable, may actually sit at the feet of the great thinkers of the past, and learn how the problems of life envisaged themselves to the mightiest intellects which our world has produced.

Trước hết, qua các trung tâm tư tưởng ấy, các thể trí sống động của những người đã phát sinh mãnh lực của chúng có thể được [106]chạm đến, và như vậy nhà tư tưởng hiện đại vừa mạnh mẽ vừa nhiệt thành, nhưng vẫn tôn kính và biết học hỏi, có thể thực sự ngồi dưới chân các nhà tư tưởng vĩ đại của quá khứ, và học cách các vấn đề của đời sống đã tự hiện ra trước những trí tuệ hùng mạnh nhất mà thế giới chúng ta đã sản sinh.

Secondly, there is such a thing as the Truth in itself—or we may perhaps put, as the representative to us of such an utterly abstract idea, the conception of that Truth in the mind of our Solar Deity—surely a notion sufficiently lofty for the boldest. The man who has attained conscious union with the Deity is able to contact this thought, but no one below that level can reach it. Reflections of it are to be seen, cast from plane to plane, and growing ever dimmer as they descend; and some at least of these reflections are within the reach of the man whose thought can soar up like a

Thứ hai, có một điều như Chân lý tự thân — hoặc có lẽ chúng ta có thể nêu, như đại diện đối với chúng ta cho một ý tưởng hoàn toàn trừu tượng như thế, quan niệm về Chân lý ấy trong thể trí của Thái dương Thượng đế của chúng ta — chắc chắn là một ý niệm đủ cao vời cho người táo bạo nhất. Người đã đạt đến sự hợp nhất hữu thức với Thượng đế có thể tiếp xúc với tư tưởng này, nhưng không ai dưới cấp độ ấy có thể chạm đến nó. Các phản chiếu của nó có thể được thấy, được chiếu từ cõi này sang cõi khác, và càng lúc càng mờ nhạt hơn khi chúng hạ xuống; và ít nhất một số phản chiếu

strong eagle to meet them.

này nằm trong tầm với của người có tư tưởng có thể bay vút lên như một con đại bàng mạnh mẽ để gặp chúng.

It is obvious that many earnest thinkers may simultaneously be drawn to the same mental region, and may there gather exactly the same ideas; and when that happens it is at least possible that their expression of those ideas in the physical world may also coincide; and then there is always the danger that the ignorant multitude may accuse one or the other of them of plagiarism. That this synchronous expression does not happen more frequently is due to the density of men's brains, which rarely allow their owners to bring through clearly anything which has been learned upon higher levels. Not only in the field of literature does synchronal manifestation [107] occur; officials connected with the Patent Office of any country will tell us that applications with regard to practically identical inventions often arrive simultaneously; and when this fact is disclosed each of the applicants is very ready to accuse the other of stealing his ideas, even where physical theft is obviously impossible.

Rõ ràng là nhiều nhà tư tưởng nghiêm túc có thể đồng thời bị hút đến cùng một vùng trí tuệ, và tại đó có thể thu thập chính xác cùng những ý tưởng; và khi điều đó xảy ra, ít nhất có khả năng rằng sự diễn đạt của họ về các ý tưởng ấy trong thế giới hồng trần cũng có thể trùng hợp; và khi đó luôn có nguy cơ đám đông vô minh có thể buộc tội người này hoặc người kia trong số họ là đạo văn. Việc sự biểu hiện đồng thời này không xảy ra thường xuyên hơn là do tính đậm đặc của bộ não con người, vốn hiếm khi cho phép chủ nhân của chúng đem xuyên qua một cách rõ ràng bất cứ điều gì đã học được trên các cấp độ cao hơn. Không chỉ trong lĩnh vực văn chương sự biểu hiện đồng thời mới xảy ra; [107]các viên chức liên quan đến Cục Bằng sáng chế của bất kỳ quốc gia nào cũng sẽ nói với chúng ta rằng các đơn xin cấp bằng đối với những phát minh hầu như giống hệt nhau thường đến cùng một lúc; và khi sự kiện này được tiết lộ, mỗi người nộp đơn đều rất sẵn sàng buộc tội người kia đã đánh cắp ý tưởng của mình, ngay cả khi sự đánh cắp trên cõi hồng trần rõ ràng là không thể.

It is not, however, among the promulgators of philosophical ideas that we most frequently hear complaints of plagiarism, but rather among dramatists and writers of fiction. Is there, then, in connection with this form of literature any such thought-centre as we have just described in relation to philosophy? Not precisely—at any rate not for fiction as a whole. But there is a region for what may be called romantic thought—a vast but rather ill-defined group of forms, including on one side a host of vague but brilliant combinations connected with the relation of the sexes, on another the emotions characteristic of

Tuy nhiên, không phải trong số những người truyền bá các ý tưởng triết học mà chúng ta thường nghe nhiều nhất những lời phàn nàn về đạo văn, mà đúng hơn là trong số các nhà soạn kịch và các tác giả tiểu thuyết. Vậy thì, liên quan đến hình thức văn học này, có một trung tâm tư tưởng nào như chúng ta vừa mô tả đối với triết học hay không? Không hẳn—ít nhất là không đối với toàn bộ tiểu thuyết. Nhưng có một vùng dành cho điều có thể gọi là tư tưởng lãng mạn—một nhóm hình tướng rộng lớn nhưng khá khó xác định, gồm một mặt là vô số kết hợp mơ hồ nhưng rực rỡ liên quan đến quan hệ giữa hai giới, mặt khác là

mediaeval chivalry and the legends illustrating them, and on yet another masses of fairy stories.

những cảm xúc đặc trưng của tinh thần hiệp sĩ trung cổ và các truyền thuyết minh họa chúng, và mặt khác nữa là những khối truyện cổ tích.

Many writers of certain kinds of fiction and poetry derive much inspiration from excursions into these regions; others come into contact with the shoreless ocean of past history. No untrained person can actually read the records of that history, for that needs the full awakening of the ego, so that he can function in the atomic matter of his causal body. But confused reflections of the more brilliant episodes from those records are thrown down to lower mental levels, and even into the astral world, [108] and those may readily be contacted by wandering voyagers in these realms. So it happens that many a writer finds himself in possession of a splendid idea, a dramatic climax perhaps, and he builds a story to lead up to it, and gains much fame thereby, never knowing all the while that he is but relating a tiny fragment of the world's true history.

Nhiều tác giả của một vài loại tiểu thuyết và thi ca nhận được nhiều cảm hứng từ những cuộc du hành vào các vùng này; những người khác tiếp xúc với đại dương không bờ bến của lịch sử quá khứ. Không một người chưa được huấn luyện nào thật sự có thể đọc các hồ sơ của lịch sử ấy, vì điều đó đòi hỏi sự thức tỉnh trọn vẹn của chân ngã, để y có thể hoạt động trong vật chất nguyên tử của thể nguyên nhân của mình. Nhưng những phản chiếu lẫn lộn của các giai đoạn rực rỡ hơn từ những hồ sơ ấy được ném xuống các cấp độ trí tuệ thấp hơn, và thậm chí vào cả cõi cảm dục, [108] và những điều ấy có thể dễ dàng được tiếp xúc bởi các lữ khách lang thang trong các cảnh giới này. Vì thế, nhiều tác giả thấy mình sở hữu một ý tưởng huy hoàng, có lẽ là một cao trào kịch tính, rồi xây dựng một câu chuyện để dẫn đến nó, và nhờ đó đạt được nhiều danh tiếng, trong khi suốt thời gian ấy không hề biết rằng mình chỉ đang kể lại một mảnh rất nhỏ của lịch sử chân thật của thế giới.

Years ago, on board a steamer, I myself read a remarkable novel—one with a plot absolutely out of the ordinary run—and I mentally applauded the ingenuity of the author, though even then it stirred within me a vague remembrance which told me that some reality lay behind it. I did not pursue the subject, and it was only comparatively recently, in following out the history of a series of past incarnations, that I came across the fact of which this story was the expression. Yet neither I, who recorded in those lives the incident as it occurred, nor the novelist who had expanded it into a charming story, was in the least guilty of plagiarism, any more than a

Nhiều năm trước, trên một chiếc tàu hơi nước, chính tôi đã đọc một cuốn tiểu thuyết đáng chú ý—một cuốn có cốt truyện hoàn toàn vượt khỏi lối thông thường—và trong trí tôi đã tán thưởng sự khéo léo của tác giả, dù ngay cả lúc ấy nó cũng khơi dậy trong tôi một ký ức mơ hồ cho biết rằng có một thực tại nào đó nằm phía sau nó. Tôi đã không theo đuổi đề tài ấy, và chỉ tương đối gần đây, khi lần theo lịch sử của một chuỗi các kiếp lâm phàm trong quá khứ, tôi mới bắt gặp sự kiện mà câu chuyện này là biểu hiện. Tuy nhiên, cả tôi, người đã ghi nhận trong những kiếp sống ấy sự việc như nó đã xảy ra, lẫn nhà tiểu thuyết đã mở rộng nó thành một câu chuyện duyên dáng, đều không

traveller who visits and describes the beauties of the River Rhine is guilty of a plagiarism from Baedeker.

hề phạm tội đạo văn, chẳng khác nào một du khách đến thăm và mô tả vẻ đẹp của sông Rhine lại phạm tội đạo văn từ Baedeker.

In some cases the writer of fiction does not need to search the higher worlds for plots and ideas, for these are provided for him ready-made. One leading novelist of the day has himself told me that his stories come to him he knows not whence—that they are in reality written not by him but through him. in this case the writer understands and recognises the state of affairs; but I believe that there are many other writers in the same case who [109] are blankly unconscious of it. We know so little what is our own (if indeed anything ever is); for not only may we roam the realms of thought and pick up unconsidered trifles on our journey, but others may do for us the roaming and the collection, and we may be nothing but their mouthpiece, even while we marvel at the rapidity and lucidity with which new ideas (new to us, at least) are pouring forth from our brains. Those who during earth-life have written on any subject retain their interest in it after the casting-off of the physical body. In their new and less trammelled life they see sides of it which before were imperceptible to them, they obtain broader views of it, because their whole horizon is widened. As they continue their study under these far better conditions, new light dawns upon it as upon all else, because of their greatly enhanced power of vision; and often they yearn to put their newer and greater conceptions before their fellow men.

Trong một vài trường hợp, tác giả tiểu thuyết không cần phải tìm kiếm các cốt truyện và ý tưởng nơi các cõi giới cao hơn, vì những điều này đã được cung cấp sẵn cho y. Một nhà tiểu thuyết hàng đầu hiện nay chính ông đã nói với tôi rằng các câu chuyện của ông đến với ông mà ông không biết từ đâu—rằng thật ra chúng không được viết bởi ông mà xuyên qua ông. Trong trường hợp này, tác giả thấu hiểu và nhận ra tình trạng sự việc; nhưng tôi tin rằng có nhiều tác giả khác cũng ở trong cùng trường hợp ấy mà [109] hoàn toàn không hay biết gì về điều đó. Chúng ta biết quá ít điều gì là của riêng mình, nếu quả thật có điều gì từng là như vậy; vì không những chúng ta có thể lang thang trong các cảnh giới tư tưởng và nhặt lấy những vật vụn vặt không được lưu tâm trên hành trình của mình, mà những người khác cũng có thể lang thang và thu nhặt thay cho chúng ta, và chúng ta có thể chẳng là gì ngoài cái loa phát ngôn của họ, ngay cả khi chúng ta kinh ngạc trước sự nhanh chóng và sáng rõ mà các ý tưởng mới, ít nhất là mới đối với chúng ta, đang tuôn ra từ bộ não của mình. Những người trong đời sống nơi Trái Đất đã viết về bất kỳ đề tài nào vẫn giữ sự quan tâm đến đề tài ấy sau khi rũ bỏ thể xác. Trong đời sống mới và ít bị trói buộc hơn, họ thấy những phương diện của nó mà trước kia họ không nhận ra, họ có được những tầm nhìn rộng hơn về nó, vì toàn bộ chân trời của họ đã được mở rộng. Khi họ tiếp tục nghiên cứu trong những điều kiện tốt đẹp hơn rất nhiều này, ánh sáng mới bừng lên trên nó cũng như trên mọi điều khác, bởi quyền năng tầm nhìn của họ đã được tăng cường rất lớn; và thường họ khao khát đặt những quan niệm mới hơn và lớn lao hơn của mình trước đồng loại.

But in that new life there are restrictions as well as opportunities; they can learn far more if they will, but they can no longer obtain a physical publisher for their lucubration. If they wish to reach this lower world they must do so through some one living in it. Here arise difficulties in their way—difficulties which most of them never learn how to overcome. Some few do, and succeed in getting their ideas before the world which they have left, but only under the name of some other man, and often very imperfectly. Naturally enough, the unconscious medium through whom they work [110] mingles their ideas with his own, and colours them with his idiosyncrasies. In some cases the brain upon which alone they find themselves able to work is incapable of transmitting the full value of the thought which they try to pour into it; and in some cases defective education or lack of special knowledge stands in the way of perfect transmission. I very clearly remember, for example, the annoyance and the impatience of old Mr. Cayley when he endeavoured to give to the world through me some new discovery which he declared would revolutionise the whole science of mathematics. As I unfortunately know very little of that science, I was quite unable to understand what he was talking about, and so I was compelled to forego the honour which he destined for me; but I must admit that his language was distinctly uncomplimentary, and I can quite understand that his disappointment may have been keen, as he told me that he had already tried many of his colleagues in vain.

Nhưng trong đời sống mới ấy có những hạn chế cũng như những cơ hội; họ có thể học hỏi nhiều hơn rất nhiều nếu họ muốn, nhưng họ không còn có thể tìm được một nhà xuất bản hồng trần cho những trước tác của mình. Nếu họ muốn vươn tới thế giới thấp hơn này, họ phải làm như vậy xuyên qua một người nào đó đang sống trong đó. Ở đây nảy sinh những khó khăn trên đường họ—những khó khăn mà phần lớn họ không bao giờ học được cách vượt qua. Một số ít làm được điều đó, và thành công trong việc đưa các ý tưởng của mình ra trước thế giới mà họ đã rời bỏ, nhưng chỉ dưới tên của một người khác, và thường là rất không hoàn hảo. Một cách tự nhiên, trung gian vô thức mà họ hoạt động xuyên qua [110] pha trộn các ý tưởng của họ với ý tưởng của chính y, và nhuộm màu chúng bằng những nét riêng của y. Trong một vài trường hợp, bộ não duy nhất mà họ thấy mình có thể tác động lại không đủ khả năng truyền đạt trọn vẹn giá trị của tư tưởng mà họ cố gắng rót vào đó; và trong một vài trường hợp, giáo dục khiếm khuyết hoặc thiếu tri thức chuyên môn cản trở sự truyền đạt hoàn hảo. Chẳng hạn, tôi nhớ rất rõ sự bực bội và thiếu kiên nhẫn của ông Cayley già khi ông cố gắng trao cho thế giới, xuyên qua tôi, một khám phá mới nào đó mà ông tuyên bố sẽ cách mạng hóa toàn bộ khoa học toán học. Vì đáng tiếc là tôi biết rất ít về khoa học ấy, tôi hoàn toàn không thể hiểu ông đang nói gì, và do đó tôi buộc phải từ bỏ vinh dự mà ông dành cho tôi; nhưng tôi phải thừa nhận rằng lời lẽ của ông rõ ràng không mấy nhã nhặn, và tôi hoàn toàn có thể hiểu rằng nỗi thất vọng của ông hẳn rất sâu sắc, vì ông nói với tôi rằng ông đã thử nhiều đồng nghiệp của mình mà không thành.

Yet the fact remains that we have but little title to much which we think to be our own. Goethe wrote:

Tuy vậy, sự thật vẫn là chúng ta có rất ít quyền sở hữu đối với nhiều điều mà chúng ta tưởng là của riêng mình. Goethe đã viết:

What would remain to me if the art of appropriation were derogatory to genius? Every one of my writings has been furnished to me by a thousand different persons, a thousand things; wise and foolish have brought me, without suspecting it, the offering of their thoughts, faculties and experience. My work is an aggregation of beings taken from the whole of nature; it bears the name of Goethe.

Điều gì sẽ còn lại cho tôi nếu nghệ thuật tiếp thu bị xem là làm giảm giá trị của thiên tài? Mỗi trước tác của tôi đã được cung cấp cho tôi bởi một nghìn người khác nhau, một nghìn sự vật; người khôn và kẻ dại đã mang đến cho tôi, mà không hề hay biết, lễ vật là những tư tưởng, năng lực và kinh nghiệm của họ. Tác phẩm của tôi là một tập hợp các hữu thể được lấy từ toàn thể thiên nhiên; nó mang tên Goethe.

If the great German admits this to be so with regard to the splendid sunlight of his genius, how much more must it be true of the farthing rush-lights of minor writers! It is sometimes not only the [111] ideas that are borrowed, but even the forms of expression; I have seen instances in which two people entirely unconnected put down the same thought in the very same words. This may be due to the zeal and enthusiasm of some dead man; he dictates the same sentence to two or more people, because he is not certain which of them will be able to carry it through successfully to the physical plane. It may, however, also happen without the intervention of a dead man, for an author himself, when assimilating some thought, often finds it less troublesome to take it exactly as it stands than to find for it a new expression in words of his own. In all these matters the natural tendency is to flow along the line of least resistance, and the line of least resistance is that which is already established.

Nếu vị đại văn hào Đức thừa nhận điều này là đúng đối với ánh sáng mặt trời huy hoàng của thiên tài ông, thì điều ấy hẳn càng đúng biết bao đối với những ngọn đèn cói rẻ tiền của các tác giả nhỏ hơn! Đôi khi không chỉ [111] các ý tưởng được vay mượn, mà ngay cả các hình thức diễn đạt cũng vậy; tôi đã thấy những trường hợp trong đó hai người hoàn toàn không liên hệ với nhau ghi lại cùng một tư tưởng bằng đúng những lời như nhau. Điều này có thể do nhiệt tâm và lòng hăng hái của một người đã chết; y đọc cùng một câu cho hai hoặc nhiều người, vì y không chắc ai trong số họ sẽ có thể đưa nó xuyên qua thành công đến cõi hồng trần. Tuy nhiên, điều đó cũng có thể xảy ra mà không có sự can thiệp của một người đã chết, vì chính một tác giả, khi đồng hóa một tư tưởng nào đó, thường thấy ít phiền phức hơn nếu lấy nó đúng như nó đang có, thay vì tìm cho nó một cách diễn đạt mới bằng lời lẽ của riêng mình. Trong tất cả những vấn đề này, khuynh hướng tự nhiên là trôi theo con đường ít trở ngại nhất, và con đường ít trở ngại nhất là con đường đã được thiết lập sẵn.

It is very difficult to give, to one who has not seen them, any idea of the appearance of such reservoirs of thought as I have been attempting to describe. One might partially image it by saying that each thought makes for itself a track—burrows out a way for itself through the matter of the plane; and that way,

Rất khó trao cho một người chưa từng thấy chúng bất kỳ ý niệm nào về vẻ ngoài của những kho chứa tư tưởng như tôi đã cố gắng mô tả. Người ta có thể phần nào hình dung bằng cách nói rằng mỗi tư tưởng tự tạo cho mình một lối mòn—đào khoét cho mình một con đường xuyên qua vật chất của cõi ấy; và

when once established, remains open for the treading—or rather, it may readily be re-opened and its particles re-vivified by any fresh effort. If this effort be at all in the general direction of that old line of thought, it is far easier for it to adapt itself sufficiently to pass along that line than it is for it to hew out for itself a slightly different line, however closely parallel that may be to what already exists. [112]

con đường đó, một khi đã được thiết lập, vẫn mở ra cho sự giẫm bước—hay đúng hơn, nó có thể dễ dàng được mở lại và các hạt của nó được tái tiếp sinh lực bởi bất kỳ nỗ lực mới nào. Nếu nỗ lực này dù chỉ phần nào đi theo phương hướng chung của đường tư tưởng cũ ấy, thì việc nó tự thích nghi đủ để đi theo đường đó dễ dàng hơn rất nhiều so với việc tự đẽo gọt cho mình một đường hơi khác, dù đường ấy có song song sát sao đến đâu với điều đã tồn tại. [112]

All these considerations show us that it is not wise to hurl reckless accusations of plagiarism at the heads of those who happen to express themselves much as we have done—or even exactly as we have done. I have sometimes seen a certain impatience manifested among Theosophists because writers or speakers who are not members of our Society frequently use what we call Theosophical ideas without any acknowledgment of their source. As there are quarters in which the name of Theosophy is unpopular, I have little doubt that this is sometimes intentionally done, and credit withheld from the. Society in order to avoid the mention of the hated name. Even in that case, however, I cannot see that we as Theosophists need complain, for our one wish is to circulate the teaching of the truth, not to obtain credit for the knowledge of it.

Tất cả những suy xét này cho chúng ta thấy rằng không khôn ngoan khi ném những lời buộc tội đạo văn thiếu thận trọng vào đầu những người tình cờ diễn đạt chính mình phần nào giống như chúng ta đã làm—hoặc thậm chí đúng hệt như chúng ta đã làm. Đôi khi tôi đã thấy một sự thiếu kiên nhẫn nào đó biểu lộ nơi các nhà Thông Thiên Học, bởi những tác giả hoặc diễn giả không phải là hội viên của Hội chúng ta thường sử dụng những điều chúng ta gọi là các ý tưởng Thông Thiên Học mà không thừa nhận nguồn gốc của chúng. Vì có những nơi mà danh xưng Thông Thiên Học không được ưa chuộng, tôi hầu như không nghi ngờ rằng đôi khi điều này được làm một cách cố ý, và công lao bị giữ lại không ghi cho Hội nhằm tránh nhắc đến cái tên bị ghét bỏ. Tuy nhiên, ngay cả trong trường hợp ấy, tôi cũng không thấy rằng chúng ta, với tư cách là các nhà Thông Thiên Học, cần phải phàn nàn, vì ước muốn duy nhất của chúng ta là truyền bá giáo huấn của chân lý, chứ không phải đạt được công trạng vì tri thức về nó.

There are, however, a number of other cases in which information about truths well known to us is acquired quite outside our organisation. For example, we have been at some pains to map out the subdivisions of the astral and mental planes, and to describe their

Tuy nhiên, có một số trường hợp khác trong đó thông tin về các chân lý mà chúng ta biết rõ lại được thu nhận hoàn toàn bên ngoài tổ chức của chúng ta. Chẳng hạn, chúng ta đã mất khá nhiều công sức để vạch ra các phân khu của cõi cảm dục và cõi trí, cũng như mô tả cư dân của

inhabitants and the conditions which prevail there; but we must remember that all living people pass on to the astral plane during sleep, and that dead people permanently reside there during the earlier stage of their *post-mortem* life; so it must inevitably happen that among these many millions of people some will be sufficiently sensitive either when alive to bring back into physical existence some clear recollections, or when dead to discover some method of communicating [113] reasonably accurate information to those whom they have left behind. Whenever one of these things happens, we immediately have what we are in the habit of calling a confirmation of Theosophical teaching. But this is in no sense of the word a plagiarism; it is an independent observation of the same phenomenon, and the observer has just as much right to describe his impressions as I should have to give mine of a visit to Italy, even though there are already many hundreds of books upon that country far better than anything that I could write. I have no wish to defend plagiarism, which is indeed nothing but a form of robbery. I wish merely to point out that it is not well to make reckless accusations along that line, since the conditions of the holding of property upon higher planes are very different from those which obtain in the physical world, and in this case, as in so many others, the man who most fully understands is also the man who will take the most charitable view. [114]

chúng và các điều kiện thịnh hành ở đó; nhưng chúng ta phải nhớ rằng mọi người đang sống đều chuyển sang cõi cảm dục trong khi ngủ, và những người đã chết cư trú thường xuyên ở đó trong giai đoạn đầu của đời sống *sau khi chết* của họ; vì vậy chắc chắn phải xảy ra rằng trong số nhiều triệu người này, một số người sẽ đủ nhạy cảm, hoặc khi còn sống để mang trở lại đời sống hồng trần một vài ký ức rõ ràng, hoặc khi đã chết để khám phá một phương pháp nào đó nhằm truyền đạt [113] thông tin khá chính xác cho những người mà họ đã bỏ lại phía sau. Mỗi khi một trong những điều này xảy ra, chúng ta lập tức có điều mà chúng ta quen gọi là một sự xác nhận giáo huấn Thông Thiên Học. Nhưng điều này không hề là đạo văn theo bất kỳ nghĩa nào của từ ấy; đó là một quan sát độc lập về cùng một hiện tượng, và người quan sát có quyền mô tả các ấn tượng của mình cũng nhiều như tôi có quyền trình bày các ấn tượng của tôi về một chuyến thăm nước Ý, dù đã có hàng trăm cuốn sách về quốc gia ấy hay hơn rất nhiều so với bất cứ điều gì tôi có thể viết. Tôi không muốn biện hộ cho đạo văn, điều thật ra chẳng là gì ngoài một hình thức trộm cắp. Tôi chỉ muốn chỉ ra rằng không nên đưa ra những lời buộc tội thiếu thận trọng theo hướng ấy, vì các điều kiện của việc nắm giữ tài sản trên các cõi cao hơn rất khác với những điều kiện hiện hành trong thế giới hồng trần; và trong trường hợp này, cũng như trong rất nhiều trường hợp khác, người thấu hiểu đầy đủ nhất cũng là người sẽ có cái nhìn khoan dung nhất. [114]

CHAPTER VIII — CHƯƠNG VIII

EXAGGERATION— PHÓNG ĐẠI

WE all know people who have a tendency to

Tất cả chúng ta đều biết những người có

exaggerate—who never can relate an incident exactly as it happened or pass on a story without improving upon it. After a time we get used to them, and learn to allow a certain discount off everything which they say. Usually we regard them as untruthful, and often also as conceited, especially if their magnifications refer (as they generally do) chiefly to their own part in the stories which they tell.

khuynh hướng phóng đại—những người không bao giờ có thể kể lại một sự việc đúng như nó đã xảy ra, hoặc truyền lại một câu chuyện mà không thêm thắt cho hay hơn. Sau một thời gian, chúng ta quen với họ, và học cách trừ hao một mức nào đó đối với mọi điều họ nói. Thông thường chúng ta xem họ là không thật thà, và thường cũng là tự phụ, nhất là nếu những phóng đại của họ chủ yếu liên quan, như thường xảy ra, đến phần của chính họ trong các câu chuyện mà họ kể.

A considerable amount of experience, however, with those who have this peculiarity has convinced me that in most cases the exaggeration is unconscious. A person finds himself in a certain position, and in that position he (being in all probability quite an ordinary man) acts or speaks much as any average human being would do. In thinking over the situation afterwards, he often realises that he might have met that little emergency much more effectively and dramatically—that he might have covered himself with glory by making some particularly apposite remark, if only it had occurred to him at the time. If he happens to be the type of man who cannot put aside an event when it is past, [115] and forget it in a sane and healthy manner, he continues to brood over the trifling incident and reconstruct it, imagining how the conversation would have proceeded if he had made what he now sees to be the most effective retort, or how the drama would have worked itself out if he had not lost his head (as so many of us do) just at the critical moment. And after he has rehearsed the occurrence a few times along these lines, he begins actually to believe that he really did make that splendidly witty remark, or that he was in fact that hero of romance which he feels that he ought to have been, and indeed would have

Tuy nhiên, một lượng kinh nghiệm đáng kể với những người có đặc điểm này đã thuyết phục tôi rằng trong phần lớn trường hợp, sự phóng đại là vô thức. Một người thấy mình ở trong một vị thế nào đó, và trong vị thế ấy y, rất có thể chỉ là một người hoàn toàn bình thường, hành động hoặc nói năng gần giống như bất kỳ người trung bình nào cũng sẽ làm. Khi suy nghĩ lại về tình huống ấy sau đó, y thường nhận ra rằng mình có thể đã ứng phó với tình huống nhỏ ấy một cách hiệu quả và kịch tính hơn nhiều—rằng y có thể đã phủ đầy vinh quang lên chính mình bằng cách đưa ra một nhận xét đặc biệt xác đáng nào đó, giá như điều ấy đã nảy ra với y vào lúc ấy. Nếu y tình cờ là loại người không thể gác một biến cố sang một bên khi nó đã qua, [115] và quên nó đi một cách lành mạnh và sáng suốt, y tiếp tục nghiền ngẫm sự việc nhỏ nhặt ấy và tái dựng nó, tưởng tượng cuộc trò chuyện lẽ ra đã diễn tiến như thế nào nếu y đã đưa ra câu đáp trả mà giờ đây y thấy là hiệu quả nhất, hoặc vở kịch lẽ ra đã tự triển khai ra sao nếu y đã không mất bình tĩnh, như rất nhiều người trong chúng ta vẫn làm, đúng vào khoảnh khắc then chốt. Và sau khi y đã diễn tập sự việc ấy vài lần theo những đường hướng này, y bắt đầu thật sự tin rằng mình đã thực sự nói ra nhận xét dí dỏm tuyệt vời ấy, hoặc rằng thật ra y chính là vị anh hùng lãng mạn mà y cảm thấy lẽ ra mình phải là, và quả thật đã có thể là, nếu y chỉ kịp nghĩ ra điều

been if only he had thought of it.

đó.

Such a man is no doubt acutely self-conscious, otherwise he would not continue to worry himself about an event which is past and cannot be recalled; and he has also a certain amount of imagination and sensitiveness. The former quality enables him to make strong thought-forms of himself as doing or saying what he feels ought to have been done or said, while the latter quality enables him to sense these thought-forms and to feel their reaction upon him until he fails to distinguish them from the actual memory of the event; and so after a time he relates in all good faith a story which departs widely from the facts as recollected by a more prosaic spectator. Indeed, I have myself on more than one occasion been put in a most awkward position by being appealed to in public to confirm a highly-coloured account of some experience which the narrator and I had shared in [116] the past, but in regard to which my recollection was distinctly less dramatic than that of my poetically-inclined partner. I have even in some cases had the interesting experience of watching a story grow—having in the first place myself witnessed what really happened, and heard the principal actor give at the time a reasonably exact account of it. Coming back a week later, I have found that the tale had considerably expanded; and after a few months it has even become wholly unrecognisable, the embroidery of self-glorification having completely disguised its substratum of fact. Yet I am sure that this inaccuracy is wholly unintentional, and that the narrator who is so entirely misrepresenting the story has no thought of deceiving us, and indeed would shrink with horror from any deliberate falsification.

Một người như thế hẳn chắc chắn có ngã thức rất sắc bén, nếu không y đã không tiếp tục tự làm phiền mình về một biến cố đã qua và không thể gọi lại; và y cũng có một lượng tưởng tượng và nhạy cảm nào đó. Phẩm tính trước giúp y tạo nên những hình tư tưởng mạnh mẽ về chính mình đang làm hoặc nói điều y cảm thấy lẽ ra phải được làm hoặc được nói, trong khi phẩm tính sau giúp y cảm nhận các hình tư tưởng này và cảm thấy phản ứng của chúng lên y, cho đến khi y không còn phân biệt được chúng với ký ức thật sự về biến cố ấy; và vì thế, sau một thời gian, y kể lại với tất cả thiện chí một câu chuyện lệch rất xa khỏi các sự kiện như được nhớ bởi một khán giả thực tế hơn. Quả thật, chính tôi hơn một lần đã bị đặt vào một vị thế hết sức khó xử khi công khai được yêu cầu xác nhận một bản tường thuật tô màu rực rỡ về một kinh nghiệm mà người kể và tôi đã cùng chia sẻ trong [116] quá khứ, nhưng đối với nó ký ức của tôi rõ ràng kém kịch tính hơn ký ức của người bạn đồng hành có khuynh hướng thi vị ấy. Trong một vài trường hợp, tôi thậm chí đã có kinh nghiệm thú vị là quan sát một câu chuyện lớn dần lên—trước hết chính tôi đã chứng kiến điều thật sự xảy ra, và nghe nhân vật chính lúc ấy đưa ra một bản tường thuật khá chính xác về nó. Trở lại một tuần sau, tôi thấy câu chuyện đã mở rộng đáng kể; và sau vài tháng, nó thậm chí trở nên hoàn toàn không thể nhận ra, phần thêu thùa tự tôn vinh đã che khuất hoàn toàn nền tảng sự kiện của nó. Tuy vậy, tôi chắc chắn rằng sự không chính xác này hoàn toàn không cố ý, và người kể đang xuyên tạc câu chuyện một cách hoàn toàn như thế không hề có ý định lừa dối chúng ta, và thật ra sẽ kinh hoàng lùi lại trước bất kỳ sự giả dối cố ý nào.

This is a curious phenomenon; and although,

Đây là một hiện tượng kỳ lạ; và mặc dù, trong

in the extreme form which I have described, it is fortunately confined to comparatively few, we may all of us detect what may be regarded as a sort of germ of it in ourselves. Many of us find it difficult to be absolutely accurate; we are conscious of a certain desire to make a story more dramatically complete than it is in reality—to round it off, or to introduce into it the element of poetic justice which is so often sadly lacking in the very limited views which alone we are able to take of mundane affairs. Quite a number of people who have every intention of being perfectly truthful will yet, if they watch themselves carefully, find that they are not entirely free from this curious instinct of magnification—[117] that in repeating a story they instinctively increase the size or the distance or the value of that of which they speak.

hình thức cực đoan mà tôi đã mô tả, may mắn thay nó chỉ giới hạn ở tương đối ít người, tất cả chúng ta đều có thể phát hiện nơi chính mình điều có thể xem như một mầm mống của nó. Nhiều người trong chúng ta thấy khó mà tuyệt đối chính xác; chúng ta có ý thức về một mong muốn nào đó muốn làm cho một câu chuyện hoàn chỉnh hơn về mặt kịch tính so với thực tế —làm cho nó tròn trịa hơn, hoặc đưa vào đó yếu tố công lý thi vị vốn thường đáng buồn là thiếu vắng trong những tầm nhìn rất hạn chế mà chỉ riêng chúng ta mới có thể có về các sự việc trần thế. Khá nhiều người hoàn toàn có ý định trung thực vẫn sẽ, nếu họ quan sát chính mình cẩn thận, thấy rằng họ không hoàn toàn thoát khỏi bản năng phóng đại kỳ lạ này— [117] rằng khi lặp lại một câu chuyện, họ theo bản năng làm tăng kích thước, khoảng cách hoặc giá trị của điều mà họ nói đến.

Why does this tendency exist? It is no doubt true that in many cases there is something of conceit, of desire for approbation, of the wish to shine or to appear clever; and even where these terms would be too strong, there is an instinctive self-consciousness which causes the person concerned to look back to past events in which he took part, with the desire that that part had been more distinguished. Yet quite apart from that, and where the story has no connection with ourselves, we still perceive the same curious tendency.

Vì sao khuynh hướng này tồn tại? Chắc chắn đúng là trong nhiều trường hợp có đôi chút tự phụ, đôi chút khao khát được tán thưởng, mong muốn tỏa sáng hoặc tỏ ra thông minh; và ngay cả nơi những thuật ngữ này có vẻ quá mạnh, vẫn có một ngã thức theo bản năng khiến người liên quan nhìn lại các biến cố quá khứ mà y đã tham dự, với mong muốn rằng phần tham dự ấy đã nổi bật hơn. Tuy nhiên, hoàn toàn ngoài điều đó, và nơi câu chuyện không có liên hệ gì với chính chúng ta, chúng ta vẫn nhận thấy cùng một khuynh hướng kỳ lạ ấy.

The reason lies deeper than that; and in order to understand it we must think of the nature of the ego, and of the stage which he has reached in his evolution. It has often been mentioned in our literature that one of the characteristics of the ego is his remarkable power of dramatisation. In another chapter I endeavoured to explain that he deals with abstractions as we on the physical plane deal

Lý do nằm sâu hơn thế; và để thấu hiểu nó, chúng ta phải nghĩ đến bản chất của chân ngã, và giai đoạn mà y đã đạt đến trong tiến hoá của mình. Trong văn liệu của chúng ta, người ta thường nhắc rằng một trong những đặc tính của chân ngã là quyền năng kịch hóa đáng chú ý của y. Trong một chương khác, tôi đã cố gắng giải thích rằng y xử lý các trừu tượng như chúng ta trên cõi hồng trần xử lý các sự kiện

with concrete facts—that to him a whole system of philosophy (with all that it involves) is a single idea which he uses as a counter in his game, which he throws down in the course of a conversation, just as we down here might quote a fact in support of some contention which we were urging. Thus we see that, when dealing with matters on his own plane and those below him, all his ideas are complete ideas, properly rounded off and perfect. Anything incomplete would be unsatisfactory to him—would in [118] fact hardly be counted as an idea at all. For him a cause includes its effect, and therefore, in the longer view which he is able to take, poetic justice is always done, and no story can ever end badly. These characteristics of his reflect themselves to a certain extent in his lower vehicles, and we find them appearing in ourselves in various ways. Children always demand that their fairy-tales shall end well, that virtue shall be rewarded and that vice shall be vanquished; and all unsophisticated and healthy-minded people feel a similar desire. Those who (on the pretext that things do not happen this way in real life) clamour for an evil realism are precisely those whose views of life have become unhealthy and unnatural, because in their short-sighted philosophy they can never see the whole of any incident, but only the fragment of it which shows in one incarnation-and usually only the merest outside husk even of that.

cụ thể—rằng đối với y, cả một hệ thống triết học, với tất cả những gì nó bao hàm, là một ý tưởng duy nhất mà y dùng như một quân cờ trong cuộc chơi của mình, y ném xuống trong khi trò chuyện, cũng như chúng ta ở dưới này có thể viện dẫn một sự kiện để hỗ trợ cho một luận điểm mà chúng ta đang thúc đẩy. Như vậy, chúng ta thấy rằng, khi xử lý các vấn đề trên cõi riêng của y và những cõi bên dưới y, mọi ý tưởng của y đều là những ý tưởng hoàn chỉnh, được làm tròn đầy và hoàn hảo đúng mức. Bất cứ điều gì không trọn vẹn đều không làm y hài lòng—thật ra trong [118] thực tế hầu như không được xem là một ý tưởng chút nào. Đối với y, một nguyên nhân bao gồm cả kết quả của nó, và do đó, trong tầm nhìn dài rộng hơn mà y có thể có, công lý thi vị luôn luôn được thực hiện, và không câu chuyện nào có thể kết thúc tồi tệ. Các đặc tính này của y phản chiếu phần nào vào các vận cụ thấp hơn của y, và chúng ta thấy chúng xuất hiện nơi chính mình theo nhiều cách khác nhau. Trẻ em luôn đòi hỏi các truyện cổ tích của chúng phải kết thúc tốt đẹp, rằng đức hạnh phải được tưởng thưởng và thói xấu phải bị đánh bại; và mọi người chưa bị làm cho phức tạp và có tâm trí lành mạnh đều cảm thấy một mong muốn tương tự. Những người, lấy cớ rằng sự việc không xảy ra như thế trong đời thật, kêu gào đòi một thứ hiện thực tà ác, chính là những người có tầm nhìn về đời sống đã trở nên không lành mạnh và không tự nhiên, bởi trong triết lý thiển cận của họ, họ không bao giờ có thể thấy toàn thể của bất kỳ sự việc nào, mà chỉ thấy mảnh của nó hiện ra trong một kiếp lâm phàm—và thường chỉ là lớp vỏ ngoài cùng nhỏ nhất ngay cả của mảnh ấy.

Let us notice the influence exercised upon the manifestation of this characteristic by the stage of evolution at which we now are. It has often been explained that each rout-race has its special quality to develop, and that in that

Chúng ta hãy lưu ý ảnh hưởng mà giai đoạn tiến hoá hiện nay của chúng ta tạo ra trên sự biểu lộ của đặc tính này. Người ta thường giải thích rằng mỗi giống dân gốc có phẩm tính đặc biệt của nó để phát triển, và rằng về

respect each of the sub-races also manifests the influence of its own special peculiarity upon the root-race quality. The Fourth Root-Race, we are told, was chiefly concerned with the development of the astral body and of its emotions, while our Fifth Root-Race is supposed to be evolving the mental body and the intellect which is intended to work through it. Thus in the fifth or Teutonic sub-race we should be intensifying the [119] development of intellect and discrimination, whereas in the fourth or Keltic sub-race we may see how its combination makes easier both artistic and psychic development, though probably at the cost of scientific accuracy in detail. In fact, this passion for scientific accuracy, for perfect truth in minutest detail, is comparatively a recent development; indeed, it is that characteristic which has made possible the achievements of modern science. We now demand first of all that a thing shall be true, and if it is not, it is of no interest to us; whereas the older sub-races demanded first of all that it should be pleasing, and declined to be limited in their appreciation by any such consideration as whether the thing had ever materialised or could ever materialise on the physical plane.

phương diện ấy mỗi giống dân phụ cũng biểu lộ ảnh hưởng của đặc điểm riêng của nó trên phẩm tính của giống dân gốc. Người ta nói với chúng ta rằng Giống Dân Gốc thứ tư chủ yếu liên quan đến việc phát triển thể cảm dục và các cảm xúc của nó, trong khi Giống Dân Gốc thứ năm của chúng ta được cho là đang tiến hoá thể trí và trí năng vốn được dự định hoạt động xuyên qua nó. Như vậy, trong giống dân phụ thứ năm hay Teutonic, chúng ta hẳn đang tăng cường [119] sự phát triển của trí năng và phân biện, trong khi ở giống dân phụ thứ tư hay Keltic, chúng ta có thể thấy sự kết hợp của nó làm cho cả sự phát triển nghệ thuật lẫn thông linh trở nên dễ dàng hơn, dù có lẽ phải trả giá bằng sự chính xác khoa học trong chi tiết. Thật vậy, niềm say mê đối với sự chính xác khoa học, đối với chân lý hoàn hảo trong chi tiết nhỏ nhất, là một phát triển tương đối gần đây; quả thật, chính đặc tính ấy đã làm cho các thành tựu của khoa học hiện đại trở nên khả hữu. Giờ đây, trước hết chúng ta đòi hỏi rằng một điều phải là chân thật, và nếu nó không chân thật, nó không còn hấp dẫn chúng ta; trong khi các giống dân phụ xưa hơn trước hết đòi hỏi rằng nó phải làm vui lòng, và từ chối để sự thưởng thức của họ bị giới hạn bởi bất kỳ suy xét nào như liệu điều ấy đã từng hiện hình hoặc có thể từng hiện hình trên cõi hồng trần hay không.

You may see this clearly in the old Keltic stories. Notice how in the legends which cluster round King Arthur, a knight tilts with some casual stranger, overthrows him and brings him as a prisoner, and how, in narrating his exploit, he describes his unlucky victim as a gigantic ogre, a monster towering to the skies, and so on; and yet nobody present appears to notice any discrepancy between his account and the actual appearance of the unfortunate person then and there before them. We see at once, as we read those stories, that

Bạn có thể thấy điều này rõ ràng trong các câu chuyện Keltic xưa. Hãy lưu ý trong các truyền thuyết xoay quanh Vua Arthur, một hiệp sĩ giao đấu với một kẻ xa lạ tình cờ nào đó, đánh bại y và đem y về làm tù nhân, rồi khi kể lại chiến công của mình, hiệp sĩ mô tả nạn nhân bất hạnh ấy như một yêu tinh khổng lồ, một quái vật cao đến tận trời, vân vân; thế mà không ai có mặt dường như nhận thấy bất kỳ sự bất nhất nào giữa lời kể của y và vẻ ngoài thật sự của con người bất hạnh đang đứng ngay trước mặt họ. Khi đọc những câu chuyện

for their reciters and their hearers the limitations of what we call fact simply did not exist. Their one desire was to make up a good and soul-satisfying romance, and in this they succeeded, That the alleged occurrence was manifestly impossible did not trouble them in [120] the slightest degree. It troubles us who read these fables now, because we are developing the discriminative faculty, and therefore, though we like a rousing tale of adventure just as well as our forefathers did, we cannot feel satisfied with it unless an air of probability is cleverly thrown around each incident to satisfy this new yearning for verisimilitude and accuracy of statement.

ấy, chúng ta lập tức thấy rằng đối với những người kể và người nghe chúng, các giới hạn của điều chúng ta gọi là sự kiện đơn giản là không tồn tại. Mong muốn duy nhất của họ là dựng nên một chuyện tình lãng mạn hay và thỏa mãn linh hồn, và trong điều này họ đã thành công. Việc sự việc được cho là xảy ra rõ ràng là bất khả không hề làm họ bận tâm [120] chút nào. Nó làm chúng ta, những người giờ đây đọc các ngụ ngôn ấy, bận tâm, vì chúng ta đang phát triển năng lực phân biện, và do đó, dù chúng ta thích một câu chuyện phiêu lưu sôi nổi chẳng kém gì tổ tiên mình, chúng ta không thể cảm thấy hài lòng với nó trừ khi một vẻ có thể xảy ra được khéo léo phủ quanh mỗi sự việc để thỏa mãn niềm khao khát mới này về vẻ giống thật và sự chính xác trong lời thuật.

This desire for accuracy is only the coming through of another of the qualities of the ego —his power to see truly, to see a thing as it is- as a whole and not only in part. But because down here we are so often unable to see the whole as he sees it, we are beginning to demand that the part which we do see shall be to a certain extent complete in itself, and shall harmonise with such other parts as we can dimly glimpse. Our little fragments are usually very far from complete. They do not end properly, they do not show off the characters to the best advantage; and because down here we cannot yet see the real ending which would explain everything, our instinct is to inset an imaginary ending which at least to some extent meets our requirements.

Mong muốn về sự chính xác này chỉ là sự xuyên thấu của một phẩm tính khác của chân ngã—quyền năng thấy đúng thật của y, thấy một sự vật như nó là—như một toàn thể chứ không chỉ một phần. Nhưng bởi ở dưới này chúng ta thường không thể thấy toàn thể như y thấy, chúng ta bắt đầu đòi hỏi rằng phần mà chúng ta thấy ít nhất phải hoàn chỉnh trong chính nó ở một mức độ nào đó, và phải hài hòa với những phần khác mà chúng ta có thể thoáng thấy lờ mờ. Những mảnh nhỏ của chúng ta thường còn rất xa mới trọn vẹn. Chúng không kết thúc đúng mức, chúng không làm nổi bật các nhân vật theo cách tốt nhất; và bởi ở dưới này chúng ta chưa thể thấy đoạn kết thật sự vốn sẽ giải thích mọi điều, bản năng của chúng ta là chen vào một kết thúc tưởng tượng, ít nhất phần nào đáp ứng các yêu cầu của chúng ta.

That is the real reason for our desire to improve upon a story. In some of us the newly-developed desire for truth and accuracy overpowers the older craving to

Đó là lý do thật sự cho mong muốn cải thiện một câu chuyện của chúng ta. Trong một số người trong chúng ta, mong muốn mới phát triển về chân lý và sự chính xác áp đảo niềm

please and be pleased; but sometimes the other element is victorious. Then comes in, as we have already said, the influence of vanity and the desire to make a good appearance, and our newly-developed quality of truthfulness falls ignominiously into the background. In most [121] cases all this takes place entirely in the subconscious mind, and so our ordinary waking consciousness is unaware of it. Thus it comes about that some people are still quite mediaeval in their accounts of their personal adventures.

thèm khát cũ muốn làm vui lòng và được vui lòng; nhưng đôi khi yếu tố kia thắng thế. Khi đó, như chúng ta đã nói, ảnh hưởng của tính phù phiếm và khao khát tạo một vẻ ngoài tốt đẹp chen vào, và phẩm tính trung thực mới phát triển của chúng ta rơi một cách nhục nhã vào hậu cảnh. Trong phần lớn [121] trường hợp, tất cả điều này diễn ra hoàn toàn trong tiềm thức, và vì thế tâm thức tỉnh thức thông thường của chúng ta không hay biết gì về nó. Như vậy xảy ra việc một số người vẫn còn rất trung cổ trong những bản tường thuật về các cuộc phiêu lưu cá nhân của họ.

When we understand this, it is clearly our business to assist the ego in his present efforts at development. We must encourage and insist on the quality of accuracy, and we must keep our record of facts apart from our thoughts and wishes with regard to those facts. Yet in thus cultivating truthfulness we need by no means extinguish romance. It is necessary to be accurate; it is not necessary to become a Gradgrind. If we wish to pass an examination in botany we must load our memories with uncouth, pseudo-Latinised terms, and we must learn to distinguish the dicotyledonous from the monocotyledonous; but that need not prevent us from recognising that there is a higher side to botany in which we study the existence of the life of the tree and its power occasionally to manifest in quasi-human form, nor need we ignore the folk-lore of the trees and plants and the action of the nature-spirits who help in the moulding and the colouring of the blossoms—though we shall do well to keep all these rigidly out of our examination papers. The knowledge of the beauty and romance which lies behind need not be lost because we have to acquire arid, superficial details, any more than we need lose sight of the fact that sugar is sweet and pleasant to the taste because we have to

Khi thấu hiểu điều này, rõ ràng công việc của chúng ta là trợ giúp chân ngã trong những nỗ lực phát triển hiện tại của y. Chúng ta phải khuyến khích và nhấn mạnh phẩm tính chính xác, và chúng ta phải giữ bản ghi các sự kiện tách biệt khỏi các tư tưởng và mong muốn của mình liên quan đến những sự kiện ấy. Tuy nhiên, trong khi vun trồng tính trung thực như vậy, chúng ta tuyệt nhiên không cần dập tắt tính lãng mạn. Cần phải chính xác; nhưng không cần phải trở thành một Gradgrind. Nếu chúng ta muốn vượt qua một kỳ thi về thực vật học, chúng ta phải chất đầy ký ức của mình bằng những thuật ngữ vụng về, giả La-tinh hóa, và chúng ta phải học phân biệt loài hai lá mầm với loài một lá mầm; nhưng điều đó không cần ngăn chúng ta nhận ra rằng có một phương diện cao hơn của thực vật học, trong đó chúng ta nghiên cứu sự tồn tại của sự sống nơi cây và quyền năng đôi khi biểu lộ trong hình dạng gần như con người của nó, cũng không cần khiến chúng ta bỏ qua văn hóa dân gian về cây cối và thảo mộc, cũng như hoạt động của các tinh linh tự nhiên giúp trong việc khuôn đúc và tô màu các đóa hoa—dù chúng ta sẽ làm tốt nếu giữ tất cả những điều này hoàn toàn ra khỏi các bài thi của mình. Tri thức về vẻ đẹp và tính lãng mạn nằm phía sau không cần bị đánh mất chỉ vì chúng ta phải

learn that its chemical formula is $C_{12}H_{22}O_{11}$. [122]

tiếp thu những chi tiết khô khan, hời hợt, cũng như chúng ta không cần đánh mất sự kiện rằng đường thì ngọt và dễ chịu đối với vị giác chỉ vì chúng ta phải học rằng công thức hóa học của nó là C12H22O11. [122]

To mingle our imagination with our facts is a wrong use of a very mighty power; but there is a right use of it which may be of great help to us in our progress. One who desires to meditate is often told to make an image of the Master and fix his attention upon it; and when he does this, the love and devotion which he feels attract the attention of the Master, and He immediately fills that image with His thought, and pours through it His strength and His blessing upon its creator, if the student has been fortunate enough to see the Master, his thought-image is naturally far clearer and better than in cases where it is a mere effort of the imagination. The clearer the image, the more fully can power be sent through it; but in any and every case something at least is gained, and some considerable return is received. This then is a case of the legitimate use of the imagination—a case in which its results are most valuable.

Trộn lẫn sự tưởng tượng của chúng ta với các sự kiện của mình là một cách sử dụng sai lầm một quyền năng rất hùng mạnh; nhưng có một cách sử dụng đúng đắn nó có thể giúp ích lớn lao cho chúng ta trong sự tiến bộ. Người muốn tham thiền thường được bảo hãy tạo một hình ảnh của Chân sư và cố định sự chú ý của mình vào đó; và khi y làm điều này, tình thương và lòng sùng tín mà y cảm thấy sẽ thu hút sự chú ý của Chân sư, và Ngài lập tức làm đầy hình ảnh ấy bằng tư tưởng của Ngài, rồi xuyên qua nó tuôn đổ sức mạnh và ân phúc của Ngài lên người đã tạo ra nó. Nếu đạo sinh đã may mắn được thấy Chân sư, hình tư tưởng của y tự nhiên rõ ràng và tốt đẹp hơn nhiều so với những trường hợp nó chỉ là một nỗ lực của sự tưởng tượng. Hình ảnh càng rõ ràng, quyền năng càng có thể được gửi xuyên qua nó một cách đầy đủ hơn; nhưng trong bất cứ trường hợp nào, ít nhất cũng đạt được điều gì đó, và nhận được một sự đáp lại đáng kể. Vậy đây là một trường hợp sử dụng sự tưởng tượng một cách chính đáng—một trường hợp trong đó các kết quả của nó có giá trị lớn lao.

It comes into play also in one of the many lines of psychic development. A pupil who desires to open the etheric sight is sometimes told to take some solid object and endeavour to imagine what the inside of it would be like if he could see it. For example, a closed box might be set before such a pupil, and he might be asked to describe the objects inside it. He would probably be directed to try to imagine what was inside, to "guess", as the children would say, but always with an effort of strained attention, with an endeavour to see

Nó cũng đi vào hoạt động trong một trong nhiều đường lối phát triển thông linh. Một môn sinh muốn mở thị giác dĩ thái đôi khi được bảo hãy lấy một vật rắn nào đó và cố gắng tưởng tượng bên trong nó sẽ như thế nào nếu y có thể thấy nó. Chẳng hạn, một chiếc hộp đóng kín có thể được đặt trước mặt một môn sinh như thế, và y có thể được yêu cầu mô tả các đồ vật bên trong nó. Có lẽ y sẽ được hướng dẫn cố gắng tưởng tượng xem bên trong có gì, "đoán", như trẻ em thường nói, nhưng luôn với một nỗ lực chú ý căng thẳng, với một cố

that which by ordinary sight he could not see. It is said that after many such attempts the pupil [123] finds himself "guessing" correctly much more frequently than is explicable on any theory of coincidence, and that presently he begins really to see before him the objects which at first he only imagined.

gắng thấy điều mà bằng thị giác thông thường y không thể thấy. Người ta nói rằng sau nhiều lần thử như thế, môn sinh [123] thấy mình "đoán" đúng thường xuyên hơn nhiều so với mức có thể giải thích bằng bất kỳ lý thuyết trùng hợp nào, và chẳng bao lâu y bắt đầu thật sự thấy trước mặt mình những đồ vật mà lúc đầu y chỉ tưởng tượng.

A variant of this practice is that the student calls up before his mind's eye the room of a friend, and endeavours to make a perfect image of it. After a certain number of attempts he will probably be able to do this readily, and with considerable wealth of detail. Then lie should watch closely for anything new or unusual in his mind-picture of that room; or perhaps he may be conscious of the presence of certain people in it. If that happens to him it may be worth his while to write and ask whether such people have been there, or whether there is any foundation for his idea that certain changes have been made; for if he proves to be right on a number of occasions he will realise that he is beginning to develop a certain impressibility which may in process of time evolve into true clairvoyance.

Một biến thể của thực hành này là đạo sinh gọi lên trước con mắt của thể trí căn phòng của một người bạn, và cố gắng tạo một hình ảnh hoàn hảo về nó. Sau một số lần thử nhất định, có lẽ y sẽ có thể làm điều này dễ dàng, và với khá nhiều chi tiết phong phú. Rồi y nên quan sát kỹ bất cứ điều gì mới hoặc khác thường trong hình ảnh nơi thể trí của mình về căn phòng ấy; hoặc có lẽ y có thể ý thức về sự hiện diện của một vài người nào đó trong đó. Nếu điều ấy xảy ra với y, có thể đáng để y viết thư hỏi xem những người như thế đã có mặt ở đó hay chưa, hoặc liệu có bất kỳ nền tảng nào cho ý tưởng của y rằng một số thay đổi nào đó đã được thực hiện hay không; vì nếu y chứng tỏ mình đúng trong một số dịp, y sẽ nhận ra rằng mình đang bắt đầu phát triển một mức dễ tiếp nhận ấn tượng nào đó, điều này theo thời gian có thể tiến hoá thành thông nhãn chân thật.

To sum up: Like other powers, imagination may be used rightly or wrongly. Exaggeration is clearly wrong, and is always a bar to progress, even when it is unintentional. Accuracy is essential; but its achievement does not preclude the study of the higher and more romantic side of nature. [124]

Tóm lại: Giống như các quyền năng khác, sự tưởng tượng có thể được sử dụng đúng hoặc sai. Phóng đại rõ ràng là sai, và luôn là một trở ngại cho sự tiến bộ, ngay cả khi nó không cố ý. Sự chính xác là thiết yếu; nhưng việc đạt được nó không ngăn cản sự nghiên cứu phương diện cao hơn và lãng mạn hơn của thiên nhiên. [124]

CHAPTER IX — CHƯƠNG IX

MEDITATION— THAM THIỀN

THE readiest and safest method of developing the higher consciousness is by means of meditation, and it is already the habit of many of our members to begin each morning by spending a few minutes in a meditation which is intended to be devoted to aspiration towards the Masters. I should like to say a few words about this, because it seems to me that some of us are not getting quite as much out of it as we might do.

Phương pháp sẵn có nhất và an toàn nhất để phát triển tâm thức cao hơn là bằng tham thiền, và nhiều hội viên của chúng ta đã có thói quen bắt đầu mỗi buổi sáng bằng cách dành vài phút cho một cuộc tham thiền được dự định hiến dâng cho khát vọng hướng về các Chân sư. Tôi muốn nói vài lời về điều này, vì dường như đối với tôi, một số người trong chúng ta chưa nhận được từ đó nhiều như lẽ ra có thể.

There are so many various types among us that it is not possible that one method of meditation can produce equally good results with all. Broadly speaking, we may divide into two classes the ways in which such a time as that may be most profitably occupied, and each person must decide for himself or herself to which class he or she belongs, which method will come most naturally and be most profitable.

Trong chúng ta có quá nhiều loại người khác nhau đến nỗi không thể có một phương pháp tham thiền nào tạo ra những kết quả tốt ngang nhau cho tất cả. Nói rộng ra, chúng ta có thể chia những cách thức mà một khoảng thời gian như vậy có thể được sử dụng hữu ích nhất thành hai loại, và mỗi người phải tự quyết định mình thuộc loại nào, phương pháp nào sẽ đến tự nhiên nhất và đem lại lợi ích nhiều nhất.

We have the habit of calling all our exercises of that sort by the general name of meditation, though it is appropriate only to some of them. I have often spoken of three stages through which people have to pass: Concentration, Meditation, and Contemplation; it is this last at which on the whole we [125] ought to be aiming, when that is possible and comparatively easy for us. There may be, however, some of us whose minds are not constructed along that particular line, and they may find meditation more useful and more profitable for them.

Chúng ta có thói quen gọi tất cả các bài tập thuộc loại ấy bằng danh xưng chung là tham thiền, dù danh xưng này chỉ thích hợp với một vài bài trong số đó. Tôi thường nói về ba giai đoạn mà con người phải đi qua: Tập trung, Tham thiền và Chiêm ngưỡng; chính giai đoạn cuối này, xét toàn thể, là điều chúng ta [125] nên nhắm tới, khi điều đó khả hữu và tương đối dễ dàng đối với chúng ta. Tuy nhiên, có thể có một số người trong chúng ta mà thể trí không được cấu tạo theo đường hướng đặc biệt ấy, và họ có thể thấy tham thiền hữu ích và có lợi hơn cho họ.

The art of acquiring perfect concentration is a

Nghệ thuật đạt được sự tập trung hoàn hảo là

slow process, and most of us are only in process of acquiring it. We have not fully succeeded in it yet, because wandering thoughts still come in to trouble us. But supposing we have sufficient concentration to keep out those thoughts which we do not want, it yet remains to be considered how we shall think during these few minutes. We speak of the time as devoted to aspiration towards the Master; but there are different lines of aspiration. The nearest to what is really meant by meditation would be to hold the mind firmly upon our own image of Him, if we are able to construct a good strong thought-image. Some cannot visualise as easily as others. If we can visualise strongly for ourselves, it is well to make our own thought-image and close our eyes. Having made such an image, our thought would then run along some such line as this:

một tiến trình chậm, và phần lớn chúng ta chỉ đang trong tiến trình đạt được nó. Chúng ta chưa hoàn toàn thành công trong việc ấy, vì các tư tưởng lang thang vẫn còn len vào quấy rầy chúng ta. Nhưng giả sử chúng ta có đủ sự tập trung để loại ra những tư tưởng mà chúng ta không muốn, thì vẫn còn phải xét xem chúng ta sẽ suy nghĩ như thế nào trong vài phút này. Chúng ta nói thời gian ấy được hiến dâng cho khát vọng hướng về Chân sư; nhưng có những đường hướng khát vọng khác nhau. Điều gần nhất với điều thật sự được hiểu là tham thiền sẽ là giữ thể trí vững chắc trên hình ảnh của chính chúng ta về Ngài, nếu chúng ta có thể xây dựng một hình tư tưởng tốt và mạnh. Một số người không thể hình dung dễ dàng như những người khác. Nếu chúng ta có thể tự mình hình dung mạnh mẽ, thì tốt là tạo hình tư tưởng của riêng mình và nhắm mắt lại. Sau khi đã tạo một hình ảnh như thế, tư tưởng của chúng ta khi ấy sẽ đi theo một đường hướng đại loại như sau:

"This," we should say, "is the Master whom have chosen, to whom I am devoting myself. He is the incarnation of love, of power, of wisdom. I must try to make myself like Him in all these respects. Have I succeeded so far in doing this? Not as fully as I should wish in such-and-such ways; I can think, in looking back, that I have not shown these qualities as I should. I shall endeavour in the future to remember Him always, and to be, [126] and to act, and to think as I believe He would be and act and think". And so on with a strong effort to realise those qualities in Him. I take it that that is really what is meant by the word meditation.

"Đây," chúng ta nên nói, "là Chân sư mà tôi đã chọn, Đấng mà tôi đang hiến dâng chính mình. Ngài là hiện thân của tình thương, của quyền năng, của minh triết. Tôi phải cố gắng làm cho mình giống như Ngài trong tất cả các phương diện này. Cho đến nay, tôi đã thành công trong việc này chưa? Chưa trọn vẹn như tôi mong muốn theo những cách này cách kia; khi nhìn lại, tôi có thể nghĩ rằng mình đã chưa biểu lộ các phẩm tính này như lẽ ra phải biểu lộ. Trong tương lai, tôi sẽ cố gắng luôn nhớ đến Ngài, và hiện tồn, [126] hành động và suy nghĩ như tôi tin rằng Ngài sẽ hiện tồn, hành động và suy nghĩ". Và cứ như thế, với một nỗ lực mạnh mẽ nhằm nhận ra các phẩm tính ấy nơi Ngài. Tôi cho rằng đó thật sự là điều được hiểu bởi từ tham thiền.

If a man finds after some effort that it is impossible for him to make a clear thought-

Nếu một người sau một số nỗ lực thấy rằng mình không thể tạo một hình tư tưởng rõ

image, it will be well for him to seat himself before a portrait of the Master, and fix his gaze earnestly upon it while thinking as above suggested.

ràng, tốt hơn là y nên ngồi trước một bức chân dung của Chân sư, và chăm chú cố định ánh nhìn vào đó trong khi suy nghĩ như đã gợi ý ở trên.

There is something still better, perhaps, for those who find that they can do it readily and easily; and that is contemplation. In that case one forms the image of the Master and, having formed it, throws one's whole strength into an effort to reach Him, an effort which I can best describe by saying that we are straining upwards towards Him, trying to unify our consciousness with His. That effort will not immediately bring a result, in all probability; but if we make it every day in our regular meditation, the time will certainly come when it will meet with full success.

Có lẽ còn có một điều tốt hơn nữa dành cho những ai thấy mình có thể thực hiện điều đó một cách sẵn sàng và dễ dàng; đó là sự chiêm ngưỡng. Trong trường hợp ấy, người ta tạo nên hình ảnh của Chân sư, và sau khi đã tạo nên hình ảnh ấy, dồn toàn bộ sức mạnh của mình vào nỗ lực vươn tới Ngài — một nỗ lực mà tôi có thể mô tả rõ nhất bằng cách nói rằng chúng ta đang gắng sức vươn lên về phía Ngài, cố gắng hợp nhất tâm thức của chúng ta với tâm thức của Ngài. Rất có thể nỗ lực ấy sẽ không đem lại kết quả ngay lập tức; nhưng nếu chúng ta thực hiện nó mỗi ngày trong buổi tham thiền thường lệ của mình, chắc chắn sẽ đến lúc nó đạt được thành công trọn vẹn.

That is the best thing to do for those who can do it. But there are types of mind to which such an effort would be barren; and it is not well for them to waste their time over it if it is a thing which they cannot at all do, while the other form of meditation might be much more fruitful for them.

Đó là điều tốt nhất nên làm đối với những ai có thể làm được. Nhưng có những loại thể trí mà đối với chúng, một nỗ lực như thế sẽ không sinh kết quả; và sẽ không tốt nếu họ phí thời gian vào đó khi đó là điều họ hoàn toàn không thể làm, trong khi hình thức tham thiền kia có thể hữu ích hơn nhiều đối với họ.

But for those who can reach upward in that particular way with any sort of success, with any kind of feeling that it is for them a path which will be likely (even though it should take a long time) to lead to a direct union with Him, contemplation is [127] clearly best, for such union when attained is most fruitful, most helpful. With deepest reverence we say to the Master:

Nhưng đối với những ai có thể vươn lên theo cách đặc biệt ấy với bất cứ mức độ thành công nào, với bất cứ cảm nhận nào rằng đối với họ đó là một con đường có khả năng, dù phải mất nhiều thời gian, dẫn đến sự hợp nhất trực tiếp với Ngài, thì sự chiêm ngưỡng rõ ràng là [127] tốt nhất, vì sự hợp nhất ấy khi đạt được sẽ vô cùng phong phú, vô cùng hữu ích. Với lòng tôn kính sâu xa nhất, chúng ta thưa với Chân sư:

"Holy Master, Father, Friend, I lay myself open to Your influence. It shall flow into me to the uttermost degree in which I am capable of receiving it."

"Bạch Chân sư thánh thiện, Cha, Bạn, con mở lòng trước ảnh hưởng của Ngài. Ảnh hưởng ấy sẽ tuôn vào con đến mức tối đa mà con có khả năng tiếp nhận."

We need not ask Him to pour it out on us, because He is doing that all the time. We do not *pray* to the Masters to do this or that. They know very much more about it than we do, and are already doing all that can be done; but it is on our side necessary that we should make ourselves open to it, that we should remove the barriers of self that stand in the way. That is the old story. It must be told over and over again, because the separated self is the one great difficulty in our path—the personality first and then the individuality. That is insisted upon in *At the Feet of the Master*, and in every book that has been written on occult progress. When there is anything hindering our progress it is always the lower self which stands in the way of the Great Self.

Chúng ta không cần xin Ngài tuôn đổ ảnh hưởng ấy lên chúng ta, bởi vì Ngài vẫn luôn làm như vậy. Chúng ta không *cầu nguyện* với các Chân sư để các Ngài làm điều này hay điều kia. Các Ngài hiểu điều đó hơn chúng ta rất nhiều, và đã làm tất cả những gì có thể làm; nhưng về phía chúng ta, điều cần thiết là chúng ta phải tự mở lòng trước ảnh hưởng ấy, phải loại bỏ những hàng rào của bản ngã đang cản đường. Đó là câu chuyện xưa cũ. Nó phải được kể đi kể lại mãi, bởi vì cái ngã tách biệt là khó khăn lớn duy nhất trên đường của chúng ta — trước hết là phàm ngã, rồi đến cá thể tính. Điều đó được nhấn mạnh trong *Dưới Chân Thầy*, và trong mọi quyển sách đã được viết về sự tiến bộ huyền bí. Khi có bất cứ điều gì cản trở sự tiến bộ của chúng ta, thì luôn luôn chính phàm ngã là cái đứng chắn trên đường của Đại Ngã.

Having visualised and realised the Master as intensely as possible, the effort must be to clear away our own barriers, to break through them and reach up to Him, because He is ever ready to be gracious to us, always pouring out His influence just in such measure as we are capable of receiving. We have nothing to ask Him. We have only so to deal with ourselves that His light shall shine through. [128]

Sau khi đã hình dung và nhận biết Chân sư mãnh liệt hết mức có thể, nỗ lực phải là dọn sạch những hàng rào của chính chúng ta, phá xuyên qua chúng và vươn lên tới Ngài, bởi vì Ngài luôn sẵn sàng ban ân cho chúng ta, luôn tuôn đổ ảnh hưởng của Ngài đúng theo mức độ chúng ta có khả năng tiếp nhận. Chúng ta không có gì để xin Ngài. Chúng ta chỉ cần xử lý chính mình sao cho ánh sáng của Ngài có thể chiếu xuyên qua. [128]

That effort will eventually lead us towards an extension of consciousness. When we succeed we shall break through into a different world, a different way of looking at everything. Along that line is the most rapid and the most satisfactory progress, but as I have said, it is strictly for those who can take it, and for

Nỗ lực ấy cuối cùng sẽ dẫn chúng ta tới sự mở rộng tâm thức. Khi thành công, chúng ta sẽ phá xuyên vào một thế giới khác, một cách nhìn khác đối với mọi sự. Theo đường hướng ấy có sự tiến bộ nhanh chóng nhất và thỏa đáng nhất, nhưng như tôi đã nói, nó chỉ dành riêng cho những ai có thể theo được, và đối với

whom that happens to be the way. The man whose nature instinctively runs the other way would probably waste his time by making this effort, whereas he might make distinct progress by following that other line.

họ, đó tình cờ lại là con đường thích hợp. Người nào mà bản chất theo bản năng hướng về con đường khác thì có lẽ sẽ phí thời gian khi thực hiện nỗ lực này, trong khi y có thể tiến bộ rõ rệt bằng cách đi theo đường hướng kia.

One or other of those things we ought to be trying to do, and we must not let it become vague. It has a great tendency to become vague; and it is odd that although we believe that all these advancements are within reach, we are never so much astonished as when anything happens, and we do really get any result. That ought not to be so. It is no doubt a touching example of our humility, but there is a humility that sometimes actually hinders progress. We may feel so sure that we are far away from the possibility of doing anything, that we stand in our own light. It is better, so far as may be, with humble confidence (humble unquestionably, but still confidence) to take the line: "Others have succeeded in this. I intend to succeed, and I am going to persevere until I do".

Chúng ta phải cố gắng làm điều này hoặc điều kia, và không được để nó trở nên mơ hồ. Nó có khuynh hướng rất mạnh là trở nên mơ hồ; và thật lạ là mặc dù chúng ta tin rằng tất cả những bước tiến ấy đều nằm trong tầm tay, chúng ta lại không bao giờ kinh ngạc hơn khi có điều gì đó xảy ra, và chúng ta thật sự đạt được một kết quả nào đó. Điều ấy không nên như vậy. Không nghi ngờ gì, đó là một ví dụ cảm động về sự khiêm nhường của chúng ta, nhưng có một thứ khiêm nhường đôi khi thật sự cản trở sự tiến bộ. Chúng ta có thể cảm thấy chắc chắn đến mức mình còn quá xa khả năng làm được bất cứ điều gì, đến nỗi chúng ta tự che mất ánh sáng của chính mình. Tốt hơn là, trong chừng mực có thể, với sự tự tin khiêm nhường, chắc chắn là khiêm nhường nhưng vẫn là tự tin, chúng ta nên theo đường hướng này: "Những người khác đã thành công trong việc này. Tôi quyết tâm thành công, và tôi sẽ kiên trì cho đến khi làm được."

Then we certainly shall succeed. It may not be immediately, but "immediately" from our point of view matters very little really, so long as we do the thing; and every human being *can* do it; it is only [129] a question of the time it may happen to take, and the time is well spent anyhow.

Khi ấy chắc chắn chúng ta sẽ thành công. Có thể không phải ngay lập tức, nhưng "ngay lập tức" theo quan điểm của chúng ta thật ra không quan trọng bao nhiêu, miễn là chúng ta thực hiện được điều ấy; và mọi con người *đều có thể* làm được; đó chỉ là [129] vấn đề thời gian mà việc ấy có thể cần đến, và dù sao thời gian ấy cũng được sử dụng xứng đáng.

I think if we remember these ideas it may help us to make more use of the time set apart for meditation. The natural tendency of the age generally is towards vagueness and looseness of thought. Some people just relapse into what is called "feeling good" for a few minutes.

Tôi nghĩ nếu chúng ta nhớ những ý tưởng này, chúng có thể giúp chúng ta sử dụng hữu ích hơn khoảng thời gian dành riêng cho tham thiền. Khuynh hướng tự nhiên của thời đại nói chung là hướng tới sự mơ hồ và lỏng lẻo trong tư tưởng. Một số người chỉ rơi trở lại vào điều

Better to feel good than to feel bad, of course; but still it is not quite all that is meant.

được gọi là "cảm thấy dễ chịu" trong vài phút. Dĩ nhiên, cảm thấy dễ chịu thì tốt hơn cảm thấy khó chịu; nhưng dẫu vậy, đó vẫn chưa phải là tất cả ý nghĩa được hàm chứa.

Many people meditate daily alone, and obtain great help by so doing; but nevertheless there are even greater possibilities of result when a group of people concentrate their minds on the one thing. That sets up a strain in the physical ether as well as in the astral and mental worlds, and it is a twist in the direction which we desire. For once, just for the time of that group meditation, instead of having to fight against our surroundings (which we always have to do practically, everywhere else) we find them actually helpful. That is to say, they ought to be so, if all present succeed in holding their minds from wandering, and that of course they must try to do, not only for their own sakes but for the sake of their comrades in the effort. A wandering mind in such a group constitutes a break in the current. Instead of having a huge mass of thought moving in one mighty flood, we should in that case have little eddies in it, such as are made by rocks or snags in a river which deflect the water. Anyone who allows his mind to wander is thereby making things not quite so easy for those around him. [130]

Nhiều người tham thiền hằng ngày một mình và nhận được sự trợ giúp lớn lao nhờ làm như vậy; tuy nhiên, vẫn có những khả năng đem lại kết quả còn lớn hơn nữa khi một nhóm người tập trung thể trí của họ vào một điều duy nhất. Điều đó tạo nên một sức căng trong dĩ thái hồng trần cũng như trong các cõi cảm dục và cõi trí, và đó là một sự uốn dòng theo hướng chúng ta mong muốn. Chỉ một lần, chỉ trong thời gian của buổi tham thiền nhóm ấy, thay vì phải chống lại môi trường chung quanh mình, điều mà hầu như ở mọi nơi khác chúng ta luôn luôn phải làm, chúng ta lại thấy chúng thật sự hữu ích. Nghĩa là, chúng phải là như vậy, nếu tất cả những người hiện diện đều thành công trong việc giữ cho thể trí của họ khỏi lang thang; và dĩ nhiên họ phải cố gắng làm điều đó, không chỉ vì chính họ mà còn vì các bạn đồng hành trong nỗ lực ấy. Một thể trí lang thang trong một nhóm như thế tạo thành một chỗ đứt đoạn trong dòng lưu chuyển. Thay vì có một khối tư tưởng lớn lao chuyển động như một dòng lũ hùng mạnh duy nhất, trong trường hợp ấy chúng ta sẽ có những xoáy nước nhỏ trong đó, giống như những xoáy do đá hoặc gốc cây trong sông tạo ra làm lệch dòng nước. Bất cứ ai để cho thể trí mình lang thang thì qua đó đang làm cho mọi việc trở nên kém dễ dàng hơn đối với những người chung quanh y. [130]

A number of people all sending their thought in the same direction offers a fine opportunity for progress if the direction is a good one; but it rarely happens in ordinary life. When it does occur it means great possibilities.

Một số người cùng hướng tư tưởng của họ theo một chiều sẽ đem lại một cơ hội tốt đẹp cho sự tiến bộ nếu chiều hướng ấy là tốt; nhưng điều đó hiếm khi xảy ra trong đời sống bình thường. Khi nó xảy ra, nó có nghĩa là những khả năng lớn lao.

A striking instance, which I have described before, arises in my mind as apposite. I had the privilege of being present at the Diamond Jubilee of Her Majesty Queen Victoria. It was one of the most wonderful manifestations in the way of occult force that I ever saw. Just for a few moments, as the Queen's carriage passed, thousands of people were swept into one line of thought, and it was a very good line, of intense love and loyalty. It was a sight from the inner side which is rarely equalled. Before that came; we had to wait a long time for the procession. Thousands and thousands of people who were within sight had each his own set of thoughts. I happened to be in the heart of the city of London, where those present were mostly commercial or professional men with their wives. The men were chiefly occupied in calculations, and their heads were surrounded by figures, just like a swarm of bees flying round them all the time. The various ladies were thinking about one another's dresses and about domestic affairs of all sorts. There was no unity, as is always the case with any crowd anywhere.

Một trường hợp nổi bật, mà trước đây tôi đã mô tả, hiện lên trong trí tôi như một ví dụ thích hợp. Tôi đã có đặc ân được hiện diện tại lễ kỷ niệm sáu mươi năm trị vì của Nữ hoàng Victoria Bệ hạ. Đó là một trong những biểu hiện kỳ diệu nhất theo phương diện mãnh lực huyền bí mà tôi từng thấy. Chỉ trong vài khoảnh khắc, khi cỗ xe của Nữ hoàng đi ngang qua, hàng nghìn người bị cuốn vào một đường hướng tư tưởng duy nhất, và đó là một đường hướng rất tốt đẹp, đầy tình thương và lòng trung thành mãnh liệt. Đó là một cảnh tượng từ phía bên trong mà hiếm khi có gì sánh được. Trước khi điều đó xảy đến, chúng tôi đã phải chờ rất lâu để đoàn rước đi qua. Hàng nghìn, hàng nghìn người trong tầm mắt, mỗi người đều có bộ tư tưởng riêng của mình. Tôi tình cờ ở ngay trung tâm thành phố London, nơi những người hiện diện phần lớn là giới thương mại hoặc chuyên môn cùng với vợ của họ. Những người đàn ông chủ yếu bận rộn với các phép tính, và đầu họ được bao quanh bởi những con số, giống hệt như một đàn ong bay quanh họ suốt thời gian. Các quý bà thì nghĩ về trang phục của nhau và về đủ loại công việc gia đình. Không có sự hợp nhất nào, như luôn luôn là trường hợp với bất cứ đám đông nào ở bất cứ nơi đâu.

When the procession came along, the people were awakened, and by degrees began to take a stronger and stronger interest in it, and the culmination arrived when the Queen herself passed. For a [131] few minutes all those thousands were thinking and feeling alike. The effect was quite prodigious even on the physical plane, though they did not know why. Here were hard city men, absolutely with tears in their eyes, shaking each other by the hand; while practically all the ladies were weeping unrestrainedly.

Khi đoàn rước đi tới, mọi người được đánh thức, và dần dần bắt đầu quan tâm đến nó ngày càng mạnh hơn, và đỉnh điểm đến khi chính Nữ hoàng đi ngang qua. Trong vài [131] phút, tất cả hàng nghìn người ấy đều suy nghĩ và cảm nhận giống nhau. Hiệu quả ấy thật phi thường ngay cả trên cõi hồng trần, dù họ không biết vì sao. Đây là những người thành thị cứng rắn, vậy mà trong mắt họ đầy nước mắt, bắt tay nhau; trong khi hầu như tất cả các quý bà đều khóc không kìm được.

The effect was amazing in those few minutes

Hiệu quả trong vài phút xuất thần hoàn toàn

of utter exaltation. Perhaps for the first time in their lives they all of them simultaneously forgot themselves altogether, and were lifted right out of themselves by a high emotion. Now that was an opportunity. In such moments as that, if the excitement is religious, wholesale conversions take place—tremendous temporary upliftments of the soul. I daresay those people afterwards wondered why they had been so shaken. It was exceedingly good for them, but it is rarely that such an opportunity comes.

ấy thật đáng kinh ngạc. Có lẽ lần đầu tiên trong đời, tất cả họ cùng một lúc hoàn toàn quên đi chính mình, và được nâng thẳng ra khỏi chính mình bởi một cảm xúc cao thượng. Bấy giờ đó là một cơ hội. Trong những khoảnh khắc như thế, nếu sự phấn khích mang tính tôn giáo, những cuộc cải đạo hàng loạt sẽ diễn ra — những sự nâng cao tạm thời mãnh liệt của linh hồn. Tôi dám chắc sau đó những người ấy đã tự hỏi vì sao họ lại bị lay động đến như vậy. Điều đó vô cùng tốt cho họ, nhưng hiếm khi một cơ hội như thế xuất hiện.

We make a little current something like that on a small scale by our group meditation. We are perhaps only a score or so instead of many thousands, but in its way such a meeting is a real opportunity; if we could take better advantage of it we should make more rapid progress, we should feel ourselves more greatly helped.

Chúng ta tạo nên một dòng nhỏ tương tự như thế, ở quy mô nhỏ, bằng sự tham thiền nhóm của mình. Có lẽ chúng ta chỉ khoảng hai mươi người thay vì nhiều nghìn người, nhưng theo cách riêng của nó, một cuộc họp như vậy là một cơ hội thật sự; nếu chúng ta có thể tận dụng nó tốt hơn, chúng ta sẽ tiến bộ nhanh hơn, sẽ cảm thấy mình được trợ giúp nhiều hơn.

It is a great assistance if in a group there are a few who are capable of rising to high levels. It is a great uplift that we should be for a few moments in the presence of thought on a higher plane. It is one of the advantages that we gain from our association, from "the assembling of ourselves together" for such work as this. [132]

Sẽ là một sự trợ giúp lớn nếu trong một nhóm có một vài người có khả năng vươn lên những cấp độ cao. Việc chúng ta được ở trong vài khoảnh khắc trước sự hiện diện của tư tưởng trên một cõi cao hơn là một sự nâng đỡ lớn lao. Đó là một trong những lợi ích mà chúng ta có được từ sự liên kết của mình, từ "việc chúng ta tụ họp lại với nhau" cho công việc như thế này. [132]

Collective meditation, such as some Lodges have at the public lectures for a mixed crowd, is frankly not of much use. It just keeps the audience quiet for a few moments, but it does little more, because the average man does not know how to think at all.

Tham thiền tập thể, như một số Chi bộ tổ chức tại các buổi thuyết trình công cộng cho một đám đông hỗn hợp, thẳng thắn mà nói không có ích bao nhiêu. Nó chỉ giữ cho thính chúng yên lặng trong vài phút, nhưng chẳng làm được gì hơn, bởi vì người trung bình hoàn toàn không biết cách suy nghĩ.

The unfolding of the higher consciousness is one of the possibilities which lie open to

Sự khai mở của tâm thức cao siêu là một trong những khả năng đang mở ra cho nhân loại ở

humanity at the stage which it has now reached. Therefore it is to a greater or less extent open to every one of us and it is well worth our while to make some attempt in that direction, for the addition to our usefulness which success would bring is almost incalculable. That the greatest caution must be exercised is true, for the pitfalls are many; nothing should be undertaken without the advice and supervision of a trained psychic. But the world needs helpers possessed of these powers, and it is among Theosophical students that we may reasonably expect to find them. It is hardly necessary to point out how advantageous to our work is the ability to communicate at will with the Angels and with the so-called dead, and the force and precision which definite experience of the higher life will give to our teaching. The knowledge gained is of the greatest comfort to him who acquires it, for it removes for ever from his life all doubt and all sorrow; yet man should strive for that transcendent wisdom not for his own sake, but that he may render himself more extensively serviceable to his fellow creatures, for that is the aim of all true and faithful brethren throughout the world. [133]

giai đoạn mà y hiện nay đã đạt tới. Do đó, ở mức độ lớn hay nhỏ, điều đó mở ra cho mỗi người chúng ta, và rất đáng để chúng ta thực hiện một vài nỗ lực theo hướng ấy, vì sự gia tăng khả năng hữu dụng mà thành công đem lại hầu như không thể tính toán được. Việc phải hết sức thận trọng là điều đúng, vì có nhiều cạm bẫy; không nên đảm nhận điều gì nếu không có lời khuyên và sự giám sát của một nhà thông linh đã được huấn luyện. Nhưng thế giới cần những người trợ giúp sở hữu các quyền năng này, và chính trong số các môn sinh Thông Thiên Học mà chúng ta có thể kỳ vọng một cách hợp lý sẽ tìm thấy họ. Hầu như không cần chỉ ra rằng khả năng giao tiếp theo ý muốn với các Thiên thần và với những người được gọi là đã chết có lợi biết bao cho công việc của chúng ta, cũng như sức mạnh và sự chính xác mà kinh nghiệm xác định về đời sống cao siêu sẽ đem lại cho giáo huấn của chúng ta. Tri thức thu được là nguồn an ủi lớn lao nhất cho người đạt được nó, vì nó vĩnh viễn loại bỏ khỏi đời sống của y mọi hoài nghi và mọi sầu khổ; tuy nhiên con người không nên phấn đấu đạt tới minh triết siêu việt ấy vì lợi ích riêng của mình, mà để y có thể khiến mình phụng sự rộng rãi hơn đối với đồng loại, vì đó là mục tiêu của tất cả các huynh đệ chân chính và trung tín trên khắp thế giới. [133]